**BÀI 1. CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ**

*(Thời gian thực hiện 14 tiết)*

Đọc 8 tiết, thực hành tiếng Việt 2 tiết, viết 3 tiết, nói và nghe 1 tiết)

**Tiết 1**

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

- HS nhận biết được một số yếu tố cơ bản của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ

- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

- Học sinh phân tích được một số căn cứ về nội dung, nhân vật chính để xác định chủ đề; một số yếu tố của truyện lịch sử thông qua văn bản cụ thể.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp để giải quyết vấn đề.

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*2. Về phẩm chất*

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

*Lồng ghép nội dung GD QP&AN: Nêu những tấm gương anh hùng nhỏ tuổi trong lịch sử dân tộc Việt Nam.*

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Các phương tiện: Máy vi tính, tivi

- Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Hoàng Kim ngân 0705965222 thcs đa phúc- hải phòng hieungan2010@gmail.com

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr.8) và cho biết chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần đọc văn bản. | **\*Chủ đề bài học:** Diễn tả không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của cha ông ta thuở trước.  **\*Thể loại:** truyện lịch sử. |

HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện (lịch sử).

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP 01

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu đặc điểm truyện lịch sử** | **Trả lời** |
| *Khái niệm:* | …. |
| *Cốt truyện* | …. |
| *Nhân vật:* | …. |
| *Ngôn ngữ:* | …. |
| *Nội dung, ý nghĩa:* | …. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tri thức ngữ văn** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.9, đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong **Phiếu học tập 01.**  \*GV nêu câu hỏi:  - Hs theo dõi, điền phiếu 01  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm truyện lịch sử** | **Trả lời** | | *Khái niệm:* | **Truyện lịch sử** là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện nhân vật ở một thời kỳ, một giai đoạn lịch sử cụ thể... | | *Cốt truyện* | **Cốt truyện lịch sử** thường được xây dựng dựa trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra;... | | *Nhân vật:* | Thế giới **nhân vật** trong truyện lịch sử cũng phong phú như cuộc đời thực... | | *Ngôn ngữ:* | **Ngôn ngữ** của nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả,... | | *Nội dung, ý nghĩa:* | Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta... |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chốt kiến thức. | **1. Khái niệm:**  - Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện nhân vật ở một thời kỳ, một giai đoạn lịch sử cụ thể.  - Các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện là tình hình chính trị của quốc gia dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người...  - Khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn giúp cho bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra.  **2. Đặc điểm:**  **- Cốt truyện lịch sử:** thường được xây dựng dựa trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra thông qua tái tạo, hư cấu sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của nhà văn nhằm thể hiện một chủ đề tư tưởng nào đó.  - **Nhân vật**:  + Thông thường truyện lịch sử tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân... Những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng dân tộc.  + Các nhân vật được hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện cách lý giải độc đáo của nhà văn về lịch sử.  + Mối quan hệ phức tạp giữa các nhân vật với nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội cũng được thể hiện qua câu chuyện.  - **Ngôn ngữ** của nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng.  - **Nội dung:**  + Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.  + Thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc. |

Tiết 2,3

VĂN BẢN 1**: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

*(Trích - Nguyễn Huy Tưởng)*

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, chia sẻ hiểu biết, trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV có thể kết hợp nhiều cách:

**\***BƯỚC 1**:** Khơi gợi vấn đề cho HS trình bày:

**1/** *Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về người anh hùng Trần Quốc Toản?*

*2/ Trong lịch sử Việt Nam, ngoài Trần Quốc Toản em còn biết thêm nhân vật thiếu nhi lỗi lạc nào nữa không?*

**\*HS trả lời: gợi ý**

1/Trần Quốc Toản (1267- 1285) thuộc dõng dõi vua Trần. Cha mất sớm, ông ở với mẹ và được chú là Chiêu Thành Vương dạy dỗ chu đáo. Ngay từ nhỏ, ông đã bộc lộ năng khiếu võ nghệ và lòng quả cảm hơn người, rất ham đọc sách quân sự và có chí lớn. Ông được phong tước Hoài Văn Hầu khi mới 15 tuổi.

Tiếng vang của Trần Quốc Toản và lá cờ thêu sáu chữ vàng được lan truyền khắp mọi nơi. Hưng Đạo Vương khen ngợi và cho Trần Quốc Toản đem quân đến tham gia cuộc duyệt binh lớn ở Thăng Long

 Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào nước ta. Lá cờ thêu sáu chữ vàng của Hoài Văn Hầu xuất hiện trên nhiều mặt trận. Trần Quốc Toản đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Giặc Mông - Nguyên phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Trần Quốc Toản được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may Trần Quốc Toản đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin Trần Quốc Toản mất, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc. Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng Trần Quốc Toản tước Hoài Văn Vương.

2/ HS trả lời tự do

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**\*GV dẫn vào bài:**

*Đất nước Việt Nam chúng ta trên hành trình dựng nước và giữ nước đã trải qua rất nhiều biến động. Để có được nền hòa bình độc lập hôm nay, biết bao người con của Tổ quốc đã anh dũng, kiên cường, hy sinh để bảo vệ đất nước, quê hương, tên tuổi của họ đã lưu danh sử sách. Họ là những anh hùng, không phân biệt giới tính, cũng không phải ai cũng đợi đến tuổi trưởng thành. Hẳn các em đã biết cô đang muốn nói đến nhân vật nào trong văn bản đọc: “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về xuất xứ, bố cục, tình huống, cốt truyện.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| *Xuất xứ:* |  |
| *Thể loại, PTBĐ* |  |
| *Bố cục:* |  |
| *Tóm tắt* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Huy Tưởng và đoạn trích “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”  - GV hướng dẫn đọc to, rõ ràng, diễn cảm theo tâm trang nhân vật.  - HS lần lượt đọc thành tiếng toàn VB.  - GV gợi ý cho HS:  1) Giải thích một số từ khó: *…*  *2) Nêu xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục, tóm tắt vào phiếu HT số 1.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  - GV theo dõi.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tác giả**  - Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960) quê ở Hà Nội.  - Trong sáng tạo nghệ thuật, ông có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử.  - Có đóng góp nổi bật ở hai thể loại: tiểu thuyết và kịch.  - Tác phẩm chính: *Đêm Hội Long Trì* (1942), *Vũ Như Tô* (1943), *An Tư* (1944), *Bắc Sơn* (1946), *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (1960), *Sống mãi với thủ đô* (1961).  **2. Tác phẩm**  **\* Đọc, từ khó**  **\* Xuất xứ :** Văn bản trên thuộc phần 3 của tác phẩm *« Lá cờ thêu sáu chữ vàng ».*  **\* Thể loại**: Truyện lịch sử  **\* Phương thức biểu đạt**: tự sự, miêu tả, biểu cảm.  **\* Bố cục:** Ba phần.  + **Phần 1:** từ đầu đến “quan gia chẳng hỏi một lời”: Tâm trạng của Hoài Văn khi phải đứng trên bờ.  + **Phần 2:** tiếp đến … “không nên sao nhãng phận làm con”: Khi Hoài Văn quyết định xuống bến gặp vua.  + **Phần 3:** phần còn lại. Tâm trạng Hoài Văn sau khi gặp vua.  **\* Tóm tắt tình huống, cốt truyện:**  - Hoài Văn không được tham gia luận bàn việc nước nên vô cùng khó chịu và tức giận.  - Hoài Văn đã quyết định xuống thuyền để gặp vua.  - Lính Thánh Dực ngăn cản lại nhưng Hoài Văn đã kiên quyết phải gặp vua cho bằng được.  - Khi gặp Hoài Văn khẩn thiết xin vua không được chủ hòa bởi cho giặc mượn đường là mất nước.  - Sau khi nói được ý nghĩ của mình xong Hoài Văn tự đưa thanh gươm lên gáy và xin chịu tội vì đã không nghe lời, tự ý xông xuống gặp vua.  - Vua Thiệu Bảo không trách phạt còn bảo về quê để chăm sóc mẹ và tặng Hoài Văn một quả cam.  - Hoài Văn tạ ơn vua, cầm lấy quả cam rồi lên bờ nhưng trong lòng vẫn tức giận nên bóp nát quả cam lúc nào không hay. |

**II. Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB truyện lịch sử, nhận biết hiểu được nhân vật, chi tiết, cốt truyện, và rút ra bài học ý nghĩa, cách ứng xử của bản thân.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

*(Tìm hiểu nhân vật Hoài Văn – Trần Quốc Toản)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *a/ Tâm trạng của Trần Quốc Toản khi phải đứng trên bờ.* | *b/ Tâm trạng của Trần Quốc Toản khi quyết định xuống bến gặp vua.* | *c/ Tâm trạng của Trần Quốc Toản sau khi gặp được vua.* |
| Hành động, lời nói |  |  |  |
| Dáng vẻ |  |  |  |
| Suy nghĩ, tâm trạng |  |  |  |
| Nhận xét |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Đọc hiểu chi tiết** | | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Nhiệm vụ:**  **1. Hãy nêu bối cảnh lịch sử của câu chuyện?**  **(**Câu chuyện lấy bối cảnh nhà Trần trong cuộc chiến với quân Nguyên lần thứ hai đã nêu cao ý chí anh dũng của chàng tướng trẻ, một lòng trung quân ái quốc, căm thù quân xâm lược.).  2. GV tổ chức, hướng dẫn HS chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ thảo luận theo nhóm để hoàn thành **Phiếu học tập số 2:** *Tìm hiểu nhân vật Hoài Văn – Trần Quốc Toản*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  Dưới ngòi bút của Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản một lần nữa sống dậy cùng hào khí ấy như chính hai câu thơ trong **Đại Nam quốc sử diễn ca**:  **Hoài Văn tuổi trẻ chí caoCờ đề sáu chữ quyết vào lập công**  **Bổ sung**  1/ Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các Vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Vì còn ít tuổi nên Trần Quốc Toản không được tham dự Hội nghị để bàn việc quân.  Hổ thẹn, uất ức, Trần Quốc Toản đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết.  Không nản lòng, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Đội quân trẻ tuổi của Trần Quốc Toản giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng *“****Phá cường địch, báo hoàng ân****”* (phá giặc mạnh, đền ơn vua).  Tiếng vang của Trần Quốc Toản và lá cờ thêu sáu chữ vàng được lan truyền khắp mọi nơi. Hưng Đạo Vương khen ngợi và cho Trần Quốc Toản đem quân đến tham gia cuộc duyệt binh lớn ở Thăng Long.  http://thtranquoctoan.bacninh.edu.vn/upload/63305/fck/files/2021_06_17_02_28_182.jpg  2/ Hồ Chí Minh trong tác phẩm ***“Lịch sử nước ta”*** ca ngợi về Trần Quốc Toản:  ***“Thật là một đấng anh hùng***  ***Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo”***         Trần Quốc Toản đã trở thành tấm gương sáng ngời về ý chí và lòng yêu nước để các thế hệ trẻ Việt Nam noi theo. Tên của ông được đặt cho nhiều trường Tiểu học, Trung học ở nước ta và một số con đường của các tỉnh, thành phố trong đó có Bắc Ninh./  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3. | **1.**  **Bối cảnh lịch sử**  - Tại bến Bình Than đang diễn ra hội nghị quan trọng về việc đánh giặc Mông Nguyên lần thứ hai.  - Các Vương hầu của triều đình đều tham gia.  - Trần Quốc Toản còn nhỏ không được tham gia.  -> Tình hình quốc gia đang cấp bách.    **2/ Nhân vật Trần Quốc Toản**  ***a/ Tâm trạng của Trần Quốc Toản khi phải đứng trên bờ.***  ***-* Hành động, lời nói:**  + Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua quên không ăn không uống. Đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã.  + Nằn nì lính Thánh Dực để được xuống bến.  + Xô mấy người lính ngã chúi, xăm xăm xuống bến.  + Tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại.  *+ “Không buông ra ta chém****”.***  **- Dáng vẻ:**  + Thẫn thờ  + Đăm đăm nhìn thuyền rồng  + Mắt giương to đến rách  **- Tâm trạng, ý nghĩ:**  + Cảm thấy nhục nhã khi phải đứng rìa do cha mất sớm nên không được giữ bàn chuyện đánh giặc.  + Hoài Văn muốn xô mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống bến nhưng lại sợ tội chém đầu.  + Muốn hét to: *xin quan gia cho đánh nhưng lại sợ phạm thượng.*  *+* Trong đầu chỉ có một ý nghĩ là *đánh, đánh để giữ lấy quốc thể.*  + Thầm trách sao vua không hỏi mình trong khi đã hỏi những các vị bô lão. *=> Trần Quốc Toản là một chàng trai khảng khái, rất yêu nước, căm thù giặc, thông minh, biết nhìn nhận cục diện*.  ***b/ Tâm trạng của Trần Quốc Toản khi quyết định xuống bến gặp vua.***  ***-* Hành động, lời nói:**  + Đỏ mặt bừng bừng quát lớn: *Không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này.*  + *Cháu biết là mang tội lớn nhưng cháu nghĩ rằng khi quốc biến thì đứa trẻ cũng phải lo huống hồ cháu đã lớn... Cháu có phải là giống cỏ cây đâu mà ngồi yên được. Vua lo thì kẻ thần tử cũng phải lo.*  + *Cháu liều chết đến đây chỉ muốn góp một vài lời.*  - **Thái độ, tâm trạng:**  + Gay gắt khi nghe nói có người chủ hoà. “Cho nó mượn đường là dân giang sơn gấm vóc này cho giặc... -> ngọn lửa căm thù trong lòng chàng cũng vì thế mà lúc nào cũng ngùn ngục cháy,  + “Xồng xộc xuống bến, quỳ xuống tâu vua tiếng nói như thét: xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước”.  + Run bắn, từ đặt thanh gươm lên gáy và xin chịu tội -> không sợ chết, chỉ sợ mất nước  => Hoài Văn là chàng trai có chí lớn nam nhi, có trách nhiệm cao cả của một thần tử trung hiếu với đất nước. Cũng là người dám làm dám chịu, mạnh mẽ quyết đoán.  ***c/ Tâm trạng của Trần Quốc Toản sau khi gặp được vua.***  - Được vua tặng cho một quả cam.  **- Dáng vẻ, tâm trạng**:  + Lủi thủi lên bờ.  + Hoài Văn hầm hầm trở ra.  + Hoài Văn tức, vừa hờn vừa tủi.  + Quắc mắt, nắm chặt bàn tay lại.  + Răng nghiến chặt, bàn tay nắm chặt lại như để nghiền nát một cái gì  + Rung lên vì giận dữ.  + Càng bóp tay càng mạnh.  **- Suy nghĩ:**  + Chiêu binh mãi mã cầm quân đi đánh giặc.  *=> Hoài Văn là một chàng trai có chí khí.*  **Khái quát:**  Hoài Văn là một chàng trai trẻ có trí tuệ, mạnh mẽ, có lòng yêu đất nước tha thiết, có lòng căm thù giặc; hành động có phần nông nổi nhưng thể hiện được nỗi niềm lo cho vận mệnh của dân tộc đáng khen.  \***Hành động Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.**  - **Chi tiết:** *Hoài Văn đỡ lấy quả cam...chỉ còn trơ bã.*  *-* **Ý nghĩa**: Chi tiết bất ngờ, hấp dẫn, có ý nghĩa sâu sắc. Hoài Văn tức giận vì sự cười nhạo, coi thường của người khác.  🡪Thể hiện lòng căm thù, ý chí quyết tâm đánh giặc. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi:  1/ *Em hãy tìm những chi tiết miêu tả về nhà vua Thiệu Bảo (tức vua Trần Nhân Tông)? Qua những chi tiết đó, hãy cho biết đây là một vị vua như thế nào?*  *2/ Em hãy tìm một số lời kể chuyện và lời nhân vật mang đậm màu sắc lịch sử cổ xưa?*  *3/ Nêu hiểu biết của em về vua Trần Nhân Tông sau khi tìm hiểu trên các kênh thông tin khác?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **3/ Vua Trần Nhân Tông:**  Đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 陳仁宗, 7 tháng 12 năm 1258 – 16 tháng 12 năm 1308) tên khai sinh là Trần Khâm (陳昑), tự là Thanh Phúc, là vị [vua](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_%C4%91%E1%BA%BF_Vi%E1%BB%87t_Nam) thứ ba của [nhà Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n) nước [Đại Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t). Ông trị vì từ ngày 8 tháng 11 năm 1278 đến ngày 16 tháng 4 năm 1293, sau đó làm [Thái thượng hoàng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_th%C6%B0%E1%BB%A3ng_ho%C3%A0ng) cho đến khi [qua đời](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%BFt). Trần Nhân Tông được sử Việt đánh giá là một vị Hoàng đế anh minh, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của [Đại Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam) cuối [thế kỷ XIII](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_XIII), cũng như việc bảo vệ nền độc lập và mở rộng lãnh thổ đất nước. Ngoài ra, Trần Nhân Tông cũng là một [thiền sư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n_s%C6%B0) lớn của [Phật giáo Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam) thời [trung đại](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_C%E1%BB%95). Ông là 1 trong 14 vị [anh hùng dân tộc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Anh_h%C3%B9ng_d%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Vi%E1%BB%87t_Nam).  **Câu hỏi giáo dục**: Nếu như đất nước có xâm lăng thì các em sẽ có tinh thần và thái độ như thế nào?  - HS trả lời  **GV chốt:** Nếu như tổ quốc bị xâm lăng chúng ta hãy ra sức làm những việc trong khả năng của mình để góp phần vào cuộc chiến bảo vệ độc lập dân tộc.  Truyền thống yêu nước vốn là một truyền thống quý báu từ bao đời nay của dân tộc ta. Vì thế bất cứ người dân nào sinh ra trên đất nước Việt Nam đều có trái tim yêu nước và sẵn sàng khi sinh vì đất nước. Ngoài chàng trai trẻ tuổi Hoài Văn thì sau này, theo dòng chảy lịch sử chúng ta có rất nhiều anh hùng trẻ tuổi cũng tham gia cuộc chiến như những người trưởng thành. Đó chính là minh chứng rõ nét cho tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân ta. | **3. Nhân vật vua Thiệu Bảo**  - Vua còn rất trẻ.  - Khi Hoài Văn phạm thượng, vua vẫn tha tội chết, bảo về quê báo hiếu với mẹ.  - Tặng cho một quả cam.  =>Vua là người vừa nghiêm khắc vừa thấu tình đạt lý.  **4. Ngôn ngữ**  **a/** *Ngôn ngữ kể chuyện đậm chất lịch sử.*  - Qua các cửa sổ có chấn song triện... Các Vương hầu đang ngồi bàn việc nước với quan gia...  - Thuyền rồng im lặng.  - Tàn tán, cờ quạt và các đồ nghi trưởng in màu son vàng...  - Người nội thị quỳ ở ngoài mui dâng trầu cau, dâng trà, dâng thuốc...  - Vua Thiệu Bảo đứng tựa đầu rồng dưới một cái tàn vàng...  - Một người nội thị bưng một mâm cỗ đi qua...  b/ *Ngôn ngữ nhân vật đậm chất lịch sử.*  - Muốn “Xin **quan gia** cho đánh” nhưng lại e **phạm thượng**.  - **Quân pháp vô thân**, nhược bằng khinh thường phép nước anh em tất phải chiếu theo **thượng lệnh...**  - Ta xuống xin **bệ kiến quan gia.**  - Cháu nghe tin **thiên tử** họp với các **vương hầu** ở đây nên cháu đến.  - Nhưng cháu trộm nghĩ rằng khi **quốc** biến thì đến đứa trẻ cũng phải lo... Vua lo thì kẻ **thần tử** cũng phải lo...  - Chú thường dạy cháu những điều trung nghĩa... Thưa chú chẳng hay **quan gia** cùng các **vương hầu** bàn định thế nào.  - Việc đó còn đang bàn. Có người **chủ chiến.** Có người **chủ hòa.**  - Hoài Văn Hậu làm **loạn phép nước**. Muốn trị nước phải trừ người thân trước đã. Cúi xin quan gia cho chém đầu để **nghiêm quân lệnh.**  - Hoài Văn hầu nên về quê để **phu nhân** có người sớm hôm trông cậy. **Đế vương lấy hiếu** trị thiên hạ, em ta không nên sao nhãng phận làm con  **=>** *Ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều đậm chất lịch sử cổ xưa. Đó là một đặc trưng tiêu biểu trong thể loại truyện lịch sử.* | |
| **III. Tổng kết văn bản**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.  **b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *1) Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của truyện.*  *2) Rút ra cách đọc hiểu truyện lịch sử?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời.  - HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đậm chất lịch sử.  - Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, lời nói, suy nghĩ.  - Giọng văn trang trọng.  **2. Nội dung**  - Đoạn trích kể về Hoài - một chàng trai trẻ tuổi có chí khí, bản lĩnh, thông minh và quyết đoán rất đáng được ca ngợi trân trọng.  - Tấm lòng yêu nước của Hoài Văn không chỉ khiến mọi người phải nể phục mà còn là tấm gương sáng ngời để mọi người noi theo.  **3. Cách đọc hiểu truyện lịch sử**  - Xác định phương thức biểu đạt chính  - Đọc kĩ văn bản để xác định chủ đề của truyện.  - Nhận diện hình tượng nhân vật chính.  - Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu.  - Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ truyện đậm chất lịch sử. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**:GiúpHS củng cố kiến thức bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**\*GV tổ chức cho HS làm bài tập trên lớp:**

**Bài tập:** Trong lời kể chuyện có đôi chỗ xen vào những ý nghĩ thầm kín của nhân vật Trần Quốc Toản. Em hãy nêu một vài trường hợp và phân tích tác dụng của sự đan xen đó?

**Gợi ý:**

*Những ý nghĩ thầm kín của nhân vật Trần Quốc Toản*.

+ Cha ta mất sớm nên ta mới phải đứng rìa nhục nhã thế này.

+ Những người áo vải ấy còn biết đường phải trái, huống chi ta là bậc tôn thất, há lại không nghĩ được như họ sao? Đến họ mà quan gia còn hỏi kế sao ta là người gần gụi, quan gia chẳng hỏi một lời?

+ Thôi thì liệu một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh rồi mặc cho triều đình luận tội.

+ Được rồi ta sẽ chiêu binh, mãi mã cầm quân đi đánh giặc. Xem cái thằng phải đứng ngoài rìa này có phải là một kẻ toi cơm không.

**Tác dụng:**

+ Những ý nghĩ này thể hiện được rõ nét tâm trạng và trách nhiệm, lòng quyết tâm của Trần Quốc Toản đối với việc đánh giặc.

+ Qua đó thể hiện được tính cách quyết liệt, lòng yêu nước cháy bỏng, sự mạnh mẽ kiên cường của chàng trai trẻ.

+ Giúp cho câu chuyện kể chân thực hơn, đáng tin cậy.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kĩ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

+ Tìm đọc hết văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”.

+ Vận dụng năng khiếu mĩ thuật, hãy vẽ một nhân vật em yêu thích trong truyện.

\*VIẾT KẾT NỐI ĐỌC

**Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) phân tích chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam**

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

* ***Về hình thức:*** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải phân tích được chi tiết bóp nát quả cam.
* ***Về nội dung:*** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến chi tiết bóp nát quả cam.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS lên trình bày.

-HS khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: ***Thực hành tiếng Việt: Biệt ngữ xã hội.***

+ Xem phần lí thuyết

+ Làm các bài tập thực hành.

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

TIẾT 4

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Nhận biết được khái niệm biệt ngữ xã hội và cách sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp, tạo lập văn bản.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nhận diện và phân tích các biệt ngữ xã hội.

+ Phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

*2. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy vi tính, tivi, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng biệt ngữ xã hội

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

TÌNH HUỐNG

Theo dõi đoạn hội thoại giữa An và Lê với nội dung trao đổi về điểm bài kiểm tra văn của họ. Em hãy để ý những từ in đậm, gạch chân và giải thích ý nghĩa của nó. Theo em, ai thường sử dụng ngôn ngữ đó?

**An:** Tức quá, hôm nay tớ bị ăn con **ngỗng** bài tập làm văn.

**Lê:** Haha, tớ **trúng tủ**, được 9 điểm, may quá đi mất.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

**(\*Gợi ý đáp án:** ngỗng = điểm 2

Trúng tủ = Đúng với điều mình dự kiến

🡪 Tầng lớp học sinh, sinh viên sử dụng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* HS đại diện trình bày, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> GV dẫn vào bài*: Trong xã hội có nhiều tầng lớp, đối tượng khác nhau, mỗi lớp đối tượng thường có những ngôn ngữ đặc thù để dùng riêng biệt cho mình. Những từ ngữ như thế được gọi là gì? Cách sử dụng ra sao? Tiết học hôm nay cô mời các bạn cùng tìm hiểu.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: Cho HS nhận biết biệt ngữ xã hội và cách sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp, tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập 01

|  |  |
| --- | --- |
| a/ Anh đây công tử không **vòm**. Ngày mai “**kện rệp”** biết **mòm** vào đâu.  (Nguyên Hồng - *Bỉ vỏ*)  b/ Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu **ngửi khói.** | |
| 1. Xác định nghĩa từ in đậm |  |
| 1. Xét về ngữ âm, câu a, em có thấy từ in đậm quen thuộc không?   Xét về nghĩa, từ in đậm câu b có đặc biệt không? |  |
| 1. Cách sử dụng các từ ngữ trên có phổ biến không? phạm vi có rộng không? |  |
| 1. Biệt ngữ xã hội khác từ ngữ địa phương như thế nào? |  |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 01**  a/ Anh đây công tử không **vòm**. Ngày mai “**kện rệp”** biết **mòm** vào đâu.  (Nguyên Hồng - *Bỉ vỏ*)  b/ Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu **ngửi khói.** | |
| 1. Xác định nghĩa từ in đậm | **a/ Vòm** là nhà  “**kện rệp”** là hết gạo  **mòm** là ăn.  b/ **ngửi khói:** tụt lại phía sau |
| 2. Xét về ngữ âm, câu a, em có thấy từ in đậm quen thuộc không?  Xét về nghĩa, từ in đậm câu a,b có đặc biệt không? | - Những từ in đậm (câu a) có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, chưa từng gặp trong vốn từ chung của tiếng Việt.  - Từ in đậm câu a,b có nghĩa đặc biệt bình thường không phải nghĩa đó. |
| 3. Cách sử dụng các từ ngữ trên có phổ biến không? phạm vi có rộng không? | - Không phổ biến.  - Chỉ sử dụng phạm vi hẹp. |
| 4. Biệt ngữ xã hội khác từ ngữ địa phương như thế nào? | - Từ ngữ địa phương là dùng cho một địa phương nào đó nhất định.  - Biệt ngữ xã hội là dùng cho một nhóm đối tượng nào đó trong xã hội. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động nhóm  - Thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập 01  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;  **Nhiệm vụ 2: bài tập nhanh**  **Trò chơi: Nhanh tay nhanh mắt**    *1*/*Quan sát những từ in đậm trong ví dụ sau và cho biết nghĩa? Đối tượng sử dụng?*  - Năm ***chai*** đưa đây, nhận ***hàng*** rồi ***biến***!  - Mấy ông ***cớm*** mà ***tóm*** được thì có mà ***bóc lịch*** cả lũ.  Đáp án: **Từ ngữ của giới tội phạm**  **+ chai:** *triệu*  **+ hàng:** *hàng cấm*  **+ biến:** *đi ngay*  **+ cớm:** *công an*  **+ tóm:** *bị bắt*  **+ bóc lịch:** *ở tù*  2/- **Tại sao trong các đoạn văn sau đây, tác giả vẫn dùng biệt ngữ xã hội?**  ***- Cá*** nó để ***dằm thượng*** áo ba đờ suy, khó ***mõi*** lắm (Nguyên Hồng, *Bỉ vỏ*)  Đáp án: 🡪 ***Ví tiền*** nó để ***túi trên*** áo ba đờ suy, khó ***lấy cắp*** lắm.  🡪 ***Tô đậm thêm màu sắc tính cách nhân vật***  Từ đó rút ra kết luận về nhà văn sử dụng biệt ngữ xã hội để mục đích gì? | **I. Lý thuyết**  **1. Nhận biết biệt ngữ xã hội**  - **Biệt ngữ xã hội** là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng thể hiện ở **ngữ âm** và **ngữ nghĩa**.  - Biệt ngữ xã hội thường được **in nghiêng hoặc** đặt trong **dấu ngoặc kép** và được **chú thích về nghĩa**.  - Biệt ngữ xã hội hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó vì thế chúng thường sử dụng trong phạm vi hẹp. Chỉ những người có mối liên hệ riêng với nhau về nghề nghiệp, lứa tuổi, sinh hoạt, sở thích và nắm được quy ước mới có thể dùng biệt ngữ để giao tiếp.  **2**. **Sử dụng biệt ngữ xã hội**  - Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp.  - Đối với nhà văn, việc sử dụng biệt ngữ xã hội để miêu tả cuộc sống sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của nhóm người này trở nên sinh động, chân thực.  **3. Phân biệt:** Từ ngữ địa phương và Biệt ngữ xã hội  - Từ ngữ địa phương là dùng cho một địa phương nào đó nhất định.  - Biệt ngữ xã hội là dùng cho một nhóm đối tượng nào đó trong xã hội. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành nhận biết và thông hiểu ý nghĩa của biệt ngữ xã hội

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm lớn.  - Hình thức: tổ chức **trò chơi hộp quà may mắn**  Cách tổ chức:  + HS theo dõi câu hỏi để trả lời  + GV chiếu câu hỏi lên màn hình máy chiếu/tivi  + HS nào trả lời đúng thì hộp quà mở ra, quà có thể là điểm số hoặc đồ dùng học tập tuỳ GV chuẩn bị, HS nào trả lời sai thì em khác được tiếp tục trả lời.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trình bày, nhận xét.  - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **II. Thực hành**  **Bài tập 1/tr 16 – câu 1, câu 2**  **Câu 1: Chỉ ra biệt ngữ xã hội ở câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó.**  Năm lên sáu cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.  (Ngô An Kha, *Tìm mảnh ghép thiếu*)  => “Gà” chỉ những người còn mới, chưa quen, chưa thành thạo.  **Câu 2: Chỉ ra biệt ngữ xã hội ở câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó.**  Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy không trúng đề thì nguy đấy.  => “Tủ”: chỉ việc học tập theo kiểu đoán theo từng phần cố định, không dàn trải hết kiến thức; nếu trúng phần ôn thì tốt, không trúng là hỏng hết. |
| **Bài tập 2/tr16:**  **Câu 3:** Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to.  (Nguyễn Tuân, *Một đám bất đắc chí*)  **=>**  Tác giả dùng cụm từ đó với mục đích giúp cho người đọc hiểu được nội dung cụm từ biệt ngữ xã hội, từ đó hiểu được điều mà tác giả muốn nói. |
| **Bài tập 3/tr.16:** **câu 4, 5**  Trong phóng sự *Tôi kéo xe* của Tam Lang (viết về những người làm nghề kéo xe chở người thời trước cách mạng tháng tám năm 1945), có đoạn hội thoại:  - Mày đã “**làm xe”** lần nào chưa?  - Bẩm, chúng cháu chưa làm bao giờ cả.  Trong *Cạm bẫy người* của Vũ Trọng Phụng\_một tác phẩm vạch trần trò gian xảo, bịp bợm của những kẻ đánh bạc trước năm 1945\_có câu: *Tôi rất lấy làm lạ là vì cứ thấy hai con* ***chim mòng*** *thắng trận, ù tràn đi mà* ***nhà đi săn*** *kia đã phí gần 20* ***viên đạn****.*  **Yêu cầu:**  - Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữxã hội (in đậm) trong các trường hợp trên.  - Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế việc đầu tiên cần làm là gì?  **Gợi ý trả lời:**  - Tác dụng của việc sử dụng biệt ngữxã hội (in đậm) trong các trường hợp trên là giúp cho bạn đọc hình dung được bối cảnh xã hội thu nhỏ của một nhóm người thời xã hội “lai tây” – ta dễ dàng hình dung được cuộc sống của họ.  - Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế việc đầu tiên cần đặt biệt ngữ đó trong ngữ cảnh của văn bản, nội dung của đoạn văn đó, xem nó dành cho tầng lớp nào, …để hình dung về nghĩa.  **Bài tập 4/tr.16:**  **câu 6,7**  **Câu 6: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:**  - Cậu ấy là bạn của con đấy à?  - Đúng rồi bố. Nó lầy quá bố nhỉ?  => “lầy”: ý nói người bạn đặc biệt, độc đáo, ấn tượng.  Cách nói giúp thể hiện rõ ràng hơn tính cách đặc biệt của bạn.  **Câu 7: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:**  **-** Nam dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu có biết vì sao không?  - Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.  => “hem” ý là không biết – cách nói thể hiện sự thân thiện, đặc trưng của nhóm bạn. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về biệt ngữ xã hội để làm bài tập vận dụng

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

*Về nhà hãy sưu tầm một số câu văn có sử dụng* biệt ngữ xã hội *và giải thích nghĩa của*biệt ngữ xã hội đó.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: Văn bản 2: Hoàng Lên nhất thống chí ( Hồi thứ 14: “*Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận. Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài*”.

+ Đọc văn bản

+ Trả lời các câu hỏi sau khi đọc

+ Tìm hiểu về thời kì lịch sử vua Quang Trung.

\*RÚT KINH NGHIỆM.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TIẾT 5,6,7**

**VĂN BẢN 2**:**HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

*(Ngô gia văn phái)*

**HỒI THỨ 14: “*Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận.***

***Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài*”**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1.. Năng lực*

- Tiếp tục được củng cố kiến thức về các yếu tố của truyện lịch sử: cốt truyện, bối cảnh; về cách khắc họa các nhân vật lịch sử như Quang Trung - Nguyễn Huệ, Lê Chiêu Thống (cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,…), qua đó, nắm bắt được tính cách của các nhân vật.

- Biết tìm và phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.

- Biết kết nối VB với trải nghiệm cá nhân, từ đó bồi đắp cho mình tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm kính trọng đối với những người anh hùng của dân tộc.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*2. Phẩm chất:*

- Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cư­ờng của cha ông.

*Lồng ghép nội dung GD QP&AN: Nêu những tấm gương anh hùng nhỏ tuổi trong lịch sử dân tộc Việt Nam*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách BT.

- Máy vi tính, tivi

- Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tác phẩm “ Hoàng Lê nhất thống chí”

- Phiếu học tập

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên chiếu video về nội dung vua Quang Trung đánh phá quân Thanh.

Link: https://youtu.be/uvNBjSOxl1Q

**Câu hỏi:** Học sinh xem video và trả lời câu hỏi.

*1/ Qua đoạn video em hiểu được điều gì?*

*2/ Em hãy nêu cảm nhận của mình về nhân vật xuất hiện trong video?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

*Địa danh Phú Xuân - Huế - Thuận Hóa là vùng đất gắn liền với triều đại Tây Sơn - một triều đại đã làm nên những mốc son chói lọi trong cuộc chiến chống quân Thanh xâm lược cuối thế kỷ thứ 18. Đỉnh cao của những chiến công ấy không thể không nhắc đến người anh hùng áo vải lỗi lạc Nguyễn Huệ - Quang Trung. Hôm nay chúng ta sẽ có dịp được hiểu thêm về người anh hùng dân tộc ấy qua đoạn trích* ***Quang Trung đại phá quân Thanh,*** *trích từ cuốn tiểu thuyết chương hồi* ***Hoàng Lê nhất thống Chí*** *của nhóm tác giả Ngô gia Văn phái.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, cốt truyện

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, pp nhóm dự án; HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS và câu trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:** Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả Ngô gia văn phái và tác phẩm.  *Nhóm 1: Nêu vài nét chính về tác giả?*  *Nhóm 2: Em hiểu gì về tác phẩm?*  +Xuất xứ - Thể loại  + Phương thức biểu đạt.  + Nội dung.  + Ngôi kể.  + Nhân vật.  + Bố cục.  **Nhóm 3:** Tóm tắt đoạn trích sau khi đọc.  **Nhiệm vụ 2:** GV hướng dẫn cách đọc: chú ý 2 câu in nghiêng tóm tắt mở đầu, chú ý ngữ điệu phù hợp với từng nhân vật  Nhóm 3: đọc phân vai  - HS lần lượt đọc thành tiếng toàn VB.  Giải thích một số từ khó: *…*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  - GV theo dõi  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV chuyển dẫn sang mục 2. | 1. **I. Tìm hiểu chung**   **1. Tác giả**  - Ngô gia Văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai (nay là huyện Thanh Oai, Hà Tây).  - Ngô Thì Chí (1753-1788) là em ruột của Ngô Thì Nhậm, làm quan dưới thời vua Lê Chiêu Thống. Ông là người viết bảy hồi đầu của tác phẩm.  - Ngô Thì Du (1772-1840), anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí, từng làm quan dưới triều Nguyễn. Ông là tác giả bảy hồi tiếp theo của tác phẩm.  **2. Tác phẩm**  **\* Đọc, từ khó**  **\* Hoàn cảnh sáng tác:** Được viết từ cuối triều Lê đến đầu triều Nguyễn, vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh trả lại Bắc Hà cho vua Lê***.***  ***\** Nội dung:** Là cuốn tiểu thuyết lịch sử gồm 17 hồi, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi; ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của XHVN cuối thế kỉ XVIII- đầu XIX=> Phản ánh hiện thực xã hội VN.  **\*Vị trí đoạn trích:** Hồi thứ 14  Ca ngợi chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung cùng nghĩa quân Tây Sơn và sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh cùng số phận của lũ vua tôi phản nước hại dân Lê Chiêu Thống  **\* Thể loại:** chí ( tiểu thuyết chương hồi- một thể văn vừa có tình văn học vừa có tính lịch sử)  **\* PTBĐ**: Tự sự + miêu tả + BC  **\* Ngôi kể**: ngôi thứ 3 số ít mang tính khách quan chân thực.  **\* Nhân vật:** Hai tuyến nhân vật đối lập Quang Trung cùng quân Tây Sơn – Lê Chiêu Thống và bè lũ cướp nước  **\* Bố cục:**3 phần  **Phần 1:** Từ đầu đến … *năm Mậu Thân (1788):* Được tin báo quân Thanh đã chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân lên đường ra Bắc dẹp giặc.  **Phần 2:** Tiếp *…* đến *kéo vào thành:* Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.  **Phần 3:** Còn lại: Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.  **\*Tóm tắt**  **-** Lấy danh nghĩa phù Lê diệt Tây Sơn, triều đình Mãn Thanh đã đem hơn 20 vạn quân sang xâm lược nước ta.  **-** Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung thân chinh cầm quân ra Bắc để dẹp giặc.  - Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, tuyển binh lính, ra lời kêu gọi binh lính, hành quân thần tốc từ Huế ra Thăng Long đánh quân Thanh.  **-** Quân tướng nhà Thanh đã hoảng hốt bỏ chạy, giày xéo lên nhau mà chết, Quang Trung đánh tan hơn 20 vạn quân Thanh.  - Vua tôi Lê Chiêu Thống cũng sợ mất mật, chạy theo quân Tôn Sĩ Nghị sang Trung Quốc, chịu số phận bi thảm của một ông vua bán nước. |

**II Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB truyện tiểu thuyết lịch sử: nhận biết, hiểu được nhân vật, chi tiết, cốt truyện, và rút ra bài học ý nghĩa. Nắm được những đặc trưng nổi bật của thể loại tiểu thuyết lịch sử.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập 01

|  |  |
| --- | --- |
| *a/ Quang Trung lên ngôi, chuẩn bị tiến quân ra Bắc* | |
| Lí do |  |
| Thái độ |  |
| Hành động |  |
| Nhận xét |  |

Phiếu học tập 02

|  |  |
| --- | --- |
| *b/ Quang Trung chiêu mộ binh lính* | |
| Lời nói |  |
| Tâm tư |  |
| Hành động |  |
| Nhận xét |  |

Phiếu học tập 03

|  |  |
| --- | --- |
| *c/ Quang Trung đại phá quân Thanh*. | |
| Tài dùng binh |  |
| Những chiến công |  |
| Nghệ thuật |  |
| Nhận xét |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Nhiệm vụ:**  **1.** Hãy nêu bối cảnh lịch sử của câu chuyện?  2. Nổi bật trong hồi 14 là hình tượng nhân vật nào?  3. GV tổ chức, hướng dẫn HS chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ thảo luận theo nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 1,2,3 :  **Câu hỏi phiếu học tập 01**:   |  | | --- | | 1. Quan sát phần 1 văn bảnVB và cho biết khi nhận được tin cấp báo, Nguyễn Huệ có thái độ, hành động ntn ?  (Việc Quang Trung lên ngôi hoàng đế nhằm mục đích gì? ) | | 2. Em hãy nhận xét về thái độ và hành động đó? |   **Câu hỏi phiếu học tập 02**:   |  | | --- | | 1. Khi đến Nghệ An, Quang Trung có những lời nói ntn? Em có nhận xét gì về lời nói này? Nó có tác dụng gì với quân lính? Vì sao? | | 2. Khi đến Tam Điệp, Sở và Lân ra đón đều mang gươm trên lưng xin chịu tội, Quang Trung có hành động gì ? | | 3/ Qua lời phủ dụ và cuộc gặp gỡ với Sở , Lân, em thấy thêm phẩm chất gì của vua Quang Trung? |   Câu hỏi phiếu học tập 03:   |  | | --- | | 1. Tài dùng binh của Quang Trung được thể hiện qua những chi tiết nào? | | 2. Hãy chứng minh tài dùng binh của Nguyễn Huệ được thể hiện qua 3 trận đánh Phú Xuyên và Hạ Hồi, Ngọc Hồi? | | 3/ Em có nhận xét gì về cách đánh của quân Tây Sơn? Đó là cách đánh ntn? | | 4/ Hình ảnh của Quang Trung trong chiến trận? Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về hình tượng vua Quang Trung? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3.  *\*GV yêu cầu hs đọc thầm và theo dõi đoạn 2 sgk.*  ? Nếu hình dung cuộc tiến quân của Quang Trung vào Thăng Long bằng 1 sơ đồ ghi những chiến thắng thì sơ đồ đó sẽ như thế nào?  Bổ sung:  **Trận Phú Xuyên** : Vừa thấy bóng quân Tây Sơn, bọn nghĩa binh trấn thủ ở đó cùng quân Thanh đi do thám tan vỡ tháo chạy, quân Tây Sơn bắt sống hết không còn một tên.  **- Trận Hạ Hồi** : Nửa đêm bí mật vây kín làng, bắc loa gọi, quân lính dạ ran → địch trong đồn sợ  -> đầu hàng.  **- Trận Ngọc Hồi** → cho quân lính lấy “ván ghép phủ rơm, dấp nước làm mộc che. Khi giáp lá cà thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao chém bừa...”. Kẻ thù khiếp vía chẳng mấy chốc đã thua.  - Đánh bằng nhiều mũi tiến công – mũi chính do QTrung chỉ huy - đánh giáp lá cà, các mũi phụ bao vây...  - Quân Thanh dẫm lên nhau mà chết, chạy tán loạn... Thái Thú Sầm Nghi Đống tự thắt cổ mà chết.  ***\* Tích hợp giáo dục ANQP:***  *Chiếu hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ lên máy chiếu.*  ? Hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả các trận đánh ? Tác dụng?  *\**  ? Nguồn cảm hứng nào khiến các tác giả viết hay và tạo dựng hình tượng người anh hùng dân tộc thành công đến thế ?  *\* GV bổ sung:* Tuy họ là những cựu thần, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê, nhưng sự thực là vua Lê hèn yếu, cõng rắn cắn cả nhà, còn Quang Trung là một vị anh hùng có công đánh giặc ngoại xâm, nên không thể viết sai sự thật.  **Nhiệm vụ 3: Hình ảnh bọn cướp nước và bọn bán nước.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cặp đôi:**  1/Trong khi quân Tây Sơn tiến đánh như vũ bão thì quân tướng nhà Thanh đã làm gì? Hậu quả ra sao?  *\* GV:* Nói qua về mục đích của T.S.Nghị khi kéo quân sang An Nam nhằm mục đích riêng không muốn tốn xương máu.  2/Nguyên nhân thất bại của quân Thanh là gì? (chủ quan, khinh địch)  3/Vua tôi Lê Chiêu Thống đã có hành động ntn khi Ngọc Hồi thất thủ? Em đánh giá gì về bè lũ bán nước?  4/Cuộc gặp gỡ giữa Tôn Sĩ Nghị và bọn vua tôi nhà Lê có ý nghĩa như thế nào?  5/Lời từ biệt của Lê Chiêu Thống với Tôn Sĩ Nghị có hàm ý sâu xa gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc theo nhóm đôi, thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trả lời   **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 4.  **Hđ cá nhân**  1/ Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê chiêu thống giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích? Hãy khái quát chủ đề đó?  - Hình ảnh Nguyễn Huệ hiện lên là một con người quyết đoán, mạnh mẽ, sáng suốt, có tầm nhìn chiến lược, hết lòng vì đại cục của dân tộc. Còn vua tôi Lê Chiêu Thống thì hèn nhát, bán nước cầu vinh và đã phải chịu một số phận bi đát.  => Sự đối lập giữa hai nhân vật này đã thể hiện rõ nét chủ đề của đoạn trích đó là tái hiện một giai đoạn lịch sử chống quân xâm lược của quân và dân ta.  **4.Ngôn ngữ kể chuyện lịch sử *-*** *nhiệm vụ: Em hãy tìm một số lời kể chuyện và lời nhân vật mang đậm màu sắc lịch sử cổ xưa?*  **Câu hỏi giáo dục:**  1/ Thông qua hai tuyến nhân vật đối lập giữa vua Quang Trung và vua Lê Chiêu Thống, em rút ra được bài học gì cho mình khi đối diện với vận mệnh của đất nước?  - Vua Quang Trung là một con người có tình yêu nước cháy bỏng và lòng căm thù giặc sâu sắc. Tài năng cầm quân và mưu lược đánh giặc của Quang Trung đã thể hiện được tư thế của một người anh hùng hào kiệt đáng được trân trọng ca ngợi.  - Sự hèn nhát và bù nhìn của vua Lê Chiêu Thống cho ta thấy một con người tầm thường, chỉ vì mưu lợi cá nhân mà hại đến vận mệnh của đất nước.  - Bài học rút ra được đó là hãy đặt Tổ Quốc lên trên tất cả, đặt lợi ích cá nhân phía sau lợi ích của tổ quốc. Sẵn sàng xả thân vì lợi ích quốc gia.  *Gv chuyển:* “*Ôi, Tổ Quốc ta yêu như máu thịt. Như mẹ cha ta, như vợ, như chồng. Ôi, Tổ Quốc nếu cần ta chết. Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông”. Quả đúng là như vậy, Tổ Quốc - Hai tiếng thiêng liêng luôn và phải được đặt lên trên tất cả bởi nếu đất nước không có tự do thì con người sẽ không còn hạnh phúc, nếu dân tộc chịu ách nô lệ thì mỗi người cũng chịu rất nhiều uất ức và khổ đau. Lựa chọn của vua Quang Trung chính là lựa chọn của rất rất nhiều thế hệ con người Việt Nam, sẵn sàng đương đầu, sẵn sàng xả thân, sẵn sàng vì dân mà dấn thân không trốn tránh.* | **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. Bối cảnh lịch sử**  **-** Quân Thanh đã đem hơn 20 vạn quân sang xâm lược nước ta.  **-** Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung thân chinh cầm quân ra Bắc để dẹp giặc.  **-** Quân tướng nhà Thanh bị bất ngờ, giày xéo lên nhau mà chết, Quang Trung đánh tan hơn 20 vạn quân Thanh.  - Vua tôi Lê Chiêu Thống cũng sợ mất mật, chạy theo quân Tôn Sĩ Nghị.  **2. Nhân vật Quang Trung Nguyễn Huệ**  **a/ Quang Trung lên ngôi, chuẩn bị tiến quân ra Bắc.**  **+ Lí do:** Quân Thanh tiến vào Thăng Long một cách dễ dàng nên rất chủ quan kiêu ngạo. Những Quang Trung ở xứ Thanh nghệ lại không hay biết việc quân Thanh đến Thăng Long và việc vua Lê thụ phong vào ngày 22 tháng 11  + **Thái độ**: “giận lắm”  **+ Hành động:**  **-** Đắp đàn, tế cáo trời đất, sông núi  - Họp tướng sĩ  -> lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu.  - Hạ lệnh xuất quân, hành quân thần tốc cả thủy lẫn bộ.  => ***Là n****gười yêu nước, căm thù giặc sâu sắc,biết nhìn xa trông rộng,**mạnh mẽ, quyết đoán.*  **b/ Quang Trung chiêu mộ binh lính**  **+ Lời nói khi đến Nghệ An.**  - Hỏi ý kiến Nguyễn Thiếp.  - Mộ thêm quân, duyệt binh, phủ dụ quân lính: “*Phương Bắc không phải nòi giống nước ta bụng dạ ắt khác... Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng nên công lớn. Chớ có quen thói cũ ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc không tha một ai”.*  *-> Lời nói vừa ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thuyết phục lòng tướng sĩ vừa vô cùng nghiêm khắc.*  **+ Lời nói khi đến Tam Điệp.**  - Mắng Sở, Lân: tuỳ tiện làm việc, giặc đến không đánh...có tội. ..  - Khen: “song ta nghĩ.....có tài” tha tội, các người biết nín nhịn để tránh mũi nhọn...kế ấy là rất đúng.  => Con người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén trước thời cuộc. Hiểu sở trường của thuộc hạ, độ lượng, công minh, khen chê đúng người đúng việc.  **+ Tâm tư :** lo lắng cho vận mệnh đất nước, mong muốn quân sĩ một lòng đánh giặc.  **+ Hành động :**  - Mở cuộc duyệt binh lớn, chi quân thành 4 doanh: tiền, hậu, tả, hữu  - Tuyển thêm lính  - Cưỡi voi ra doanh khuyên bảo lính  - Mở tiệc khao quân trước...  - Hoạch định kế hoạch hành quân, đối phó với nhà Thanh và kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng.  =>Là người nhìn xa trông rộng, tự tin, khôn khéo, là nhà lãnh đạo chính trị, quân sự, ngoại giao có trí tuệ sáng suốt, nhìn xa trông rộng, biết mình biết người, sâu sắc và tâm lí.  **c. Quang Trung đại phá quân Thanh**.  - **Tài dùng binh:**  + Hành binh thần tốc.  + Đi nhanh, bí mật.  + Phương tiện thô sơ.  + Thời gian 4 ngày: 350 km.  => Con người có tài dụng binh như thần, cách hành quân của vua Quang Trung vô cùng thần tốc và hiệu quả.  **- Ba trận thắng lớn**  **+ Trận Phú Xuyên** : quân Thanh đi do thám tan vỡ tháo chạy, quân Tây Sơn bắt sống hết không còn một tên.  **+ Trận Hạ Hồi** : Nửa đêm bí mật vây kín làng, bắc loa gọi, quân lính dạ ran → địch trong đồn sợ  -> đầu hàng.  **+ Trận Ngọc Hồi** → cho quân lính lấy “ván ghép phủ rơm,...Kẻ thù khiếp vía chẳng mấy chốc đã thua.  **- Cách đánh:** bí mật, thần tốc, bất ngờ, mềm mại mà quyết liệt, đảm bảo thắng lợi mà không gây thương vong.  Đánh bằng nhiều mũi tiến công – mũi chính do Quang Trung chỉ huy - đánh giáp lá cà, các mũi phụ bao vây...  => Quân Thanh dẫm lên nhau mà chết, chạy tán loạn... Thái Thú Sầm Nghi Đống tự thắt cổ mà chết.  **- Hình ảnh Vua Quang Trung** : “Cưỡi voi đốc thúc trong cảnh khói toả mù trời” → có sách ghi tấm áo bào đỏ → đen sạm khói súng..  => Hình tượng tuyệt vời của một ông vua anh hùng, tài giỏi, nhân đức, quả cảm, có tài cầm quân.  - **Nghệ thuật miêu tả các trận đánh:** sinh động, mang đậm chất sử thi. Tính lịch sử đan xen tính văn học của thể chí đã được bộc lộ rất rõ ràng trong phần văn bản này.  - Phương pháp trần thuật kết hợp tả + kể.  - Miêu tả cụ thể lời nói, hành động của nhân vật chính, từng trận đánh và những mưu lược tính toán.  **\* Tác dụng**: nổi bật thế đối lập giữa một bên tổ chức nghiêm minh, mạnh mẽ, xông xáo >< xộc xệch, trễ nải, run sợ.  **3. Hình ảnh bọn cướp nước và bọn bán nước**  **\* Quân tướng nhà Thanh**  + Lúc đầu: Không chú ý đề phòng, trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng.  + Tôn Sĩ Nghị xem thường, không đề phòng, không được tin cấp báo***=> Chủ quan, mất cảnh giác***  **- Khi quân Tây Sơn đến nơi :**  ***+ Tướng*** : Tôn Sĩ Nghị bất tài, kiêu căng tự mãn, chủ quan khinh địch không lo phòng bị → khi bị đánh : ***sợ mất mật*** ngựa không kịp đứng yên, người không kịp mặc áo giáp.  ***+ Quân***: Lúc lâm trận ***rụng rời, sợ hãi,*** xin hàng, bỏ chạy, giày xéo lên nhau mà chết, hoảng sợ tan tác, mạnh ai nấy chạy, ko dám nghỉ  ***-* Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống**  - Vua Lê Chiêu Thống, bọn thân tín đưa Thái hậu ra ngoài, chạy bán sống bán chết, cướp thuyền của dân chài để qua sông, luôn mấy ngày không ăn.  - Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt...xấu hổ, gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người.  - Mỉa mai Tôn Sĩ Nghị hèn nhát→ 1 ông vua hèn mạt bán nước cầu vinh.  => Bọn cướp nước và những kẻ bán nước đã thất bại thảm hại, phải trốn chạy, chịu đói, chịu nhục; vua tôi tha phương nơi đất khách quê người. Đó là cái giá phải trả cho những kẻ hèn nhát bán nước.  **4. Ngôn ngữ kể chuyện lịch sử**  **- Chi tiết cụ thể kể chuyện đậm chất lịch sử:**  ***+ Quân tướng nhà Thanh*** : sự thảm bại của bọn cuớp nước.  ***+ Vua tôi Lê Chiêu Thống***: Tình cảnh đáng thương đáng giận của vua.  + Sức mạnh tiến công và tấn công để có những chiến thắng vang dội của quân và vua Quang Trung.  **- Ngôn ngữ:**  **+ Ngôn ngữ kể chuyện đậm chất lịch sử :** Các **đạo quân** rút lui... **Chạy trạm** vào Nam **cáo cấp**... Việc ở bốn tỉnh **Đàng Ngoài** không hề thấu đến hai xứ Thanh, Nghệ... Việc vua Lê **thụ phong** ... không một người nào được biết. Bắc Bình Vương liền họp các **tướng sĩ** định **thân chinh cầm quân** đi ngay... Bắc Bình Vương chế ra **áo cổn mũ miện** lên **ngôi hoàng đế.**.. Khi quân ra đến sông Gián, **nghĩa binh trấn thủ** ở đó tan vỡ... Tôn Sĩ Nghị và **vua** Lê ...chỉ chăm chú vào **yến tiệc** vui mừng... Vua Lê ở trong **điện** nghe tin có việc **biến** ấy vội vã... đưa **thái hậu** ra ngoài.  + **Lời nói của nhân vật đậm chất lịch sử**  *- Mọi người nói :* **Chúa công** với **vua** Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với **ngôi chí tôn,** lòng **tôn phò** của mọi người chưa thật vững bền... Hãy **chính vị hiệu, ban lệnh ân xá** khắp trong ngoài để yên kẻ **phản trắc**...  **Chúa thượng** thật là lo xa...  - *Vua Lê nói*: Muốn đội **hậu tình**...  - *Vua Quang Trung nói :* Mưu đánh và giữ, **cơ được hay** thua **tiên sinh** nghĩ như thế nào?  Các ngươi đem thân **thờ ta** đã làm đến chức **tướng soái.** Ta giao cho **toàn hạt** cả 11 **thừa tuyên...** **Quân thua chém tướng**. Xong ta nghĩ **các ngươi** đều là hàng **võ dũng**... Quân Thanh kéo sang, người trong **kinh kỳ** làm nội ứng cho chúng thì **các ngươi** làm sao mà cử động được? Lần này ta ra **thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh** đã có tính sẵn. |

**III. Hướng dẫn tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *1) Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của truyện.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời.  - HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đậm chất lịch sử.  - Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, lời nói, suy nghĩ.  - Miêu tả trận đánh sinh động, chân thực.  - Xây dựng nhân vật hai tuyến đối lập.  **2. Nội dung**  - Tái hiện hình ảnh người anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ trong cuộc chiến chống quân Thanh xâm lược: oai phong, mạnh mẽ, quyết đoán...thể hiện một tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc.  - Tái hiện hình ảnh bại trận của những kẻ bán nước và lũ cướp nước.  - Kín đảo bộc lộ niềm tự hào về người anh hùng áo vải.  **3. Ý nghĩa văn bản**  - Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thăng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789). |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**:GiúpHS củng cố kiến thức bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Tổ chức trò chơi:** Đường đến hộp quà may mắn.

**Thực hiện:** Luật chơi

- Mỗi hộp quà tương ứng với một câu hỏi.

- Các em lựa chọn một hộp quà may mắn cho mình và trả lời câu hỏi tương ứng trong thời gian tối đa 10 giây.

- Nếu trả lời đúng nhận được một phần quà hấp dẫn, nếu không trả lời đúng nhường quyền trả lời cho bạn khác.

Câu 1: Tác giả của *Hoàng Lê nhất thống chí* là ai? (Ngô Gia văn phái)

Câu 2:  *Hoàng Lê nhất thống chí* được viết bằng chữ gì? (Chữ Hán)

Câu 3: Tác phẩm viết theo thể loại nào? (Chí/ Tiểu thuyết lịch sử chương hồi)

Câu 4: Văn bản được trích hồi thứ mấy? (Hồi thứ 14)

Câu 5: “Hoàng Lê nhất thống” nghĩa là gì? (Sự thống nhất của vương triều nhà Lê)

Câu 6: Trước khi lên ngôi vua, Nguyễn Huệ có tên gọi là gì? (Bắc Bình Vương)

Câu 7: Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ở đâu? (Núi Bân, Thừa Thiên Huế)

Câu 8: Hành động gì của vua Quang Trung chứng tỏ ông rất hiểu lòng quân sĩ? (Cưỡi voi ra doanh động viên)

Câu 9: Vua Quang Trung cho quân gióng trống mở cờ ở phía Đông nhằm mục đích gì? (Nghi binh)

Câu 10: Sông nào nước tắc nghẽn không chảy được vì quân tướng nhà Thanh rơi xuống? (Sông Nhị Hà)

Câu 11: Vua Lê Chiêu Thống được ai giúp đỡ? (Người thổ hào)

Câu 12: Nêu nhận xét ngắn gọn về số phận vua tôi nhà Lê và quân xâm lược nhà Thanh. (Thảm bại thê thảm, nhục nhã)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

***-* Vẽ sơ đồ tư duy** các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản( hồi thứ 14) và nội dung phần Ghi nhớ.

- Sau khi học xong thể loại tiểu thuyết lịch sử chương hồi này hình ảnh anh hùng Nguyễn Huệ là một vị vua anh minh, sáng suốt, có lòng thương người, có tầm nhìn chiến lược ,nhìn xa trông rộng . Em tìm **những câu chuyện, dẫn chứng, chứng cứ các anh hùng dân tộc Việt Nam.**

\* VIẾT KẾT NỐI ĐỌC

*Viết đoạn văn (khoảng 7- 9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.*

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

***- Về hình thức:*** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải **nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản.**

***- Về nội dung:*** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến chi tiết em đã chọn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS lên trình bày.

-HS khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt: Từ ngữ địa phương.

+ Tìm hiểu phần lí thuyết

+ Làm các bài tập thực hành

\*RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

TIẾT 8

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Về năng lực:*

- HS nắm được khái niệm thế nào là từ ngữ địa phương, nhận biết được sự khác nhau giữa từ ngữ địa phương và từ toàn dân.

- Biết được một số từ ngữ địa phương nổi bật của vùng miền tiêu biểu.

- Biết cách vận dụng từ ngữ địa phương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nhận diện và phân tích các từ ngữ địa phương.

+ Phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

*2. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực trong học tập.

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy vi tính, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng từ địa phương.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Tổ chức trò chơi tiếp sức đồng đội.**

Nhiệm vụ: Giáo viên chia lớp thành 4 đội. Các thành viên trong bốn đội lần lượt lên bảng phát hiện ra những từ ngữ địa phương trong bài thơ trên.

Thời gian cho mỗi đội là 3 phút.

Đội nào thực hiện được nhiều từ địa phương nhất và đảm bảo đúng thời gian đội đó sẽ chiến thắng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng nghệ (Nguyễn Bùi Vợi)** | |
| Cái gầu thì bảo cái *đài* Ra sân thì bảo ra ngoài cái *cươi Chộ*tức là thấy mình ơi *Trụng* là nhúng đấy đừng cười nghe em Thích chi thì bảo là *sèm* Nghe ai bảo*đọi* thì mang bát vào Cá quả lại gọi cá *tràu*  *Vo troốc* là bảo gội đầu đấy em… | Nghe em giọng Bắc êm êm Bà con hàng xóm đến xem chật nhà *Răng* chưa sang *nhởi*nhà *choa* Bà *o*đã nhốt con *ga* trong *truồng* Em cười bối rối mà thương Thương em một lại trăm đường thương quê Gió Lào thổi rạc bờ tre Chỉ nghe giọng nói đã nghe nhọc nhằn Chắt từ đã sỏi đất cằn Nên yêu thương mới sâu đằm đó em |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

**(\*Gợi ý đáp án: các chữ in nghiêng)**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại diện trình bày, nhận xét.

- HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**-> GV dẫn vào bài:** *Từ ngữ địa phương giống như* ***đặc sản văn hóa*** *của mỗi vùng miền để tạo nên những dấu ấn riêng biệt cho mỗi người con được sinh ra và lớn lên ở vùng đất ấy. Từ ngữ địa phương không chỉ được sử dụng trong đời sống hàng ngày mà đôi khi nó còn được vận dụng vô cùng độc đáo và hiệu quả trong văn chương. Vậy sử dụng từ ngữ địa phương như thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và trong việc tạo lập văn bản; những vùng miền nào thì có những từ ngữ địa phương nổi bật, cô mời các bạn sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: Cho HS nhận biết đặc điểm và chức năng của từ địa phương.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động cặp đôi tại bàn  - Qua bài tập mà các em được thực hiện ở khởi động, hãy trình bày cho cô biết thế nào là từ ngữ địa phương?  - Cho vài ví dụ về từ ngữ địa phương của miền Trung, miền Nam?  - Ở địa phương em có những từ ngữ địa phương nào hay không, hãy chia sẻ với các bạn trong lớp?  - Từ ngữ địa phương khác từ ngữ toàn dân như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;  **Nhiệm vụ 2: bài tập nhanh**  **Trò chơi: Nhanh tay nhanh mắt**  1/ Tìm những từ địa phương trong đoạn thơ, cho biết những từ đó được sử dụng ở địa phương nào? Tìm những từ toàn dân tương ứng với những từ đó?  Ghé tai mẹ, hỏi tò mò  Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo?  Mẹ cười: Nói cứng, phải xiêu  Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liều bằng ông!  Nghe ra ông cũng vui lòng  Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò:  “Coi chừng sóng lớn, gió to  Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình  (*Mẹ suốt* - Tố Hữu)  Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | TỪ ĐỊA PHƯƠNG | TỪ TOÀN DÂN | | Cớ răng  Ưng  Mụ | Tại sao  Đồng ý  Vợ |   🡪 Các từ địa phương trên được dùng chủ yếu ở miền Trung  2/ **Tại sao trong các đoạn văn, thơ sau đây, tác giả vẫn dùng một số từ ngữ địa phương**  Đồng chí ***mô*** nhớ nữa  Kể chuyện Bình Trị Thiên  Cho ***bầy tui*** nghe ***ví***  Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí  - Thưa trong ***nớ hiện chừ*** vô cùng gian khổ,  Đồng bào ta phải kháng chiến ***ra ri*** (Theo Hồng Nguyên, Nhớ)  🡪 tác dụng: ***Tô đậm thêm màu sắc địa phương.***  Gv chốt: Đối với một số vùng miền có từ ngữ địa phương thì khi nói ai cũng có thể hiểu được nhưng đối với người vùng miền khác họ rất khó hiểu. Vì thế, trong giao tiếp, chúng ta cần cân nhắc không nên lạm dụng quá nhiều từ ngữ địa phương gây hiểu nhầm hoặc hiệu quả giao tiếp sẽ không cao. | **I. Lý thuyết**  **1. Khái niệm**  - Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.  **-** Từ ngữ địa phương là chỉ được sử dụng trong một số địa phương nhất định còn từ ngữ toàn dân là từ dùng cho tất cả mọi người, ở mọi miền.  **2. Cách sử dụng**  - Không nên lạm dụng từ ngữ địa phương -> Cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.  - Khi sử dụng lớp từ này ta cần chú ý đến: Đối tượng giao tiếp; Hoàn cảnh giao tiếp; Tình huống giao tiếp |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành nhận biết và thông hiểu công dụng của từ ngữ địa phương.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm lớn.  - Hình thức: giải mật thư 1,2,3 tương đương 3 bài tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **B. Thực hành**  **Bài tập 1/tr 24 – mật thư 01**  *Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ địa phương** | **Tác dụng** | | a | Vô (vào) | Đây là những từ ngữ địa phương của miền Trung và miền Nam. Đặt từ ngữ địa phương trong những câu thơ/ câu văn trên làm cho câu thơ câu văn đậm tính dân dã, bình dị tạo nên ấn tượng đặc biệt cho người đọc. | | b | Ni (này) | | c | Chừ (giờ đây) | | d | Chi (gì) | | e | Má (mẹ)  Tánh (tính) | |
| **Bài tập 2/tr24:** **mật thư 02**  Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương **(in đậm)** trong các trường hợp sau.  a/ Năm học này cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.  (Trích *Biên bản họp lớp*).  b/ Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhớn** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả.  (Vũ Tú Nam, *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*).  c/ Lần đầu tiên tôi theo **tiá** nuôi tôi và thằng Cò đi “**ăn ong**” đây.  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng Phương Nam*).  d/ **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật. (Trích một bản tường trình.).  **Đáp án bài 2:**  Câu a,d: Là văn bản hành chính, phải sử dụng từ ngữ toàn dân, khoa học, không được sử dụng từ địa phương.  Câu b/ Đấy là một câu văn trong truyện ngắn cho nên sử dụng từ ngữ địa phương cũng phù hợp.  Câu c/ **Tía** là ba, **ăn ong** là đi lấy mật ong => đây là cách nói của người dân Nam Bộ vì thế khi Đoàn Giỏi viết về vùng đất và con người Phương Nam sử dụng từ ngữ địa phương làm cho câu chuyện mang đậm đặc trưng của vùng đất Nam Bộ là phù hợp.  **\*Nhận xét:** Trong văn bản hành chính chúng ta không được sử dụng từ ngữ địa phương. Khi tạo lập những văn bản nghệ thuật, có thể thêm một vài từ ngữ địa phương để có dấu ấn đặc trưng vùng miền khiến độc giả cảm thấy thú. |
| **Bài tập 3/tr.25:** **mật thư 03**  *Trong những trường hợp giao tiếp sau đây trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?*  a/ Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường.  b/Trò chuyện với những người thân trong gia đình.  c/ Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp.  d/ Nhắn tin cho một bạn thân.  e/Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan*.*  **Đáp án bài 3:**  *- Trong những trường hợp giao tiếp của* ***a,c,e*** *cần tránh dùng từ ngữ địa phương.*  *- Vì:*  a/*Vì khi phát biểu ý kiến tại một đại hội có tính chất nghiêm túc nên không dùng được từ ngữ địa phương.*  *c/ Khi viết biên bản cũng cần ngôn ngữ khoa học.*  *e/ Khi thuyết minh về một di tích văn hóa địa phương nhưng cho khách thập phương thì cũng không dùng được từ ngữ địa phương bởi vì khách sẽ khó hiểu.* |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về từ ngữ địa phương để làm bài tập.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\* GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

***Về nhà hãy sưu tầm và kẻ bảng từ ngữ địa phương tương ứng với những từ ngữ toàn dân của các miền trên đất nước chúng ta*. (Theo mẫu sau)**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ địa phương | Từ toàn dân |
|  |  |

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: Văn bản 3: Ta đi tới (Tố Hữu)

+ Đọc văn bản

+ Trả lời các câu hỏi sau khi đọc

+ Tìm hiểu về hoàn cảnh ra đời bài thơ.

+ Liên hệ với các bài thơ khác của Tố Hữu.

\*RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

TIẾT 9,10

**VĂN BẢN 3: TA ĐI TỚI**

*- Tố Hữu -*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Về năng lực:*

- Nắm được bối cảnh lịch sử cũng như những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp được thể hiện trong bài thơ.

- Khai thác được những hình ảnh đặc sắc, biện pháp tu từ, giọng thơ, thể thơ tự do …

- Tái hiện rõ vẻ đẹp của tổ quốc, đất nước sau khi sạch bóng quân thù.

- Cảm nhận được niềm tự hào, tin yêu, vui sướng của nhân vật trữ tình khi đất nước đánh thắng được kẻ thù.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

- Năng lực văn học.

+ Xác định được thể loại thơ văn bản “*Ta đi tới*”.

+ Tiếp nhận, giải mã cái hay cái đẹp trong văn bản, nhận xét, đánh giá đặc sắc về hình thức nghệ thuật, tiếp nhận đúng sáng tạo thông điệp về nội dung.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc trôi chảy, hiểu đúng văn bản thuộc thể loại thơ

+ Viết được đoạn văn cảm nhận về một đoạn thơ trong văn bản

*2. Phẩm chất:*

- Giáo dục lòng tự hào, tình yêu quê hương đất nước.

- Giáo dục trách nhiệm của HS trong xây dựng đất nước.

*Lồng ghép nội dung GD QP&AN: Giới thiệu thêm về chiến thắng lịch sử trận Điện Biên Phủ năm 1954*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách BT.

- Máy vi tính, tivi

- Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tác phẩm hoàn chỉnh “ Ta đi tới”

- Phiếu học tập

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Giáo viên chiếu video bài hát “C**hiến thắng Điện Biên**” của Đỗ Nhuận

Link: https://youtu.be/iWSV3qFFoMY

**Câu hỏi:** Học sinh xem video và trả lời câu hỏi.

*1/ Bài hát có nội dung gì?*

*2/ Em hãy nêu cảm nhận của mình về không khí lịch sử trong bài hát?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

Gợi ý:

1/ Đó là bài hát ca ngợi về chiến thắng Điện Biên phủ năm 1954 của dân tộc ta.

2/ Bài hát thể hiện một không khí hào hùng, vui sướng, hân hoan của toàn quân và toàn dân sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp xâm lược, giữ vững được nền độc lập mà chúng ta đã tạo nên trong cuộc cách mạng tháng tám năm 1945.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**GV dẫn vào bài:** *Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã từng viết:*

*Nước Việt Nam từ máu lửa*

*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.*

*Không biết đã bao nhiêu lần dân tộc Việt Nam chúng ta đã “rũ bùn đứng dậy sáng loà” trước những kẻ thù lớn mạnh. Đế quốc Pháp đã phải bị trận trước một dân tộc bé nhỏ nhưng kiên cường, anh dũng, gan dạ như Việt Nam. “Đã qua rồi những ngày u ám”, đất nước ta một lần nữa lại sáng tươi, cả nước hân hoan đón mừng nền độc lập và hăng say kiến thiết xây dựng nước nhà. Trong không khí chiến thắng của đất nước, Tố Hữu đã làm nên bài thơ* ***Ta đi tới*** *để ngợi ca đất nước đẹp tươi cũng như hân hoan chào đón cuộc sống ấm nno, hòa bình đã tới. Mời các em mở sách giáo khoa trang 25 chúng ta cùng khám phá bài thơ này.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Ta đi tới* ”.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng thu thập thông tin, trình bày một phút về tác giả; đọc diễn cảm để tìm hiểu về tác phẩm như: thể thơ, đề tài, bố cục, nhân vật trữ tình.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân (trình bày được một số nét cơ bản về văn bản).

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả Tố Hữu**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV nêu câu hỏi:**  *1) Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Tố Hữu (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp);*  *2) Chia sẻ ngắn gọn những cảm nhận, ấn tượng về một tác phẩm của Tố Hữu đã học ở tiểu học hoặc đã đọc.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2.  **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản “*Ta đi tới*”**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV yêu cầu HS nêu xuất xứ của bài thơ:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm văn bản**: Đọc to, rõ ràng, giọng vui tươi, hân hoan.  Tìm hiểu các chú thích SGK.  - Chú ý các địa danh gắn với sự kiện lịch sử:  **Bình Ca, Sông Thao, Khu Bốn, Nam – Ngãi, Bình – Phú, Khu Năm,…**    **\*GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi:**  *1) Nhận xét về thể thơ và giọng điệu.*  *2) Xác định đề tài và bố cục (Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?)*  *3) Theo em, nhân vật trữ tình trong bài thơ này là ai?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **Gv bổ sung:** Về **hoàn cảnh sáng tác** bài thơ **Ta đi tới** nhà thơ Tố Hữu đã từng chia sẻ trong cuốn hồi ký “**Nhớ lại một thời”** của mình như sau: Sau khi được gặp Bác (8/5/ 1954) tôi ra về vừa phấn khởi vừa lo lắng về công việc của mình. Bác nói: “... Kẻ thù mới sẽ hùng mạnh và hung ác hơn nhiều' bởi vậy công tác tư tưởng sắp tới phải chú ý khắc phục tính chủ quan và nhất là tâm lý “xả hơi” ngay trong Đảng ta”. Khi tôi viết câu thơ *“Đây mới là bài học đầu tiên” (*trong *Hoan hô chiến thắng Điện Biên)* là ngắm nói tới những chiến công khác trong tương lai. Thực tế đã diễn ra đúng như tiên đoán của Bác. Cũng chính nhận định quan trọng này của Bác đã thúc giục tôi viết tiếp bài thơ “**Ta đi tới”** ngay trong tháng 8/ 1954 vừa người ca chiến thắng vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản. | **I/ Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tố Hữu (1920 – 2002 ), tên thật Nguyễn Kim Thành, quê ở Thừa Thiên - Huế.  - Giác ngộ lý tưởng cách mạng trong phong trào học sinh, sinh viên.  - Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam.  - Các tác phẩm lớn: *Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn…*  **2. Tác phẩm**  - Văn bản **“*Ta đi tới*”** trích trong tập thơ **“*Thơ Việt Nam 1945-1985*”**, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987, tr.60-62).  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **b. Hình thức văn bản**  **\* Thể thơ:** Thơ tự do  **\* Giọng điệu:** Hân hoan, vui tươi.  **\* Đề tài:** Ca ngợi tổ quốc, niềm tự hào dân tộc.  **\* Bố cục:**  - Khổ đầu: 21 câu – Ca ngợi vẻ đẹp Tổ quốc.  - Phần còn lại: Niềm hân hoan về cuộc sống của nhân dân sau ngày kháng chiến thắng lợi.  **\*Nhân vật trữ tình:** Nhân vật “ta”- một người dân yêu nước, có thể hiểu là tác giả hoặc nhân dân Việt Nam. |

**2.2. Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**

- Tìm các chi tiết, hình ảnh, biện pháp tư từ, sự kiện để cảm nhận được vẻ đẹp của Tổ quốc và niềm tự hào, hân hoan của cuộc sống tự do sau kháng chiến.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật miêu tả vẻ đẹp tổ quốc, cuộc sống đẹp đẽ của đất nước.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu học tập 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vẻ đẹp tổ quốc ở 21 câu thơ đầu (khổ 1)** | |
| 1/ Phong thái của nhân vật ta trong khổ thơ đầu được diễn tả qua những từ ngữ nào? Hãy nhận xét về phong thái đó? |  |
| **2/** Con “đường” mà tác giả nêu ra trong những câu thơ đầu được miêu tả như thế nào và cách miêu tả đó có ý nghĩa gì? |  |
| 3/Vẻ đẹp của tổ quốc được tác giả miêu tả ra sao? |  |
| **4/** Những câu thơ bắt đầu bằng từ **“ai”** của khổ đầu đã sử dụng nghệ thuật gì, nêu tác dụng? |  |
| **5/** Em hãy khái quát chung về cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên. |  |

**Phiếu học tập 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **Niềm hân hoan về cuộc sống của nhân dân sau ngày kháng chiến thắng lợi** . | |
| **1/** Tác giả nhắc lại sự kiện lịch sử nào? Cảm xúc được bộc lộ ra sao khi nhắc lại sự kiện ấy? |  |
| 2/Mùa thu tháng 8 là sự kiện lịch sử nào? Sự kiện đó có ý nghĩa gì đối với đất nước ta? |  |
| **3/** Sau kháng chiến, hôm nay, cuộc sống được miêu tả như thế nào? |  |
| 4/ Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ và cảm xúc của tác giả. |  |

**Phiếu học tập 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cảm xúc của tác giả (14 câu thơ cuối)** | |
| **1/** Có ý kiến cho rằng khi bài thơ ra đời, thành phố Hồ Chí Minh chưa được đổi tên, nhưng trong bài thơ tác giả đã nhắc đến? Vì sao? |  |
| **2/** Em hãy giới thiệu một số địa danh gắn liền với lịch sử đất nước. |  |
| **3/** Tại sao tác giả lại nói: Hồ Chí Minh - *rực rỡ tên vàng*; Đồng Tháp, Việt Bắc, miền Nam *nơi chôn rau cắt rốn.* Ai đi Nam – Ngãi, Công Tum, Đắk Lắk, khu Năm *dằng dặc khúc ruột miền Trung;* Sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng - *quê hương ta tha thiết?* |  |
| 4**/** Nêu nghệ thuật nổi bật của đoạn thơ. |  |
| 5/ Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ cuối. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động cá nhân**  **1.** Hãy nêu bối cảnh lịch sử của bài thơ  2. Bối cảnh đó có phải là nguồn cảm hứng cho tác giả hay không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân .  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời;  - HS khác nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2  **Nhiệm vụ 2: Vẻ đẹp Tổ quốc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động nhóm**  - GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm  - Hoàn thiện phiếu học tập 01  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  - GV theo dõi, hướng dẫn nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT.  - Các nhóm theo dõi để nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  Câu hỏi bổ sung: *Em hãy bình nhanh 4 câu thơ: “Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!...bến nước Bình Ca”.*  Gợi ý: Đất nước yên bình quả thật làm cho trái tim ta rạo rực, làm cho nhà thơ phải thốt lên rằng: “Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!”. Đất nước thời bom rơi đạn nổ cháy cả đồi cây nay đã thành rừng cọ, đồi chè xanh tươi bát ngát. Dòng sông Lô từng đẫm máu quân thù nay đã yên bình đón nắng mới, hò vang tiếng hát, phải chăng đó chính là tiếng hát trong lòng nhà thơ, tiếng hát tự hào, tôn vinh về những anh hùng dân tộc đã gây dựng nên đất nước hòa bình. Bến Bình Ca một thời máy bay địch oanh tạc nay trở nên hiền hòa, dào dạt.  **Câu hỏi liên hệ**  *Tổ quốc của mình nơi đâu cũng đẹp, em hãy liên hệ tới nơi em đang sinh sống và hãy giới thiệu cho các bạn biết một vài nét đẹp ấn tượng mà em cảm thấy tự hào yêu mến?*  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3  **Nhv 3:****Niềm hân hoan về cuộc sống của nhân dân sau ngày kháng chiến thắng lợi** .  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động nhóm, hỏi đáp chuyên gia**  - GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm  - Hoàn thiện phiếu học tập 02  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  - GV theo dõi, hướng dẫn nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cử nhóm cử đại diện thực hiên hỏi đáp lẫn nhau giữa các nhóm.  - Các nhóm theo dõi để nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  **Câu hỏi liên hệ giáo dục**  *Đất nước chúng ta hôm nay đã hòa bình và đang trên đà xây dựng phát triển, khẳng định vươn tầm thế giới. Bản thân em thấy mình cần có trách nhiệm gì với đất nước?*  **Gợi ý:**  - Nghiêm túc học tập và rèn luyện. - Tăng cường trau dồi kỹ năng sống.  - Có thái độ tích cực với những hoạt động công ích.  - Phấn đấu trở thành một công dân tốt.  - Gương mẫu và trách nhiệm trong mọi nhiệm vụ được giao…  **Gv bình:**  *Nếu là con chim, chiếc lá; thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh; lẽ nào vay mà không trả; sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.* Bất cứ quốc gia nào cũng cần những con người, cần những công dân sẵn sàng cống hiến, sẵn sàng cho đi. Chúng ta viết được những trang sử vàng chính là nhờ truyền thống yêu nước, sẵn sàng hi sinh, sẵn sàng cho đi của cả dân tộc. Khúc ca khải hoàn của cuộc chiến thắng đế quốc Pháp là một minh chứng rõ nét cho lẽ sống cao đẹp ấy. Vì thế các em được sinh ra và lớn lên trong thời bình, hãy trân trọng, biết ơn, nâng niu, bảo vệ nền hòa bình bằng cách phát huy trách nhiệm chân chính của một công dân Việt Nam yêu nước.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 4  **Nhiệm vụ 4: Cảm xúc của tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động nhóm đôi**  - GV chia nhóm theo bàn  - Hoàn thiện phiếu học tập 03  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo cặp, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  - GV theo dõi, hướng dẫn nếu cần  **Gợi ý: tên gọi thành phố Hồ Chí Minh**  8/1946, trên báo Cứu quốc (26/8/1946) tường thuât: “nhân ngày kỉ niệm một năm chính quyền cách mạng, phòng Nam bộ Trung ương, đường Gia Định đã có một buổi họp mặt thân thiện giữa những người Việt miền Nam.  Trong buổi họp này, bác sĩ Trần Hữu Nghiệp và tổng thể mọi người (57 người) đồng ý kí vào bản quyết nghị thay tên thành phố Sài Gòn thành - thành phố Hồ Chí Minh trình lên chính phủ để ghi nhớ công ơn của Bác.  Nhưng sau đó, do khói lửa chiến tranh với nhiều biến động nên chưa thực hiện được.  2/7/1976 Quốc hội khóa VI, thống nhất đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.    **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cử nhóm cử đại diện thực hiên hỏi đáp lẫn nhau giữa các nhóm.  - Các nhóm theo dõi để nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS  **Câu hỏi bổ sung:**  **1/ Theo em, nhân vật trữ tình *“ta”*trong đoạn thơ là ai?**  Gợi ý: Theo em, nhân vật trữ tình *“ta”* trong đoạn thơ có thể là Quân dân ta/ Nhân dân/ Dân tộc/ Những người dân nước Việt.  **2/ Tác giả nhắc đến những địa danh đậm dấu ấn lịch sử là muốn nhắn nhủ điều gì?**  **Gợi ý**: Tố Hữu nhắc nhở mỗi con người chúng ta dù có đi đâu thì chúng ta vẫn là “con một cha, nhà một nóc”. Dù có như thế nào thì dòng máu con người Việt Nam vẫn chảy trong tim ta vẫn luôn là “dân Cụ Hồ”. Nhà thơ tiếp tục đưa dòng cảm xúc về với những ngày tháng hình thành của đất nước, đất nước là một phần máu thịt trong mỗi con người:  *Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa* ….. *Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp*  Câu thơ ca ngợi những chiến tích oai hùng của ông cha, qua đó gợi suy nghĩ, cảm xúc của thời đại về một đất nước được xây dựng từ những trái tim nồng ấm tình người nhưng cũng không hề mềm yếu, nhẫn nhìn trước bất kì kẻ thù nào xâm hại đất nước của Cụ Hồ, của dân tộc.  **Câu hỏi liên hệ giáo dục**  *? Nếu em được sống trong không khí lịch sử hào hùng của cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, em sẽ có cảm xúc như thế nào?*  *Nhv 5:* **Ý nghĩa nhan đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cá nhân**   1. Theo em, nhan đề bài thơ gợi ra những ý nghĩa gì? 2. Em có thể đặt bài thơ bằng một nhan đề khác không ?   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân .  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời;  - HS khác nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục tổng kết.  GV bình: Bài thơ ***Ta đi tới*** của Tố Hữu chứa đựng một ý nghĩa đẹp đẽ khi nói về ý chí kiên cường, bất khuất, sức mạnh của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đó chính là khúc ca khải hoàn chiến thắng của một dân tộc bé nhỏ nhưng oai hùng. Qua nhan đề, thể hiện niềm tự hào niềm tin tưởng về tương lai phía trước trên con đường đi tới của toàn quân và toàn dân ta.  Gv chuyển: Đặng Thai Mai, từng chia sẻ:  “Với Tố Hữu, thơ là vũ khí đấu tranh cách mạng. Ðó chính là đặc sắc và cũng là bí quyết độc đáo của Tố Hữu trong thơ ca”. Thật vậy, Tố Hữu được nhận xét là cây đại thụ của nền thơ ca Việt Nam, các sáng tác của ông biểu hiện một lẽ sống lớn, tình cảm lớn của những con người cách mang. Thơ ông phản ánh và ghi dấu những ngày tháng tuy gian khổ mà hào hùng, oanh liệt của dân tộc ta. Chúng ta sẽ cùng khái quát lại nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1/ Bối cảnh lịch sử**  **-** Sau chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.  - Miền Bắc đã được giải phóng hoàn toàn.  - Mỗi người cần có suy nghĩ về trách nhiệm của mình ở chặng đường sắp tới.  **2/ Vẻ đẹp Tổ quốc**  **- Phong thái “ta”:**  + *Đi giữa ban ngày*  + *Ung dung ta bước*  -> Bước chân tự do vì miền Bắc đã độc lập.  **- Đường:**  + *Rộng thênh thang*  + Bắc Sơn, Đường Cả,... Điện Biên...-> những địa danh của đất nước.  + Cách mạng, kháng chiến ->con đường mang đến tự do, độc lập.  + Xuôi về biển  **+ Nghệ thuật:** Điệp ngữ nhằm nhấn mạnh mỏi nẻo đường trên đất nước, mỗi miền đều tinh khôi, đáng để yêu mến.  **- Vẻ đẹp Tổ quốc:**  + Câu cảm thán: Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!  + Liệt kê: Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh, sông, bến phà...  => Ca ngợi những vùng đất in đậm dấu ấn lịch sử, tổ quốc bây giờ đẹp đẽ, sáng tươi.  + Điệp cấu trúc: Ai + động từ + địa danh  + Câu hỏi để khẳng định  -> Mỗi vùng đất trên đất nước đều đã được tự do.  -> Tự hào đất nước sạch bóng quân thù  -> Yêu mến quê hương trên mọi nẻo đường  *=> Tổ quốc tươi đẹp đã sạch bóng quân thù, mọi con đường đều thênh thang tự do, chào đón bước chân của con người.*  **3. Niềm hân hoan về cuộc sống của nhân dân sau ngày kháng chiến thắng lợi**  **- Sự kiện lịch sử 9 năm:**  + Cuộc kháng chiến chống Pháp 3000 ngày không nghỉ - vẫn dẻo dai.  + Nhớ về cách mạng tháng 8/1945 – ngày Bác đọc bản tuyên ngôn độc lập.  + Hôm nay trời đẹp lắm!  + Mây trời của ta  *=> 9 năm kháng chiến đã đi qua với những dấu ấn khó phai mờ để giữ được nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.*  *Đó là một cảm xúc vui sướng, tự hào.*  **- Sau khi kháng chiến 9 năm thắng lợi:**  + Tan tác bóng thù  + Sáng lại trời thu  + Cờ đỏ bay quanh Bác  + Kẻ thù không dội lửa  -> Thành quả của cách mạng tháng 8 đã được giữ vững.  **Cuộc sống mới:**  + Lau nước mắt -> xóa khổ đau  + Tre mọc, chuối xanh chồi  + Trâu ra bãi  + Đồng vang tiếng hát  + Các em được học trường mới trong niềm vui và tiếng hát.  **+ Nghệ thuật:** liệt kê, giọng thơ hứng khởi  => *Một cuộc sống ấm no, tươi vui, tự do, phát triển đã đến.*  *Cảm xúc hân hoan, sung sướng vì nhân dân đã được sống trong hòa bình.*  **4/ Cảm xúc của tác giả**  - Hồ Chí Minh – rực rỡ tên vàng – năm 1945 Bộ chính trị đã...  - Đồng Tháp, Việt Băc – nơi chôn rau cắt rốn  - Phan Rang, Phan Thiết...  - Khu Năm – khúc ruột miền Trung  - Sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng – quê hương ta tha thiết  -> Nhiều địa danh đậm dấu ấn lịch sử đau thương, oai hùng được nhắc đến bằng từ ngữ thân thiết, gắn bó máu thịt.  **- Nghệ thuật:**  + Điệp ngữ ”Ai”  + Liệt kê  + Dấu chấm lửng cuối bài  => Trên dải đất hình chữ S, nơi nào cũng vô cùng thân quen, máu mủ; chúng ta dù đặt chân đến đâu thì đó luôn là quê hương.  => Đó chính là lời khẳng định về tình yêu tổ quốc, niềm tự hào, sướng vui vì đất nước tự do, mọi địa danh đều là “nhà” trong trái tim mỗi người.  => Niềm suy tư về đất nước còn dài rộng vô cùng, trách nhiệm còn nặng nề và mỗi người cần chung tay gánh vác.  **5/ Ý nghĩa nhan đề**  + Sự di chuyển đi lên phía trước một cách tự do.  + Đất nước đã sạch bóng quân thù, chúng ta có thể sải bước chân trên mọi miền tổ quốc trong tự do và hân hoan.  + Một cuộc sống mới đã mở ra cho đất nước, dân tộc. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi: *Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời.  - HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.  - Sử dụng đa dạng biện pháp tu từ đặc sắc như liệt kê, điệp ngữ.  - Biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc *“Ai…”, “Đường…”* đã nhấn mạnh những khó khăn, vất vả của người lính khi hành quân và ca ngợi những tấm gương anh hùng không ngại gian khó, vất vả để tham gia vào cuộc kháng chiến trường kì của cả dân tộc.  - Giọng thơ ấm áp, vui tươi, hào hứng đầy tự hào.  - Sử dụng một số câu thơ bộc lộ cảm xúc trực tiếp rõ nét…  **2. Nội dung**  - Bài thơ đã tái hiện không khí lịch sử của dân tộc sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi và chuẩn bị cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.  - Bài thơ vừa ca ngợi những chiến thắng lừng lẫy của cuộc kháng chiến vừa thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới của dân tộc bằng một niềm tin yêu và tự hào. |

**GV chuyển:** Bài thơ *Ta đi tới* ra đời vừa để tổng kết và khép lại một hành trình lịch sử chiến đấu chống thực dân Pháp gian khổ: “*Chín năm kháng chiến thánh thần/Gậy tầm vông đánh tan quân bạo tàn*” đồng thời vừa khẳng định về con đường mà “*Ta bước tiếp”, “Ta đi tới*” sẽ không có điều gì có thể ngăn cản nổi, chắn đường dân tộc Việt Nam tiến lên giải phóng nước nhà. Các em sẽ cùng kiểm tra lại những gì vừa được học qua hoạt động luyện tập.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**:GiúpHS củng cố kiến thức bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Tổ chức trò chơi:** “ĐI TÌM KHO BÁU”

**Thực hiện:** Giáo viên chiếu lần lượt các câu hỏi, các nhóm trả lời, nếu trả lời được đầy đủ các câu hỏi là người chiến thắng và được thưởng một phần quà.

**Câu 1:** Hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?

=> Đoạn thơ nói về ý chí kiên cường bất khuất sức mạnh lớn lao của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp qua đó thể hiện niềm tự hào trước những chiến công và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc ta.

**Câu 2:** Đoạn thơ viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

=> Biểu cảm

**Câu 3:** Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?

=> Tự do

**Câu 4:** Tác giả nhắc đến nhiều địa danh trong đoạn trích như thế thể hiện tình cảm gì ?

=> Việc xuất hiện một loạt địa danh như vậy chứng tỏ niềm vui hân hoan trong ngày chiến thắng Điện Biên đã trải khắp từ Bắc vào Nam cho thấy tình yêu cách mạng, lòng yêu nước được hiện diện trong mỗi người dân Việt Nam trên khắp cả nước.

**Câu 5:** Em có nhận xét gì về thái độ tình cảm của nhà thơ Tố Hữu trong đoạn thơ trên?

=> Thái độ và tình cảm của nhà thơ Tố Hữu được thể hiện trong đoạn thơ là niềm tin chiến thắng vào sức mạnh ý chí kiên cường chống giặc ngoại xâm của đất nước ta đồng thời ca ngợi những chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

**Câu 6:** Câu thơ *“Ừ, đã chín năm rồi đấy nhỉ. Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ”* là chỉ của kháng chiến nào?

=> Kháng chiến chống thực dân pháp diễn ra trong chín năm từ 1946 đến 1954.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học để làm nhiệm vụ mới.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

***-* Vẽ sơ đồ tư duy** các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản.

- Tìm đọc hoàn chỉnh bài thơ.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thành các bài tập

- Chọn thuộc một đoạn thơ em thích nhất và học thuộc.

- Chuẩn bị bài mới : Viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.

+ Đọc bài viết tham khảo

+ Thực hành tập viết bài theo các bước.

\*RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

Tiết 11,12 13:

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI THAM QUAN**

**MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Về năng lực:*

- HS viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.

- HS biết sử dụng dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong văn bản mình tạo lập.

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Biết làm một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát có nội dung gần gũi, hợp với lứa tuổi bộc lộ được những tình cảm chân thành.

+ Dùng từ thích hợp, sinh động, gợi cảm.

*2. Phẩm chất:*

-Chăm chỉ, trung thực.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

**-** Máy chiếu, máy tính, video về di tích lịch sử,...

**-** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu**: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

**b. Nội dung**: GV nêu vấn đáp, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

- GV cho HS thực hiện trò chơi chia sẻ: **Những trải nghiệm đẹp trong đời**

1)  *Em hãy viết vào giấy nhớ những đợt em được đi tham quan những địa điểm, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa.*

*2/ Hãy đánh dấu vào chuyến tham quan mà em cho là ấn tượng, đáng nhớ nhất để chia sẻ nhanh với các bạn khi có dịp.*

**- HS suy nghĩ và chia sẻ.**

**-** GV gọi 2-3 HS chia sẻ trước lớp, GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học:

*Trong thực tế, các em đã từng có những chuyến đi tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa do gia đình hoặc nhà trường tổ chức. Đó là những địa điểm đẹp, có dấu ấn lịch sử, có những giá trị nhất định đối với hành trình phát triển của dân tộc. Ở tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau thuật lại một chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc và khó quên. Vậy để viết được bài văn kể lại một chuyến đi như thế chúng ta sẽ thực hiện qua những bước nào, cô mời các bạn mới hay giáo khoa ra chúng ta cùng tìm hiểu.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và Phiếu HT số 1 đã điền đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (PHÂN TÍCH BÀI BIẾT THAM KHẢO)

Đọc bài viết: “*Chuyến tham quan khu lưu niệm Nguyễn Du*” (SGK/tr.29,30) và hoàn thành các thông tin sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì? | ………………… |
| Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo...). | ………………… |
| Khung cảnh của điểm tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích…). | ……………………………………… |
| Em có cảm xúc suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi, hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…). | ……………………………………… |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (PHIẾU TÌM Ý)

**Nhiệm vụ:** *Tìm ý cho bài văn kể về một chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa ấn tượng nhất mà em từng tham gia.*

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Gợi ý:** Đọc kĩ đề bài, đề bài, hồi tưởng lại chuyến đi, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải: | |
| **Ý cần tìm** | **Trả lời** |
| Chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa ấn tượng nhất là…, ở đâu? | … |
| Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì? | … |
| Diễn biến chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo...). | … |
| Khung cảnh của điểm tham quan có gì ấn tượng? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích…). |  |
| Em có cảm xúc suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích l sử văn hóa đó? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV nêu câu hỏi cho HS giải đáp để làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  *Dựa vào gợi ý của sách giáo khoa em hãy nêu yêu cầu cần đạt để viết một bài văn kể lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào SHS, trang 28 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có). * Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).   - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang mục 2. | - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả biểu cảm trong bài viết. |
| **2. Phân tích bài viết tham khảo** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV cho HS đọc thầm bài tham khảo dùng PP đàm thoại để hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo theo từng khía cạnh, sau đó hoàn thành vào Phiếu HT số 1:  *1)* Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?  *2)* Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo...)  3) Khung cảnh của điểm tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích…)  *4)* Em có cảm xúc suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi, hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…)    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát những chi tiết trong SGK.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành. | **A. Mở bài - Đoạn 1**  - Bài viết kể về chuyến tham quan khu lưu niệm Nguyễn Du của học sinh khối 8, do nhà trường tổ chức.  - Mục đích: phục vụ cho việc học tập. (Giúp cho học sinh biết yêu mến và tự hào về một trong những địa chỉ văn hóa quan trọng - nơi gìn giữ những dấu tích và hiện vật liên quan tới một nhà thơ vĩ đại của dân tộc.  **B. Thân bài:**  - Tường thuật chuyến đi.  + 3 xe chở 100 HS khối 8 xuất phát từ 7h sáng…  + Đến gần cầu Bến Thủy, xe rẽ phải về trung tâm thị trấn huyện Nghi Xuân... Đi thêm 10 cây thì đến địa điểm.  + Chính giữa sân là tượng Nguyễn Du...  + Cô hướng dẫn viên đi và thuyết minh về các hạng mục chính của khu di tích...  + Nơi đầu tiên là căn nhà hai tầng là nơi trưng bày các hiện vật gắn với cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ ...  - **Điều ấn tượng** là hai bức tranh treo hai phía của bức tường bên phải. Một bức vẽ cảnh Nguyễn du đi săn, bức kia vẽ cảnh Nguyễn Du câu cá...  + Nhà trưng bày lưu giữ hơn 1.000 hiện vật gắn với cuộc đời Nguyễn Du.  + Đặc biệt có các bản Truyện Kiều được in từ xưa đến nay.  + Đoàn chụp ảnh lưu niệm trước tượng Nguyễn Du.  + Sau đó học sinh tản ra và lần lượt tham quan thắp hương tại nhà thờ.  + Các bạn học sinh lần lượt chụp ảnh ở những địa điểm yêu thích.  **C. Kết bài – đoạn cuối:**  - Cảm xúc suy nghĩ:  + Trầm lắng  + Có bạn đọc sách  + Xem ảnh  + Về nhà sẽ viết lại ấn tượng sâu sắc nhất chuyến tham quan. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, nhóm làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thực hành viết theo các bước** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.18 để xác định mục đích viết và lựa chọn đề tài:  *1) Trước khi viết, em cần xác định mục đích viết là gì và người đọc sẽ là ai?*  *2) Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào?*  \*GV hướng dẫn HS tìm ý. Trên cơ sở đề tài đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo Phiếu HT số 2.  \*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:  *Em sẽ phân bổ các ý cho Mở bài, thân bài và kết bài như thế nào?*  *(Gợi ý sgk tr.32)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. | **1. Trước khi viết**  **\* Xác định mục đích viết:**  - Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm có được qua chuyến đi, thu hút được sự quan tâm của mọi người về di tích lịch sử, văn hóa của dân tộc.  **\* Người đọc:**  **-** Những người quan tâm đến chuyến đi hoặc có nhu cầu hiểu biết về di tích lịch sử, văn hóa được nói đến.  **a. Lựa chọn đề tài:**  - Liệt kê một số chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa mà mình đã từng tham gia.  - Chọn một chuyến đi ấn tượng nhất để kể lại.  **b. Tìm ý:**  **-** Chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa ấn tượng nhất là…, ở đâu?  *Ví dụ: Hồ Gươm, Văn Miếu Quốc Tử Giám…ở thủ đô Hà Nội.*  - Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?  Ví dụ: do bố mẹ cho đi du lịch nhân dịp nghỉ hè hay do nhà trường tổ chức HĐTNST  - Diễn biến chuyến đi diễn ra như thế nào?  Ví dụ: trước khi đến; khi đã đến;…  - Khung cảnh của điểm tham quan có gì ấn tượng?  Ví dụ: Hồ Gươm/ *Văn Miếu Quốc Tử Giám* cho em ấn tượng gì?  - Cảm xúc của em?  + Yêu mến, tự hào, muốn đến lần nữa  + Sẽ kể cho các bạn chưa được đi nghe về chuyến đi.  **c. Lập dàn ý:**  **- Mở bài:** Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử văn hóa.  - Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  **- Thân bài:**  + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi…)  + Thuyết minh miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử văn hóa đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc… )  **- Kết bài:** Nêu cảm xúc suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.20 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | **2. Viết bài**  **\* Lưu ý:**  - Bám sát dàn ý để viết bài.  - Các ý của bài viết đảm bảo phản ánh đúng trình tự thời gian của chuyến tham quan tương ứng với từng điểm không gian khu di tích.  - Nêu được những hoạt động nổi bật khiến chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho em.  - Ngôn ngữ bài viết cần sinh động vừa kể chi tiết cụ thể vừa thể hiện được cảm xúc.  - Cố gắng sử dụng các biện pháp tu từ, các yếu tố miêu tả biểu cảm để tăng sức hấp dẫn cho bài viết. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  - GV trả bài và cho HS nhắc lại yêu cầu chung về thể thức của kiểu bài và những lưu ý để viết được bài văn theo kiểu này.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.  - GV yêu cầu các em chỉnh sửa theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.  Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu bên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát văn đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn thành (GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. | **3. Trả bài và chỉnh sửa bài viết**  **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm:  + Về cấu trúc bài viết  + Về trình tự cuộc tham quan  + Về các điểm ấn tượng  - Nhược điểm:  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện**  - Chỉnh sửa theo yêu cầu trong Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa sau   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** | | Đã **giới thiệu rõ** về chuyến tham quan chưa? | Nếu bài viết chưa giới thiệu rõ về chuyến tham quan cần viết cụ thể hơn. | | Đã **kể tả nổi bật** được đặc điểm của khu di tích và **ấn tượng** của người viết chưa? | Nếu việc kể tả chưa làm nổi bật được đặc điểm của khu di tích và ấn tượng của người viết thì hình dung lại để viết thêm. | | Đã **nêu rõ** suy nghĩ cảm xúc về chuyến đi chưa? | Nếu bài viết chưa nêu rõ suy nghĩ cảm xúc về chuyến đi thì bổ sung. | |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** HS xây dựng được dàn ý, về nhà viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Đề bài:** Kể lại một chuyến tham quan ấn tượng.

+ Lập dàn ý

+ Viết thành bài văn**.**

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

+ Học bài, nắm chắc cách viết văn bản kể lại một chuyến đi.

+ Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe:** trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử).

**Tiết 13.**

**NÓI VÀ NGHE:TRÌNH BÀY BÀI GIỚI THIỆU NGẮN VỀ MỘT CUỐN SÁCH**

**(CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ )**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Về năng lực:*

- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách.

- Hiểu được nội dung câu chuyện lịch sử mà người nói trình bày.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực, tự tin trong hoạt động nói.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp vừa kể lại được trải nghiệm vừa thể hiện cảm xúc bản thân; biết lắng nghe và có phản hồi ý kiến của các bạn khi được góp ý.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Biết giới thiệu về một cuốn sách bằng ngôn ngữ nói.

+ Dùng từ, đặt câu, diễn đạt hợp lí, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của mình về cuốn sách.

*2. Phẩm chất:*

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, tivi...

**-** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học.

**b. Nội dung:** HS xem lật mở tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Trò chơi : Bức tranh bí mật**

**-** GV nêu nội dung trò chơi: Chúng ta sẽ thực hiện một trò chơi với tên gọi là **bức tranh bí mật**. Nhiệm vụ của các em là khi lật mở một bức tranh, hãy giới thiệu nhanh hiểu biết của em về nhân vật trong bức tranh nhìn thấy. Bạn nào đoán được nội dung bức tranh bí mật chính sẽ được một phần quà.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

*Hình ảnh trung tâm:*



**-** HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:

- Lý Thường Kiệt (1019 – 1105) là nhà quân sự, nhà chính trị lỗi lạc thời nhà Lý, nước Đại Việt. Cách đây 942 năm, vào mùa Xuân năm 1077, trên bờ sông Như Nguyệt (sông Cầu), xã Tam Giang, huyện Yên Phong (Bắc Ninh), ông đã chỉ huy trận quyết chiến chiến lược của quân và dân Đại Việt đánh bại đại quân nhà Tống, do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy, làm thất bại hoàn toàn cuộc xâm lược của nhà Tống.

- Yết Kiêu, tên thật là Phạm Hữu Thế (1242-1301), sinh ra trong gia đình ngư dân nghèo và cha mất sớm, nên ngay từ thuở nhỏ cuộc, Yết Kiêu đã rất vất vả mò cua bắt ốc mưu sinh. Chính vì thế nên ông bơi lội rất giỏi. Trong ba cuộc chiến chống quân Nguyên Mông hào hùng, Yết Kiêu đã dùng tài bơi lội của mình đục thủng đánh chìm nhiều thuyền địch, khiến cho giặc Nguyên lúc nào cũng nơm nớp lo sợ chìm thuyền, lập bao chiến công hiển hách, đóng góp to lớn cho chiến thắng vang dội của nhà Trần trước quân Nguyên. Để báo đáp công lao của Yết Kiêu, vua ban danh hiệu Trần triều đệ nhất đô soái thuỷ quân. Ông đã được nhân dân và vua quan nhà Trần gọi là Yết Kiêu (tên một loài cá lớn ngày xưa).

- Lê Hoàn - Lê Đại Hành ( 941 – 1005), là vị Hoàng đế sáng lập nhà Tiền Lê nước Đại Cồ Việt, trị vì nước Đại Cồ Việt trong 24 năm. Lê Hoàn cai trị Đại Cồ Việt nổi bật với việc phát triển nông nghiệp và đánh bại Chiêm Thành, đánh dẹp các tộc người ở biên giới, khiến họ phải quy phục triều đình. Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết rằng: “Vua trừ nội gian mà lấy được nước, đuổi giặc ngoài để yên dân, trong nước thanh bình, Bắc Nam vô sự.

**Hình ảnh trung tâm:** Bức tranh bí mật được lật mở chính là hình ảnh về những tác phẩm viết về những anh hùng của dân tộc Việt Nam, đó chính là dấu ấn câu chuyện lịch sử. Gắn liền với những chiến công hiển hách của dân tộc ta qua những thời kỳ dựng nước và giữ nước.

- GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày được một bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử).

**b. Nội dung**: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

BẢNG KIỂM

BÀI NÓI GIỚI THIỆU NGẮN VỀ MỘT CUỐN SÁCH (CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Trình bày đầy đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc. |  |  |
| Có những cảm nhận về cuốn sách và nội dung, nghệ thuật của cuốn sách. |  |  |
| Trình bày gọn, tường minh về cuốn sách. |  |  |
| Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết. |  |  |
| Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói. |  |  |
| Bảo đảm thời gian quy định. |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **1. Trước khi nói** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*Trước khi nói, GV nêu yêu cầu cho HS xác định:  *?Mục đích nói và người nghe là ai?*  \*GV hướng dẫn HS các bước chuẩn bị:  *- Định hướng lựa chọn cuốn sách để trình bày*  GV giới thiệu cho HS đọc và lựa chọn được những câu chuyện có các nhân vật hoặc sự kiện lịch sử quen thuộc, các em đã từng được biết trong học tập và ngoài đời.  *- Tập luyện:* GV hướng dẫn HS khi tập luyện một mình hoặc theo nhóm đều cần chú ý cách sắp xếp dàn ý một bài nói trình bày, giới thiệu về một cuốn sách.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói như hướng dẫn trong SGK.  - GV hướng dẫn HS tập luyện ở nhà, có thể đứng trước gương và tập luyện bài nói một mình hoặc tập luyện cùng với bạn bè, người thân và xin ý kiến góp ý của họ.  - GV lưu ý HS trong thời gian tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1.1. Chuẩn bị**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  **- Mục đích nói:** Thông tin cơ bản về một cuốn truyện lịch sử, khơi gợi hứng thú với người nghe và khuyến khích họ tìm đọc tác phẩm.  - **Người nghe:** Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu.  **b. Chuẩn bị nội dung cho bài nói**  **Phương án 1:** Trình bày bài nói trên cơ sở bài viết đã thực hiện.  + Cần tóm lược nội dung bài viết thành dàn ý, nói đầy đủ các phần.  + Ghi chú những điểm nhấn mạnh trong cách mở đầu, triển khai và kết luận để gây ấn tượng cho người nghe.  + Cần lưu ý chuyển từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói.  + Ghi những từ ngữ câu văn quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày (Câu giới thiệu cuốn truyện, các từ ngữ thể hiện đúng thông tin về cuốn truyện, những câu văn bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của em đối với những khía cạnh gây ấn tượng của cuốn truyện...).  **Phương án 2:** Chưa có bài viết giới thiệu về cuốn truyện thì em cần tìm đọc một số cuốn truyện lịch sử và lựa chọn câu chuyện em cảm thấy hứng thú nhất.  - Những cuốn sách gần gũi như: *Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, Đệ nhất đô soái thủy quân Yết Kiêu, Việt quốc công Lý Thường Kiệt*,…  - Trong sách giáo khoa giới thiệu một số tác phẩm như: *Tiêu Sơn tráng sĩ* của Khải Hưng; *Đêm hội Long Trì, An Tư* của Nguyễn Huy Tưởng; *Núi rừng Yên Thế* của Nguyên Hồng; *Trên Sông truyền hình, Người Thăng Long* của Hà Ân.  - Sau khi chọn được truyện thì lập dàn ý theo một số ý cơ bản sau:  + **Giới thiệu chung** về cuốn truyện (tên truyện, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang...)  + Giới thiệu **nội dung** của cuốn truyện (thời kỳ lịch sử, tóm lược cốt truyện, các sự kiện gắn với nhân vật chính và những nhân vật liên quan).  + **Nhận xét ngắn gọn** một số nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện.  + Nêu một vài **suy nghĩ của em** về cuốn truyện.  **1.2.** **Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | |
| **2. Trình bày bài nói** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ:** *Trình bày bài nói cần chú ý điều gì khi mở đầu, khi triển khai, khi kết luận?*  **- GV phân công nhiệm vụ cho HS:** Từ kết quả chuẩn bị ở nhà của HS, GV cho HS tự đăng kí hoặc từng nhóm cử đại diện tham gia trình bày cuốn sách.  **- GV hướng dẫn cách thức kể chuyện:** GV yêu cầu người trình bày đứng ở vị trí bao quát toàn bộ lớp học. Không cần giới thiệu dài dòng, tập trung vào dàn ý đã có.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp.  - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện HS trình bày bài nói; * HS khác nêu vấn đề cần trao đổi.   **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **\* Yêu cầu bài nói:**  **- Mở đầu:**  **+** Biết tạo không khí, thu hút chú ý của người nghe.  + Nêu các thông tin chung về cuốn truyện.  **- Triển khai:**  **+** Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động, sáng tạo, có tương tác với người nghe,…  + Trình bày các nội dung chính nêu một vài nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện.  **- Kết luận:**  Nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của cuốn truyện.  - **Lưu ý:** Trình bày cần chọn giọng nói phù hợp (giọng chia sẻ thân mật, giọng tâm tình…), thể hiện các thông tin một cách chính xác. Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ. |
| **3. Sau khi nói** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho các em trao đổi để rút kinh nghiệm bằng việc trao đổi, tập trung trả lời một số câu hỏi sau:  1/ *Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa?*  *2/ Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa?*  *3/ Cảm xúc suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào?*  *4/ Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ khả năng tương tác với người nghe đạt ở mức độ nào?*  *5/ Người nghe có thái độ như thế nào? Có nắm bắt được nội dung bài nói và nêu được ý kiến trao đổi không?*  - GV cho HS đánh giá bài nói của bạn hoặc của mình vào BẢNG KIỂM**.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. * HS quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy.   **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**   * GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. * HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. * HSthực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần)   **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS, tuyên dương và khích lệ HS và kết nối sang hoạt động sau. | | **-** Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm về bài nói theo một số gợi ý SGK, tr.34 và BẢNG KIỂM |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học thông qua việc đánh giá bài nói theo BẢNG KIỂM.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** Giáo viên giao bài tập cho HS: Căn cứ vào Bảng kiểm, tự hoàn thiện bài nói của em (nếu cần).

- HS hoàn thiện bài nói của mình.

- GV hướng dẫn HS hoàn thiện (nếu cần) và yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**-** HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**-** GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao bài tập về nhà:

BÀI TẬP: *Mỗi cá nhân tìm đọc thêm một cuốn sách (truyện lịch sử) và viết bài giới thiệu về cuốn sách đó.*

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

* Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
* Chuẩn bị trước ở nhà nội dung các bài tập củng cố, mở rộng, thực hành đọc trong SGK, tr.35.

- Hoàn thiện bài nói.

- Chuẩn bị bài: Bài 2: Vẻ đẹp cổ điển. Văn bản 1: Thu điếu

+ Đọc văn bản.

+ Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.

+ Tìm hiểu văn bản theo câu hỏi SGK.

\* CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng được các *Tri thức ngữ văn* và kết quả của phần *Đọc* để hoàn thành bài tập bảng thống kê so sánh thể loại đã học; củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, cặp đôi, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các cột trong bảng và các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, sự chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập 1. (tr.34)**

**Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản theo gợi dẫn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lá cờ thêu sáu chữ vàng | Quang Trung đại phá quân Thanh |
| Bối cảnh |  |  |
| Cốt truyện |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Ngôn ngữ |  |  |

\*Gợi ý đáp án:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lá cờ thêu sáu chữ vàng** | **Quang Trung đại phá quân Thanh** |
| *Bối cảnh* | Đất nước bị giặc Nguyên xâm lược lần thứ hai. | Đất nước bị quân Thanh xâm lược |
| *Cốt truyện* | Giặc Nguyên cho sứ thần sang nước ta giả vờ mượn đường để xâm lược nước ta. Thấy sứ giặc âm mưu, ngang ngược, Trần Quốc Toản vô cùng căm giận. Vào một buổi sáng, biết vua vừa họp bàn việc nước ở dưới thuyền rồng, chàng quyết đòi gặp vua Trần Nhân Tông để nói hai tiếng " xin đánh". Đợi từ sáng đến trưa vẫn không được gặp, chàng liều chết xô mấy tên lính gác ngã xuống xăm xăm xuống thuyền. Lúc đó, cuộc họp cũng đã xong, vua cùng các vương hầu ra ngoài du thuyền, chàng chạy đến và quỳ xuống tâu: " Cho giặc mượn đường là mất nước xin bệ hạ cho đánh". Và nói xong, chàng đặt gươm lên gáy xin chịu tội. Vua cho chàng đứng dậy, tạm tha cho chàng vì tấm lòng của chàng. Vua ban cho chàng một quả cam, chàng tạ ơn vua, chân bước lên bờ mà lòng ấm ức bởi thấy chàng còn quá trẻ chưa đủ bàn việc nước. Nghĩ đến quân giặc đang hoành hành như vậy, chàng nghiến răng hai bàn tay bóp chặt quả cam. | Khi nghe tin Quân Thanh đã đóng chiếm thành Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã lên ngôi Hoàng đế rồi thân chinh cầm quân dẹp giặc. Cuộc hành quân thần tốc cùng chiến thắng lừng lẫy mà nghĩa quân Tây Sơn đã dành được. Sự thất bại của quân Thanh, tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống. |
| *Nhân vật* | Hoài Văn, Trần Quốc Toản, vua Trần Nhân Tông, các vương gia. | Vua Quang Trung, Lê Chiêu Thống, ... |
| *Ngôn ngữ* | Trang trọng, giản dị, đậm chất lịch sử. | Trang nghiêm, giản dị, đậm chất lịch sử. |

**Bài tập 2. (tr.34)**

Tìm đọc truyện lịch sử và thực hiện theo yêu cầu.

**\*Gợi ý đáp án minh họa:**

**Ví dụ 1:** An Tư (tiểu thuyết ngắn của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng).

**a. Bối cảnh**:  Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông của quân dân nhà Trần trong thế kỉ XIII.

**b. Chủ đề:** Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông của quân dân nhà Trần trong thế kỉ XIII. Toàn cảnh những bi thương và thảm cảnh do chiến tranh mang lại cho người dân Đại Việt vào thời đó.

**c. Đặc điểm tiêu biểu của nhân vật:**

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng "cột đá chống trời". Ông đã soạn hai bộ binh thư: "Binh thư yếu lược", và "Vạn Kiếp tông bí truyền thư" để dạy bảo các tướng cách cầm quân đánh giặc.

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng tài có đủ tài đức. Là tướng nhân, ông thương dân, thương quân, chỉ cho quân dân con đường sáng. Là tướng nghĩa, ông coi việc phải hơn điều lợi. Là tướng chí, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là tướng dũng, ông sẵn sàng xông pha vào nơi nguy hiểm để đánh giặc, lập công, cho nên trận Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời là đại công của ông. Là tướng tín, ông bày tỏ trước cho quân lính biết theo ông thì sẽ được gì, trái lời ông thì sẽ bị gì. Cho nên cả ba lần đánh giặc Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn đều lập công lớn.

Hai tháng trước khi mất, vua Anh Tông đến thăm lúc ông đang ốm, có hỏi:  
Nếu chẳng may ông mất đi, giặc phương Bắc lại sang xâm lấn thì kế sách làm sao?  
 Ông đã trăn trối những lời cuối cùng, thật thấm thía và sâu sắc cho mọi thời đại dựng nước và giữ nước:

Thời bình phải khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách giữ nước. Mùa thu tháng Tám, ngày 20, năm Canh Tý, Hưng Long thứ 8 (1300) "Bình Bắc đại nguyên soái" Hưng Đạo đại vương qua đời. Theo lời dặn lại, thi hài ông được hỏa táng thu vào bình đồng và chôn trong vườn An Lạc, giữa cánh rừng An Sinh miền Đông Bắc, không xây lăng mộ, đất san phẳng, trồng cây như cũ...

Khi ông mất (1300), vua phong ông tước Hưng Đạo đại vương. Triều đình lập đền thờ ông tại Vạn Kiếp, Chí Linh, ấp phong của ông thuở sinh thời. Công lao sự nghiệp của ông khó kể hết. Vua coi như bậc trượng phu, trăm họ kính trọng gọi ông là Hưng Đạo đại vương.

**Ví dụ 2: Đọc truyện Ngô Quyền đánh quân Nam Hán**

**a. Bối cảnh:**  Quân Nam Hán xâm lược nước ta.

**b. Chủ đề:** Ngô Quyền đánh quân Nam Hán

**c. Đặc điểm tiêu biểu của nhân vật:**

Ngô Quyền sinh ngày 12-3-898, ở tại Đường Lâm  (Ba Vì - Hà Tây), cha là Ngô Mân một Hào trưởng có tài đức. Ngô Quyền thông minh, văn võ song toàn, được Dương Đình Nghệ gả con gái là Dương Thị Ngọc và cho cai quản đất Ái Châu (Thanh Hóa). Nhà Hán có con là Vạn Vương Hoằng Tháo, đưa quân  sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền đã nhanh chóng tập hợp lực lượng, đem quân giết tên phản bội là Kiêu Công Tiễn và đón đánh quân Nam Hán. Để đánh thắng quân Nam Hán, lợi dụng  thủy triều lên xuống ông cho bố trí một trận địa cọc nhọn bịt  sắt, cắm xuống lòng sông  Bạch Đằng. Khi chiến thuyền của giặc hùng hổ tiến vào sông Bạch Đằng, quân ta nhử cho giặc vượt qua trận địa cọc, đợi cho nước  thủy triều xuống, đánh trước mặt và hai bên bờ sông làm cho thuyền giặc tháo chạy va vào cọc nhọn bịt sắt  bị đắm chìm gần hết. Thái tử Hoằng Tháo chết tại trận, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân Nam Hán. Sau chiến thắng  vang dội  trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền lên ngôi vua, đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội), mở ra một kỷ nguyên mới dựng nền độc lập tự chủ, tức là đặt nền móng cho một quốc gia độc lập, Ngô Quyền làm vua  từ năm 939 đến 944 thì mất.

**\* Thực hành đọc:** Văn bản: Minh sư (Trích, Thái Bá Lợi)

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản ở nhà, gợi ý HS chú ý đến nhân vật và ngôn ngữ kể chuyện.

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**

**BÀI 2. VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂN ( 11 tiết)**

**Tiết 15, 16**

**Văn bản 1: THU ĐIẾU**

*(Nguyễn Khuyến)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

*2. Năng lực*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp để giải quyết vấn đề.

*b. Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*3. Về phẩm chất*

- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

- Yêu nước, tự giác, chăm chỉ trong học tập.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Các phương tiện: Máy vi tính, tivi

- Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HĐ1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr 38) và đọc lướt qua nội dung các phần của bài học 2, cho biết:  + *Chủ đề bài học 2 “Vẻ đẹp cổ điển” gồm những văn bản đọc nào?*  *+ Các VB đọc chính thuộc thể loại gì?*  *+ VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *+ Vì sao các VB đọc lại cùng xếp chung vào bài học 2?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **\*Chủ đề bài học:** Thể hiện vẻ đẹp cổ điển đặc sắc của nền văn học và những sinh hoạt văn hoá độc đáo của dân tộc.  **\*Thể loại:**  **- VB đọc chính:**  **+** VB1: *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến)  + VB 2: *Thiên trường vãn vọng (*Trần Nhân Tông)  => 02 VB đọc chính đều thuộc thể loại thơ Đường luật.  **- VB đọc kết nối chủ điểm** thuộc thể loại văn bản thông tin: *Ca Huế trên sông Hương* (Hà Ánh Minh)  **\*** Cả 2 VB đọc chính và văn bản đọc kết nối chủ điểm đều viết về những vẻ đẹp đặc sắc của nền văn học và nền văn hoá dân tộc qua việc ngợi ca cảnh sắc quê hương xứ sở, thể hiện bản sắc tâm hồn Việt và cung cấp thông tin về di sản tinh thần của ông cha. |

HĐ 2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại thơ Đường luật.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về một số yếu tố cơ bản của thể loại thơ Đường luật

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về thể loại truyện: đề tài, chi tiết, nhân vật,…

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1: Tìm hiểu chung về thơ Đường luật**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS đọc một bài thơ Đường luật (thơ Lí Bạch, thơ Đỗ Phủ, thơ Bà Huyện Thanh Quan, thơ Hồ Xuân Hương,...) mà em biết.  - Chỉ ra nội dung chính và các nét nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ em vừa đọc (chủ thể trữ tình; thể thơ, hình ảnh thơ tiêu biểu; cách gieo vần, nghệ thuật đối,...)  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 01**(Phụ lục): Tìm hiểu về thơ Đường luật. (PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân để thực hiện các yêu cầu 1,2.  - HS thảo luận cặp đôi thực hiện yêu cầu hoàn thành phiếu học tập 1.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  **\*NV2: So sánh thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành **Phiếu học tập số 02** và **Phiếu học tập số 03** theo cặp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và thảo luận theo cặp.  - GV quan sát,khích lệ học sinh  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Đại diện một số cặp trình bày.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chuẩn hoá kiến thức.  GV cung cấp thêm cho HS. | **1. Thơ Đường luật**  **Phiếu học tập 01:**   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu về thơ Đường luật** | | | **1. Xuất xứ** | Xuất hiện từ thời nhà Đường (Trung Quốc); hiện nay phổ biến ở các nước khu vực văn hoá Đông Á. | | **2. Thể thơ chính** | 2 thể chính:  - Bát cú Đường luật  - Tứ tuyệt Đường luật | | **3. Đặc điểm nghệ thuật** | - Quy định nghiêm ngặt về hoà thanh, về niêm, đối, vần và nhịp.  - Ngôn ngữ: cô đọng, hàm súc.  - Bút pháp: tả cảnh ngụ tình; lấy động tả tĩnh, lấy động tả tĩnh, lấy điểm tả diện,... | | **4. Đặc điểm nội dung** | - Thể hiện tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc, thân phận con người.  - Ý thơ thường gắn với mối quan hệ giữa cảnh và tình, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,... |   **2**. **Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật**  **Phiếu học tập 02:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Thất ngôn bát cú Đường luật** | **thơ Tứ tuyệt Đường luật** | | **1. Số câu, số chữ** | 8 câu – mỗi câu 7 chữ. | 4 câu – mỗi câu có 5 chữ hoặc 7 chữ. | | **2. Bố cục** | 4 cặp câu tương ứng 4 phần: đề - thực – luận – kết. | 4 câu được triển khai: khởi – thừa – chuyển – hợp. | | **3. Niêm và luật bằng trắc** | **- Về luật bằng trắc:**  + Nếu chữ thứ 2 của câu thứ nhất là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng. Nếu chữ thứ 2 của câu thứ nhất là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc.  + Các thanh bằng, trắc phải đan xen nhau trong một câu đảm bảo sự hài hoà, cân bằng: ở chữ 2, 4, 6 trong mỗi cặp câu phải ngược nhau về thanh bằng, trắc.  - **Về niêm** (dính): chữ thứ 2 của hai cặp câu liền nhau (câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8) phải cùng thanh. | Cơ bản giống thể bát cú. | | **4. Vần và nhịp** | - **Gieo vần**: Chỉ gieo 1 vần (vần bằng) ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8. Riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt.  - Ngắt nhịp: thường ngắt nhịp 4/3. | - **Gieo vần**: gieo một vần ở cuối các câu 1, 2, 4.  - Ngắt nhịp: thường ngắt nhịp 4/3. | | **5. Đối** | Chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận. | Không bắt buộc phải đối. | |

**Phiếu học tập 03:**

**Sơ đồ bài thơ thất ngốn bát cú theo *luật bằng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối |
| 1 | B B T T T B B |  | B |  |
| 2 | T T B B T T B | Câu 2 và 3 | B |  |
| 3 | T T B B B T T |  | Đối |
| 4 | B B T T T B B | Câu 4 và 5 | B |
| 5 | B B T T B B T |  | Đối |
| 6 | T T B B T T B | Câu 6 và 7 | B |
| 7 | T T B B B T T |  |  |
| 8 | B B T T T B B |  | B |  |

**Sơ đổ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật trắc***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối |
| 1 | T T B B T T B |  | B |  |
| 2 | B B T T T B B | Câu 2 và 3 | B |  |
| 3 | B B T T B B T |  | Đối |
| 4 | T T B B T T B | Câu 4 và 5 | B |
| 5 | T T B B B T T |  | Đối |
| 6 | B B T T T B B | Câu 6 và 7 | B |
| 7 | B B T T B B T |  |  |
| 8 | T T B B T T B |  | B |  |

ĐỌC VĂN BẢN

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**\*Cách 1: PP Vấn đáp**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Câu hỏi:**

- Tìm những bài thơ hoặc những bài hát viết về đề tài mùa thu. Em hãy đọc thuộc bài thơ hoặc hát một đoạn của bài hát đó.

- Cảnh vật mùa thu trong những bài thơ hoặc bài hát đó hiện lên như thế nào? Chia sẻ cảm nhận của em.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**\*Cách 2: PP Trò chơi: “Hộp quà bí mật”**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **2** |
| **3** | **4** |

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Có 4 mảnh ghép tương ứng với 4 câu hỏi. Lật được mỗi mảnh ghép, một góc của bức tranh bí ẩn sẽ được mở ra.

**Bức tranh bí ẩn**: nhà thơ Khuyến Khuyến.

**Câu 1:** Tên một phương tiện di chuyển chủ yếu ở môi trường sông nước?

**Câu 2**: Những câu thơ sau miêu tả sự vật trong mùa nào?

“*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*”

(Hữu Thỉnh)

**Câu 3:** Cho biết tên loài cây trong bức ảnh sau:



**Câu 4**: Khi chán ngán với chốn quan trường, các nhà Nho thường tìm về chốn nào để ở ẩn?

**Đáp án:**

Câu 1: Thuyền

Câu 2: Mùa thu

Câu 3: Bèo

Câu 4: Chốn làng quê

**Câu hỏi kết nối với bài mới:** Các đáp án của các câu hỏi có liên quan gì đến bài học hôm nay?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS chọn miếng ghép, suy nghĩ, trả lời để lật miếng ghép.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối với hoạt động hình thành kiến thức mới.

**=> GV dẫn vào bài:** Ai đó đã từng nói: Thu là thơ của lòng người, thơ là thu của đất trời. Mối duyên kỳ lạ được se kết cho thơ và thu đã cho ra đời bao áng thơ tuyệt bút.Trước đó, ta đã từng biết đến chùm thơ Thu gồm 8 bài của Thánh thi đỗ Phủ (đời Đường – Trung Quốc). Sau này, ta còn được biết tới những vần thơ nổi tiếng về mùa thu *Cảm thu, Tiễn thu* (Tản Đà), *Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư), *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu),… *Trong mạch chảy thơ thu kim cổ ấy,* chùm thơ thu cuả Nguyễn Khuyến viết về cảnh thu điển hình của làng quê Việt Nam vùng đồng bằng Bắc Bộ vẫn có một chỗ đứng đặc biệt trong lòng độc giả yêu thơ. Tiêu biểu và có hồn hơn cả trong số đó có lẽ là bài *Thu điếu* mà chúng ta tìm hiểu hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ *Thu điếu (Câu cá mùa thu):* hoàn cảnh sáng tác, đề tài, thể loại, bố cục,...

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Khuyến**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trao đổi về Phiếu học tập 01 (Phụ lục) (đã chuẩn bị ở nhà).  Thời gian thảo luận cặp: 03 phút  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh trả lời cá nhân hoặc theo từng cặp (2 HS luân phiên trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm).  - HS có thể trình bày theo hình thức phỏng vấn: MC – HS về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Khuyến.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi HS trả lời. * Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.  GV có thể chiếu video giới thiệu về Nguyễn Khuyến.  Link: https://www.youtube.com/watch?v=0fSixobf7Q4    Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  ***a. Cuộc đời***  - Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) hiệu là Quế Sơn, quê làng Và, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình nhiều người đỗ đạt, làm quan to.  - Là người tài cao học rộng, đỗ đầu ba kì thi, thường được gọi bằng cái tên trân trọng Tam Nguyên Yên Đổ.  - Ông chỉ làm quan 10 năm, sau đó về ở ẩn. Ông gắn bó sâu nặng với làng quê Bắc Bộ, thường viết về những sự vật bình dị, gần gũi.  - Ông là người có tấm lòng yêu nước thương dân.  ***b. Sự nghiệp sáng tác***  - Nội dung thơ văn Nguyễn Khuyến: Thơ văn ông nói lên tình yêu quê hương đất nước thể hiện trong sự u hoài trước cảnh đổi thay của đất nước, thể hiện trong những bài thơ phản ánh cuộc sống của những người dân quê, những bức tranh làng quê đất Việt và những bức tranh biếm họa thâm trầm.  - Sáng tác của ông còn lại khoảng trên 800 bài, chủ yếu là thơ. Thơ ông bao gồm cả thơ chữ Hán và chữ Nôm nhưng đóng góp lớn nhất của Nguyễn Khuyến là ở thơ Nôm.  - Được mệnh danh là “*nhà thơ của làng cảnh Việt Nam”.*  => Cuộc đời của Nguyễn Khuyến là cuộc đời của một trí thức dân tộc có tài năng lớn, một nhà nho có cốt cách thanh cao, thâm trầm, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc.    **2. Tác phẩm**  **\* Đọc, từ khó**  **\*** **Xuất xứ**, **HCST**  - Bài thơ nằm trong chùm ba bài thơ thu: *Mùa thu câu cá (Thu điếu), Vịnh mùa thu (Thu vịnh), Uống rượu mùa thu (Thu ẩm) –* chùm thơ được đánh giá là “nức danh nhất” của thơ Nôm Nguyễn Khuyến*.*  Đây là chùm thơ đặc sắc về mùa thu, đặc trưng cho quê hương làng cảnh Việt Nam được Nguyễn Khuyến viết vào thời gian sau khi ông đã từ quan về ở ẩn tại quê nhà (1884).  **\*Đề tài:** mùa thu - đề tài quen thuộc trong thơ ca. (Trong thơ cổ, chữ *thu* được ghép bằng chữ *tâm* và chữ *sầu)*. Đây là mùa gợi cảm xúc trong lòng người, gieo vào lòng người những cảm xúc tinh tế.  **\*Thể loại**: theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.  **\*Bố cục:**  Cách 1: Đề - thực – luận – kết  Cách 2: Mô hình 6/2  + 6 câu đầu: Bức tranh thiên nhiên mùa thu  + 2 câu cuối: Hình ảnh con người  ***\*Niêm, luật bằng trắc, vần, nhịp, đối:*** sơ đồ 1 |

**Sơ đồ 1: Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ “Thu điếu”** (luật bằng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối |
| 1 | B B T T T B B |  | B *(veo)* |  |
| 2 | T T B B T T B | Câu 2 và 3 | B (*teo*) |  |
| 3 | T T B B B T T |  | Đối |
| 4 | T B T T T B B | Câu 4 và 5 | B (*vèo*) |
| 5 | B B B T B B T |  | Đối |
| 6 | T T B B T T B | Câu 6 và 7 | B (*teo*) |
| 7 | T T B B B T T |  |  |
| 8 | T B T T T B B |  | B (*bèo*) |  |

**2.2: Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**

**-**Giúp học sinh biết cách đọc hiểu một văn bản thơ Nôm Đường luật, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến*)*.

- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, nỗi niềm thời thế của tác giả.

- HS phân tích được những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ độc đáo trong văn bản.

- Bồi dưỡng lòng yêu quê hương đất nước**.**

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  Hoàn thành **Phiếu học tập 02** theo kĩ thuật Khăn trải bàn.    **- Nhóm 1, 2: Tìm hiểu cảnh thu**  **- Nhóm 3, 4:** **Tìm hiểu tình thu**  GV phát PHT riêng cho từng nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, thảo luận.  GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm.  GV chuẩn hóa kiến thức.  **Thao tác 1: Tìm hiểu cảnh thu**  ***Nhóm 1****:* Xác định điểm nhìn của tác giả khi quan sát bức tranh thiên nhiên mùa thu.  **Nhóm 2:** Phân tích các từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thanh, chuyển động, … của các sự vật trong bài thơ để thấy được nét đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.  Chỉ ra sự hài hòa về đường nét, màu sắc, âm thanh của bức tranh thu. | **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. “Thu điếu” – bức tranh thu điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ**  **\* Điểm nhìn:**  - Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả ở những khoảng không gian: mặt ao *(nước, thuyền câu, sóng),* bầu trời *(tầng mây, trời),* mặt đất *(ngõ trúc).*  - Trình tự miêu tả không gian: từ gần đến xa, từ xa đến gần; từ thấp đến cao, từ cao xuống thấp.  🡪Như vậy, cảnh sắc mùa thu được quan sát theo nhiều hướng thật sinh động với hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa.  **\*Cảnh thu:**  Mang nét đẹp điển hình của cảnh sắc mùa thu vùng nông thôn đồng bẳng Bắc bộ:  - **Hình ảnh** quen thuộc, bình di:  + Không gian mặt ao:  ++ Ao thu: *lạnh lẽo, trong veo -* gợi tiết trời se lạnh, mặt nước phẳng lặng, làn nước trong suốt, như có thể nhìn thấu đáy;  ++ Thuyền câu: *bé tẻo teo -* từ láy tượng hình, nhấn mạnh sự bé nhỏ của con thuyền chỉ như chiếc lá đậu trên mặt ao thu. Không gian của ao thu và hình dáng thuyền câu toát lên nét hài hoà, xinh xắn.  + Không gian bầu trời thu: màu *xanh ngắt* đặc trưng của trời thu đất Bắc, gợi nền trời cao, rộng và không gian trong trẻo của một ngày thu nắng đẹp; *tầng mây lơ lửng* tạo hình khối, toát lên vẻ bình yên, thanh tĩnh.  + Không gian mặt đất với *ngõ trúc*: lối ngõ nhỏ, *quanh co*- không gian quen thuộc của làng quê Bắc Bộ, gợi khung cảnh im vắng, tĩnh lặng.  - **Màu sắc**: Màu xanh của trời thu *(xanh ngắt),* của mặt nước mùa thu *(sóng biếc),* màu vàng điểm xuyết của lá thu *(lá vàng),...* mang lại ấn tượng vẽ một bức tranh thiên nhiên tươi sáng.  - **Chuyển động của các sự vật** đều nhẹ, khẽ khàng: sóng lăn tăn “*hơi gợn tí”* theo làn gió nhẹ; lá “*sẽ đưa vèo*” - rơi rất nhẹ và rất nhanh; những đám mây “*lơ lửng”* như không trôi.  - **Âm thanh:** tiếng cá “*đớp động dưới chân bèo*” đâu đó trên mặt ao thu 🡪không phá vỡ cái tĩnh lặng, mà ngược lại nó càng làm tăng sự yên ắng, lặng im của cảnh vật →thủ pháp lấy động tả tĩnh.  **=> Đặc sắc nghệ thuật:**  + Thi liệu quen thuộc: thu thuỷ (nước thu), thu thiên (trời thu), thu diệp (lá thu), ngư ông (người câu cá).  + Ngôn ngữ tinh tế: Sử dụng nhiều từ láy: *lạnh lẽo, tẻo teo*.  + Gieo vần “eo” làm cho cảnh vật càng trở nên bé nhỏ.  + Bút pháp lấy động tả tĩnh để gợi ấn tượng về bức tranh thu thanh vắng, hiu quạnh  **\*Tiểu kết**:  - Bức tranh thiên nhiên mùa thu được cảm nhận bằng nhiều giác quan với không khí mát lành; trời thu trong xanh, cao rộng; không gian êm đềm, thanh tĩnh; cảnh sắc hài hoà, giàu chất thơ;...  => Đó là bức tranh thu điển hình của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ với vẻ đẹp bình dị, thân thuộc, gợi được cái hồn riêng của thu dân tộc.  - Qua cảnh vật thiên nhiên, người đọc thấy được tình yêu quê hương đất nước, sự gắn bó với làng quê của Nguyễn Khuyến. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu tình thu**  ***Nhóm 3****: Chỉ ra mối liên hệ giữa không gian được khắc hoạ trong bài thơ với cuộc sống, tâm trạng của nhà nho ẩn dật Nguyễn Khuyến.*  ***Nhóm 4:***  *?* Ở hai câu kết, hình ảnh con người hiện ra trong tư thế, trạng thái như thế nào? Nhận xét về nỗi niềm tâm sự của tác giả?  *?* Bài thơ "Câu cá mùa thu " nói chuyện câu cá mà thực ra có phải là câu cá hay không? Vì sao?  **\*GV mở rộng:**  Trở về vườn Bùi chốn cũ để tìm sự thanh thản sau 10 năm trên con đường hoạn lộ nhưng Nguyễn Khuyến vẫn bộc lộ tấm lòng ưu thời mẫn thế. **Đi câu chỉ là cái cớ, đi câu mà dường như không để tâm vào câu, muốn tìm chốn bình yên nhưng ông vẫn trăn trở với thời cuộc.**  Hoàn cảnh của đất nước khi đó đã mất vào tay giặc:  *“Vua chèo còn chẳng ra gì*  *Quan chèo vai nhọ khác chi thằng hề”*  Cách xuất xử của Nguyễn Khuyến phản ánh sự phức tạp trong tư tưởng của ông. Trong *“Thu điếu”* cũng phần nào cho thấy sự phức tạp đó. Chủ thể trữ tình muốn tìm sự bình yên khi “*ôm cần, buông câu*” chìm đắm vào cảnh vật nhưng vẫn không thể thôi trăn trở, ưu tư. Đó là tâm hồn đáng quý, đáng trọng của Nguyễn Khuyến. Đồng thời, qua bài thơ, chúng ta cảm nhận được ở nhà thơ một tâm hồn yêu thiên nhiên, tấm lòng yêu nước thầm kín mà sâu sắc. | **2. “Thu điếu” – nỗi niềm tâm sự kín đáo của nhà thơ**  - Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ, khiến ta cảm nhận về một nỗi cô đơn, man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.  - Hai câu kết:  + Hình ảnh con người: hiện lên trong tư thế của người ngồi cầu cá “*tựa gối, buông cần*”, như đang thu mình trên chiếc thuyên câu bé nhỏ trong trạng thái trầm tư.  + Âm thanh của tiếng cá đớp bọt nước đâu đó khẽ động dưới chân bèo không chỉ làm tăng thêm cái im vắng, tĩnh lặng của ngoại cảnh mà còn cho thấy khoảnh khắc trầm lắng, suy tư của con người.  Nói chuyện câu cá nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, trời thu vào cõi lòng:  **+**+ Một tâm thế nhàn: *Tựa gối ôm cần*  ++ Một sự chờ đợi: *lâu chẳng được*  ++ Một cái chợt tỉnh mơ hồ: *Cá đâu đớp động*  =>Người đi câu với tâm thế nhàn nhã, không kêu ca buồn phiền về việc không câu được cá mà dường như đang suy nghĩ mông lung để cuối cùng thờ ơ với “*cá đâu đớp động dưới chân bèo*”. Rõ ràng người đi câu nhưng không chú tâm vào việc đi câu và đó cũng không phải là mục đích khiến ngư ông “ôm cần”. Như vậy, đi câu chỉ là cái cớ để thi nhân bộc lộ mối u hoài tĩnh lặng ghê gớm trong lòng mình. Đó là nỗi buồn thời thế thời thế kín đáo mà sâu sắc được Nguyễn Khuyến gửi gắm trong cả chùm thơ thu. |

**2.3. Tổng kết văn bản**

**a. Mục tiêu:**Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

**b. Nội dung:**GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *? Nêu chủ đề của bài thơ. Chủ đề ấy giúp em hiểu thêm điều gì về tâm hồn Nguyễn Khuyến.*  *? Rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Chủ đề - Nội dung chính**  **\*Chủ đề:** Bài thơ *Thu điếu* thể hiện sự cảm nhận tinh tế vẻ đẹp của mùa thu đất Bắc và tình cảm gắn bó thiết tha với quê hương của tác giả; qua đó bày tỏ niềm ưu tư trước thời cuộc.  **\*Nội dung chính:**  - Cảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp điển hình cho mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, của quê hương làng cảnh Việt Nam. Cảnh đẹp nhưng đượm buồn.  - Bài thơ cho thấy vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến: Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, chan hoà với thiên nhiên; yêu mến và trân trọng cuộc sống bình yên nơi làng quê; tâm sự sâu kín của một con người dẫu tìm về cuộc sống ẩn dật vẫn không nguôi nỗi buồn thời thế,... .  **2. Nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc.  - Ngôn ngữ: tinh tế, cách sử dụng từ láy, điệp vần....  - Cách gieo vần đặc biệt: vần " eo "(tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.  - Thủ pháp lấy động nói tĩnh - nghệ thuật thơ cổ phương Đông.  - Vận dụng tài tình nghệ thuật đối. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Nhiệm vụ 1: Câu hỏi trắc nghiệm khách quan**

**Hình thức: Trò chơi “Cuộc đua kì thú”**

**GV phổ biến luật chơi:**

- GV gọi 05 HS lên bảng tham gia cuộc đua, mỗi HS sẽ vẽ một dải số từ 0 – 10. Điểm xuất phát ban đầu của cuộc đua là vị trí số 0.

- Mỗi HS được phát cho 01 nam châm màu khác nhau.

- GV đọc câu hỏi, cả 5 HS cùng suy nghĩ và cùng giơ bảng ghi đáp án. Trả lời đúng thì nam châm sẽ được dịch lên một ô số.

- Hết 10 câu hỏi trắc nghiệm, HS nào ở vị trí ô số cao hơn sẽ giành chiến thắng.



*1. Địa danh nào sau đây là quê của Nguyễn Khuyến?*

A. Làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

**B. Làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, Hà Nam.**

C. Làng Vị Xuyên, huyện Mĩ Lộc, Nam Định.

D. Làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

*2. Đóng góp nổi bật của Nguyễn Khuyến cho nền văn học dân tộc là:*

A. Thơ chữ Hán, câu đối

B. Văn xuôi chữ Nôm

C. Thơ trào phúng

**D. Thơ Nôm, thơ viết về làng quê, thơ trào phúng**

*3. Bài thơ Thu điếu được Nguyễn Khuyến sáng tác trong thời gian nào?*

A. Khi tác giả đang làm quan.

**B. Khi tác giả về ở ẩn tại quê nhà.**

C. Khi tác giả đi câu cá.

D. Khi tác giả đi thắng cảnh.

*4. Bài thơ được sáng tác theo thể nào?*

A. Thất ngôn bát cú

B Thất ngôn Đường luật

**C. Thất ngôn bát cú Đường luật**

D. Tất cả đều sai

*5. Cảnh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài Thu điếu là vùng nào?*

A. Đồng bằng Trung Bộ

**B. Đồng bằng Bắc Bộ**

C. Đồng bằng Nam Bộ

D. Đồng bằng sông Cửu Long

*6. Nhà thơ đã bao quát cảnh thu như thế nào?*

A. Cảnh thu được đón nhận từ cao, xa đến gần, rồi lại từ gần đến cao, xa.

B. Cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao, xa rồi lại từ cao, xa trở lại gần

C. Cảnh thu được đón nhận theo trình tự thời gian

D. Cảnh thu được đón nhận từ không gian rộng đến không gian hẹp.

7. Đáp án **không phải** giá trị nội dung của bài *Thu điếu*?

A. Thu điếu bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Nguyễn Khuyến.

B. Thu điếu viết về cảnh sắc mùa thu ở Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Bài thơ bộc lộ tâm trạng thế thời và tài thơ Nôm của tác giả.

D. Bài thơ châm biếm, đả kích bọn thực dân xâm lược.

8. Tác dụng của cách gieo vần “eo”:

A. Góp phần diễn tả không gian bao la, rộng lớn

B. Góp phần diễn tả không gian gần gũi

C. Góp phần diễn tả không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng uẩn khúc của thi nhân

D. Tất cả các đáp án trên đều sai

9. Tâm trạng chủ yếu của thi nhân là gì?

A. Buồn khổ.

B. Vui mừng, hạnh phúc.

C. Buồn, ưu tư.

D.Thanh thản, không ưu tư, vướng bận.

10. Nối cột A với cột B:

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự vật** | **Hiện tượng** |
| 1. Ao thu | a, Đớp động dưới chân bèo |
| 2. Sóng | b, Khẽ đưa vèo |
| 3. Lá vàng | c, bé tẻo teo |
| 4. Ngõ trúc | d, Lạnh lẽo nước trong veo |
| 5. Cá | e, Khách vắng teo |
| 6. Thuyền câu | g, Theo làn hơi gợn tí |

**Đáp án:** 1.d - 2.g – 3.b – 4.e – 5.a – 6.c

D. HĐ: VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b) Nội dung**: HS viết tích cực, bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ.

**c) Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Làm việc theo cặp:  **Yêu cầu**: Đọc 2 bài thơ *Vịnh mùa thu* và *Uống rượu mùa thu* của Nguyễn Khuyến.  Từ đó, chỉ ra một số nét chung của chùm thơ và nét riêng của mỗi bài.  ***Vịnh mùa thu (Thu vịnh)***  *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,*  *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*  *Nước biếc trông như tầng khói phủ,*  *Song thưa để mặc bóng trăng vào.*  *Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,*  *Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*  *Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*  ***Uống rượu mùa thu (Thu ẩm)***  *Năm gian nhà cỏ thấp le te,*  *Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.*  *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,*  *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*  *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt ?*  *Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.*  *Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy.*  *Độ năm ba chén đã say nhè.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện 1 số cặp trình bày.  - GV khuyến khích, động viên.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung**.**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức**.** | **\*Đọc và so sánh *3 bài thơ trong chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến:***   * **Giống nhau:**   - Viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.  - Cảnh trí đơn giản gần gũi, quen thuộc với làng quê Việt, không ước lệ mà cũng không gò bó khuôn sáo.  - 3 bài thơ là 3 cảnh trí khác nhau, màu sắc khác nhau, âm hưởng khác nhau nhưng đều thể hiện:  - Tâm sự thời thế, tấm lòng yêu nước thầm kín của nhà thơ.  - Tài năng nghệ thuật bậc thầy của Nguyễn Khuyến về thơ Nôm Đường luật.   * **Khác nhau:**   - *Thu vịnh* phác họa khái quát những đặc điểm nổi bật về mùa thu gợi không gian cao rộng.  - *Thu điếu* dừng lại ở một không gian, thời gian cụ thể: Trên một ao thu với một ông già đang ngồi câu trên chiếc thuyền bé tẻo teo. Với cách gieo tử vận (vần”eo”) khiến không gian như thu nhỏ dần, khép kín.  - *Thu ẩm* quan sát cảnh thu trong nhiều thời điểm khác nhau (khi về chiều, vào đêm tối hay buổi trăng thu viên mãn) để thâu tóm những nét nên thơ nhất. |

\* VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Làm việc cá nhân

**Yêu cầu:** HS chọn 1 trong 2 yêu cầu sau:

(1) Em hãy chuyển các câu thơ tả cảnh mùa thu trong bài thơ *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến thành một đoạn văn miêu tả (khoảng 7 – 9 câu).

(2) Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ *Thu điếu*.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: ***Thực hành tiếng Việt: Từ tượng hình và từ tượng thanh.***

+ Xem phần lí thuyết

+ Làm các bài tập thực hành.

\*Rút kinh nghiệm

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 17:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**TỪ TƯỢNG HÌNH VÀ TỪ TƯỢNG THANH**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Nhận biết được đặc điểm của từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Phân tích được tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh trong ngữ cảnh.

- Biết sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh đúng và hiệu quả trong các hoạt động viết, nói và nghe.

*2. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nhận diện và phân biệt từ tượng hình, từ tượng thanh

+ Phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

*3. Về phẩm chất:*- Chăm chỉ, chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy vi tính, tivi, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng các từ tượng thanh, tượng hình.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**PP Trò chơi học tập: Nhìn hình đoán chữ**:

**Yêu cầu:** Dùng các từ ngữ điền vào dấu “…” để miêu tả đặc điểm của các sự vật, hiện tượng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Mặt đường gồ ghề - Báo Khánh Hòa điện tử | Anh-nen-song-bien-nhap-nho |
| 1. Con đường….. | 2. Sóng biển…. |
| dong-suoi-nho-keu-roc-rach-1024x685 | Mo-thay-sam-chop-co-dang-so-khong |
| 3. Suối chảy… | 4. Sấm chớp… |
| Đẹp từng cen-ti-met : 30 nữ công nhân lội ruộng cấy lúa giúp cụ U70 - Tin  nổi bật - Việt Giải Trí | tải xuống |
| 5. Những bác nông dân… cấy lúa. | 6. Chim hót…. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS tích cực tham gia trò chơi.

- Gv động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Gợi ý đáp án:

*(1) gồ ghề; (2) nhấp nhô; (3) róc rách; (4) đùng đùng/ đì đùng; (5) lom khom; (6) líu lo.*

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**=> GV dẫn vào bài*:*** *Trong khi giao tiếp hoặc tạo lập văn bản, để sự vật, hiện tượng thêm phần sinh động, cụ thể, gợi cảm hơn, ta có thể sử dụng thêm những từ ngữ miêu tả hình ảnh hoặc âm thanh cụ thể. Đó là các từ tượng thanh hoặc tượng hình. Vậy đặc điểm, tác dụng và cách sử dụng chúng như thế nào, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu trong tiết học hôm nay.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: Cho HS nhận biết đặc điểm và tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  1.HS thảo luận theo nhóm nhỏ 4 – 8 HS, hoàn thành **Phiếu học tập số 01.( Phụ lục)**  2. Qua việc phân tích ví dụ trên và dựa vào SGK, em hãy rút ra đặc điểm, tác dụng và phạm vi sử dụng của các từ tượng thanh và từ tượng hình.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ.  - GV động viên, quan sát.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức. | I. LÝ THUYẾT  **1. Xét ví dụ**  **\*Xét ngữ liệu trong đoạn trích truyện ngắn *Lão Hạc* (Nam Cao):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. | Từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người. | Tác dụng | | *móm mém ; xồng xộc; vật vã; rũ rượi; xộc xệch; sòng sọc* | *hu hu ; ư ử* | Gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao | | **Từ tượng hình** | **Từ tượng thanh** |  |   **2. Kết luận**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Từ tượng thanh** | **Từ tượng hình** | | **1. Đặc điểm** | Gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật | Mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người | | **2. Công dụng** | Gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao. | | | **3. Phạm vi sử dụng** | Thường dùng trong văn miêu tả và văn tự sự. | | |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức về từ tượng thanh và từ tượng hình để thực hiện các nhiệm vụ HT.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi, nhóm.

**b. Nội dung:** HS trao đổi, thảo luận để hoàn thiện các bài tập trong SGK.

**c. Sản phẩm:** Trả lời các bài tập 1, 2 (SGK/ tr. 42).

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thực hành bài tập 1 (Tr.42/ SGK ):**   Nhận biết được các từ tượng hình và từ tượng thanh trong các trường hợp a, b, c.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận cặp đôi trong 03 phút để hoàn thành yêu cầu bài tập 1 (SGK/ Tr 42).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV sử dụng **Vòng quay Wheel of names** để gọi HS phát biểu (tạo không khí hồi hộp).  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **1. Bài tập 1 (Tr.42/ SGK )**  a) Từ tượng hình: *tẻo teo, lơ lửng, quanh co*  b) Từ tượng thanh: *líu lo*  Từ tượng hình: *vắt vẻo*  c) Từ tượng thanh: *lích chích*  Từ tượng hình: *phập phồng* |
| **Thực hành bài tập 2 (Tr 42/SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**  GV chia lớp thành 04 nhóm, thảo luận trong 03 phút:  **Yêu cầu:** Xác định vàphân tích tác dụng của các từ tượng hình và từ tượng thanh trong các đoạn thơ.  + **Nhóm 1, 2**: Đoạn thơ a  + **Nhóm 3, 4**: Đoạn thơ b  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2. Bài tập 2 (Tr 42/SGK)**  a) Đoạn thơ có các từ tượng hình: *le te, lập loè, phất phơ, lóng lánh.*  - Từ ***le te*** gợi hình ảnh những ngôi nhà tranh thấp, hẹp ở làng quê Việt Nam xưa.  - Từ ***lập loè*** gợi ánh sáng chợt loé lên, chợt tắt đi của đom đóm; làm nổi bật thêm cái tối của những lối ngõ nhỏ và sự im vắng, tĩnh lặng của đêm khuya.  - Từ ***phất phơ*** miêu tả sự lay động khẽ khàng của làn khói mỏng trong buổi chiều thu khi tiết trời se lạnh, gợi được cả làn gió nhẹ.  - Từ ***lóng lánh*** gợi hình ảnh ánh trăng được phản chiếu từ mặt ao thu, khi làn nước trong trẻo xao động.  b) Đoạn thơ có các từ tượng hình: *lơ lửng, lững thững;* từ tượng thanh: *véo von, ồn ào.*  - Từ ***lơ lửng*** tả hình ảnh những đám mây như treo trên lưng chừng trời, gợi vẻ đẹp bình yên.  - Từ ***lững thững*** gợi tả dáng đi thong thả của nhũng người nông dân bước ra khỏi cổng làng, bắt đầu một ngày lao động, mà như “đi vào nắng mai”.  - Từ ***véo von*** gợi tiếng chim trong trẻo, tươi vui như tiếng trẻ thơ; từ ***ồn ào*** gợi không khí sôi động nơi cổng làng vào buổi sớm mai. |
| **Thực hành bài tập 3 (Tr 42/ SGK):**  **Kĩ thuật Think – pair – share:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  **Nhiệm vụ:** Liệt kê các từ tượng hình và từ tượng thanh trong đoạn văn; phân tích tác dụng của 1 từ tượng thanh/ tượng hình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi, sau đó chia sẻ với cả lớp.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Bài tập 3 (Tr 42/ SGK)**  a) Liệt kê các từ tượng hình và từ tượng thanh:  - Từ tượng hình: *li ti*  - Từ tượng thanh: *lao xao, vù vù, líu ríu*  b) HS căn cứ vào nghĩa của từ và ngữ cảnh để phân tích tác dụng của một từ tượng hình và một từ tượng thanh mà các em lựa chọn:  - Từ *li ti:* gợi hình ảnh những chấm trắng chấm đỏ nhỏ xen lẫn nhau trên bộ lông của những con chim.  - Từ *lao xao*: gợi âm thanh của tiếng gió thổi xen lẫn những tiếng động nhỏ khác rộn lên, nghe không rõ, không đều  - Từ *vù vù*: gợi âm thanh của tiếng vỗ cánh, đập cánh của những con chim bay vụt qua rất nhanh với số lượng lớn.  - Từ *líu ríu:* gợi âm thanh tiếng kêu của đàn chim dính quyện vào nhau thành một chuỗi khó phân biệt rạch ròi, khó nhận ra. |

D. HĐ VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về từ tượng thanh, từ tượng hình để làm bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**1. Bài tập 1: Thử làm chuyên gia ngôn ngữ:**

**Yêu cầu:** Tìm các từ tượng thanh/ tượng hình điền vào các nhóm từ sau. Sau đó, thử đặt câu với một số từ đã tìm được:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Từ tượng hình** | | **Từ tượng thanh** | |
| Miêu tả dáng đi của người | Miêu tả hình dáng của cây cối, đồ vật, sự vật,… | Miêu tả giọng nói của người | Miêu tả tiếng cười của người |
| **……** | **……** | **……** | **…..** |

**2. Bài tập 2:** Sưu tầm một số bài thơ, đoạn thơ có sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh mà em cho là hay.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS về nhà hoàn thành yêu cầu của GV**.**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Gợi ý sản phẩm học tập**

**1. Bài tập 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Từ tượng hình** | | **Từ tượng thanh** | |
| Miêu tả dáng đi của người | Miêu tả hình dáng của cây cối, đồ vật, sự vật,… | Miêu tả giọng nói của người | Miêu tả tiếng cười của người |
| *Rón rén, thướt tha, ngả nghiêng, lò dò, thoăn thoắt,…* | *Gồ ghề, khẳng khiu, nhấp nhô, trập trùng, lấp lánh,…* | *ấp úng, lắp bắp, thánh thót, quang quác, lảnh lót,…* | *ha hả, hì hì, hô hố, hơ hớ,..* |

HS tự đặt câu với các từ ngữ vừa tìm được.

**2. Bài tập 2:** Sưu tầm một số bài thơ, đoạn thơ có sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh.

Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| *Lặng yên bên bếp lửa*  *Vẻ mặt Bác trầm ngâm*  *Ngoài trời mưa lâm thâm*  *Mái lều tranh xơ xác*…”  *(Đêm nay Bác không ngủ -* Minh Huệ) | Chú bé *loắt choắt*  Cái xắc *xinh xinh*  Cái chân *thoăn thoắt*  Cái đầu *nghênh nghênh*  *(Lượm -*Tố Hữu) |

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

PHỤ LỤC BÀI THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01**: **Tìm hiểu ví dụ về từ tượng thanh, từ tượng hình** |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau:**  - Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng **móm mém** của lão mếu như con nít. Lão **hu hu** khóc...  - Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu **ư ử**, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão đối xử với tôi như thế này à?”.  - Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi **xồng xộc** chạy vào. Lão Hạc đang **vật vã** ở trên giường, đầu tóc **rũ rượi**, quần áo **xộc xệch**, hai mắt long **sòng sọc**.”  (Trích *Lão Hạc*, Nam Cao) |
| **Yêu cầu**: **Xếp các từ ngữ in đậm vào các cột trong bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. | Từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người. | Tác dụng | | … | … | … | |

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: ***Văn bản 2:******Thiên Trường vãn vọng (Trần Nhân Tông)***

+ Đọc văn bản

+ Trả lời các câu hỏi sau khi đọc.

\*Rút kinh nghiệm

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 18**

**Văn bản 2: THIÊN TRƯỜNG VÃN VỌNG**

*(Ngắm cảnh Thiên Trường trong buổi chiều tà – Trần Nhân Tông)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - một vị hoàng đế - thi nhân.

*2. Năng lực*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b.Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

2. Phẩm chất:

**-** Biết ơn và tự hào về các thế hệ trước; biết trân trọng, gìn giữ di sản văn hoá mà ông cha để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách BT.

- Máy vi tính, tivi

- Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tác phẩm “ Thiên trường vãn vọng”

- Phiếu học tập

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Trò chơi *Vượt chướng ngại vật (Fomat của Đường lên đỉnh Olympia)***

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**\***GV mời 04 HS tham gia trò chơi, tương ứng với 04 thí sinh.

**\*Luật chơi:**

- Có 4 từ hàng ngang và 1 bức tranh là các gợi ý liên quan đến chướng ngại vật.

- Bức tranh gồm 5 miếng ghép, 4 miếng ghép là 4 từ hàng ngang và 1 miếng ghép ở trung tâm

- Mỗi thí sinh có 1 lượt lựa chọn (từ vị trí số 1 đến vị trí số 4) để chọn trả lời một trong các từ hàng ngang này.

- Thời gian suy nghĩ 15 giây/câu. Trả lời đúng mỗi từ hàng ngang, thí sinh được 10 điểm.

- Thí sinh có thể bấm chuông trả lời chướng ngại vật bất cứ lúc nào, nhưng không thể bấm chuông khi MC đang đọc câu hỏi.

+ Trả lời đúng chướng ngại vật trong vòng 1 từ hàng ngang đầu tiên được 80 điểm.

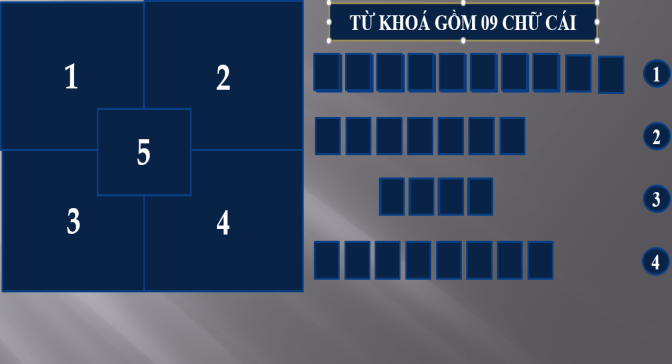
+ Trả lời đúng trong vòng 2 từ hàng ngang được 60 điểm.

+ Trả lời đúng trong vòng 3 từ hàng ngang được 40 điểm.

+ Trả lời đúng trong vòng 4 từ hàng ngang được 20 điểm.

+ Trả lời chướng ngại vật sau khi trả lời gợi ý số 5 được 10 điểm

- Kết thúc cuộc thi, thí sinh nào giành được nhiều điểm nhất sẽ là người chiến thắng.



**Từ khóa có 09 chữ cái.**

**Bức tranh sau 5 miếng ghép: Ấn đền Trần**



**Hàng ngang 1** (10 chữ cái): Các mốc thời gian 1258, 1285, 1287 khiến em nhớ tới những chiến thắng của dân tộc ta trước giặc ngoại xâm nào?

🡪 Đáp án: *Mông Nguyên*

**Hàng ngang 2** (07 chữ cái): Chợ Viềng mỗi năm họp 01 lần duy nhất là phiên chợ nổi tiếng của tỉnh thành nào?

🡪 Đáp án: *Nam Định*

**Hàng ngang 3** (04 chữ số): Tính nhanh phép tính sau: 2x7x100=?

🡪 Đáp án: *1400*

**Hàng ngang 4** (08 chữ cái): Đây là tôn giáo lớn ở Việt Nam có nguồn gốc từ Ấn Độ.

🡪 Đáp án: *Phật giáo*

*=>*Từ khóa là: **TRIỀU TRẦN** (09 chữ cái).

Lí giải từ khóa: Triều Trần là triều đại lớn trong lịch sử phong kiến Việt Nam, kéo dài từ 1226 đến **1400**. **Nam Định** chính là quê hương của các vua Trần (Tức Mặc – Nam Định). **Phật giáo** rất được coi trọng thời nhà Trần, trong đó, thượng hoàng Trần Nhân Tông đã thành lập Thiền phái [Trúc Lâm Yên Tử](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_L%C3%A2m_Y%C3%AAn_T%E1%BB%AD) nổi tiếng và truyền đến đời nay. Triều Trần còn ghi dấu ấn sâu đậm trong lịch sử với 3 lần chiến thắng quân **Mông Nguyên** xâm lược.

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**=> GV dẫn vào bài mới:** Có thể nói, triều Trần là một trong những triều đại nổi bật nhất trong [lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam). Trang sử về nhà Trần trong sử sách nằm trong số những trang sáng nhất và để lại nhiều bài học cho đời sau. Nhắc đến các vị vua triều đại nhà Trần hẳn ai cũng sẽ nhớ ngay tới vua Trần Nhân Tông – một vị hoàng đế, một phật hoàng, một thi nhân.

Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một sáng tác nổi tiếng của vị Vua - Phật này: bài thơ *Thiên trường vãn vọng (Ngắm cảnh Thiên Trường trong buổi chiều tà).*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu :** Giúp HS khám phá chung về tác giả Trần Nhân Tông và bài thơ *Thiên Trường vãn vọng* (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục,...)

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV 1: Tìm hiểu về tác giả** **Trần Nhân Tông**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu nhóm 1 lên báo cáo sản phẩm học tập tìm hiểu về tác giả **Trần Nhân Tông.** Có thể tổ chức như sau:  **Cách 1:** Phỏng vấn MC – tác giả  Chuyên mục “Người nổi tiếng”    **Đóng vai phỏng vấn** 1 MC – 1 HS để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả Trần Nhân Tông:  + Thân thế, sự nghiệp  + Vị trí văn học  + Phong cách viết  + Tác phẩm chính  Phật hoàng Trần Nhân Tông trong lãnh đạo và phát triển xã hội Việt Nam  **Cách 2: Trò chơi “Cặp đôi thông thái”:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, hãy điền nhanh các thông tin vào Phiếu học tập số 01 (Phụ lục bài học) để tìm hiểu chung về tác giả và bài thơ.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh theo dõi Phiếu học tập trên màn hình và thảo luận theo cặp hoàn thiện trong thời gian tối đa **03 phút**  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * - GV mời 02 cặp đôi hoàn thành xong sớm nhất sẽ dán PHT lên bảng. * Mời 01 HS làm thư kí để tính điểm cho các HS. * Các HS khác lắng nghe, bổ sung.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Trần Nhân Tông (1258 – 1308) là vị vua thứ ba của nhà Trần.  - Là vị hoàng đế anh minh đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên và khôi phục nền kinh tế, văn hóa Đại Việt.  - Trần Nhân Tông còn là vị thiền sư sáng lập dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, đồng thời là một tác gia văn học.  - Đặc điểm thơ của Trần Nhân Tông:  + Tràn đầy cảm hứng yêu nước và hào khí Đông A; cảm xúc tinh tế, lãng mạn, sâu sắc mà vẫn gần gũi, thân thuộc.  + Thể hiện tình cảm gắn bó với cảnh sắc thiên nhiên đất nước và cuộc sống nhân dân;  + Ngôn ngữ hàm súc; hình ảnh vừa chân thực, bình dị vừa giàu ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng |
| **NV 2: Tìm hiểu về bài thơ *Thiên Trường vãn vọng***  **GV hướng dẫn cách đọc văn bản**:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản: Đây là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật chữ Hán. Do đó, GV phải giúp HS phân biệt bản phiên âm, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ.  - GV có thể dành 5-7 phút cho HS đọc diễn cảm, đọc thuộc lòng và hỏi các từ ngữ khó.  - GV có thể hướng dẫn HS đối chiếu bản dịch thơ với bản dịch nghĩa để chỉ ra một vài điểm khác biệt giữa hai bản dịch.  - GV hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược đọc thể hiện ở từng thẻ chỉ dẫn đặt bên phải VB. HS sử dụng chiến lược *theo dõi* để nhận biết biện pháp tu từ điệp ngữ và hình thức đối trong hai cầu thơ đầu; chiến lược *hình dung* để cảm nhận về hình ảnh con người và thiên nhiên.  - **HS suy nghĩ, thảo luận nhóm đôi** để nêu hoàn cảnh sáng tác, hoàn thành **Phiếu học tập 02: Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ *Thiên Trường vãn vọng*.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm. | **2. Tác phẩm**  **\*Đọc, từ khó**  **\*Hoàn cảnh sáng tác**  - Sáng tác khoảng những năm 90 của thế kỉ XIII, trong dịp Trần Nhân Tông về thăm quê cũ ở Thiên Trường.  - Phủ Thiên Trường: tên cũ là hương Tức Mặc, quê hương của các vị vua Trần, nay thuộc tỉnh Nam Định. Tại đây, nhà Trần đã cho xây dựng một hành cung (cung điện ở ngoài kinh thành)  **\*Đề tài và thể thơ**  **-** Đề tài: tình yêu quê hương đất nước.  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  \***Phương thức biểu đạt chính**: biểu cảm  \***Bố cục**: 2 phần :  + Phần 1. Hai câu đầu. Cảnh sắc thiên nhiên ở phủ Thiên Trường.  + Phần 2. Hai câu sau. Sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên. |
| **Sơ đồ 1: Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ *Thiên Trường vãn vọng***  **Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt** (gồm 4 câu, mỗi câu có 7 chữ)  Bài thơ luật trắc   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Luật bằng trắc** | **Niêm** | **Vần** | **Đối** | | 1 | B **T** B B T T B |  | B (*yên*) | Đối  (Tiểu đối trái nghĩa:  *tiền – hậu; vô – hữu)* | | 2 | T B T T T B B | Câu 2 và 3 | B (*biên)* | | 3 | T B T T B B T |  |  | | 4 | T T B B B B |  | B (*điền)* |  | | |

**2.2. Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu**

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê trong buổi hoàng hôn; từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giâ - một vị hoàng đế - thi nhân.

- Biết ơn và tự hào về các thế hệ trước; biết trân trọng, gìn giữ di sản văn hoá mà ông cha để lại.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Thể thơ và các yếu tố cơ bản của thể thơ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hãy xác định thể thơ của bài “Thiên Trường vãn vọng” và nêu các yếu tố cơ bản trong bài thơ giúp em nhận ra điều ấy?*  *Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số để trả lời câu hỏi*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Luật BT** | **Niêm** | **Vần** | **Đối** | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  | | 3 |  |  |  | | 4 |  |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  KĨ THUẬT MẢNH GHÉP:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  Hoàn thành **Phiếu học tập 03 (Phụ lục)** theo kĩ thuật Mảnh ghép:  **Vòng 1: Vòng chuyên gia**  **-** Nhóm 1, 2: Tìm hiểu hai câu thơ đầu  - Nhóm 3, 4: Tìm hiểu hai câu thơ sau  GV phát PHT riêng cho từng nhóm.  Thời gian thảo luận: 05 phút  **Vòng 2: Vòng mảnh ghép**  - Lập các nhóm mảnh ghép từ các nhóm cũ.  - Các thành viên nhóm mới lập trao đổi về kết quả đã thảo luận ở **Vòng chuyên gia.**  **-** Nhóm mảnh ghép thảo luận câu hỏi sau:  ? *Chỉ ra sự thay đổi điểm nhìn của nhà thơ. Nhà thơ đã miêu tả những không gian nào trong bài thơ?*  *? Qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được miêu tả trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc, tâm trạng gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - GV khích lệ, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm mảnh ghép báo cáo kết quả theo kĩ thuật mảnh ghép.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GVđánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm.  GV chuẩn hóa kiến thức.  **GV mở rộng:**  - *Phủ Thiên Trường thuở ấy, đường sá rầm rập ngựa xe, có biết bao cung điện của vua chúa, tôn thất nhà Trần, nhưng Trần Nhân Tông không nói đến lầu son gác tía, bệ ngọc ngai vàng tráng lệ nguy nga, mà chỉ nói đến cảnh sắc thiên nhiên, cảnh vật đồng quê gần gũi, bình dị. Điều đó cho thấy tâm hồn thi sĩ giàu tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước. Tính bình dị, dân dã, hồn nhiên là cốt cách, là hồn thơ của ông vua anh hùng - thi sĩ này.*  *- Trần Nhân Tông viết "Thiên Trường vãn vọng" sau năm 1288, khi giặc Nguyên - Mông đã bị nhân dân ta đánh bại, nước Đại Việt thanh bình, yên vui. Bản thân Trần Nhân Tông là vị hoàng đế đã hai lần lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng giặc Nguyên xâm lược; đã trải qua nhiều gian nan, thử thách; chứng kiến nhiêu gian khổ, mất mát, hi sinh của dân tộc. Do đó, Người càng trân trọng niềm hạnh phúc, ấm no đời thường của nhân dân sau khoảng thời gian dài binh cách. Niềm vui của Người hòa chung vào niềm vui của nhân dân.* | **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. Thể thơ và các yếu tố cơ bản của thể thơ**  - Thể thơ: Tứ tuyệt Đường luật  - Các yếu tố cơ bản của thể thơ   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Luật bằng trắc** | **Niêm** | **Vần** | **Đối** | | 1 | TTBBTTB |  | B | Đối (Cú trung đối- tiểu đối) | | 2 | TBBTTBB | Câu  2 – 3 | B | | 3 | TBTTBBT |  | Đối | | 4 | BTBBTTB |  | B |   **2. Cảnh vật và cuộc sống con người**  **2.1. Hai câu thơ đầu: Bức tranh thiên nhiên**  \* **Thời gian, địa điểm:** Cảnh thôn xóm vào buổi chiều hoàng hôn ở Phủ Thiên Trường.  \* **Cảnh vật:**  - Hình ảnh:  + Trước thôn, sau thôn “mờ mờ như khói phủ”: “khói” ở đây có thể là làn sương mỏng nhẹ buông xuống lúc hoàng hôn; cũng có thể là sương pha cùng khói lam chiểu toả ra từ những mái rạ trong thôn.  + Cảnh hoàng hôn mờ ảo, nơi thì nắng nhạt dần, nơi thì nắng đã tắt khiến cho bóng chiểu bảng lảng “nửa như có, nửa như không”  => Cảnh thôn xóm vừa hư ảo vừa như thực, vừa như mơ hồ trong làn sương chiều. Đây là khung cảnh đặc trưng của buổi chiểu muộn nơi làng quê.  - Biện pháp tu từ:  Tiểu đối: “tiền” – “hậu”, “vô” – “hữu”  => Tạo dựng không gian có sự mở rộng biên độ về hai chiều, hai phía trước và sau của một làng quê yên tình. Bốn chữ "thôn Hậu thôn tiền " và "bán vô bán hữu" liên kết đôi, tạo nên sự cân xứng hài hòa về ngôn ngữ đã gợi lên cảnh xóm thôn nối tiếp gần xa, đông đúc, trù phú.  + So sánh: “đạm tự yên” – không gian phủ mờ khói khiến cảnh vật như càng trở nên mơ màng, mênh mang  🡺 Bằng bút pháp tả ít gợi nhiều, hai câu đầu gợi ra khung cảnh làng quê một buổi chiều tàn phủ mờ sương khói và ánh tà dương yên bình, êm đềm, nên thơ.  tải xuống  **2.2. Hai câu thơ cuối: Bức tranh cuộc sống**  - Hình ảnh:  + Hình ảnh trẻ chăn trâu thổi sáo “lùa trâu về hết” 🡪 gợi thời gian của buổi hoàng hôn, không gian thanh tĩnh - khi mọi hoạt động dần lắng xuống, con người và loài vật đểu tìm về nơi sum vầy, nghỉ ngơi,...  + Từng đôi cò trắng đậu xuống cánh đồng 🡪 làm cho không gian được mở ra, trở nên thoáng đãng, cao rộng, yên ả; gợi hình ảnh gần gũi, thân quen nơi những cánh đồng quê Bắc Bộ, gợi nhịp sống đời thường bình yên, ấm áp.  - Âm thanh: âm thanh tiếng sáo mục đồng cất lên, nghe réo rắt, hồn nhiên, thanh bình – âm thanh quen thuộc của làng quê xưa nay  - Nghệ thuật: Nghệ thuật chấm phá, bút pháp lấy động tả tĩnh, hình ảnh có tính chất ước lệ xuất hiện trong ca dao và thơ cổ.  => Hai câu thơ cuối gợi bức tranh đời sống nơi thôn quê giản dị, bình yên, ấm áp.  \***Tiểu kết:**  - Sự thay đổi điểm nhìn trong cả bài thơ và những khoảng không gian được miêu tả:  + Từ cung Thiên Trường, trong buổi chiều tà, vị vua thi sĩ đã dõi theo không gian từ xa tới gần (*vãn vọng*- trông xa): hình ảnh “sau thôn, trước thôn”, từ toàn cảnh đến cận cảnh.  + Không gian trải dài: hướng theo con đường trẻ mục đồng “lùa trầu vể hết”, khuất dần vào trong thôn xóm.  + Không gian được nối từ cao xuống thấp: dõi theo những đôi cò trắng bay liệng, đậu xuống cánh đồng.  - Bức tranh cảnh vật làng quê trầm lặng mà không đìu hiu. Thiên nhiên và con người hòa quyện một cách nên thơ.  thien-truong-van-vong-tho  **3. Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ**  - Tình yêu thương, thái độ trân trọng dành cho thiên nhiên, con người, cuộc sống. Đó là tình cảm chân thành, ấm áp của nhà thơ với quê nhà; sự gắn bó, sự giao hoà giữa cảnh vật và con người.  - Niểm vui, hạnh phúc trước cuộc sống thanh bình của nhân dân;...  => Đó là tấm lòng của vị vua trẻ gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước, vui mừng, hạnh phúc trước cảnh đất nước thanh bình, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc sau thời gian dài đấu tranh chống giặc ngoại xâm. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *1. Nêu chủ đề của bài thơ. Chủ đề ấy giúp em hiểu thêm điều gì về tâm hồn Trần Nhân Tông?*  *2.Rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bức tranh cảnh vật làng quê đẹp đẽ, bình dị, nên thơ.  - Cái nhìn “vãn vọng” của vị vua thi sĩ có tâm hồn gắn bó máu thịt với cuộc sống bình dị.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng.  - Hình ảnh so sánh, phép tiểu đối sáng tạo, bút pháp tả ít gợi nhiều.  - Nhịp thơ êm ái hài hòa.  - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa.  - Hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc.  **3. Cách đọc hiểu một bài thơ Đường luật**  - Cần chú ý đặc điểm thể loại, văn tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên hệ giữa các câu thơ trong bài. Nếu là thơ bằng chữ Hán, trước khi đọc phần Dịch thơ cần đọc kĩ phần Dịch nghĩa để hiểu rõ ý các câu thơ. Chú ý đối sánh giữa phần phiên âm và phần dịch thơ.  - Hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,…)*  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc. |

C. HĐ LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Nhiệm vụ 1: Trò chơi Rung chuông vàng mini**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

- GV có thể tổ chức cho HS củng cố kiến thức bài học trên phần mềm Kahoot.it hoặc Quizizz. (Việc tổ chức trên phần mềm sẽ tăng tính tương tác, hấp dẫn, hứng thú hơn cho HS).

- Nếu không đảm bảo về phương tiện (HS không có đủ ĐTDĐ để tham gia) thì GV có thể trình chiếu câu hỏi trắc nghiệm để tạo thành **Gameshow*“Rung chuông vàng mini”***

**GV phổ biến luật chơi:**

- Mỗi người sẽ được phát 3 tấm giấy nhớ cỡ nhỏ (Mỗi tấm 1 màu khác nhau)

Quy ước: + Xanh lá cây: Đáp án A.

+ Hồng: Đáp án B.

+ Vàng: Đáp án C

+ Xanh dương: Đáp án D

**Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS cả lớp đứng tại chỗ để tham gia trò chơi.

**Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án bằng cách giơ tấm giấy nhớ có màu tương ứng đã quy ước.

**Bước 4.** Công bố kết quả

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng hoặc trả lời được tất cả các câu hỏi.

**Hệ thống câu hỏi như sau:**

**Câu 1:**  Trần Nhân Tông là vị vua thứ mấy của nhà Trần?

A. Thứ nhất

B. Thứ hai

C. Thứ ba

D. Thứ tư

**Câu 2**: Bài thơ *Thiên Trường vãn vọng* của Trần Nhân Tông được làm theo thể thơ gì?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt

D. Ngũ ngôn bát cú

**Câu 3:** Phủ Thiên Trường thuộc địa phương nào?

A. Nam Định

B. Hà Nội

C. Hà Nam

D. Ninh Bình

**Câu 4:** Bài thơ miêu tả cảnh vật vào thời điểm nào trong ngày?

A. Cảnh đêm

B. Cảnh buổi sớm

C. Cảnh trưa

D. Cảnh chiều

**Câu 5:** Tác giả sáng tác bài thơ trong hoàn cảnh nào?

A. khi vi hành qua vùng đất  Thiên Trường.

B. khi tưởng nhớ tới mảnh đất quê hương ở Thiên Trường.

C. khi chuẩn bị rời mảnh đất  Thiên Trường.

D.  khi nhà thơ có dịp về thăm quê cũ ở Thiên Trường.

**Câu 6:** Bài thơ được viết theo luật và vần gì?

A. Luật bằng và vần trắc.

B. Luật trắc và vần bằng.

C. Luật trắc và vần trắc.

D. Luật bằng và vần bằng.

**Câu 7:** *Mục đồng* có nghĩa là gì?

A. Đồng áng.

B. Trẻ chăn trâu, chăn bò.

C. Buổi chiều.

D. Cò bay trên đồng.

**Câu 8:** Cảnh tượng được miêu tả trong bài thơ trong bài thơ như thế nào?

A. Rực rỡ và diễm lệ.

B. Hùng vĩ và tươi tắn.

C. Huyền ảo và thanh bình.

D. U ám và buồn bã.

**Câu 9:**  Đâu ***không*** phải nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?

A. Kết hợp so sánh và tiểu đối sáng tạo.

B. Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa, lối tả ít gợi nhiều của thi pháp cổ.

C. Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt.

D. Hình ảnh quen thuộc, gần gũi.

**Câu 10:** Tâm trạng của tác giả trước cảnh tượng buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường?

A. Tác giả mang trong lòng nỗi căm thù giặc Nguyên đã xâm lược nước ta.

B. Tác giả mang trong lòng niềm tự hào dân tộc.

C. Tác giả bồi hồi xao xuyến khi nhớ về quê hương.

D. Tác giả mang trong mình một tình yêu tha thiết đối với xóm làng quê hương.

D. HĐ VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS nêu lên bài học rút ra từ văn bản.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Nhiệm vụ 1: Kĩ thuật Think – Pair – Share**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Câu hỏi:** Câu kết trong bài thơ tứ tuyệt Đường luật thường để lại dư âm. Hãy cho biết câu kết trong *Thiên trường vãn vọng* có thể gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ độc lập về câu hỏi – ghép đôi chia sẻ- thảo luận với nhóm lớn hơn/ cả lớp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi 1-2 HS bày tỏ quan điểm, suy nghĩ.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý**

HS có thể chia sẻ về tính hàm súc và tính chất “mở” của thơ tứ tuyệt Đường luật - lời hết mà ý chưa hết.

- Vẻ đẹp của cuộc sống thanh bình: Câu thơ gợi khung cảnh đổng quê bình yên, mở ra liên tưởng về những vụ mùa no ấm, vể sự sống sinh sôi nảy nở, nhịp sống bình yên quý giá sau những năm tháng chiến tranh chống quân Nguyên xâm lược.

- Vẻ đẹp của tâm hổn tác giả được thể hiện qua tình yêu thương bao trùm vạn vật; thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp bình dị của đời thường; niềm hạnh phúc trước cuộc sống thanh bình của nhân dân;...

**\*Nhiệm vụ 2: Viết kết nối với đọc**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Làm việc cá nhân.

**Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày cảm nhận của em về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ *Thiên Trường vãn vọng.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- HS dựa vào hướng dẫn của GV để thực hành viết kết nối.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá đoạn văn.

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

**\*Nhiệm vụ 3: Tập làm họa sĩ**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Yêu cầu: -** HS hoạt động theo nhóm nhỏ (4 – 8 HS/ nhóm)

- Vẽ tranh minh họa cho nội dung bài thơ *Thiên Trường vãn vọng.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Gv khích lệ, hỗ trợ các nhóm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ rubrics để đánh giá tranh minh họa sản phẩm.

-Các HS lắng nghe, nhận xét theo rubrics.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: ***Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ.***

+ Tìm hiểu phần lí thuyết

+ Làm các bài tập thực hành

\*Rút kinh nghiệm

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 19. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**BIỆN PHÁP TU TỪ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

*2. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng từ đơn, từ phức, hiểu nghĩa của từ và các biện pháp tu từ.

*3. Về phẩm chất:*- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy vi tính, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng BPTT đảo ngữ

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HĐ KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cho đoạn thơ sau:**  *“Chắt trong vị ngọt mùi hương Lặng thầm thay những con đường ong bay. Trải qua mưa nắng vơi đầy Men trời đất đủ làm say đất trời.”*  (Nguyễn Đức Mậu)  **Hãy cho biết:**  **-** Cách diễn đạt (trật tự các bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong câu) của dòng thơ thứ hai và dòng thơ thứ 4 có gì khác nhau?  - Dòng thơ có sử dụng biện pháp đảo ngữ nhằm mục đích gì?  2. Trong lời nói hàng ngày, em có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ không? Lấy một ví dụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, phát biểu.  - GV động viên, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  **\*Sự khác nhau:**  **-** Dòng thơ thứ 2 (*Lặng thầm thay những con đường ong bay)* diễn đạt theo cách đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ.  *-* Dòng thơ thứ 4 *(Men trời đất đủ làm say đất trời)* diễn đạt theo trật tự thông thường chủ ngữ - vị ngữ.  \* **Ý nghĩa, mục đích**: Phép đảo ngữ trong dòng thơ thứ 2 nhằm nhấn mạnh sự lao động thầm lặng, không biết mệt mỏi của bầy ong để tạo ra những giọt mật quý. |

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: Cho HS nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  ? Qua việc phân tích ví dụ ở phần Khởi động và dựa vào SGK, em hãy rút ra đặc điểm, tác dụng và phạm vi sử dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.  Lấy ví dụ và phân tích.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận theo cặp. * GV động viên, quan sát.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện một số cặp trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức. | **I. Lý thuyết**   |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tu từ đảo ngữ** | | | 1. Đặc điểm | Thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu. | | 2. Phân loại | 2 hình thức đảo ngữ: | | 3. Tác dụng | - Nhấn mạnh đặc điểm, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn.  - Bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | | 4. Phạm vi sử dụng | Thường dùng trong cả thơ và văn xuôi. | |

C. HĐ LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức về biện pháp đảo ngữ để thực hiện các nhiệm vụ HT.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi, nhóm.

**b. Nội dung:** Tập trung giải quyết các bài tập trong SGK.

**c. Sản phẩm:** Trả lời các bài tập 1, 2, 3 (SGK/ tr. 45 - 46).

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thực hành bài tập 1 (Tr.45/ SGK ):**   Nhận biết được biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp a, b, c.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận cặp đôi trong 03 phút để hoàn thành yêu cầu bài tập 1 (SGK/ Tr 45).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV sử dụng **Vòng quay Wheel of names** để gọi HS phát biểu (tạo không khí hồi hộp).  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 (Tr.45/ SGK )**  a) Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ *(lặn lội thân cò, eo sèo mặt nước).*  b) Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ *(xanh mát bóng cây, trắng cánh buồm bay).*  c) Câu văn thứ 2 sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ (*sấp ngửa, chị chạy vào cổng; vội vàng chị vào trong nhà).* |
| **Thực hành bài tập 2 (Tr 45/SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong từng câu thơ trích trong bài thơ “*Qua Đèo Ngang*” (Bà Huyện Thanh Quan).  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo bàn hoặc nhóm nhỏ 4 – 6 HS.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2. Bài tập 2 (Tr 45/SGK)**  a) Cả bốn câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ.  b) Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong từng câu thơ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu thơ** | **Phép đảo ngữ** | **Tác dụng** | | 1 | - Đảo trong cụm từ: đảo từ “tiều” lên trước “vài chú”;  - Đảo vị ngữ “lom khom dưới núi” lên trước chủ ngữ “tiều vài chú” | Nhấn mạnh tư thế, hình dáng nhỏ bé của con người, từ đó làm nổi bật khung cảnh hùng vĩ, hiểm trở của Đèo Ngang. | | 2 | - Đảo trong cụm từ: đảo cụm từ “mấy nhà” lên trước từ “chợ”;  - Đảo vị ngữ “lác đác bên song” lên trước chủ ngữ “chợ mấy nhà” | Nhấn mạnh số lượng ít ỏi và sự thưa thớt của những ngôi nhà; từ đó gợi không khí vắng vẻ, hoang sơ của núi rừng. | | 3, 4 | cụm từ *nhớ nước, đau lòng, thương nhà, mỏi miệng* được đảo vị trí | Thể hiện nỗi niềm hoài cổ - nhớ tiếc quá khứ vàng son đã trôi qua và tâm trạng hoài hương - nhớ gia đình, quê hương của nhà thơ. | |
| **Thực hành bài tập 3 (Tr 46/ SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 06 nhóm nhỏ, thảo luận trong 03 phút:  **Yêu cầu:** Xác định vàphân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các đoạn thơ.  + **Nhóm 1, 2**: Đoạn thơ a  + **Nhóm 3, 4**: Đoạn thơ b  **+ Nhóm 5, 6**: Đoạn thơ c  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Bài tập 3 (Tr 46/ SGK)**  a) Các từ ngữ ***bỏ nhà, lơ xơ, mất ổ, dáo dác*** được đảo vị trí có tác dụng nhấn mạnh tình cảnh bơ vơ, tan tác; tâm trạng hoang mang, sợ hãi của con người và vạn vật khi chiến tranh bất ngờ ập đến; thể hiện được nỗi buồn thương, đau đớn trước cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân lầm than.  b) Từ ***leng keng*** được đảo vị trí gợi ấn tượng về những âm thanh rộn rã, tươi vui của tiếng nhạc ngựa và thể hiện niềm vui trước nhịp sống bình yên, thân thuộc của quê hương.  c) Các từ **ồn ào, tấp nập** được đảo vị trí có tác dụng nhấn mạnh không khí đông vui, nhịp sống sôi động nơi làng chài khi đón những con thuyền đầy ắp cá, bình yên trở vể sau chuyến ra khơi. |

D. HĐ VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về biện pháp tu từ đảo ngữ để làm bài tập vận dụng

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**1.Bài tập 1**: Dùng phép đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm:

a) *Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoảng đâu đây.*

*b) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tổ.*

*c) Dòng sông quê tôi đáng yêu biết bao.*

*d) Những cánh cỏ trắng muốt tung tăng trên đồng lúa chín.*

*e) Những chuyển xe qua tấp nập trên đường.*

**2. Bài tập 2:** Tìm một số câu thơ, câu văn có sử dụng biện pháp đảo ngữ và phân tích tác dụng của phép đảo ngữ trong các câu thơ, câu văn đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS về nhà hoàn thành yêu cầu của GV**.**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Gợi ý sản phẩm học tập**

**1. Bài tập 1:**

a) *Vây quanh em ột biển lúa vàng, thoang thoảng đâu đây hương lúa chín.’*

*b) Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim chiều bay về tổ.*

*c) Đáng yêu biết bao dòng sông quê tôi.*

*d) Trắng muốt những cánh cỏ tung tăng trên đồng lúa chín.*

*e) Tấp nập những chuyển xe qua trên đường.*

**2. Bài tập 2:** Một số câu thơ, câu văn có sử dụng biện pháp đảo ngữ:

Ví dụ 1:

*Trong xanh ánh mắt*

*Trong vắt nhãn lồng*

*Chim ăn nhãn ngọt*

*Bồi hồi nhớ ông!*

(Trần Kim Dũng)

Ví dụ 2:

*Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi*

*Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

(Tô Hùng)

HS tự sưu tầm và phân tích tác dụng của phép đảo ngữ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: ***Văn bản 3: Ca Huế trên sông Hương (Hà Ánh Minh).***

+ Đọc văn bản

+ Trả lời các câu hỏi sau khi đọc

+ Tìm hiểu về hoàn cảnh ra đời bài thơ.

\*Rút kinh nghiệm

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 20,21**

**Văn bản 3: CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG**

*(Hà Ánh Minh)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Kết nối với chủ điểm của bài học 2, nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu được giá trị của một sản phẩm văn hóa truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.

2. Về năng lực:

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản ***Ca Huế trên sông Hương***

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản ***Ca Huế trên sông Hương***

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Yêu thương, sự gắn bó với cảnh sắc quê hương với cuộc đời

- HS biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách BT.

- Máy vi tính, tivi

- Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tác phẩm hoàn chỉnh “ Ca Huế trên sông Hương”

- Phiếu học tập

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HĐ KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**\*Cách 1: PP vấn đáp**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

*? Em hãy chia sẻ về một sản phẩm văn hóa truyền thống của quê hương mình.*

*? Em đã từng ghé thăm xứ Huế chưa? Hãy nêu những ấn tượng của em về mảnh đất này.*

*Chia sẻ cảm nhận theo cấu trúc: Huế trong tôi là…. (*Mỗi HS chia sẻ trong 01 phút)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**\*Cách 2: Xem video**

GV cho HS xem video phóng sự về Ca Huế trên sông Hương:

<https://www.youtube.com/watch?v=lxrOP3pdYe4>



**Câu hỏi**: *Qua phóng sự trên, em hãy nêu những hiểu biết của em về nghệ thuật truyền thống ca Huế trên sông Hương*.

**\*Cách 3: Trò chơi học tập “Ngao du xứ Huế”**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**\* Luật chơi: -** GV chiếu hình ảnh về xứ Huế

- HS đoán tên địa danh, di tích, ẩm thực,… nổi tiếng của xứ Huế. - Thời gian: 20s/ hình ảnh

**\*Hệ thống hình ảnh:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Picture2 | Picture3 | van-hoa-hue-nha-nhac-cung-dinh-hue |
| Cầu Tràng Tiền | Lăng vua Khải Định | Nhã nhạc cung đình Huế |
| Picture7 | Picture4 | Picture6 |
| Bún bò Huế | Chùa Thiên Mụ | Đại nội Huế |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**=> GV dẫn vào bài mới**:

*Cố đô Huế không chỉ nổi tiếng với những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới mà Huế còn làm say lòng người bởi những nét đẹp văn hóa không thể trộn lẫn vào đâu được. Đó chính là những làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình Huế. Để hiểu hơn về ca Huế, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay qua văn bản “Ca Huế trên sông Hương” của tác giả Hà Ánh Minh.*

B. HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả và văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về văn bản “Ca Huế trên sông Hương”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Đọc và khám phá chung về văn bản “*Ca Huế trên sông Hương*”**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Đọc chậm rãi, rõ ràng, nhấn mạnh những câu văn liệt kê, miêu tả và ngắt nhịp ở những câu đặc biệt để thể hiện đúng cảm xúc.  - GV đọc mẫu,sau đó gọi hai học sinh đọc rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó.  - GV chiếu cho HS xem hình ảnh, giới thiệu mở rộng.  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập 01: Khám phá chung về VB** | | *1. Nêu hiểu biết của em về tác giả?*  *2. Nêu thể loại, kiểu văn bản.*  3. *Xác định đề tài của văn bản. Em dựa vào đâu để xác định điều đó?*  *4. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.*  *5. Bố cục của văn bản* |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-** Tác giả: nhà báo Hà Ánh Minh  - Là nhà báo nổi tiếng với nhiều tác phẩm kí xuất sắc.  - “*Ca Huế trên sông Hương”* được đăng trên báo “Người Hà Nội”  **2. Tác phẩm**  **\* Đọc, chú thích**  \* Xuất xứ: trích “Báo Người Hà Nội”  **\* Thể loại:** Bút kí  \* **Kiểu văn bản**: Nhật dụng  **\* Đề tài**: Ghi lại một nét sinh hoạt của con người xứ Huế : ca Huế  **\* Phương thức biểu đạt:** Thuyết minh kết hợp với miêu tả và biểu cảm  **\* Bố cục: 2 phần**  **-** Phần 1 (Từ đầu… *lí hoài xuân, lí hoài nam*): Vẻ đẹp phong phú của các làn điệu dân ca Huế.  - Phần 2 (Còn lại): Vẻ đẹp của ca Huế trên sông Hương**.** |

**2.2. Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**  Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản:

- Nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu giá trị của một sản phẩm văn hoá truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của việc kết hợp các yếu tố có vai trò kể chuyện, miêu tả, bộc lộ cảm xúc, bình luận,… trong văn bản.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về các làn điệu dân ca Huế**  **Thảo luận theo cặp:**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  *? Hãy thống kê các làn điệu dân ca Huế được nhắc đến trong văn bản.*  *? Nêu đặc điểm về nội dung và ngôn ngữ của các làn điệu đó.*  *? Các điệu hò xứ Huế gắn bó với cuộc sống con người như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số cặp trả lời.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức | **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. Giới thiệu về dân ca Huế**  **- Phong phú về làn điệu:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các làn điệu dân ca Huế | | Âm hưởng, đặc điểm nổi bật | | Các điệu hò | Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh | Buồn bã | | Hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp | Náo nức, nồng hậu tình người | | Hò ơ, hò lơ, xay lúa, hò nện | Gần gũi với dân ca Nghệ Tĩnh | | Các điệu lý | Lý con sáo, lí hoài nam, lí hoài xuân | Dùng để giãi bày tâm sự, diễn tả nỗi niềm,… |   **-** Đặc điểm:  + Từ ngữ địa phương được sử dụng nhuần nhuyễn và phổ biến.  + Nội dung: Gửi gắm ý tình trọn vẹn của con người, thể hiện tâm hồn Huế.  - Các làn điệu dân ca Huế, đặc biệt là các câu hò Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ cuộc sống sinh hoạt, lao động của nhân dân. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu về vẻ đẹp của ca Huế trên sông Hương**  **1. GV chiếu cho HS xem 1 video về ca Huế.**  **2. Thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn:**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Tình huống:** Em hãy tưởng tượng lớp em sắp đón một đoàn khách là các bạn học sinh quốc tế muốn khám phá về ca Huế - một sinh hoạt văn hóa độc đáo của cố đô Huế. Làm việc theo nhóm để đọc văn bản *“Ca Huế trên sông Hương”* và tìm tư liệu, chuẩn bị nội dung thuyết trình cho đoàn khách về ca Huế theo các gợi trong **Phiếu học tập số 02 sau:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập số 02: Tìm hiểu vẻ đẹp của ca Huế trên sông Hương** | | 1. Kể ra các điệu ca Huế được nhắc tới trong văn bản. | | 2. Theo văn bản, ca Huế được hình thành từ đâu? Nguồn gốc đặc biệt ấy mang lại cho ca Huế vẻ đẹp gì? | | 3. Tìm hiểu cảnh đêm ca Huế trên sông Hương:  - *Không gian, thời gian biểu diễn*  *- Sân khấu biểu diễn*  *- Các nhạc cụ được sử dụng*  *- Nghệ sĩ biểu diễn (ca công, nhạc công)*  *- Cách thưởng thức ca Huế* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm để hoàn thành PHT số 02.  Chỉ 02 nhóm hoàn thành nhanh nhất mới được treo PHT lên bảng và được chấm điểm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện 02 nhóm trả lời nhanh nhất trình bày sản phẩm học tập.  + Các HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức | **2. Vẻ đẹp của ca Huế trên sông Hương**  **2.1. Các điệu ca Huế**  **-** Các khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế: *Lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ.*  - Các điệu ca Huế:  + điệu Nam: *nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân.*  + điệu Bắc pha điệu Nam: tứ đại cảnh  => Thể điệu ca Huế vô cùng phong phú, gợi lên nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau, gợi lên tình người, tình đất nước.  **2.2. Nguồn gốc của ca Huế**  - Ca Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình.  - Nguồn gốc đó mang lại cho ca Huế vẻ đẹp đặc biệt: phong phú, đa dạng; vừa sôi nổi tươi vui vừa trang trọng, uy nghi - từ khúc điệu, thể điệu đến âm hưởng, lời ca,...  **2.3. Cảnh đêm ca Huế trên sông Hương**  ***a. Không gian, thời gian biểu diễn***  - Thời gian: từ đêm, kéo dài đến gần sáng  - Không gian: trên con thuyền rồng được trang trí lộng lẫy, trôi trên dòng sông Hương.  => Thời gian, không gian ấy khiến cho việc thưởng thức ca Huế thêm sinh động, lãng mạn.  ***b. Sân khấu biểu diễn***  - Sân khấu di động: một thuyền rồng, trước mũi thuyền là một không gian rộng thoáng, giữa là một sàn gỗ bào nhẵn có mui vòm được trang trí lộng lẫy; xung quanh thuyền có hình rồng và trước mũi là một đầu rồng như muốn bay lên.  - Người biểu diễn và người thưởng thức cùng ngồi trong thuyền.  ***c. Các nhạc cụ được sử dụng***  - Sử dụng những nhạc cụ dân tộc: đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam, đàn bầu, sáo, cặp sanh.  - Số lượng phong phú, đa dạng.  ***d. Nghệ sĩ biểu diễn (trang phục, động tác)***  \*Các ca công (nghệ sĩ biểu diễn ca Huế):  Trang phục:  + Nam: áo dài, quần thụng, khăn xếp  + Nữ: áo dài, khăn đóng  => Trang phục độc đáo, thanh lịch, mang đậm tính dân tộc.  \*Các nhạc công: Biểu diễn điêu luyện, tài tình  + Sử dụng các ngón đàn trau chuốt, điêu luyện: ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi.  + *Tiếng đàn lúc khoan, lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.*  **e. Cách thưởng thức ca Huế**  - Trực tiếp nhìn các ca công, ca nhi biểu diễn.  - Ngắm cảnh Huế về đêm huyền ảo, thơ mộng.  => Thú nghe ca Huế là một thú vui tao nhã, đầy sức quyến rũ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu về tình cảm của tác giả dành cho ca Huế, xứ Huế; nghệ thuật của văn bản**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*Thảo luận theo cặp theo nhiệm vụ từng dãy:**  **- Dãy ngoài:**  *? Nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho ca Huế, xứ Huế được thể hiện trong văn bản.*   * **Dãy trong:**   *? Chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, bình luận trong văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số cặp trả lời.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **3. Tình cảm tác giả dành cho ca Huế, xứ Huế**  - Tác giả ca ngợi vẻ đẹp tinh thần đằm thắm, thiết tha của con người xứ Huế.  - Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về ca Huế và bày tỏ tình cảm yêu mến, tự hào về một sản phẩm văn hoá độc đáo – ca Huế.  - Thái độ nâng niu, trân trọng và ý thức gìn giữ, tôn vinh những di sản tinh thần quý giá của quê hương, đất nước.  **4. Nghệ thuật của văn bản**  - Sử dụng kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong VB.  + Yếu tố tự sự có vai trò kể chuyện: “*Tôi như một lữ khách thích giang hồ với hồn thơ lai láng, tình người nồng hậu bước xuống một con thuyền rồng.”* Người viết còn dùng các câu văn kể lại tiến trình buổi ca Huế theo thời gian từ lúc trăng lên đến sáng.  + Yếu tố miêu tả: miêu tả thuyền rồng; miêu tả khôn gian đêm ca Huế trên sông Hương (không gian, ca công, nhạc công)  + Yếu tố biểu cảm: “*Từ ngữ địa phương được dùng nhuần nhuyễn và phổ biến, nhất là trong các câu hò đối đáp tri thức, ngôn ngữ được sử dụng thật tài ba, phong phú”; “… có lẽ con thuyền này xưa kia chỉ dành cho vua chúa; các ca công còn rất trẻ”; “Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn con người”; “Thú nghe ca Huế tao nhã, đầy sức quyến rũ”,…*  + Yếu tố bình luận: “*Mỗi câu hò Huế dù ngắn hay dài đều được gửi gắm ít ra một ý tình trọn vẹn”; “Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán,… Lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch”;…*  =>Tác dụng: giúp người đọc hiểu nguồn gốc, đặc điểm, cách biểu diễn và thưởng thức ca Huế; thể hiện được tình cảm, thái độ của người viết và nhấn mạnh vị trí, ý nghĩa của ca Huế,... |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB thông tin.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, thảo luận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  *? Nêu những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*  *? Nội dung văn bản mang lại cho em những thông tin và nhận thức bổ ích gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV rút ra cho HS cách đọc hiểu văn bản thông tin. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, giàu chất thơ;  - Sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật liệt kê;  - Miêu tả con người, cảnh vật sinh động;  - Kết hợp hiệu quả phương thức biểu đạt thuyết minh, miêu tả và biểu cảm  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Vẻ đẹp của ca Huế - một hình thức sinh hoạt văn hóa - âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển.  - Thể hiện lòng yêu mến, tự hào đối với ca Huế - một di sản văn hóa dân tộc. |

C. HĐ LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Trò chơi Quizizz**

**Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm 4 đáp án:**

**Câu 1: Văn bản *Ca Huế trên sông Hương*được viết theo hình thức nào ?**

A. Truyện ngắn

B. Văn tả cảnh

C. Bút kí

D. Tuỳ bút

**Câu 2: Dòng nào nói đúng nhất những nội dung mà văn bản *Ca Huế trên sông Hương* muốn đề cập đến ?**

A. Vẻ đẹp của cảnh ca Huế trong đêm trăng thơ mộng trên dòng sông Hương.

B. Nguồn gốc của một số làn điệu ca Huế.

C. Sự phong phú và đa dạng của các làn điệu ca Huế.

D. Cả 3 nội dung trên.

**Câu 3: Đêm ca Huế diễn ra trong khoảng thời gian nào?**

A. Từ lúc thành phố lên đèn đến lúc trăng lên.

B. Từ lúc thành phố lên đèn đến đêm khuya.

C. Từ lúc thành phố lên đèn đến lúc gà gáy sáng.

D. Từ lúc trăng lên đến sáng.

**Câu 4: Phương tiện nà được dùng để tổ chức đêm ca Huế trên sông Hương?**

A. Tàu thuỷ

B. Thuyền rồng

C. Xuồng máy

D. Thuyền gỗ

**Câu 5: Cho biết đoạn văn sau miêu tả điều gì ?**

*Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanhcủa dàn hoà tấu, bởi bốn khúc nhạc lưu thuỷ, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương, trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.*

A. Miêu tả các loại loại nhạc cụ.

B. Miêu tả người chơi đàn.

C. Miêu tả tài nghệ của các ca công và âm thanh phong phú của nhạc cụ.

D. Miêu tả tâm trạng của người nghe đàn.

**Câu 6: Khi biểu diễn, các ca công vận trang phục gì?**

A. Nam nữ mặc võ phục.

B. Nam nữ mặc áo bà ba nâu.

C. Nam áo dài the, quần thụng, đầu đội khăn xếp, nữ áo dài, khăn đóng.

D. Nam nữ mặc áo quần bình thường.

**Câu 7: Đêm ca Huế được mở đầu bằng mấy nhạc khúc?**

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 8: Theo em, cách nghe ca Huế trong văn bản có gì độc đáo so với nghe băng ghi âm hoặc băng video?**

A. Được nói chuyện với các ca công.

B. Được nghe và nhìn trực tiếp các ca công và nhạc công biểu diễn.

C. Được chơi thử các nhạc khúc.

D. Được nghe đi, nghe lại.

**Câu 9: Vì sao có thể nói : *Ca Huế vừa sôi nổi, tươi vui, vừa trang trọng, uy nghi*?**

A. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc dân gian.

B. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc thính phòng.

C. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc dân gian và nhạc cung đình.

D. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc cung đình.

**Câu 10**: Ý nào không đúng về đặc điểm nghệ thuật của văn bản?

A. Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, giàu chất thơ.

B. Bút pháp tả cảnh ngụ tình, dùng nhiều so sánh, liên tưởng.

C. Kết hợp hiệu quả phương thức biểu đạt thuyết minh, miêu tả và biểu cảm.

D. Sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật liệt kê.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực tham gia trò chơi.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

D. HĐ VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**:

Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

**b. Nội dung**: HS bày tỏ quan điểm bản thân.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

Kĩ thuật THINK – PAIR – SHARE

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Câu hỏi:**

*1. Bên cạnh cái nôi dân ca Huế, em còn biết những vùng dân ca nổi tiếng nào của nước ta?*

*2. Theo em, chúng ta cần làm gì để bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận theo kĩ thuật Think – pair – share.

- GV khuyến khích HS đưa ra ý kiến, quan điểm cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện một số HS chia sẻ quan điểm về vấn đề đưa ra.

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: **Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung.

**Gợi ý**

**1**. Các vùng dân ca nổi tiếng của nước ta: dân ca đồng bằng Bắc Bộ (Cò lả, dân ca quan họ Bắc Ninh,…), dân ca Nam bộ (Lý ngựa ô, Lý quạ kêu,..; vọng cổ; đờn ca tài tử,…);….

Ngoài ca Huế, Việt Nam ta còn có 5 di sản văn hóa phi vật thể khác cũng được UESCO công nhận đó chính là : dân ca quan họ Bắc Ninh, ca trù (hát ả đào), hát xoan Phú Thọ, Đờn ca tài tử Nam Bộ, dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh.

**2**. Một số giải pháp giúpbảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc:

- Mỗi cá nhân đặc biệt là học sinh chúng ta phải tìm hiểu những bản sắc văn hóa vốn có của dân tộc, tích cực quảng bá những nét đẹp của di sản văn hóa đến với bạn bè năm châu.

- Bên cạnh đó, nhà trường cần tổ chức nhiều hơn những hoạt động để tuyên truyền, mang đến cho học sinh nguồn tri thức về bản sắc văn hóa dân tộc.

- Học sinh cần phải đặt trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc lên hàng đầu và tích cực trau dồi hiểu biết của mình về những giá trị văn hóa tốt đẹp của nước nhà.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thành các bài tập

- Chọn thuộc một đoạn thơ em thích nhất và học thuộc.

- Chuẩn bị bài mới : ***Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)***

+ Đọc bài viết tham khảo

+ Thực hành tập viết bài theo các bước.

\*Rút kinh nghiệm

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 22,23,24**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**( BÀI THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ HOẶC TỨ TUYỆT ĐƯỜNG LUẬT)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

*2. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung*

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Biết làm một bài văn phân tích một tác phẩm văn học nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

+ Dùng từ thích hợp, sinh động, gợi cảm.

*3. Phẩm chất:*

- Biết thể hiện quan điểm, thái độ, tình cảm của bản thân về những đề tài gần gũi quanh mình.

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

A. HĐ KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Kĩ thuật trình bày 01 phút:  **Yêu cầu**:  - *Nêu tên một tác phẩm thơ Đường luật mà em yêu thích (trong SGK hoặc ngoài SGK). Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.*  2. *Sau khi học và phân tích một bài thơ Đường luật, chúng ta cần lưu ý những điều gì về hình thức và nội dung?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  HS khác lắng nghe nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV đặt ra vấn đề của bài học: *Làm thế nào để viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật? Tiết học hôm nay cô trò ta cùng tìm hiểu.* | \*HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.  - HS đọc các bài thơ đã sưu tầm, lưu tập san.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác.  \*Lưu ý khi học và phân tích một bài thơ Đường luật:  - Cần hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,…)*  - Cần chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc. |

B. HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Theo dõi mục SGK, trả lời các câu hỏi sau:**  - Thế nào là phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật?  *-Theo em, bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật cần đáp ứng những yêu cầu gỉ?*  *- Nêu bố cục chung của bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật bằng cách hoàn thành mẫu sau:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mở bài** | … | | | **Thân bài** | Luận điểm 1 | … | | Luận điểm 2 | … | | **Kết bài** | … | |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I. Lý thuyết**  **1**. **Khái niệm**  *Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật* là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ ý nghĩa, giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm đó.  **2. Yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,..); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…)  - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý các thẻ chỉ dẫn để xác định bố cục.  - HS thảo luận theo bàn, hoàn thành **Phiếu học tập 01 sau:**   |  | | --- | | **PHIẾU HT 01:** **Phân tích bài viết tham khảo** | | *-* Bài viết đã giới thiệu những gì về bài thơ “Thương vợ” trong đoạn văn mở đầu?  - Bài viết đã phân tích những nội dung nào trong bài thơ “Thương vợ”? (*Hình tượng người vợ được khắc hoạ với những đặc điểm gì? Bài thơ thể hiện những cảm xúc, tâm trạng nào của tác giả?)*  - Bài viết đã chỉ ra những nét đặc sắc nghệ thuật gì ở bài thơ “Thương vợ” (*thể thơ, đề tài, thi liệu, ngôn ngữ, bút pháp trữ tình hoà quyện cùng bút pháp trào phúng,...)* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận trong bàn.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số bàn phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **3. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **\*Bài viết tham khảo: Phân tích bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương:**  **-** Đoạn văn mở đầu:  + Giới thiệu tác giả Trần Tế Xương  + Giới thiệu bài thơ *Thương vợ:* tên bài thơ, đánh giá khái quát về vị trí của bài thơ (*là một trong những bài thơ Nôm nổi tiếng nhất của Tú Xương*).  - Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ *Thương vợ:*  + Hình ảnh người vợ: hiện lên với gánh nặng gia đình; là người vợ đảm đang, chịu thương chịu khó; phẩm cách cao đẹp (thầm lặng, vị tha, giàu đức hi sinh).  + Tâm trạng của tác giả: cảm thông, xót xa trước nỗi vất vả của vợ; tình cảm yêu thương, trân trọng, biết ơn, cảm phục trước phẩm cách của vợ; tự trách bản thân, lên án “thói đời” bạc bẽo bất công của xã hội nam quyền.  - Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:  + Sử dụng linh hoạt, điêu luyện các yếu tố đặc trưng của thể loại: sự hoà phối thanh điệu, kết cấu chặt chẽ, tính cô đọng, hàm súc,….  + Những cách tân nghệ thuật độc đáo ở nhiều bình diện: đề tài, thi liệu, ý tứ, đặc biệt là ngôn ngữ thơ (thành ngữ, khẩu ngữ, lối nói dân dã; ngôn ngữ giản dị, giàu tính tạo hình và giá trị biểu cảm)  + Sự đan xen, hoà quyện giữa yếu tố trữ tình và yếu tố trào phúng |

C. HĐ LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**:

- HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

- Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

- Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết thuyết minh tổng hợp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 02: PHIẾU TÌM Ý | |
| Gợi ý: Hãy đọc kĩ bài thơ đã chọn và dựa vào đặc điểm cơ bản của thể thơ để xác định các phương diện nội dung và nghệ thuật cần phân tích: | |
| \*Thông tin cơ bản về tác giả, | … |
| \*Tìm hiểu về bài thơ: | … |
| 1. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ | … |
| 2. Nhan đề bài thơ và ý nghĩa nhan đề | … |
| 3. Bố cục của bài thơ | … |
| 4. Đề tài | … |
| 5. Nội dung chính của bài thơ:  *- Bài thơ tập trung khắc hoạ những hình tượng nào? Hình tượng thiên nhiên/ con người hiện lên với những đặc điểm gì?*  *- Qua đó, tác giả thể hiện những cảm xúc, tâm trạng nào?* | … |
| 6. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:  - *Chỉ ra các yếu tố thi luật của thể thơ (niêm, luật bằng trắc, vần, nhịp, đối,...)*  *- Nhận xét đặc sắc về từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, các biện pháp tu từ khác,…* | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV 1: TRƯỚC KHI VIẾT**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn bài thơ sẽ phân tích:**  HS trả lời các câu hỏi sau:  *1. Bài viết của em nhằm mục đích gì và em hướng tới người đọc sẽ là ai?*  *2. Kể tên một số bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em đã học hoặc đã đọc*.  *Em sẽ chọn bài thơ Đường luật nào để phân tích?*  \***GV hướng dẫn HS tìm ý:**  Trên cơ sở bài thơ đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo **Phiếu HT số 2.**  **\*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**  HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết theo hướng dẫn SGK/ Tr.52.  HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **II. Luyện tập – Thực hành viết theo các bước**  **Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em yêu thích.**  **1. Trước khi viết**  **\*Xác định mục đích viết:** Làm rõ cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt Đường luật.  **\*Người đọc:** Những người có nhu cầu hiểu biết về thơ Đường luật hoặc về bài thơ được phân tích.  **a. Lựa chọn bài thơ**  - Liệt kê một số bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.  + Thơ thất ngôn bát cú Đường luật: *Thu vịnh, Thu ẩm của* Nguyễn Khuyến*; Qua Đèo Ngang, Thăng Long thành hoài* cổ (Bà Huyện Thanh Quan*),* chùm thơ *Tự tình* (Hồ Xuân Hương); *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du),…  + Thơ tứ tuyệt Đường luật: *Xuân hiểu* (Trần Nhân Tông); *Nam quốc sơn hà* (thời Lý); *Tụng giá hoàn kinh sư* (Trần Quang Khải);…  - Lựa chọn một bài thơ bản thân hiểu và yêu thích để phân tích.  **b. Tìm ý:**  **-** Tìm hiểu về nhan đề, bố cục bài thơ để nhận biết đề tài và nội dung chính.  - Chia tách bài thơ thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần: có thể tách bài thơ theo chiều ngang (dựa vào mạch ý), hoặc theo chiều dọc (dựa vào hình tượng thơ).  - Tìm những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:  + Nội dung*: chú ý đặc điểm nổi bật của* *hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người; những cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ; chủ đề của bài thơ;*…  + Nghệ thuật*: chú ý cách sử dụng các yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, các biện pháp tu từ,…*  *-* Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả, hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài thơ.  **c. Lập dàn ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mở bài** | - Giới thiệu khái quát ngắn gọn về tác giả và bài thơ.  - Nêu ý kiến chung về bài thơ. | | | **Thân bài** | \* Lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm: | | | Luận điểm 1 | Phân tích đặc điểm nội dung:   * Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người) * Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ * Khái quát chủ đề của bài thơ | | Luận điểm 2 | Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật:   * Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân) * Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình * Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ,…) | | **Kết bài** | Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. | | |
| NV 2: VIẾT BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK/ Tr.51 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?*  *? Kiểu bài phân tích một bài thơ khác với kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ (đã học trong chương trình Ngữ văn 7) như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  \*Trong thời gian ngắn trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS viết phần mở bài, 01 luận điểm của Thân bài để đọc và rút kinh nghiệm luôn trên lớp. Sau đó, GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | **2. Viết bài**  **-** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  - Yêu cầu chung khi viết bài:  + Cần bám sát dàn ý đã lập, sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn; kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá.  + Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết.  + Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ | Kiểu bài phân tích một bài thơ | | Phương thức biểu đạt chính | Biểu cảm | Nghị luận | | Mục đích | Trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ | Làm rõ cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của bài thơ | |
| NV 3: TRẢ BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tú tuyệt Đường luật.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. HS căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn. (Bảng kiểm bên dưới)  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **3. Trả bài**  **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm: ………….  - Hạn chế:…………..  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện**  Tập trung vào một số nội dung sau:  - Các thông tin về nhan đề bài thơ, tên tác giả, đề tài, thể thơ và giá trị của bài thơ.  - Các ý chính thể hiện nội dung và một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.  - Những nhận xét, đánh giá về vị trí, ý nghĩa của bài thơ. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích một bài thơ Đường luật khác.

**b.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một bài thơ Đường luật khác.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích một bài thơ Đường luật khác.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài, nắm chắc cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).

- Lưu trữ lại bài viết, bảng kiểm đánh giá vào hồ sơ cá nhân.

- GV giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: ***Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại).***

**=> HS hoàn thành Phiếu chuẩn bị bài nói theo mẫu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Trình bày ý kiến về một một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Đề tài của bài nói** ( sản phẩm văn hoá mà em yêu thích để nêu ý kiến) | **...** |
| **4. Tìm ý cho bài nói:** Trả lời các câu hỏi sau:  - *Em sẽ trình bày ý kiến về phương diện nào của sản phẩm văn hoá truyền thống? (hiện trạng, giá trị, hướng bảo tồn, phát triển,...)*  *- Ý kiến của em là gì? Vì sao em có ý kiến như vậy?* | **...** |
| **5. Dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

**Tiết 25. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(MỘT SẢN PHẨM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG CUỘC SỐNG HIỆN TẠI)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- HS trình bày được ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyển thống trong cuộc sống hiện tại. Kết nối hoạt động nói nghe với chủ đề bài học.

*2. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực, tự tin trong hoạt động nói.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp vừa kể lại được trải nghiệm vừa thể hiện cảm xúc bản thân; biết lắng nghe và có phản hồi ý kiến của các bạn khi được góp ý.

*b. Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại) bằng ngôn ngữ nói.

+ Dùng từ, đặt câu, diễn đạt hợp lí, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của mình về một vấn đề xã hội.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhânmột sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

3. Phẩm chất:

- Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống.

- Biết lắng nghe và thể hiện quan điểm, ý kiến nhận xét của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

A. HĐ KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Trò chơi: Ai là nhà thông thái?**

**Luật chơi:** GV sẽ chiếu slide lần lượt từng hình ảnh liên quan đến một sản phẩm văn hoá của các vùng miền của nước ta. HS quan sát tranh, giơ tay trả lời câu hỏi gắn với mỗi bức tranh.

|  |  |
| --- | --- |
| Cầu vàng Đà Nẵng Tọa độ “sống ảo” khiến du khách liêu xiêu | cach-lam-banh-bot-loc-la-chuoi-kieu-hue-dai-mem-trong-veo-cuc-avt-1200x676-1 |
| **Hình 1**  **Câu hỏi:** Đây là cảnh đẹp nào? Ở đâu?  **Đáp án**: Cầu Vàng (Đà Nẵng) | **Hình 2**  **Câu hỏi:** Đây là món ăn truyền thống nào, của địa phương nào?  **Đáp án**: Bánh bột lọc (Huế) |
| muaroi1 | Le-hoi-trung-thu-Phan-Thiet-e1506495898270 |
| **Hình 3**  **Câu hỏi:** Đây là nghệ thuật truyền thống nào? Phổ biến chủ yếu ở đâu?  **Đáp án**: Múa rối nước (Bắc Bộ) | **Hình 4**  **Câu hỏi:** Đây là lễ hội nào ở nước ta?  **Đáp án**: Tết Trung thu |
| y-nghia-ta-ao-dai-truyen-thong-viet-nam-1 | images1502088_quan_ho_bac_ninh_14_23_23_59_220_17_04_22_711 |
| **Hình 5**  **Câu hỏi:** Đây là trang phục truyền thống nào của dân tộc ta?  **Đáp án:** Áo dài | **Hình 6**  **Câu hỏi:** Đây là nghệ thuật truyền thống nào? Ở tỉnh nào nước ta?  **Đáp án:** Hát Dân ca quan họ ở Bắc Ninh |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tham gia trò chơi tích cực.
* GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**GV dẫn vào bài mới:**

Đi suốt dọc dài từ Bắc vào Nam, mỗi nơi ta đặt chân đến đều có những di sản văn hoá riêng biệt làm nên đặc trưng văn hoá của từng vùng miền. Trong tiết nói nghe hôm nay, các em sẽ có cơ hội trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại.

B. HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với kĩ năng nói nghe về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại).

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS kiểm tra chéo phần chuẩn bị bài nói ở nhà của HS theo hướng dẫn ở **Phiếu chuẩn bị bài nói.(Phụ lục 1)**  **-** GV mời một số HS phát biểu về những lưu ý trong bước chuẩn bị bài nói và trình bày bài nói bằng cách trả lại nhanh các câu hỏi sau:  + *Để có một bài nói trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại, em cần chuẩn bị những gì trước khi nói?*  *- Bố cục của bài nói trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì?*  *- Để bài nói thêm thu hút và thuyết phục, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào?*  *-* GV yêu cầu HS dành 5 – 7 phút để tự soát lại nội dung đã chuẩn bị của bài nói.  - GV lưu ý HS khi tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1. Chuẩn bị**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  **- Mục đích nói:** Trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại nhằm giúp người nghe có quan niệm, ứng xử đúng đắn đối với di sản văn hoá của dân tộc.  - **Người nghe:** Những người có nhu cầu tìm hiểu các giá trị văn hoá truyền thống.  **b. Chuẩn bị nội dung cho bài nói**  - Lựa chọn một sản phẩm văn hoá mà em yêu thích.  + Sản phẩm văn hoá riêng của vùng, miền (danh lam thắng cảnh, trang phục dân tộc, lễ hội, món ăn truyền thống,...)  + Sản phẩm văn hoá chung của đất nước (bánh chưng, phở, áo dài Việt Nam,…)  - Cần tìm hiểu về nguồn gốc, đặc điểm, giá trị của sản phẩm văn hoá truyền thốn được lựa chọn trong cuộc sống hiện tại.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói theo các phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận.  - Lựa chọn một số từ ngữ then chốt phù hợp với vấn đề trình bày.  **2.** **Tập luyện**  - HS tự soát lại phần đã chuẩn bị của bài nói.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

C. HĐ LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kĩ năng nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại).

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe.

**c. Sản phẩm:** Phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **- GV tổ chức cuộc thi:**  ***“Nhà hùng biện văn hoá”***  Thuyết trình là gì? Những điều sinh viên cần lưu ý khi thuyết trình  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần trình bày của các HS.  - GV quy định rõ thời gian cho mỗi bài trình bày để HS không phải trình bày quá nhiều nội dung, tạo điều kiện cho nhiều HS được nói và có thể nói kĩ, nói sâu về một vài ý mà HS thực sự quan tâm, hứng thú.  =>Mỗi HS sẽ trình bày bài nói trong thời gian nói (khoảng 5 phút) để có khoảng 3 - 4 HS được trình bày bài nói trước lớp.  - GV thông qua các hạng mục giải thưởng: *Nhà hùng biện tài năng nhất, Nhà hùng biện sáng tạo nhất, Bài thuyết trình được khán giả bình chọn nhiều nhất, Câu hỏi hay nhất,…*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** MC dẫn chương trình.  - Lần lượt các HS (đã đăng kí thuyết trình) lên trình bài thuyết trình về một sản phẩm văn hoá truyền thống tự chọn.  - Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào Phiếu ghi chép phần nghe (Mẫu ở Phụ lục 2)  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  **-** HS trình bày bài nói trước lớp và trao đổi với người nghe; giải đáp những vấn đề người nghe còn băn khoăn, chưa hiểu rõ.  - Sau phần nói của mỗi HS, MC mời1 – 2 HS thực hiện phần trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến của người nói.  Các HS khác quan sát, nhận xét cách thức thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá của bạn mình theo các tiêu chí trong bảng kiểm.  - Sau tất cả các phần thuyết trình của các HS, tiến hành bình chọn và trao các hạng mục giải thưởng.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV khen ngợi HS về kĩ năng thuyết trình tốt; khen ngợi những câu hỏi, góp ý hay, cách góp ý nhẹ nhàng, lịch sự của người nghe đối với người thuyết trình. | *Bài tập: Hãy trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại mà em quan tâm, yêu thích.*  CUỘC THI: “NHÀ HÙNG BIỆN VĂN HOÁ”  **\*Yêu cầu chung:**  **Người nói:**   * Dựa vào phần tóm tắt dàn ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.   - Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần:  + **Mở đầu:** Giới thiệu tên sản phẩm truyền thống và nêu ý kiến khái quát của bản thân về sản phẩm văn hoá trong cuộc sống hiện tại.  **+ Triển khai:**  ++ Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hoá truyền thống: nơi ra đời, vị trí, ý nghĩa của sản phẩm,…  ++ Trình bày ý kiến đánh giá, nhận xét về sản phẩm văn hoá truyền thống ở một vài khía cạnh: hiện trạng, giá trị, hướng bảo tồn, phát triển,… Chú ý đưa ra các lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của em.  + **Kết luận:** Khẳng định ý nghĩa của sản phẩm văn hoá truyền thống đối với cuộc sống hiện tại.  - Kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp với bài nói (thiết kế bài trình chiếu, sử dụng sơ đồ tư duy, tranh, ảnh minh hoạ, phần nhạc nền cho bài nói nếu thấy cần thiết).  **\* Chú ý:**  + Sử dụng các từ ngữ, các câu chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi.  + Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,…  + Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí.  + Các phương tiện phi ngôn ngữ cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.  **Người nghe:**  + Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.  + Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.  + Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn băn khoăn chưa rõ.  + Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình. |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói**  **(Người nói):**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Rút kinh nghiệm về bài thuyết minh:** | | | Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | Đã đưa ra được những giải đáp hợp lí cho những băn khoăn, thắc mắc của người nghe chưa? |  | | * **Đánh giá chung:** | | | + Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? | | | + Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? | | | **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe**  **(Người nghe):**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Kiểm tra kết quả nghe:** | | | + Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | + Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức trình bày bài nói của bạn? |  | | * **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:** | | | + Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  | | + Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  | | | |

**Bài nói tham khảo:**

|  |
| --- |
| **Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu vấn đề sẽ trình bày:**  Xin chào Cô và các bạn. Em tên là......................, học lớp......., trường.................  Sau đây em xin trình bày ý kiến của mình về nghệ thuật múa rối nước ở nước ta trong cuộc sống hiện tại.  *( Giọng tâm tình, vừa phải):* Mỗi dân tộc đều có những loại hình nghệ thuật riêng biệt gắn liền với những phong tục tập quán và văn hóa của dân tộc ấy. Nếu như Hàn Quốc có nghệ thuật âm nhạc truyền thống Pansori, Nhật Bản có nghệ thuật gấp giấy Origami thì Việt Nam có nghệ thuật múa rối nước. Đây là một loại hình nghệ thuật vô cùng đặc sắc, độc đáo của dân tộc ta, vẫn mang những giá trị to lớn trong cuộc sống hiện tại.  **Triển khai:** **Thuyết trình nội dung chính**  *(Nói to, rõ ràng; giọng ngợi ca, trân trọng về vị trí, ý nghĩa của nghệ thuật múa rối nước; giọng tiếc nuốitrước hiện trạng nghệ thuật múa rối nước đang bị mai một dần trong xã hội hiện đại,…)*  ***\*Nêu ngắn gọn những thông tin cơ bản về nghệ thuật múa rối nước:***  Múa rối nước là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian của Việt Nam, được ra đời từ nền nông nghiệp lúa nước của cư dân vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Múa rối nước thường được trình diễn trong các dịp hội hè, hội đình, hội làng, Tết. Múa rối có ở nhiều quốc gia nhưng múa rối nước thì chỉ có ở riêng Việt Nam. Vậy nên, nghệ thuật múa rối nước trở thành một nghệ thuật truyền thống và là một sáng tạo đặc trưng của [người Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t) sớm, trở thành biểu tượng của văn hoá dân tộc ta, được nhiều khách quốc tế biết đến và yêu thích.  Múa rối nước ra đời cùng nền văn minh lúa nước nhưng được hình thành và phát triển vào triều đại [nhà Lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD) ([1010](https://vi.wikipedia.org/wiki/1010) - [1225](https://vi.wikipedia.org/wiki/1225)). Theo thời gian, nghệ thuật múa rối nước được truyền từ đời này sang đời khác, dần dần trở thành một thú chơi tao nhã của người dân Việt Nam trong các dịp lễ hội. Người ta cho rằng việc cư trú ven sông và nền nông nghiệp lúa nước là nguồn cảm hứng khiến các cư dân của vùng châu thổ sông Hồng tạo nên nghệ thuật múa rối nước. Thêm vào đó là cách sống tụ cư quanh làng và nhu cầu giải trí trong những dịp lễ hội cũng như trong đời sống hàng ngày nên múa rối nước ra đời để đáp ứng nhu cầu đó của họ. Cùng với đôi bàn tay khéo léo của những người nghệ nhân trong tạo hình và điêu khắc đã tạo nên những con rối với độ thẩm mỹ cao, phóng khoáng, mạnh mẽ nhưng cũng rất mộc mạc, giản dị. Quy tụ tất cả những điều đó, múa rối nước được hình thành và trở thành một trong những nghệ thuật dân gian được yêu thích thời bấy giờ.  Nếu như múa rối thường dùng sân khấu trên mặt đất để diễn thì múa rối nước lại dùng mặt nước để tạo nên những vở diễn của mình. Sân khấu này được gọi là nhà rối hay thuỷ đình. Xung quanh thuỷ đình có trang trí các loại như cờ, quạt, lọng. voi, ngựa. Phía sau thuỷ đình, những người nghệ nhân múa rối nước dùng sào, dây để điều khiển những con rối biểu diễn. Thêm vào đó, để làm cho không khí trở nên sôi nổi, sinh động, những người nghệ nhân còn dùng tiếng pháo, tiếng trống để phụ trợ. Để cho những con rối có thể nổi trên mặt nước, khi chế tác người ta sẽ dùng gỗ sung bởi loại gỗ này rất nhẹ. Những con rối được đục đẽo với nhiều hình dáng khác nhau, được sơn màu sặc sỡ để phù hợp cho từng vở diễn. Con rối nước thường có tạo hình ngộ nghĩnh, đáng yêu, có tính biểu tượng cao.  Khi vào các vở diễn, những người nghệ nhân đứng trong buồng trò để điều khiến con rối của mình. Họ thực hiện trên các cây sào, thừng hay vọt hoặc có thể giật con rối theo hệ thống dây được bố trí sẵn. Múa rối nước là một trò diễn đòi hỏi sự khéo léo, lấy các động tác của con rối biến thành các ngôn ngữ để diễn tả. Múa rối nước đi cùng với âm nhạc, những tiếng nhạc, mõ, chuông sẽ giúp điều khiển tốc độ cũng như giữ sự nhịp nhàng, dẫn dắt các động tác. Âm nhạc trong múa rối nước thường là chèo hoặc các làn điệu dân ca Bắc Bộ.  Nghệ thuật múa rối nước không chỉ đơn thuần mang tính giải trí mà nó còn mang tới những giá trị cao cả trong đời sống của con người. Đầu tiên là giá trị nhận thức, múa rối nước đã phản ánh đời sống của những người dân Việt Nam và mối quan hệ giữa con người với thế giới thiên nhiên, với cộng đồng. Múa rối nước còn thể hiện ước mơ của nhân dân ta về một cuộc sống no ấm, hạnh phúc, bình đẳng. Về giá trị giáo dục, múa rối nước giúp con người ta yêu quê hương, đất nước của mình, yêu thiên nhiên và có lòng tự hào về dân tộc. Nó hướng chúng ta đến cái đẹp của tình người, sự gắn kết cộng đồng trong những lúc thiên tai, hoạn nạn. Và cuối cùng, nó giúp chúng ta có những tiếng cười sảng khoái, tạo nên tinh thần lạc qua, phấn khởi vui tươi cho mọi người.  Các vở múa rối nước nổi tiếng phải kể đến như *Bật cờ, Vinh quy bái tổ, Bắt vịt, Múa lân*, ... Hiện nay còn rất nhiều những phường múa rối nước đang tích cực hoạt động để giữ gìn và phát triển bộ môn nghệ thuật này như Múa rối Thăng Long, Đào Thục, Nguyên Xá, Nam Chấn, ...  \****Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá nghệ thuật múa rối nước trong cuộc sống hiện tại:***  Từng là một loại hình giải trí được số đông người dân yêu thích nhưng trong cuộc sống hiện đại ngày nay thì khán giả ở nhiều địa phương không còn thiết tha đoái hoài đến múa rối nước nữa, đặc biệt là giới trẻ. Số đông giới trẻ ngày nay thường ưa chuộng các hình thức giải trí kĩ thuật số hơn hơn là các nghệ thuật truyền thống.  Để bảo tồn và phát triển nghệ thuật múa rối nước cần sự chung tay của rất nhiều cấp ngành, nhiều người. Qua tìm hiểu thông tin trên các trang mạng, em thấy ở nhiều địa phương hiện nay đã giáo dục truyền thống văn hoá dân gian cho HS qua các buổi xem biểu diễn múa rối nước. HS không chỉ được xem múa rối nước ở các hội làng, các trung tâm biểu diễn văn hoá,… mà một số địa phương còn mời nghệ nhân tổ chức múa rối nước ngay tại các nhà trường. HS không chỉ được xem các nghệ nhân biểu diễn múa rối nước mà còn được tự tay trải nghiệm việc sơn, vẽ con rối nước.  Không chỉ vậy, để bảo tồn nghệ thuật múa rối nước lâu đời của cha ông để lại, nhiều nghệ nhân còn tích cực cải tiến, sáng tạo các tác phẩm mới, dựa trên nền tảng những câu chuyện cổ tích Việt Nam. Không chỉ biểu diễn những trò dân gian như múa rồng, múa lân, chọi trâu… , nhiều nghệ nhân còn đem ý tưởng múa diễn cho học sinh những câu chuyện cổ tích như: *Cô bé quàng khăn đỏ, Tấm Cám*... Thông qua đó, nghệ thuật rối nước có thể tiếp cận gần hơn với các em nhỏ và còn là một biện pháp giáo dục các em nhỏ qua câu chuyện cổ tích.  **Kết thúc bài nói**:  *(Giọng lắng lại, tha thiết)* Các bạn thân mến! Ngày nay, tuy nghệ thuật múa rối nước không còn được thịnh hành như trước, nhưng đó vẫn là một loại hình giải trí nghệ thuật đặc sắc mà bất cứ ai khi thưởng thức đều tấm tắc khen ngợi. Múa rối nước không chỉ mang thông điệp về giáo dục, mang những nét văn hoá truyền thống mà nó còn mang những giá trị nhân văn sâu sắc. Mỗi chúng ta hãy có ý thức trong việc giữ gìn, phát huy loại hình truyền thống mang đậm nét văn hóa Việt Nam này. Có như vậy múa rối - loại hình nghệ thuật đặc sắc có tuổi đời hàng ngàn năm mới có thể hội nhập và hòa vào sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong giai đoạn hiện nay. |

D. HĐ VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Đọc, góp ý dàn ý bài nói cho các bạn khác trong nhóm.

- Dựa vào những góp ý của bạn, phần rút kinh nghiệm qua tiết nói nghe, hãy tự chỉnh sửa dàn ý bài nói của mình.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý và tự luyện tập để nâng cao kĩ năng nói với chủ đề *Trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại* qua một đề tài mới tự chọn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* HS trình bày nội dung đã chuẩn bị.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

* Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
* Chuẩn bị trước ở nhà nội dung các bài tập củng cố, mở rộng, thực hành đọc trong SGK, tr.56.

PHỤ LỤC BÀI NÓI VÀ NGHE

**1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Trình bày ý kiến về một một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại (HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Đề tài của bài nói** ( sản phẩm văn hoá mà em yêu thích để nêu ý kiến) | **...** |
| **4. Tìm ý cho bài nói:** Trả lời các câu hỏi sau:  - *Em sẽ trình bày ý kiến về phương diện nào của sản phẩm văn hoá truyền thống? (hiện trạng, giá trị, hướng bảo tồn, phát triển,...)*  *- Ý kiến của em là gì? Vì sao em có ý kiến như vậy?* | **...** |
| **5. Dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

**2.**

PHIẾU GHI CHÉP PHẦN NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SẢN PHẨM

VĂN HOÁ TRONG CUỘC SỐNG HIỆN TẠI

Đề tài bài nói:……………………………………………

Người nói:……………………………………………

Người nghe:…………………………………………..

\*Nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình của bài nói: Người nghe trả lời các câu hỏi sau:

+ *Sản phẩm văn hoá truyền thống được giới thiệu có độc đáo, hấp dẫn không?*

*+ Người nói có ý kiến nhận xét, đánh giá như thế nào về sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại? Những ý kiến ấy có sức thuyết phục không?*

*+ Cách trình bày ý kiến vể sản phẩm văn hoá truyền thống có rõ ràng mạch lạc không? Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có được sử dụng hiệu quả không?*

\*Câu hỏi về những điểm còn băn khoăn, muốn trao đổi để làm rõ thêm:

…………………………………………………………………………….

**3.**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 01:**  **Khám phá chung về bài thơ *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan)** |
| a. Hoàn cảnh sáng tác |
| b. Xác định đề tài của bài thơ |
| c. Nêu bố cục của bài thơ |
| d. Tìm hiểu các yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật thể hiện qua bài thơ :   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Nhịp | Đối | | 1 |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  | | 8 |  |  |  |  |  | |

**4.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 02:**  **Khám phá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Qua Đèo Ngang***  **(Bà Huyện Thanh Quan)** | |
| **Đặc sắc nội dung** | **1. Cảnh vật nơi Đèo Ngang**  **-** *Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả ở thời điểm nào trong ngày? Thời điểm đó có lợi thế gì trong việc bộc lộ tâm trạng của tác giả?*  *- Cảnh Đèo Ngang được miêu tả gồm những chi tiết gì? (không gian, âm thanh, sự vật, con người). Nhận xét về cảnh tượng đèo Ngang qua sự miêu tả của Bà Huyện Thanh Quan.* |
| **2. Cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ**  *Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi qua Đèo Ngang. Tâm trạng đó được thể hiện qua hai hình thức: mượn cảnh nói tình và trực tiếp tả tình như thế nào?* |
| **Đặc sắc nghệ thuật** | Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong bài thơ.  (Chú ý các từ ngữ tượng thanh, tượng hình và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ) |

\*CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

Nguyễn Thị Thành 0983179902 THCS Ngọc Sơn ngthithanh1978@gmail.com

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng được các *Tri thức ngữ văn* và kết quả của phần *Đọc* để hoàn thành bài tập bảng thống kê so sánh thể loại đã học; củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các cột trong bảng và các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1.1. Bài tập 1 (SHS/ Tr 55):** HS kẻ bảng vào vở theo mẫu (SHS, trang 55) để củng cố kiến thức vể thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật qua VB 1. *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến)

**Gợi ý**

**Một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**

**qua VB 1. *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến) - luật bằng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Nhịp | Đối |
| 1 | B B T T T B B |  | B *(veo)* | 4/3 |  |
| 2 | T T B B T T B | Câu 2 và 3 | B (*teo*) | 4/3 |  |
| 3 | T T B B B T T |  | 4/3 | Đối |
| 4 | T B T T T B B | Câu 4 và 5 | B (*vèo*) | 4/3 |
| 5 | B B B T B B T |  | 4/3 | Đối |
| 6 | T T B B T T B | Câu 6 và 7 | B (*teo*) | 4/3 |
| 7 | T T B B B T T |  | 2/2/3 |  |
| 8 | T B T T T B B |  | B (*bèo*) | 4/3 |  |

**1.2. Bài tập 2 (SHS/ Tr 55):** HS kẻ bảng vào vở theo mẫu (SHS, trang 55) để củng cố kiến thức vể thi luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật qua VB 2. *Thiên Trường vãn vọng* (Trần Nhân Tông).

**Gợi ý**

**Một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật**

**qua VB 2. *Thiên Trường vãn vọng* (Trần Nhân Tông) - luật trắc**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Nhịp | Đối |
| 1 | B **T** B B T T B |  | B (*yên*) | 4/3 | Đối  (Tiểu đối trái nghĩa:  *tiền – hậu; vô – hữu)* |
| 2 | T B T T T B B | Câu 2 và 3 | B (*biên)* | 4/3 |
| 3 | T B T T B B T |  | 4/3 |  |
| 4 | T T B B B T B |  | B (*điền)* | 4/3 |  |

**1.3. Bài tập 3 (SHS/ Tr 55):** Chọn một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu của đề bài.

**Gợi ý**

**Bạn đến chơi nhà**

(Nguyễn Khuyến)

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà,*

*Trẻ thì đi vắng, chợ thời xa.*

*Ao sâu, sóng cả, khôn chài cá;*

*Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.*

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ;*

*Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.*

*Đầu trò tiếp khách, trầu không có,*

*Bác đến chơi đây, ta với ta.*

**a. Nhận xét về niêm, luật của bài thơ.**

Bài thơ “*Bạn đến chơi nhà*” (Nguyễn Khuyến) làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, luật trắc.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Luật bằng trắc** | **Niêm** | **Vần** | **Nhịp** | **Đối** |
| 1 | T T B B T T B | Câu 1 và 8 | B *(nhà)* | 4/3 |  |
| 2 | T B B T T B B | Câu 2 và 3 | B (*xa)* | 4/3 |  |
| 3 | B B T T B B T |  | 4/3 | Đối |
| 4 | B T B B T T B | Câu 4 và 5 | B (*gà)* | 4/3 |
| 5 | T T B B B T T |  | 4/3 | Đối |
| 6 | B B T T T B B | Câu 6 và 7 | B (*hoa*) | 4/3 |
| 7 | B B T T B B T |  | 4/3 |  |
| 8 | T T B B B T B | Câu 1 và 8 | B (*ta*) | 4/3 |  |

**b. Xác định bố cục và nêu ý chính của từng phần:**

- Câu đầu: Giới thiệu sự việc.

- 6 câu tiếp: Hoàn cảnh của nhà thơ khi bạn đến chơi.

- Câu cuối: Tình cảm thắm thiết của nhà thơ đối với bạn.

**c. Nêu chủ đề và chỉ ra một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:**

\* Chủ đề bài thơ *Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến): Ca ngợi tình bạn chân thành, thắm thiết, vượt lên trên những giá trị vật chất, vượt lên trên mọi hoàn cảnh.

\* Đặc sắc nghệ thuật:

+ Tạo tình huống bất ngờ, thú vị;

+ Giọng thơ chất phác, hồn nhiên;

+ Sự kết hợp nhuần nhuyễn, tinh tế giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ bác học.

**2. Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan)**

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản ở nhà, gợi ý HS chú ý đến đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, cảnh vật Đèo Ngang lúc chiều tà, cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.

\*Rút kinh nghiệm

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**

**BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI** *(13 tiết + 4 tiết ôn tập kiểm tra)*

TIẾT 26,27,28

**VĂN BẢN 1: HỊCH TƯỚNG SĨ**

*-Trần Quốc Tuấn-*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

*1.Kiến thức*

- Học sinh nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết

- Học sinh liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

*2. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*3. Phẩm chất*

**-** Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

Lồng ghép nội dung GD QP&AN: Giáo dục òng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha ta

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**-**Giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm video, hình ảnh về Trần Quốc Tuấn

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr.57) và cho biết:  *1) Bài học “***Lời sông núi***” gồm những văn bản đọc nào?*  *2) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại chính nào?*  *3) Tại sao* **Nam quốc sơn hà** là bài thơ *lại được xếp cùng với thể loại văn nghị luận?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học. | **\*Chủ đề bài học:** Tái hiện lại truyền thống yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước của con người và dân tộc Việt Nam.  **\*Thể loại:** Văn nghị luận và thơ.  **\*VB đọc chính:** Văn nghị luận  - Văn bản 1: *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn).  - Văn bản 2: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh).  - Văn bản 3: *Nam quốc sơn hà.*  - Văn bản thực hành đọc: *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn). |

HĐ 2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá tri thức ngữ văn** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.9, đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong **Phiếu học tập 01.(Phụ lục)**  \*GV nêu câu hỏi: nêu khái niệm của các yếu tố  *- Lụận đề*  *- Luận điểm*  *- Lí lẽ*  *- Bằng chứng*  *- Mối quan hệ giữa 4 yếu tố trên*  \* Hs theo dõi, điền phiếu 01  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT 01, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV trình chiếu dự kiến sản phẩm **phiếu 01 (Phụ lục).**  - GV nhận xét và chốt kiến thức. | **1. Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận.**  - **Luận đề** là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề.  - Vị trí: **Luận đề** có thể được nêu rõ ở *nhan đề* ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản.  - **Nội dung:** **Luận đề** trong văn bản NLXH là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.  - **Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.  **2.Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  - Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.  - Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ **luận đề** người viết triển khai thành các **luận điểm**. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục cần được làm rõ bằng các **lí lẽ** và mỗi **lí lẽ** cần được chứng minh bằng các **bằng chứng** cụ thể.  **(Sơ đồ 01- Phụ lục)** |

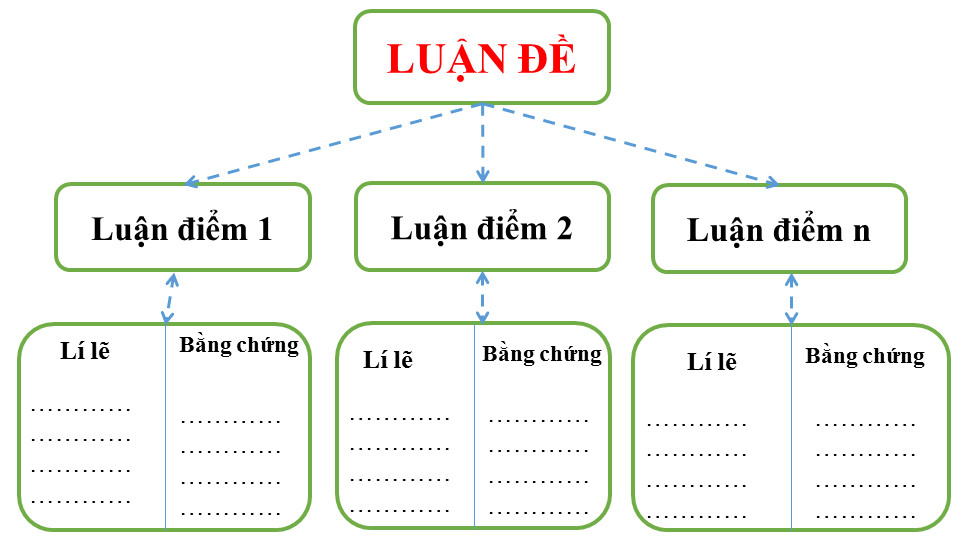
**Phiếu học tập 01.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức Ngữ văn** | **Trả lời** |
| Lụận đề |  |
| Luận điểm |  |
| Lí lẽ |  |
| Bằng chứng |  |
| Mối quan hệ giữa 4 yếu tố trên |  |

**Dự kiến sản phẩm Phiếu học tập 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức Ngữ văn** | **Trả lời** |
| *Lụận đề* | **Luận đề** là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. |
| *Luận điểm* | **Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. |
| *Lí lẽ* | **Lí lẽ** là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. |
| *Bằng chứng* | **Bằng chứng** là những ví dụ được lấy từ thực tế đới sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |
| *Mối quan hệ giữa 4 yếu tố trên* | Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có **mối quan hệ chặt chẽ** với nhau trong văn bản nghị luận. |

**Sơ đồ 01- Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**



ĐỌC VĂN BẢN: HỊCH TƯỚNG SĨ *(Trần Quốc Tuấn)*

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu**

- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những hiểu biết của mình, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.

- Hợp tác khi làm việc.

**b. Nội dung:** Sử dụng hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Trình bày miệng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi *Mảnh ghép bí mật*.

- Sau mỗi mảnh ghép là một bức tranh, khi trả lời một câu hỏi thì mảnh ghép được lật mở. Nội dung câu hỏi chính là kiến thức mà các em đã được học.

- Gv nêu câu hỏi:

***Câu 1:*** *Hội đồng khoa học Hoàng gia Anh đã xét phong 10 vị tướng tài của thế giới được chọn từ 98 vị từ cổ đại đến hiện đại vào tháng 2.1984. Việt Nam vinh dự là nước có hai người con ưu tú, đó là những anh hùng dân tộc nào?*

***Đáp án:***Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và Võ Nguyên Giáp

***Câu 2:*** *Điền từ còn thiếu vào dấu (…)*

*“Vó ngựa … đi đến đâu, cỏ không mọc được chỗ ấy”*

***Đáp án:*** *Mông Cổ*

***Câu 3:*** *Tên của một triều đại thịnh vượng, hào khí ngất trời của triều đại này vào thế kỉ XIII.*

***Đáp án:***Triều đại nhà Trần

***Câu 4:***  *Thể loại của văn bản có tên chữ Hán: “Dụ chư tì tướng hịch văn”*

***Đáp án:***Hịch

**\*GV dẫn vào bài:**

*Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt,  không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch tướng sĩ”.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm**

Sản phẩm của HS và câu trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao n. vụ**  Giáo viên nêu yêu cầu:  ***Nhóm 1****: Nêu những hiểu biết của em về tác giả Trần Quốc Tuấn?*  **Thực hiện đọc: GV hướng dẫn HS đọc văn bản**  **-** Đọc đúng chính tả, rõ ràng.  - Đọc diễn cảm, phù hợp với cảm xúc của tác giả đối với từng thời điểm.  ***Nhóm 2:*** *Em hiểu gì về văn bản?*  - Hoàn cảnh ra đời.  - Kiểu văn bản, nội dung nghị luận.  - Phương thức biểu đạt.  ***Nhóm 3:*** *Nêu những hiểu biết của em về thể loại “hịch”?*  ***Nhóm 4:*** *Văn bản này có bố cục mấy phần? Nêu cụ thể.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  +hs: làm việc cá nhân, suy nghĩ.  + Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  HS đứng tại chỗ trả lời  + GV: HD, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  =>GV chốt kiến thức ghi bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300 )  - Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  **2. Văn bản**  **Hoàn cảnh sáng tác**: Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai 1285.  - Văn bản được viết bằng chữ Hán.  **Kiểu văn bản và nội dung nghị luận.**  - Kiểu văn bản: Nghị luận về vấn đề xã hội.  - Vấn đề nghị luận**:** kêu gọi tướng sĩ học tập, rèn luyện  - Nhan đề: thể hiện vấn đề nghị luận.  **Thể loại:** hịch  - *Hịch* là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.  - *Mục đích* của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe 🡪 Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.  **Bố cục:** 4 phần  **- Phần 1 -Từ đầu** … “*còn lưu tiếng tốt*” (Nêu gương trung thần nghĩa sĩ)  **- Phần 2 - Tiếp** … “*vui lòng*” (Tình hình đất nước hiện tại và nỗi lòng của chủ tướng)  **- Phần 3 - Tiếp** … “*không muốn … được không ?”* (Phân tích phải trái, làm rõ đúng sai)  - **Phần 4 - Còn lại** (Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu). |

**Trước khi tìm hiểu chi tiết văn bản, GV cho HS diễn đoạn kịch**

**KỊCH**

**Chuẩn bị đạo cụ:** trang phục của diễn viên chủ tướng Trần Quốc Tuấn và khoảng 5 học sinh đóng vai tướng sĩ.

Chủ tướng Trần Quốc Tuấn cầm cuốn sách ở ngoài có dòng chữ Binh thư yếu lược.

Có ghế để chủ tướng ngồi và 5 tướng sĩ quỳ ở dưới chắp tay lên đầu.

**Chủ tướng:** Nay ta bảo thật các ngươi, tình hình đất nước đang nguy, kẻ thù ngang ngược khắp nơi, các người không thấy tức giận hay sao?

**Tướng sĩ**: Dạ bẩm, thuộc hạ đã biết lỗi, bây giờ muốn nghe lời chủ tướng chỉ giáo.

**Chủ tướng:** Các ngươi nên nhớ câu đặt mồi lửa vào dưới đống củi làm nguy cơ, kiềng canh nóng mà thổi rau nguội làm răn sợ. Phải luôn đề cao cảnh giác, đừng vì những ham muốn tầm thường nhạt nhẽo, bài bạc xa hoa hàng ngày mà đánh mất đất nước.

**Tướng sĩ**: Dạ chủ soái dạy bảo rất đúng!

**Chủ tướng:** Việc các người cần làm bây giờ là huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến ai cũng giỏi như Bàng Mông, Hậu Nghệ để có thể giết được Hốt Tất Liệt, làm rữa thịt Vân Nam Vương.

**Tướng sĩ**: Dạ dạ! Xin nghe theo lời chủ soái!

**Chủ tướng:** (Trần Quốc Tuấn tay cầm cuốn *binh thư yếu lược* lên): các ngươi về nhà hãy học cuốn này, đây là những binh pháp từ thời xưa ta đã tập hợp thành một cuốn. Chúng ta phải đánh thắng kẻ thù thì Thái ấp mới vững bền, bổng lộc đời đời hưởng thụ, gia quyến êm ấm, tổ tiên bình an. Lúc bấy giờ dẫu các người không muốn vui vẻ phỏng có được không?

**Tướng sĩ:** Dạ chủ soái dạy bảo rất đúng.

**Chủ tướng:** Nếu kẻ nào không nghe lời dạy bảo của ta, khinh bỏ cuốn sách này là kẻ thù của ta.

**II. Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB hịch.

- Nắm được bối cảnh lịch sử, lòng yêu nước của vị chủ tướng nhằm khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.

 - HS thấy được cách lập luận của tác giả về mối ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải - trái.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *Nhiệm vụ 1 Bối cảnh lịch sử, mục đích và đối tượng thuyết phục của bài hịch*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cá nhân**  *- Hãy nêu bối cảnh lịch sử,**mục đích và đối tượng thuyết phục của bài hịch?*  *- Vì sao Trần Quốc Tuấn lại viết bài hịch này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - *Học sinh*: suy nghĩ, trả lời.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  - Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  ***Nhiệm vụ 2*** *Luận điểm 1: Nêu gương các nhân vật trong sử sách.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cặp đôi**  Giáo viên nêu yêu cầu thực hiện điền vào **Phiếu học tập 01 (Phụ lục) bằng cách trả lời câu hỏi sau:**  *1/ Tác giả nêu mấy tấm gương trung thần nghĩa sĩ xả thân vì nước nổi tiếng ở Trung Quốc?*  *2/ Những tấm gương này có điểm chung nào?*  *3/ Tác giả đã lập luận bằng lí lẽ như thế nào? Nêu tác dụng, mục đích của cách lập luận ấy?*  *4/ Mục đích của việc dẫn ra luận điểm trên là gì?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + *Học sinh*: suy nghĩ, trao đổi cặp đôi, trả lời.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời.  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. | II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT  **1. Bối cảnh lịch sử, mục đích và đối tượng thuyết phục của bài hịch**  **- Bối cảnh lịch sử:** nửa cuối thế kỉ XIII, giặc nguyên mông 3 lần xâm lược nước ta. Thế giặc mạnh, muốn đánh bại chúng cần có sự đồng tình ủng hộ củ toàn quân, toàn dân. Trần Quốc Tuấn đã viết bài hịch này để kêu gọi tướng sĩ hết lòng đánh giặc.  **\* Vai trò của Trần Quốc Tuấn đối với đất nước**  + Trần Quốc Tuấn là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc .  + Ông được vua Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo quân ra trận. Ông có trọng trách lớn đối với đất nước nên ông đã viết bài hịch này.  **- Mục đích:** Khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến quyết, chiến thắng kẻ thù xâm lược; đánh bại tư tưởng thờ ơ, xa lánh, bàng quan để sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu sinh tử.  **- Đối tượng:**  + Trực tiếp là các tướng sĩ dưới quyền quản lí của Trần Quốc Tuấn.  + Gián tiếp là toàn thể binh lính, người dân Việt Nam dưới triều đại nhà Trần.  **2. Cách thuyết phục tướng sĩ của tác giả qua bài hịch**  ***a. Luận điểm 1: Nêu gương các nhân vật trong sử sách.***  - **Bằng chứng:**  + **8 tấm gương:** Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh, Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang.  + Họ có điểm chung: không sợ hiểm nguy, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng; trở thành gương sáng cho mọi người, mọi thời đại noi theo.  - Liệt kê những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc.  **- Lí lẽ:**  + Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào không có.  + Giả sử các bậc đó…theo thói nữ nhi thường tình…thì cũng chết già nơi xó cửa.  - **Nghệ thuật lập luận:** bằng chứng tiêu biểu, toàn diện; lí lẽ sắc bén.  *=> Người bề tôi trung thành, hết lòng với vua/chủ của mình là việc làm đúng đắn được tôn vinh và ghi nhớ.*  - **Mục đích** đưa ra bằng chứng: khích lệ  lòng trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng, vì nước của các tướng sĩ đời Trần. 🡪 Từ những tấm gương đó, tác giả kêu gọi tướng sĩ nhà Trần  suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước. |
| *Nhiệm vụ 3: Luận điểm b - Tình hình thực tế đất nước và thái độ, nỗi lòng của chủ tướng.*  **- Bước 1: Giao nhiệm vụ**  HOẠT ĐỘNG NHÓM  Theo phiếu học tập 02, 03 (Phụ lục) cho luận điểm 2,3  Nhóm 1,2: thực hiện luận điểm 2  Nhóm 3,4: thực hiện luận điểm 3  **Cụ thể:**  *1/ Tìm những chi tiết (bằng chứng và lí lẽ) cho thấy:*  *- Tội ác của giặc*  *- Nỗi lòng của Trần Quốc Tuấn đối với đất nước.*  *- Sự đối đãi của chủ tướng Trần Quốc Tuấn đối với quân sĩ.*  (Theo dõi đoạn “Huống chi ta cùng các ngươi...kém gì.”)  *- Những sai trái của tướng sĩ? (Phê phán cái sai của tướng sĩ*  Gv yêu cầu hs chú ý đoạn 4: *“Nay các ngươi nhìn chủ nhục.…có được không”?*  *+ Trần Quốc Tuấn đã đưa ra bằng chứng và lí lẽ gì để phê phán những hành động sai trái của tướng sĩ?*  *+ Những hành động sai trái của các tương sĩ sẽ dẫn đến hậu quả gì?*  *+ Thái độ khi ông đã phê phán những hành động đó như thế nào?)*  *2/ Nhận xét về nghệ thuật lập luận của đoạn văn trên? (câu văn, giọng điệu, phép tu từ)*  *3/ Qua đó, hãy nhận xét về mục đích nghị luận của tác giả?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh thảo luận nhóm lớn tại bàn.  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  **Dự kiến sản phẩm cho ý: phê phán sai trái của tướng sĩ**  1/ - TQT đã phê phán những biểu hiện:   + Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy chủ…).   + Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt: chọi gà, cờ bạc.  2/- Hậu quả: Thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, tan nát…ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung… tất cả đều đau xót biết chừng nào.  - Ông còn chỉ rõ thái độ bàng quan không chỉ là tội thờ ơ, nông cạn mà còn là vong ơn bội nghĩa trước mối ân tình chủ tướng. Sự ham chơi, hưởng lạc đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm đến táng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc.  3/Thái độ: Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng.  4/ NT:  - Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện - kết quả, tăng tiến) câu cảm thán, nghi vấn.  - Sử dụng câu văn biền ngẫu cân đối, nhịp nhàng.  - Phép tu từ so sánh, điệp ngữ điệp ý tăng tiến, liệt kê.  - Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ   - Có khi tác giả dùng cách nói thẳng thắn gần như sỉ mắng: *“không biết lo”, “không biết thẹn” “không biết tức” “không biết căm”. Có khi tác giả dùng cách nói mỉa mai chế giễu “cựa gà trống… điếc tai”.* Điều đơn giản ấy trẻ con cũng biết được vậy mà các tướng lại hình như không biết…làm cho các tướng tức khí, muốn  mau chóng chứng minh tài năng, phẩm chất của mình bằng việc làm thực.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh dán sản phẩm lên bảng, GV định hướng các nhóm trả lời theo từng phần cụ thể.  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  + Các nhóm khác cùng lắng nghe.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  *Câu hỏi chốt:* **Em, hãy nhận xét mục đích nghị luận và mối quan hệ với các yếu tố trong bài nghị luận?**  Gv chuyển: *Nhận thức được phải trái, đúng sai là một việc cần thiết mà Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra cho các tướng sĩ của mình nhưng thước đo cuối cùng cho tinh thần trách nhiệm đối với đất nước chính là hành động. Vậy Trần Quốc Tuấn đã hướng dẫn các binh sĩ phải hành động như thế nào trước sức mạnh và sự xảo quyệt của kẻ thù chúng ta sẽ bước sang tìm hiểu phần 3.*  ***Nhiệm vụ 4: Hành động nên làm và nhiệm vụ cấp bách***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  Theo dõi tiếp đoạn: “*Nay ta bảo thật … không”.*  **Hoạt động cá nhân**  *1/ Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã khuyên các tướng sĩ nên như thế nào ? Ông nêu lên nhiệm vụ cấp bách gì?*  *2/ Kết quả dự kiến của những hành động đúng đắn ấy?*  *3/ Nhận xét về nghệ thuật: giọng điệu, cách lập luận của đoạn văn?*  *4/ Tại sao Trần Quốc Tuấn lại nói nếu không nghe lời thì sẽ thành kẻ thù?*  *5/Việc Trần Quốc Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ, đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý gì?*  *6/ Tác giả có đạt được mục đích không?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh các nhóm làm việc nhóm  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đại diện nhóm trình bày sản phẩm trên bảng  + Giáo viên hướng dẫn, nghe HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + HS nhận xét bạn  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Đoạn cuối cùng**: Giọng điệu của lời văn vô cùng nghiêm khắc, rạch ròi, không còn khoan dung độ lượng nữa/ đoạn văn cuối cùng đã chứa hai hàm lượng thông tin cảnh báo cho các tướng sĩ biết: nước có thể vẫn giữ được nhưng khi giặc đã dẹp yên thì những tướng sĩ không biết nghe lời chắc chắn muôn đời sẽ thẹn với non sông đất nước. Thái độ dứt khoát này của chủ tướng và lời cảnh tỉnh giống như một thứ Quân lệnh có tác dụng tập hợp lực lượng trước hết về mặt tư tưởng, tinh thần để tướng sĩ trong quân nghìn người như một.  Câu hỏi chốt: *Qua đây, em hãy nhận xét**thái độ, tình cảm của tác giả Trần Quốc Tuấn?*  Chủ soái vừa là một người có tấm lòng yêu nước nồng nàn và là một chú soái biết nhìn xa trông rộng, có hiểu biết và thấu tình đạt lý.  **GV mở rộng***: Lịch sử đất nước chúng ta trải qua hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước, có rất nhiều giai đoạn lịch sử khó khăn và đã xuất hiện những vị anh hùng hết lòng vì dân tộc. Như Bà Trưng, bà Triệu, Trần Hưng Đạo,Lê lợi, Quang Trung… biết bao anh hùng yêu nước xả thân không tiếc…*  **GV đặt câu hỏi, tích hợp giáo dục**  *Qua văn bản chúng ta thấy được tấm lòng vì nước, luôn lo lắng cho vận mệnh của đất nước của Trần Quốc Tuấn. Với bản thân em, được sống trong hòa bình không phải lo lắng về kẻ thù xâm lược em nhận thấy mình cần có trách nhiệm gì đối với đất nước ?*  HS phát biểu suy nghĩ về trách nhiệm đối với đất nước.  GV chốt: Mỗi chúng ta ai cũng có một trái tim nồng nàn yêu nước. Chúng ta may mắn được sống thăm thời bình hãy trân trọng những gì mà cha ông ta đã đánh đổi bằng xương máu. | **b/ *Luận điểm 2: Tình hình thực tế đất nước và thái độ của chủ tướng, tướng sĩ đối với tình hình đó***  ***\**** *Tình hình thực tế đất nước:*  **Bằng chứng:**  - “Sứ giặc đi lại nghênh ngang”  - “Sỉ mắng triều đình”  - “Bắt nạt tể phụ”  - Đòi ngọc lụa, thu bạc vàng.  **Lí lẽ:**  *- “Thật khác nào như đem thịt nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau?”*  **- Thái độ:** tức giận, căm thù  **- Nghệ thuật lập luận:** bằng chứng rõ ràng, cụ thể; lí lẽ bằng câu hỏi tu từ để khẳng định rằng nếu để hiện thực này diễn ra lâu dài thì vô cùng nguy hiểm.  **=>** Đối với đất nước ta: Kẻ thù vừa coi thường, khinh rẻ vừa tham lam vô độ. Tình thế đất nước nguy kịch.  ***\**** *Nỗi lòng chủ tướng đối với đất nước*  **- Bằng chứng:**  *+ Tới bữa quên ăn.*  *+ Nửa đêm vỗ gối.*  *+ Ruột đau như cắt.*  *+ Nước mắt đầm đìa.*  **- Nghệ thuật lập luận:**  + Câu văn biền ngẫu, nhịp điệu dồn dập.  + Ngôn ngữ ước lệ, giàu hình ảnh.  + Nhiều động từ mạnh chỉ trạng thái, hành động: quên ăn, vỗ gối, xẻ thịt, lột da, nuốt gan, uống máu, …  → Cực tả nỗi đau đớn, niềm uất hận, đối với kẻ thù cũng là biểu hiện của lòng yêu nước sâu nặng, vô cùng lo lắng cho vận mệnh đất nước.  **- Mục đích lập luận:** Cho các tướng sĩ thấy được tình cảm của chủ soái đối với đất nước, từ đó khơi dậy trong lòng họ trách nhiệm của mình.  *Luận điểm c – Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng; phân tích phải trí đúng sai của các tì tướng*  *\*. Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng*  **- Bằng chứng**:  + Không có mặc – cho áo  + Không có ăn – cho cơm  + Quan nhỏ - thăng chức  + Lương ít – cấp bổng  + Sống chết cùng nhau.  + Vui cười cùng nhau.  => Sự quan tâm chu đáo của chủ đối với các tướng. Chủ - tướng gắn bó như người thân. Có phúc cùng hưởng có họa cùng chịu.  - **Nghệ thuật lập luận:**  + Câu văn dài, nhiều ý, mối ý là 2 vế song hành.  + Điệp cấu trúc.  + Câu văn biền ngẫu.  + Nhịp văn nhịp nhàng, hài hòa.  **- Mục đích lập luận:** Gợi nhắc sự thân tình để tướng sĩ giác ngộ trách nhiệm cùng chủ lo cho đất nước.  *\*. Phê phán cái sai của tướng sĩ*  **- Bằng chứng:**   + Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy chủ…).   + Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt như chọi gà, cờ bạc, săn bắn, ham thích thích rượu ngon, mê tiếng hát…  🡪 *Quên hết danh dự, bổn phận, mất cảnh giác. Lối sống cầu an hưởng lạc.*  **- Lí lẽ:** Thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, tan nát…ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung…tất cả đều đau xót biết chừng nào.  🡪 *Mất hết sinh lực, tâm trí đánh giặc. Nước mất nhà tan.*  **- Thái độ**: Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng.  **- Nghệ thuật:**  + Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện - kết quả, tăng tiến) câu cảm thán, nghi vấn.  + Sử dụng câu văn biền ngẫu cân đối, nhịp nhàng.  + NT so sánh, điệp ngữ, điệp ý, tăng tiến, liệt kê.  + Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ.  => Cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất trách mắng, răn đe nhưng lại chân thành, tình cảm thống thiết.  **- Mục đích lập luận:** Nhắc nhở trách nhiệm các tướng sĩ hãy thoát khỏi những sai trái đã có và điều chỉnh lại thái độ, hành động của mình đối với vận mệnh đất nước, bởi đó cũng chính là vận mệnh của mình, gia đình mình.  \* **Mục đích nghị luận và mối quan hệ với các yếu tố trong bài nghị luận**.  ***- Lí lẽ, dẫn chứng làm rõ cho ý kiến:***  Để làm rõ mong muốn của mình (kêu gọi, khuyên răn tướng sĩ), Trần Quốc Tuấn đã dùng các lí lẽ sắc bén và bằng chứng rõ ràng: Từ bằng chứng xa xưa trong lịch sử Trung Quốc đến hiện thực đất nước lâm nguy, nỗi lòng đau xót của chủ tướng và thái độ chủ quan, lơ là của tướng sĩ trước nguy cơ mất nước để từ đó gióng lên hồi chuông thức tỉnh.  -> tác giả đã đạt được mục đích đề ra.  **d***/ Luận điểm 4 - Hành động nên làm và nhiệm vụ cấp bách*  **- Hành động nên làm:**  + Nêu cao tư tưởng cảnh giác.  + Tăng cường luyện tập giết giặc…  **- Nhiệm vụ cấp bách**: học tập binh thư yếu lược  **- Kết quả:=**  + Thái ấp vững bền, bổng lộc được hưởng thụ.  + Gia quyến êm ấm, vợ con bách niên giai lão.  + Tổ tiên được thờ cúng.  + Trăm năm sau còn lưu danh.  - **Nghệ thuật:**  + Câu nghi vấn (thêm từ *không*).  + Các từ khẳng định: Mãi mãi, đời đời.  + Lập luận sắc bén, rõ ràng.  - Dứt khoát, cương quyết, tâm tình.  - **Mục đích lập luận:** Kêu gọi tướng sĩ làm đúng bổn phận đối với chủ, đối với đất nước.  => Khẳng định lại mình bằng những việc làm thiết thực; vừa ân cần chỉ bảo (những việc nên làm)  =>Tất cả đều xuất phát từ mục đích quyết tâm chiến thắng kẻ thù xâm lược.  **3/ Thái độ, tình cảm của tác giả khi viết bài hịch**  - Với giọng điệu *nghiêm khắc,* ông đã *chỉ trích* thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước hành vi ngỗ ngược của kẻ thù: thấy chủ nhục không biết lo, thấy nước nhục không biết thẹn…  - *Nhấn mạnh* những thú vui tầm thường, thấp hèn cá nhân của các tướng sĩ.  - *Quyết liệt* chỉ ra hậu quả của thói bàng quan.  - Bằng sự *mỉa mai,* Trần Quốc Tuấn chỉ ra cho tướng sĩ thấy thói ăn chơi ấy không đỡ nổi sức mạnh của kẻ thù.  - *Đau xót* trước sự tàn bạo của kẻ thù và *tức giận* trước sự vô tâm của tướng sĩ.  - *Tha thiết mong muốn* tướng sĩ thấu hiểu được nỗi lòng của mình, xúc động trước tấm lòng của ông, thấy được cái sai mà sửa đổi.  - *Kiên quyết, rạch ròi* với những người không nghe lời, không chịu học tập binh thư yếu lược.  *=> Trần Quốc Tuấn* là biểu tượng của lòng yêu nước nồng nàn, hun đúc sức mạnh của dân tộc, thể hiện cho ý chí quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, là vị tướng kiệt xuất với tầm nhìn xa trông rộng, nhưng vô cùng gần gũi, chân tình. |

**III. Hướng dẫn tổng kết**

**a. Mục đích:** Nêu được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cặp đôi**  **Nối cột Nghệ thuật -Nội dung cho phù hợp với nội dung và nghệ thuật của văn bản**  - GV yêu cầu:  1/ Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả?  2/ Từ đó hãy rút ra kinh nghiệm đọc hiểu một văn bản nghị luận?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nghệ thuật** |  | **Nội dung** | | Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác. | - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. | | Văn bản nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược. | - Sử dụng phép lập luận linh hoạt, chặt chẽ | | Bộc lộ tấm lòng yêu nước của TQT | Khích lệ lòng quân hướng về đất nước |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh làm việc nhóm.  + Giáo viên quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  *+* GVyêu cầu HS rút ta cách đọc hiểu một văn bản nghị luận:  *?Qua đọc hiểu văn bản hịch, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội nói chung và văn bản nghị luân trung đại nói riêng*. | **III. Tổng kết**  **1/ Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. - Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.  - Nghệ thuật lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ…) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện).  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu.  - Sử dụng biện pháp cường điệu, ẩn dụ.  **2/ Nội dung**  - Nỗi lòng của vị chủ soái trước nguy cơ xâm lăng mà tướng sĩ lại không hề cảnh giác. Đó là tình yêu và tầm nhìn nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn trước vấn đề trọng đại của dân tộc*.*  - Văn bản nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.  **3. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội nói chung và văn bản nghị luân trung đại nói riêng**  - Tìm hiểu **bối cảnh lịch sử,** thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả liên quan đến bài học (Trả lời các câu hỏi: Viết làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?)  - **Tìm và phân tích** được các yếu tố **luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến** đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan mà tác giả triển khai trong bài.  - Tìm hiểu biện pháp **nghệ thuật** đặc sắc được tác giả sử dụng để lầm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận.  - Chú ý đến **yếu tố biểu cảm** được bộc lộ chủ yếu ngôn từ, giọng điệu lập luận thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người nghe, người đọc làm theo.  - Cần rút ra cho mình **bài học** gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống. |

C. HĐ LUYỆN TẬP

**a) Mục đích:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung:** Hoạt động cá nhân rồi làm vào vở bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***- Gv chuyển giao nhiệm vụ:***

Chúng ta sẽ thực hiện một trò chơi **truy tìm kho báu** bằng cách trả lời đúng những câu hỏi để tìm ra kho lương thực cho tướng lĩnh của Trần Quốc Tuấn.

**Trò chơi: Ai nhanh hơn**

**Câu 1:** Mục đích cao nhất của văn bản “Hịch tướng sĩ” là:

A. Khích lệ ý chí lập công danh, sẵn sàng xả thân vì đất nước

B. Khích lệ lòng căm thù giặc, muốn được cùng chủ tướng đánh giặc

**C**. Khuyên nhủ các tì tướng tích cực luyện tập võ nghệ, học tập binh thư yếu lược.

D. Khuyên nhủ các tì tướng làm tròn trách nhiệm với chủ tướng, với đất nước.

**Câu 2:** Ý nào sau đây *không* đúng về đặc sắc nghệ thuật trong văn bản “ Hịch tướng sĩ”?

A. Lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, bằng chứng thuyết phục

**B**. Xây dựng tình huống éo le, kịch tích

C. Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, ẩn dụ, cường điệu.

D. Ngôn ngữ hàm súc, gợi hình, gợi cảm

**Câu 3:** Đối tượng thuyết phục của văn bản “Hịch tướng sĩ” là:

A. Các tướng lĩnh trong quân đội của Trần Quốc Tuấn

B. Nhân dân Đại Việt thời bấy giờ

**C.** Toàn bộ các tướng sĩ trong quân đội của Trần Quốc Tuấn và sau đó lan tỏa ra quân dân Đại Việt lúc bấy giờ

D. Những tướng sĩ đang có tư tưởng chủ hòa lúc bấy giờ

**Câu 4:** “Nếu các ngươi chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta tức là kẻ nghịch thù” Tập sách mà Trần Quốc Tuấn nhắc tới trong câu văn trên là:

A. Vạn Kiếp tông bí truyền thư B. Đại Việt sử kí toàn thư

C. Hịch tướng sĩ **D.** Binh thư yếu lược.

**Câu 5:** Câu văn nào sau đây thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn:

A. Các ngươi con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ.

**B.** Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù.

C. Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan.

D. Nếu vậy, rồi đây sau khi dẹp yên quân giặc, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa.

Câu 6: Văn bản cùng thể loại với “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn là:

**A.** Tinh thần yêu nước của nhân dân ta – Hồ Chí Minh

B. Lá cờ thêu sáu chữ vàng – Nguyễn Huy Tưởng

C. Minh sư – Thái Bá Lợi

D. Quang Trung đại phá quân Thanh – Ngô Gia Văn Phái

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a) Mục đích:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học để áp dụng vào kiến thức.

**b) Nội dung:** Về nhà hoạt động cá nhân và thực hiện.

**c) Sản phẩm:** Bài sưu tầm của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Gv giao nhiệm vụ:

1/ *Em hãy sưu tầm tư liệu hoặc vẽ chân dung chủ soái Trần Quốc Tuấn*

*2/ Em có thể kể tên một số vị tướng giỏi mà em biết hay không?*

**3.** Từ đó hãy rút ra bài học cho bản thân khi viết một văn bản nghị luận?

Gợi ý: **Bài học về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội:**

**- Lựa chọn vấn đề nghị luận** (lựa chọn đề tài): Chọn đề tài có ý nghĩa liên quan đến đời sống - vấn đề có tính thời sự và ý nghĩa.

- **Bố cục bài viết: Chặt chẽ** (Nêu vấn đề nghị luận-> Giải quyết vấn đề nghị luận bằng lí lẽ, dẫn chứng-> Kết thúc vấn đề (khẳng định, liên hệ mở rộng vấn đề).

**- Lí lẽ và bằng chứng**: Tiêu biểu, chính xác, toàn diện, sinh động thuyết phục.

**- Diễn đạt**: Sáng rõ, lời văn ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc.

- Dự kiến sản phẩm: bài sưu tầm, sản phẩm của Hs.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

\*VIẾT KẾT NỐI ĐỌC

**Viết đoạn văn (khoảng 7- 9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.**

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

***- Về hình thức:*** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ.Trong đoạn, phải **nêu về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.**

***- Về nội dung:*** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến chủ đề.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS lên trình bày.

-HS khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**\*Hướng dẫn về nhà**

- Hoàn thành các bài tập

- Học bài cũ, nắm vững kiến thức

- Chuẩn bị bài: *Thực hành tiếng Việt: Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.*

PHỤ LỤC BÀI ĐỌC VĂN BẢN 1

**Phiếu học tập 01**

|  |  |
| --- | --- |
| *a. Luận điểm 1: Nêu gương các nhân vật trong sử sách.* | |
| *Bằng chứng* |  |
| *Lí lẽ* |  |
| *Nghệ thuật lập luận* |  |
| *Mục đích nghị luận* |  |

**Phiếu học tập 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Luận điểm b - Tình hình thực tế đất nước và thái độ, nỗi lòng của chủ tướng* | | |
| **Yếu tố** | *Tình hình đất nước* | *Nỗi lòng chủ tướng đối với đất nước* |
| Bằng chứng |  |  |
| Lí lẽ |  |  |
| Nghệ thuật lập luận |  |  |
| Mục đích nghị luận |  |  |

**Phiếu học tập 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *c/ Luận điểm 3 – Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng; phân tích phải trí đúng sai của các tì tướng* | | |
| **Yếu tố** | *Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng* | *PT phải trí đúng sai của các tì tướng* |
| Bằng chứng |  |  |
| Lí lẽ |  |  |
| Nghệ thuật lập luận |  |  |
| Mục đích nghị luận |  |  |

TIẾT 29

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH VÀ ĐOẠN VĂN QUY NẠP**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản,

*2. Năng lực*

a. Năng lực đặc thù: - Năng lực ngôn ngữ

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*3. Phẩm chất:*

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: có ý thức sử dụng tiếng Việt trong sáng trong xây dựng đoạn văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm các đoạn văn diễn dịch, quy nạp.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Tổ chức hoạt động cặp đôi**

Nhiệm vụ: sử dụng phiếu học tập, tìm hiểu một số vấn đề về đoạn văn



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

(\*Gợi ý đáp án: tùy hiểu biết của HS, làm được phần K,W là được, phần L dành cuối tiết học)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS đại diện trình bày, nhận xét.

HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> GV dẫn vào bài: *Đoạn văn là đơn vị để tạo nên văn bản vì vậy biết cách xây dựng một đoạn văn đúng, khoa học, hấp dẫn sẽ là tiền đề để có một văn bản thu hút người đọc và đạt hiệu quả trong giao tiếp. Vậy có mấy kiểu đoạn văn và cách xây dựng các kiểu đoạn văn đó như thế nào thì tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoàn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Biết cách triển khai đoạn văn diễn dịch và quy nạp.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn, nhóm để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động nhóm.  Theo dõi 2 đoạn văn:  Đoạn văn 1:  (1) **Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.** (2) Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. (3) Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kỳ lịch sử.  (Đặng Thai Mai, *Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc).*  Đoạn văn 2:  (1) Đề cao sự khác biệt không phải là cổ động cho lối sống cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, chối bỏ mọi trách nhiệm. (2) Đề cao sự khác biệt không có nghĩa là chấp nhận những sự kỳ dị, quái đản, cốt làm cho cá nhân nổi bật giữa đám đông, xa lạ với văn hóa truyền thống của dân tộc. (3) Đề cao sự khác biệt cũng không đồng nghĩa với việc tán thành lối sống tự do, vô mục đích. **(4) Xét cho cùng chỉ sự khác biệt nào toát lên được giá trị của cá nhân và có ích cho cộng đồng thì mới thực sự có ý nghĩa đáng được đề cao.**  (Nhiều tác giả, *Để làm tốt bài thi môn Ngữ Văn kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia - phần nghị luận xã hội,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2016).  *Hoàn thành phiếu học tập sau*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Đoạn văn 1 | Đoạn văn 2 | | *Câu chủ đề* |  |  | | *Nội dung câu chủ đề* |  |  | | *Vị trí câu chủ đề* |  |  | | *Các còn lại có nhiệm vụ gì trong đoạn?* |  |  |   *Từ đó em hãy rút ra về đặc điểm của đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. Nếu chức năng của hai kiểu đoạn văn này.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  - GV hướng dẫn nếu cần.  *- Dự kiến sản phẩm*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Đoạn văn 1 | Đoạn văn 2 | | *Câu chủ đề* | *1* | *4* | | *Nội dung câu chủ đề* | Khẳng định 2 nét đặc sắc của tiếng Việt là đẹp và hay. | khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa đáng được đề cao | | *Vị trí câu*  *chủ đề* | Đầu đoạn | Cuối đoạn | | *Các còn lại có nhiệm vụ gì trong đoạn?* | Các câu tiếp theo 2,3 nói cái đẹp và cái hay thể hiện cụ thể như thế nào của tiếng Việt. | Nêu những biểu hiện của sự khác biệt tầm thường, vô nghĩa (1,2,3) |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  Gv chốt: Chúng ta vừa tìm hiểu đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. Để củng cố nội dung lý thuyết này cô mời các bạn thực hiện hoạt động luyện tập. | **I/ Nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp**  **1. Đặc điểm**  **a. Đoạn văn diễn dịch.**  - Câu chủ đề đặt ở đầu câu.  - Nêu nội dung chính cả đoạn.  - Các câu còn lại làm sáng tỏ câu chủ đề.  **b.Đoạn văn quy nạp**  - Câu chủ đề đặt ở cuối câu.  - Nêu nội dung chính cả đoạn.  - Các câu còn lại làm sáng tỏ câu chủ đề.  **2. Chức năng**  - Diễn dịch, quy nạp là hai kiểu tổ chức đoạn văn khác nhau nhưng đều đã vướng yêu cầu cơ bản của một đoạn văn: *thể hiện rõ chủ đề.* Do có câu chủ đề, việc tiếp nhận nội dung đoạn văn trở nên thuận lợi hơn dù câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn diễn dịch hay ở cuối đoạn quy nạp.  - Hai kiểu đoạn văn này đặc biệt phù hợp với văn bản nghị luận. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành nhận biết về các kiểu đoạn văn đã học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Giáo viên tổ chức lớp thành bốn nhóm, tiến hành giải bài tập dưới dạng mật thư. Thời gian để giải mỗi bài tập là 5 phút. Các nhóm bốc thăm mật thư, hết 5 phút sẽ truyền qua mật thư đó cho nhóm khác cho đến khi mỗi nhóm đều giải đủ bốn mật thư thì trò chơi kết thúc. Sau đó mỗi nhóm sẽ trình bày một mật thư của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm lớn.  - Hình thức: giải mật thư 1,2,3 tương đương 3 bài tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu của mật thư.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Mật thư 01**  **Câu 1 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1)**: Tìm câu chủ đề trong các đoạn văn sau, từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.  a. Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!  (Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)  b. Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,… tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi “nhóm bạn lí tưởng” ở huyện, “màu cờ sắc áo” không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tưng bừng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.  Dẫn theo Ngữ văn 6, tập hai (*Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr. 67)  **Trả lời:**  a. Câu chủ đề: *Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!*  => Đoạn văn quy nạp.  - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.  b. Câu chủ đề: *Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.*  => Đoạn văn diễn dịch.  - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục. |
| M**ật thư 02**  **Câu 2 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1)**: Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.  (1) Một cô Tấm (trong truyện *“Tấm Cám”)* bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám - những kẻ lắm mưu mô, tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.  2) Một Thạch Sanh (truyện *“Thạch Sanh”)* chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.  (3) Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.  (4) Một người em (truyện *“Cây khế”)* thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang, hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển khơi.  **Trả lời:**  - Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4)  - Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)  - Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy. |
| **Mật thư 03**  C**âu 3 (trang 65 sgk Ngữ văn 8 Tập 1)**: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất” (I-li-a Ê-ren-bua). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn, một đoạn văn đặt câu chủ đề ở đầu đoạn (diễn dịch) và đoạn văn đặt câu chủ dề ở cuối đoạn (quy nạp).  **Trả lời:**  - Đoạn văn diễn dịch:  **Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.** Đó là tình yêu quê hương - nơi mình sinh ra và lớn lên. Đó là tình yêu lũy tre xanh đong đầy kỉ niệm tuổi thơ, yêu dòng sông dịu dàng trôi chảy, yêu cánh đồng thơm mùi gốc rạ mỗi khi vào mùa gặt, yêu biết bao dáng mẹ hao gầy, còng lưng trên đồng xa quanh năm suốt tháng, dãi nắng dầm mưa…Tình yêu ấy cứ đong đầy mỗi ngày cho đến lúc lớn khôn. Và gia đình là bến bờ bình an, tươi đẹp nhất của mỗi người cho dù đi bất cứ đâu. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Yêu gia đình, yêu mẹ cha, yêu những người anh em ruột rà…Đó là một tình yêu thiêng liêng và vĩnh cửu. Chỉ khi ta yêu những gì gần gũi nhất ta mới có thể bồi đắp nó lớn khôn hòa cùng vào tình yêu đất nước.  **- Đoạn văn quy nạp:**  Khi bạn sinh ra có lẽ gia đình là nơi xuất phát đầu tiên của tình yêu thương. Bạn lớn lên trong vòng tay cha mẹ, trong sự bao bọc của anh em, họ hàng, tình yêu ấy cứ tự nhiên phát triển cho đến khi bạn đi học. Bạn có tình yêu thầy cô, tình yêu bạn bè, yêu mái trường và rộng hơn nữa bạn sẽ yêu dòng sông, yêu những cánh đồng, yêu cảnh vật quê hương qua những trang thơ và những trải nghiệm của cuộc đời mình. Kỷ niệm tuổi thơ cùng hành trang đến trường luôn là những giai điệu đẹp bồi đắp thêm cho tình yêu nơi mảnh đất mình đã sinh ra và lớn lên. Có thể bạn yêu một buổi sớm mai có tiếng chim ca hay yêu con đường có hàng cây xanh mát, yêu người nông dân rạng ngời trong mùa gặt, yêu cả tiếng sáo diều vi vút buổi chiều xa…**Để từ đó ta hiểu ra một chân lý rằng lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.** |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về đoạn văn để làm bài tập.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

*1/ Em hãy điền phiếu học tập mục L sau khi đã được học xong bài.*



*2/ Về nhà hãy sưu tầm những đoạn văn được trình bày theo kiểu diễn dịch, quy nạp ở trong một số văn bản đã học và những văn bản em được đọc. Gạch chân dưới những câu chủ đề.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

* Hoàn thiện các bài tập vào vở.
* Chuẩn bị bài mới: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

TIẾT 30,31

**VĂN BẢN: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

*- Hồ Chí Minh*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Học sinh nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết

- Học sinh liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

*2. Năng lực*

a. Năng lực đặc thù

- Năng lực văn học

- Năng lực ngôn ngữ

b. Năng lực chung

*-* Năng lực tự chủ và tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*3. Về phẩm chất*

- Yêu nước

- Trách nhiệm

*Lồng ghép nội dung GD QP&AN: Nhấn mạnh tinh thần đoàn kết, quyết chiến, quyết thắng tạo nên sức mạnh dân tộc đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Ngữ văn 8 của bộ sách: *Kết nối tri thức và cuộc sống*, SGV.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, bài giảng điện tử.

- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học (hình ảnh, video...).

- Các phiếu học tập.

- Sơ đồ, biểu bảng.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS; tạo vấn đề vào chủ đề.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

Câu trả lời/ chia sẻ của học sinh bằng ngôn ngữ.

**d. Tổ chức hoạt động**

**\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên cho học sinh xem một đoạn video về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

<https://youtu.be/Zp0H2AqsxC0> hoặc <https://youtu.be/QvUjriWPiHw>

- Giáo viên yêu cầu:

*?Cảm nghĩ của em về những hình ảnh, thông tin trong đoạn video?*

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe và suy nghĩ.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh: Suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét.

**\* Bước 3: Báo cáo kết quả**

Một số học sinh trình bày ý kiến của mình trước lớp.

**\*Bước 4: Đánh giá kết quả**

Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**\*GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài mới:**

Vì sao một đất nước đất không rộng, người không đông như đất nước ta mà luôn luôn chiến thắng tất cả mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng mạnh đến đâu và từ đâu tới? Làm thế nào để cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tiến tới thắng lợi ? Đó là nhờ lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc ta. Văn bản hôm nay chúng ta học sẽ tìm hiểu rõ hơn về lòng yêu nước của nhân dân ta.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**I. Đọc – Tìm hiểu chung về văn bản**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, cách đọc, bố cục văn bản.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án.

- HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c) Sản phẩm học tập:**

Những nét khái quát về tác giả và văn bản.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên nêu yêu cầu:  **Nhóm 1.** Đọc văn bản.  *?Chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?*  - Học sinh tự nêu cách đọc, GV hướng dẫn đọc: Giọng mạch lạc, rõ ràng, dứt khoát nhưng vẫn thể hiện tình cảm ; lưu ý tới các động từ *lướt, nhấn, có;* các quan hệ từ tạo nên điệp cấu trúc *từ …đến* và các hình ảnh so sánh.  **Nhóm 2:**  *Nhắc lại những nét chính về tác gỉa Hồ Chí Minh.*  - Nhắc học sinh lưu ý những chú thích trong sách giáo khoa.  **Nhóm 3:** *Em biết gì về tác phẩm?*  + Xuất xứ.  + Thể loại.  + Phương thức biểu đạt.  + Bố cục.  **Nhóm 4:** *Nêu mục đích của văn bản.*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ.  + Giáo viên quan sát, hỗ trợ hs.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận xét, đánh giá**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Nhấn mạnh**: Trong bản báo cáo, Bác nêu quan điểm yêu nước là truyền thống quý báu đáng tự hào của nhân dân ta được hình thành qua trường kì lịch sử và ngày càng được bồi đắp thêm. Hiểu rõ và phát huy truyền thống đó trong hoàn cảnh kháng chiến chống kẻ thù xâm lược là một việc hết sức quan trọng. | **I. Đọc – Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890-1969).  - Quê ở làng Sen - Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An.  - Là vị lãnh tụ thiên tài, một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc, một chiến sĩ cộng sản quốc tế, một danh nhân văn hóa thế giới.  **2. Văn bản**  **\* Xuất xứ**  - Bài văn trích trong "*Báo cáo chính trị*" của Chủ tịch HCM tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/1951 của Đảng Lao động Việt Nam.  **\* Thể loại:** Nghị luận xã hội (chứng minh một vấn đề chính trị xã hội).  **\* Bố cục**  **Phần 1: (**Mở bài): Nêu ý kiến khái quát, khẳng định nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước và nêu lên giá trị của lòng yêu nước.  **Phần 2: (**Thân bài): Chứng minh vấn đề qua lí lẽ, dẫn chứng  **Phần 3:** (Kết bài): Nêu giá trị của lòng yêu nước và trách nhiệm của mỗi người dân.  **\* Mục đích của văn bản**  Mọi người nhận thức được yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc ta cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để xây dựng và bảo vệ đất nước. |

**II. Đọc - Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB nghị luận.

- Chỉ ra và phân tích được luận đề,các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

 - Hs thấy được cách lập luận rất thuyết phục của tác giả về lòng yêu nước để từ đó bàn đến trách nhiệm của việc phải thực hành lòng yêu nước.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1,2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi vào phiếu:  PHT 01   |  |  | | --- | --- | | *Câu hỏi* | *Đáp án* | | *Đối tượng*  *của văn bản viết là ai?* |  | | *Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm.* |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày theo phiếu học tập.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: phân tích cấu trúc văn bản nghị luận**   1. *Nêu vấn đề nghị luận.*   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.  - HS đọc đoạn 1.  **PHT 02**   |  |  | | --- | --- | | *1/ HCM trong cương vị Chủ tịch nước đã thay mặt toàn Đảng toàn dân ta, khẳng định một chân lí, đó là chân lí gì?* |  | | *2/ Lòng yêu nước của nhân dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực nào? Vì sao* ? |  | | *3/ Em có nhận xét gì về cách viết câu văn của tác giả ?Tác dụng* |  |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + *Học sinh*: suy nghĩ, trao đổi cặp đôi,trả lời.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS  Bổ sung câu 2: *Lòng yêu nước của nhân dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực đấu tranh chống quân xâm lược vì đặc điểm lịch sử của dân tộc ta luôn phải chống ngoại xâm nên cần đến lòng yêu nước*.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  Gv chuyển: Vậy tình yêu nước, truyền thống yêu nước của dân ta được thể hiện như thế nào trong lịch sử? Chúng ta cùng tìm hiểu phần 2, chứng minh, giải quyết vấn đề.  **Nhiệm vụ 3: Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Hoạt động cá nhân.  + Trước khi cho các nhóm trình bày sản phẩm GV yêu cầu HS đọc đoạn 2,3.  *Hai đoạn này có nhiệm vụ gì ?*  - Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước  GV: Để làm rõ lòng yêu nước, tác giả đã đưa ra những chứng cứ của lòng yêu nước trong hai thời kì: Lòng yêu nước trong quá khứ của LS DT và lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta.  Hoạt động nhóm theo phương pháp dự án  Nhóm 1,2: *đọc đoạn văn thứ hai và hoàn thiện phiếu học tập 03*  Nhóm 3,4: *đọc đoạn văn thứ 3 và hoàn thiện phiếu học tập 04.*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh thảo luận nhóm.  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  Dự kiến sản phẩm: PHT 03   |  |  | | --- | --- | | a. Luận điểm 1: Lòng yêu nước trong lịch sử thời quá khứ | | | *1/ Lòng yêu nước trong qúa khứ được xác nhận bằng những bằng chứng LS nào ?* | Những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung… | | *2/Trước khi đưa ra bằng chứng, tác giả đã khẳng định điều gì ? Vì sao tác giả lại khẳng định như vậy ?* | Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các anh hùng dân tộc. Vì họ có công lớn. | | *3/Em có nhận xét gì về cách đưa bằng chứng của tác giả?* | Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian lịch sử. |   Chuyển ý nhóm 2: Lịch sử dân tộc anh hùng mang truyền thống yêu nước từ ngàn xưa được nối tiếp theo dòng chảy của thời gian, của mạch nguồn sức sống dan tộc được biểu hiện bằng 1 câu chuyển ý, chuyển đoạn. Đó là câu nào? *(Chúng ta phải ghi nhớ công lao…).*  Nhóm 3,4 PHT 04   |  |  | | --- | --- | | b. Luận điểm 2: Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta | | | *1/ Để chứng minh lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào ?* | - Từ các cụ già ... đến các cháu...  -Từ những chiến sĩ..., đến những công chức...  -Từ những nam nữ công nhân..., cho đến những... | | *2/ Bằng chứng được trình bày theo kiểu câu có mô hình chung nào? Cấu trúc dẫn chứng ấy có quan hệ với nhau như thế nào?* | - Liệt kê dẫn chứng theo mô hình "từ... đến" vừa cụ thể, vừa toàn diện.  - Điệp cấu trúc | | *3/Em có nhận xét gì về cách đưa bằng chứng của tác giả?* | - Cách đưa bằng chứng chân thực, toàn diện, rộng rãi để làm sáng tỏ chủ đề đoạn văn: Lòng yêu nước của đồng bào ta trong kháng chiến chống TD Pháp. |   **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày theo nhiệm vụ.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Câu hỏi bổ sung**  ? Qua việc tìm hiểu hai đoạn văn trên em hãy khái quát cách lập luận và nội dung nghị luận của tác giả?  Hs khái quát.  🡪Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Phần kết thúc vấn đề**   * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   PHT 05   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Đáp án | | *1/ Tác giả muốn người đọc nhận*  *hức được điều gì và có hành động như thế nào?* |  | | *2/ Nhận thức đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống cộng đồng?* |  | | 3/ *Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ?* |  |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh thảo luận nhóm.  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Đại diện nhóm trình bày theo nhiệm vụ  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  *+ Qua văn bản, em hãy nhận xét thái độ,tình cảm của tác giả?*  =>Kết thúc bài viết *Báo cáo chính trị* thì ai nấy đều hiểu và đều thầm hứa với Người sẽ vận dụng vào thực tế công tác của mình. Và chúng ta ngày nay, khi đọc văn bản này cũng hiểu rõ để suy ngẫm sâu thêm về tấm lòng, trí tuệ và tài năng của Bác, làm theo lời Bác dạy: Phát huy tinh thần yêu nước trong công việc cụ thể hằng ngày, trong việc học tập, lao động và ứng xử với mọi người.  Câu hỏi mở rộng: *Qua bài văn em hiểu thêm gì về Chủ tịch HCM ?*  - Chúng ta hiểu thêm và kính trọng tấm lòng của HCM đối với dân, với nước; hiểu thêm về tài năng và trí tuệ của Người trong văn chương. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Đối tượng văn bản cần thuyết phục**  Toàn thể nhân dân Việt Nam và các kiều bào ta ở nước ngoài hướng về Tổ quốc.  **2. Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm**  - Bài viết có 4 luận điểm:  + Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta.  + Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.  + Đồng bào ta ngày nay rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước: lòng nồng nàn yêu nước.  + Bổn phận của chúng ta.  - Mối liên hệ giữa các luận điểm: Từng luận điểm đều có vị trí riêng nhưng lại liên kết chặt chẽ với nhau, hô ứng với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề “Tinh thần yêu nước là truyền thống quý báu của ta”. Trong đó luận điểm 1 là luận điểm chính, thâu tóm nội dung toàn bài: khẳng định lòng yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.  **3. Phân tích cấu trúc văn bản nghị luận**  **a. Nêu vấn đề nghị luận**  - **Vấn đề nghị luận**: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  **- Câu văn thể hiện:** Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.  **- Cách triển khai vấn đề:** Trực tiếpnêu vấn đề nghị luận:  **- Nghệ thuật**:  + Kiểu câu dài, nhiều vế, trùng điệp.  + Hình ảnh ẩn dụ: làn sóng - sức mạnh tinh thần yêu nước.  + Động từ mạnh: kết thành, lướt, nhấn chìm => gợi tả sức mạnh to lớn vô tận của lòng yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm của nhân dân ta.  => Cách nêu luận điểm ngắn gọn, giản dị, mang tính thuyết phục cao khẳng định chân lí: Dân ta có 1 lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta.  **b. Giải quyết vấn đề**  **Chứng minh những biểu hiện lòng yêu nước của nhân dân ta**  a. Luận điểm 1: Lòng yêu nước trong lịch sử thời quá khứ  - Lí lẽ: Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại…vẻ vang.  *-* Dẫn chứng: *Thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v..*  **-** Liệt kê các nhân vật lịch sử để chứng minh cho lời khẳng định ở phần mở bài, làm tăng sức hấp dẫn thuyết phục người đọc, người nghe.  🡪 Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian LS.  => Ca ngợi những chiến công hiển hách trong lịch sử chống ngoại xâm của DT.  b. Luận điểm 2: Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta:  *- Câu có luận điểm:* Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng vơi tổ tiên ta ngày trước.  *- Dẫn chứng:*  + Cụ già ... các cháu nhi đồng.  + Kiều bào ... đồng bào…  + Nhân dân miền ngược... miền xuôi.  🡪Ai cũng có một lòng yêu nước nồng nàn (yêu nước, ghét giặc).  **-** Trình tự sắp xếp dẫn chứng:  *+ Trình tự thời gian* (từ xưa đến nay)  + *Theo lứa tuổi* (từ cụ già đến các cháu nhi đồng, từ những phụ nữ đến các bà mẹ...)  +*Theo vùng miền* (từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bào trong nước đến kiều bào nước ngoài, từ tiền tuyến đến hậu phương...)  - Nghệ thuật: Liệt kê dẫn chứng theo mô hình "từ... đến" vừa cụ thể, vừa toàn diện.  **=>** Cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của đồng bào ta trong cuộc kháng chiến chống TD Pháp.  \* **Mục đích và mối quan hệ giữa mục đích với các yếu tố trong bài nghị luận**.  ***- Lí lẽ, dẫn chứng làm rõ cho ý kiến:***  + Để làm rõ ý kiến của mình (lòng nồng nàn yêu nước của dân ta). Bác đã dùng các lí lẽ và chủ yếu là bằng chứng có trong lịch sử và hiện thực cuộc kháng chiến của dân tộc.  + Hệ thống dẫn chứng lí lẽ vô cùng sinh động, phong phú, toàn diện và đầy sức thuyết phục, không ai có thể bác bỏ được.  -> Bác đã đạt được mục đích đề ra.  \* Kết luận: Với nghệ thuật liệt kê trùng điệp, lí lẽ hùng hồn, dẫn chứng cụ thể, lập luận đanh thép tác giả đã chứng minh lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta cả trong quá khứ và hiện tại, nó ăn sâu vào tiềm thức mọi tầng lớp nhân dân, mọi công việc.  **c. Kết thúc vấn đề: Nhiệm vụ về nhận thức và hành động**  - Nhận thức được vấn đề:  *+ Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của qúy.*🡪Đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  *+ Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:*  ++ Có khi được trưng bày... nhìn thấy.  ++ Có khi được cất giấu kín đáo... không nhìn thấy.  **=>** Cả 2 đều đáng quí.  - Chuyển nhận thức thành hành động (nhiệm vụ).  - Phải động viên, tổ chức, khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người. (Phải ra sức giải thích, tuyên truyền...kháng chiến).  ***-*** *Nghệ thuật lập luận: Sử* dụng nghệ thuật so sánh để khẳng định đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta, giúp mọi người nhận thức rõ lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng. Cuối cùng khẳng định nhiệm vụ của Đảng.  =>Đây là cách lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.  **4. Tình cảm, thái độ của tác giả**  Bác **tự hào** về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử; **ca ngợi** những biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời điểm hiện tại; **kêu gọi** mọi người phát huy lòng yêu nước của dân tộc trong thời điểm hiện tại. |

**2.3. Tổng kết**

**a) Mục đích:** Nêu được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Đại diện nhóm trình bày theo nhiệm vụ.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  + Gọi HS đọc ghi nhớ. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Xây dựng **luận điểm** ngắn gọn, súc tích, **lập luận** chặt chẽ, **dẫn chứng** toàn diện, tiêu biểu, cụ thể, chọn lọc theo các phương diện: lứa tuổi, nghề nghiệp, vùng miền,…  - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.  - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.  - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc  - Sử dụng **từ ngữ** gợi hình ảnh ( làn sóng, lướt qua, nhấn chìm…) câu văn nghị luận hiệu quả ( câu có từ quan hệ từ… đến).  **2. Nội dung**  - Khẳng định dân ta có lòng yêu nước nồng nàn và làm sáng tỏ lòng yêu nước đó.  - Nêu lên trách nhiệm phải phát huy lòng yêu nước vào công việc kháng chiến. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu kiến thức liên quan đến văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời câu hỏi qua trò chơi “**Thỏ nhổ cà rốt”.**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Trò chơi “**Thỏ nhổ cà rốt”**

**Hãy giúp chú thỏ nhổ cà rốt bằng cách trả lời đúng câu hỏi.**

**Câu 1**. Bài văn tinh thần yêu nước của nhân dân ta được viết trong thời kỳ nào?

A. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

B. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

C. Thời kỳ đất nước ta xây dựng CNXH ở miền Bắc.

D. Những năm đầu thế kỷ XX.

**Câu 2.** Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta diễn ra vào thời gian nào?

A.1930 – 1945

B.1946 – 1954

C.1954 – 1975

D. 1965 – 1975

**Câu 3.** Tính "truyền thống" của lòng yêu nước được làm rõ trong văn bản bởi yếu tố nào?

A. Chứng minh theo thời gian xưa – nay.

B. Giải thích bằng lí lẽ.

C. Chứng minh bằng những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước theo thời gian xưa – nay.

D. Chứng minh trong thời hòa bình.

**Câu 4.** Đoạn văn từ “Đồng bào ta ngày nay đến …lòng nồng nàn yêu nước” đã trình bày dẫn chứng bằng biện pháp nghệ thuật nào là chính?

A. Liệt kê, điệp ngữ. B. Nhân hoá, liệt kê.

C. Điệp ngữ. D. Hoán dụ, điệp ngữ.

**Câu 5.** Dòng nào phản ánh đúng nhất về văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” ?

A. Bố cục chặt chẽ, lập luận rành mạch.

B. Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện.

C. Giọng văn giàu xúc cảm.

D. Văn bản nghị luận mẫu mực.

**Câu 6.** *Nội dung chính của văn bản được nêu ở vị trí nào?*

A. Tiêu đề của văn bản. C. Phần (1) của văn bản.

B. Phần (2) của văn bản. D. Phần (3) của văn bản.

**Câu 7.** Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” có sức thuyết phục, làm người đọc xúc động bởi vì:

A. Thực tế lòng yêu nước nồng nàn của người Việt Nam được nói đến trong văn bản.

B. Do cách trình bày, lập luận thuyết phục của tác giả.

C. Bản thân Bác đã là tấm gương sáng của lòng yêu nước.

D. Cả ba ý trên.

**Câu 8.** *Ý nào* ***không*** *đúng khi nói về tư tưởng tình cảm của tác giả trong văn bản?*

A. Tự hào về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử.

B. Ca ngợi những biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời điểm hiện tại.

C. Kêu gọi mọi người phát huy lòng yêu nước của dân tộc trong thời điểm hiện tạị.

D. Đồng cảm với những nỗi vất vả, khổ cực của nhân dân ta từ xưa đến nay.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.

**Đáp án:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1B | 2B | 3C | 4A | 5D | 6C | 7D | 8D |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

-  HS trả lời câu hỏi.

- Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

**b. Nội dung:**

Liên hệ với cuộc sống hiện tại chỉ ra một số biểu hiện thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay.

**c. Sản phẩm hoạt động**: Phần trình bày miệng của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

**1/** *Liên hệ với cuộc sống hiện tại chỉ ra một số biểu hiện thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay?*

*2/ Vẽ sơ đồ tư duy cách lập luận của tác giả ở hai đoạn văn có 2 luận điểm chứng minh lòng yêu nước của nhân dân ta.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs tìm và nêu biểu hiện cụ thể.

*1. Một số biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay: ra sức học tập, lao động, tham gia sản xuất, tham gia tích cực các hoạt động xã hội, lên án những thế lực chống phá nhà nước…*

GỢI Ý:



**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

- Gv bổ sung thêm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau.

**Tiết 33,34: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

- Củng cố, khắc sâu kiến thức ngữ văn về truyện lịch sử (cốt truyện, bối cẳnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp); cách đọc hiểu văn bản truyện lịch sử.Thực hành đọc hiểu các văn bản truyện lịch sử ngoài SGK.

- Củng cố cách phân tích một số yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt

Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối); phân tích được tình cảm, cảm xúc của người

viết thế hiện qua VB. Nắm vững cách đọc hiểu một văn bản thơ Đường luật. Thực hành đọc hiểu các văn bản thơ Đường luật ngoài SGK

- Nhận biết, hiểu được phạm vi và tác dụng của biệt ngữ xã hội và từ ngữ địa phương trong giao tiếp hằng ngày và trong sáng tác văn học. Thực hành bài tập về biệt ngữ xã hội và từ ngữ địa phương.

-Nhận biết đặc điếm và tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh, biện pháp tu từ đảo ngữ.

Thực hành bài tập

- Nắm vững quy trình viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa). Vận dụng thực hành làm bài viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).

-Nắm vững quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).Thực hành phân tích một văn bản thơ Đường luật ngoài SGK.

*2, Phẩm chất*

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Tự hào về truyền thống yêu nước và giữ nước của cha ông ta. Có ý thức tìm hiểu và trau dồi kiến thức về lịch sử của dân tộc.

- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

**\* Giáo viên**- Soạn bài, SGK, SGV,Tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng, các tài liêu: kiến thức cơ bản và bài tập nâng cao.

**\* Học sinh**- Chuẩn bị bài,tư liệu liên quan đến bài học,xem trước bài.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

**A. Hoạt động 1: Khởi động**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài,  thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

### b) Tổ chức thực hiện

**I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập**

**1. Văn bản:**

**a. Truyện lịch sử**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các yếu tố** | **Đặc điểm truyện lịch sử** |
| **1. Khái niệm** | Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện nhân vật ở một thời kỳ, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người...Là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra. |
| **2. Cốt truyện** | Cốt truyện lịch sử thường được xây dựng dựa trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo hư cấu sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề tư tưởng nào đó |
| **3. Nhân vật** | Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như cuộc đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật của riêng nhà văn. |
| **4. Ngôn ngữ** | Ngôn ngữ của nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng |
| **5. Nội dung** | - Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.  - Thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc. |

**b. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | Thơ Đường luật là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) ra đời từ thời nhà Đường Trung Quốc (618 - 907), gồm hai thể chính là thất ngôn bát cú Đường luật và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất. Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hoà thanh (phổi hợp, điều hoà thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp. Ngôn ngữ thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc, bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình, ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn... |
| **2. Về bố cục** | Bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, tương ứng với bốn phần: *đề* (triển khai ý ẩn chứa trong nhan đề), *thực* (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), *luận* (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), *kết*(thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới). Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối. |
| **3. Về niêm và luật bằng trắc** | - Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: Nếu chữ này là thanh bằng thì bải thơ thuộc *luật bằng,* là thanh trắc thì bài tai liệu của nhung tây thơ thuộc *luật*trắc. Trong mồi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hoà. cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6, trong mối cặp câu *(Hèn),* các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh. |
| **4. Về vần và nhịp** | - Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo một vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.  - Về đối: Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận. (Câu 3-4 và 5-6) |

**c. Bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| 1 | Lá cờ thêu sáu chữ vàng | Nguyễn Huy Tưởng | Truyện lịch sử | Văn bản kể về Trần Quốc Toản là một chàng thiếu niên khảng khái và bộc trực, còn nhỏ nhưng đã đau đáu chuyện nước nhà. | Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử. |
| Quang Trung đại phá quân Thanh | Ngô Gia Văn Phái | Tiểu thuyết chương hồi | Ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta, tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, miêu tả hành động lời nói của nhân vật rõ nét, ngôn ngữ gần gũi, mang đậm nét lịch sử. |
| Ta đi tới | Tố Hữu | Thơ tự do | Vừa ngợi ca chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. | Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ, ngôn ngữ giản dị, sâu sắc. |
| 2 | Thu điếu | Nguyễn Khuyến | Thất ngôn bát cú | Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, bài thơ cũng có thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến. | Bài thơ thất ngôn bát cú với cách gieo vần độc đáo vần độc đáo. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại. |
| Thiên Trường vãn vọng | Trần Nhân Tông | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ gợi tả cảnh xóm thôn, đồng quê vùng Thiên Trường qua cái nhìn và cảm xúc của Trần Nhân Tông, cảm xúc lắng đọng, cái nhìn man mác, bâng khuâng ôm trùm cảnh vật | Bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa |
| Ca Huế trên sông Hương | Hà Ánh Minh | Bút kí | Cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa – âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển | Thủ pháp liệt kê, kết hợp với giải thích, bình luận. Miêu tả đặc sắc, gợi hình, gợi cảm, chân thực. |
| 3 | Hịch tướng sĩ | Trần Quốc Tuấn | Hịch | Phản ánh tinh thần yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược của nhân dân ta. | Các hình thức nghệ thuật phong phú: lặp tăng tiến, điệp cấu trúc câu, hình ảnh phóng đại, câu hỏi tu từ, lời văn giàu cảm xúc, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý và tình. |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Hồ Chí Minh | Văn nghị luận | Văn bản ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc | Xây dựng luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và các biện pháp NT |
| Nam quốc sơn hà | ? | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. | Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích  Ngôn ngữ dõng dạc, giọng thơ mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn |

**d. Những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật** | **Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật** |
| **\* Giống nhau:**  - Có hệ thống quy tắc phức tạp: luật, niêm, vần, đối và bố cục.  - Về hình thức: Mỗi câu đều có 7 chữ. | | |
| **\* Khác nhau:** | - Thơ thất ngôn tứ tuyệt:  + Có 4 câu thơ  + Các câu 1, 2, 4 hoặc chỉ các câu 2, 4 sẽ hiệp vần với nhau ở chữ cuối.  + Bốn câu trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt theo thứ tự là các câu khai, thừa, chuyển và hợp. | - Thơ thất ngôn bát cú:  + Có 8 câu thơ  + Gieo vần cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.  + Bố cục được triển khai là đề, thực, luận, kết, mỗi phần gồm 2 câu. |

**2. Tiếng Việt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ND TV** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
| 1 | Biệt ngữ xã hội | Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. | Chỉ ra biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng. |
| 2 | Biện pháp tu từ đảo ngữ | Được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng. |
| 3 | Từ tượng hình và từ tượng thanh | ***- Từ tượng hình:*** là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  ***- Từ tượng thanh:*** là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. | Chỉ ra từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng. |
| 4 | Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp | ***- Đoạn văn diễn dịch*:** đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  ***- Đoạn văn quy nạp:*** Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  ***- Đoạn văn song song:*** Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  ***- Đoạn văn phối hợp:*** Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. | Tìm câu chủ đề, xác định kiểu đoạn văn và phân tích tác dụng cách thức tổ chức đoạn văn. |

**3. Viết:**

- Viết bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều ấn tượng.

- Viết bài văn phần tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**a. Dàn ý viết bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều ấn tượng:**

|  |  |
| --- | --- |
| Mở bài | + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi. |
| Thân bài | + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến thúc,…). |
| Kết bài | Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. |

**b. Dàn ý viết bài văn phần tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật):**

|  |  |
| --- | --- |
| Mở bài | Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,…); nêu ý kiến chung về bài thơ. |
| Thân bài | + Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung:  • Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người)  • Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.  • Khát quát chủ đề của bài thơ.  + Ý 2: Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật:  • Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân)  • Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình  • Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc, câu thơ, biện pháp tu từ,…). |
| Kết bài | Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. |

**Phần II: Luyện đề**

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC HIỂU(6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

NGÔ QUYỀN ĐẠI PHÁ QUÂN NAM HÁN NĂM 938

*[...] Tháng Ba năm Đinh Dậu (937), Dương Đình Nghệ bị con nuôi là Kiều Công Tiễn giết chết.*

*Tháng Chạp năm ấy, Ngô Quyền kéo quân từ Ái Châu ra hỏi tội Kiều Công Tiễn. Kiều Công Tiễn sợ, sai sứ sang cầu cứu quân Nam Hán (Trung Quốc). Vua Nam Hán muốn nhân nước ta có loạn mà đem quân đánh chiếm, bèn sai con út là Hoằng Thao đem thật nhiều chiến thuyền, theo sông Bạch Đằng tiến vào nước ta.*

*Nghe tin Hoằng Thao sắp đến, Ngô Quyền nói với các tướng:*

*- Hoằng Thao bất quá chỉ là một đứa trẻ dại khờ, phải đem quân từ xa tới, đã mỏi mệt lại nghe tin Kiều Công Tiễn bị giết chết, hẳn mất kẻ nội ứng thì hồn vía sẽ chẳng còn. Ta lấy sức đang khoẻ để địch với quần mỏi mệt thì tất sẽ phá được. Nhưng bọn chúng hơn ta ở chỗ nhiều chiến thuyền. Nay, nếu ta sai người đem cọc lớn vạt nhọn, đầu thì bịt sắt, ngầm đóng xuống trước ở cửa biển, dụ cho thuyền của chúng theo nước triều lên mà vào phía trong của hàng cọc thì ta hoàn toàn có thể chế ngự chúng, quyết không cho chiến thuyền nào tẩu thoát.*

*Định đoạt mưu kế xong, Ngô Quyền bèn sai đem cọc đóng xuống hai bên bờ cửa sông. Khi nước triều lên, Ngô Quyền sai quân đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả thua để dụ địch đuổi theo. Quả nhiên Hoằng Thao trúng kế. Khi chiến thuyền của chúng lọt vào vùng cắm cọc, đợi đến khi nước triều rút, cọc nhô dần lên, Ngô Quyền bèn tung quân, liều chết mà đánh. Quân Hoằng Thao bị rối loạn, nước triều lại xuống gấp, thuyền vướng cọc mà lật úp, quân sĩ chết đến quá nửa. Ngô Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt và giết được Hoằng Thao. Vua Nam Hán được tin, thương khóc mãi rồi thu nhặt tàn quân của Hoằng Thao còn sót lại và rút về.*

*Chỉ bằng những đội quân mới của nước Việt, Ngô Quyền đã đánh tan cả trăm vạn quân của Hoằng Thao, dựng nước và xưng vương, khiến giặc phương Bắc phải khiếp sợ, không dám bén mảng đến nước ta.*

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam)*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại gì, vì sao em biết?

**Câu 2.** Tìm những chi tiết cho thấy sự thất bại của quân Nam Hán?

**Câu 3.** Xác định và phân tích tác dụng của từ tượng hình trong câu văn: *“Hoằng Thao bất quá chỉ là một đứa trẻ dại khờ, phải đem quân từ xa tới, đã mỏi mệt lại nghe tin Kiều Công Tiễn bị giết chết, hẳn mất kẻ nội ứng thì hồn vía sẽ chẳng còn”?*

**Câu 4.** Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Ngô Quyền qua đoạn trích?

**Câu 5.** Từ nội dung của văn bản, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước trong thời đại ngày nay?

**II. PHẦN VIẾT** (4,0 điểm)

Mỗi chuyến đi đều mang lại cho ta những bài học bổ ích. Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi ý nghĩa của em.

ĐÁP ÁN

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

1.Văn bản trên thuộc thể loại gì, vì sao em biết?

- Văn bản thuộc thể loại truyện lịch sử. (0,5 điểm)

- Vì:

+ Tái hiện sự kiện lịch sử: Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán năm 938. (0,25 điểm)

+ Kể về các nhân vật có thật trong lịch sử: Ngô Quyền, Kiều Công Tiễn, Hoằng Thao….(0,25 điểm)

2.Tìm những chi tiết cho thấy sự thất bại của quân Nam Hán?

**Trả lời:** Những chi tiết cho thấy sự thất bại của quân Nam Hán:

- Quân Hoằng Thao bị rối loạn;

- thuyền vướng cọc mà lật úp;

- quân sĩ chết đến quá nửa;

- Ngô Quyền … bắt và giết được Hoằng Thao;

- Vua Nam Hán … thu nhặt tàn quân ... và rút về.

**Hướng dẫn chấm**:

- Trả lời được 4 chi tiết trở lên: (1.0 điểm)

- Trả lời được 3 chi tiết: (0.75 điểm)

- Trả lời được 2 chi tiết: (0.5 điểm)

- Trả lời được 1 chi tiết: (0.25 điểm)

*- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)*

3.

- Từ tượng hình: *mỏi mệt. (0,5 điểm*

- Tác dụng: Gợi tâm trạng chán nản, kiệt sức của quân tướng nhà Nam Hán. *(0,5 điểm)*

4.

**Trả lời:** HS nêu được cảm nhận về nhân vật Ngô Quyền qua đoạn trích:

- Ngô Quyền là người dũng cảm, chính trực. (Nghe tin Kiều Công Tiễn giết cha lập tức kéo quân về hỏi tội.)

- Ngô Quyền là người sáng suốt, quyết đoán. (Nghe tin quân giặc kéo sang lập tức họp các tướng, phân tích chính xác tình hình địch - ta và tổ chức đánh giặc.)

- Ngô Quyền là người túc trí đa mưu, có tài thao lược. (Sáng tạo cách đánh giặc bằng các cọc nhọn và lợi dụng thủy triều lên xuống.)

***Hướng dẫn chấm***:

*- Trả lời được 3 ý trở lên: (1.0 điểm)*

*- Trả lời được 2 ý: (0.75 điểm)*

*- Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm)*

*- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)*

***\* Lưu ý:*** *Dựa vào bài làm thực tế của học sinh mà giáo viên linh hoạt cho điểm.*

**5.**

**Trả lời:** Trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay:

- Biết ơn, tự hào về các thế hệ cha anh đi trước.

- Ra sức học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

- Trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc.

- Có ý thức bảo vệ chủ quyền dân tộc, sẵn sàng hi sinh khi Tổ quốc cần.

- …

***Hướng dẫn chấm***:

*- Trả lời được 4 ý trở lên: (2.0 điểm)*

*- Trả lời được 3 ý: (1.5 điểm)*

*- Trả lời được 2 ý: (1.0 điểm)*

*- Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm)*

*- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)*

|  |  |
| --- | --- |
| PHẦN II: VIẾT  Mỗi chuyến đi đều mang lại cho ta những bài học bổ ích. Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi ý nghĩa của em**.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*  - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng sự việc cần kể: một chuyến đi ý nghĩa của em* | 0.25 |
| *c. Triển khai nội dung bài văn tự sự*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn kể lại một chuyến đi  **\* Mở bài:**  **-** Giới thiệu khái quát về chuyến đi.  - Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  **\* Thân bài:**  Lần lượt kể lại hoạt động theo trình tự nhất định:  - Nêu mục đích của, lí do em tham gia chuyến đi đó.  - Kể về sự chuẩn bị cho chuyến đi (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, chuẩn bị những gì...).  - Kể về quá trình diễn ra chuyến đi (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc).  - Nêu kết quả, ý nghĩa của chuyến đi.  ***Lưu ý:*** Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại.  **\* Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa và bài học sau chuyến đi. | 0.25  2,5  0,25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |

**Chú ý:**

*- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh, khuyến khích sự sáng tạo.*

*- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.*

ĐỀ SỐ 2

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

***Hai Bà Trưng***

*Thuở xưa, nước ta bị giặc ngoại xâm đô hộ. Chúng thẳng tay chém giết dân lành, cướp hết ruộng nương màu mỡ. Chúng bắt dân lên rừng săn thú lạ, xuống biển mò ngọc trai, khiến bao người thiệt mạng vì hổ báo, cá sấu, thuồng luồng,... Lòng dân oán hận ngút trời, chỉ chờ dịp vùng lên đánh đuổi quân xâm lược.*

*Bấy giờ, ở huyện Mê Linh có hai người con gái tài giỏi là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Cha mất sớm, nhờ mẹ dạy dỗ, hai chị em đều giỏi võ nghệ và nuôi chí lớn giành lại non sông. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách cũng cùng chí hướng với vợ. Tướng giặc Tô Định biết vậy bèn lập mưu giết chết Thi Sách. Nhận được tin dữ, Hai Bà Trưng liền kéo quân về thành Luy Lâu hỏi tội kẻ thù. Trước lúc trẩy quân, có người xin nữ chủ tướng cho mặc đồ tang. Trưng Trắc trả lời:*

*- Không! Ta sẽ mặc giáp phục thật đẹp để dân chúng thêm phấn khích, còn giặc trông thấy thì kinh hồn.*

*Hai Bà Trưng bước lên bành voi. Đoàn quân rùng rùng lên đường; giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiên mộc cuồn cuộn tràn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà. Tiếng trống dội lên vòm cây, đập vào sườn đồi, theo suốt đường hành quân.*

*Thành trì quân giặc lần lượt sụp đổ dưới chân của đoàn quân khởi nghĩa. Tô Định ôm đầu chạy về nước. Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng chống giặc ngoại xâm đầu tiên trong lịch sử nước nhà.*

(Theo Văn Lang, SGK Tiếng Việt 3, tập II, bộ sách Cánh Diều,

NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2022)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

**Câu 2.** Những nhân vật lịch sử nào được nhắc đến trong văn bản? Liệt kê các sự việc liên quan đến những nhân vật đó.

**Câu 3.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của các từ tượng hình được sử dụng trong câu văn sau:

*Đoàn quân rùng rùng lên đường; giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiên mộc cuồn cuộn tràn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà.*

**Câu 4.** Từ văn bản trên, em hiểu gì về Hai Bà Trưng?

**Câu 5.** Nội dung của văn bản đã khơi gợi trong em những tình cảm gì? Từ đó, em thấy mình cần phải làm gì để sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn phân tích bài thơ *Thu vịnh* của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

*Trời thu xanh ngắt tầng cao.*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ,*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào*

*Mấy chụm trước giậu hoa năm ngoái*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Xuân Diệu *giới thiệu*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. ĐỌC HIỂU** | | **6,0** |
| **Câu 1.** Xác định ngôi kể của người kể chuyện. | - Xác định ngôi kể: người kể chuyện ngôi thứ ba.  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 0,5: Trả lời đúng ngôi kể.*  *+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.* | 0,5 |
| **Câu 2.** Những nhân vật lịch sử nào được nhắc đến trong văn bản? Liệt kê các sự việc liên quan đến những nhân vật đó. | - Những nhân vật lịch sử được nhắc đến trong văn bản: Trưng Trắc, Trưng Nhị, Thi Sách, Tô Định.  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 0,5: Trả lời đúng, đủ tên 4 nhân vật.*  *+ Điểm 0,25: Trả lời đúng tên 2 đến 3 nhân vật.*  *+ Điểm 0: Trả lời đúng tên 1 nhân vật, trả lời sai hoặc không trả lời.*  - Các sự việc liên quan đến những nhân vật đó:  + Thi Sách bị tướng giặc Tô Định giết chết.  + Hai Bà Trưng khởi nghĩa, trực tiếp cầm quân ra trận.  + Thua trận, Tô Định bỏ chạy về nước.  + Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng giành được thắng lợi.  *\* Cách cho điểm:*  *+ Mỗi sự việc trả lời đúng cho 0,25 điểm.*  *+ Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0,5  1,0 |
| **Câu 3.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của các từ tượng hình được sử dụng trong câu văn sau:  *Đoàn quân rùng rùng lên đường; giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiên mộc cuồn cuộn tràn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà.* | - Từ tượng hình: *rùng rùng, cuồn cuộn.*  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 0,5: Trả lời đúng 2 từ tượng hình.*  *+ Điểm 0,25: Trả lời đúng 1 từ tượng hình.*  *+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.*  - Tác dụng:  + Làm tăng giá trị gợi hình, gợi cảm cho lời văn.  + Giúp hình ảnh đoàn quân ra trận hiện lên cụ thể, sinh động; góp phần diễn rả sức mạnh to lớn, chí khí ngút trời của đội quân do Hai Bà Trưng lãnh đạo.  + Ca ngợi tài năng, ý chí mạnh mẽ của Hai Bà Trưng; từ đó bộc lộ sự khâm phục, niềm tự hào về sức mạnh quật cường của dân tộc trong lịch sử chống ngoại xâm.  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 0,75: Trả lời được 3 ý.*  *+ Điểm 0,5: Trả lời được 2 ý.*  *+ Điểm 0,25: Trả lời được 1 ý.*  *+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.*  *\* Lưu ý:* *HS có cách diễn đạt khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5  0,75 |
| **Câu 4.** Từ văn bản trên, em hiểu gì về Hai Bà Trưng? | - Em hiểu Hai Bà Trưng là những người:  + Giỏi võ nghệ, có tài cầm quân;  + Có lòng căm thù giặc sâu sắc;  + Giàu lòng yêu nước và ý chí quyết tâm đánh đuổi giặc thù.  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 0,75: Trả lời được 2 ý trở lên.*  *+ Điểm 0,5: Trả lời được 1 ý.*  *+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.*  *\* Lưu ý:* *HS có cách diễn đạt khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.* | 0,75 |
| **Câu 5.** Nội dung của văn bản đã khơi gợi trong em những tình cảm gì? Từ đó, em thấy mình cần phải làm gì để sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước? | - Văn bản đã khơi gợi trong em những tình cảm:  + Khâm phục, biết ơn những anh hùng đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ đất nước;  + Tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc;  + Yêu quê hương, đất nước;  + Căm thù quân xâm lược;  …  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 1,0: Trả lời được 3 ý trở lên.*  *+ Điểm 0,75: Trả lời được 2 ý.*  *+ Điểm 0,5: Trả lời được 1 ý.*  *+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.*  *\* Lưu ý:* *HS có cách diễn đạt hoặc nêu được tình cảm khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.*  - Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của bản thân trong thời đại mới:  + Giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước và niềm tự hào dân tộc;  + Ra sức học tập, rèn luyện sức khoẻ và tu dưỡng đạo đức để góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp;  + Tích cực tham gia các phong trào vì cộng đồng;  + Tuyên truyền cho mọi người nhận thức sâu sắc về tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc;  + Lên án, tố cáo những hành vi xâm phạm đến chủ quyền và lợi ích quốc gia;  …  *\* Cách cho điểm:*  *+ Điểm 1,0: Trả lời được 3 ý trở lên.*  *+ Điểm 0,75: Trả lời được 2 ý.*  *+ Điểm 0,5: Trả lời được 1 ý.*  *+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.*  *\* Lưu ý:* *HS có cách diễn đạt hoặc nêu được việc làm khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.* | 1,0  1,0 |
| **II. VIẾT** | | **4,0** |
| Viết bài văn phân tích bài thơ *Thu vịnh* của nhà thơ Nguyễn Khuyến. | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học:*  Mở bài nêu được vấn đề. Thân bài triển khai thành các luận điểm rõ ràng, mạch lạc. Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*  Phân tích bài thơ *Thu vịnh* của tác giả Nguyễn Khuyến. | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận:*  Lần lượt trình bày bài văn phân tích một tác phẩm thơ theo gợi ý sau:  *1. Mở bài:*  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ;  - Nêu ý kiến chung về bài thơ.  *2. Thân bài:*  \* Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung. *(1,5 điểm)*  - Hai câu đề:  *Trời thu xanh ngắt mấy từng cao,*  *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*  + Mở đầu là hình ảnh bầu trời mùa thu xanh ngắt và cao vời vợi. *Xanh ngắt* là xanh thăm thẳm một màu; *mấy từng cao* là tưởng như  bầu trời có nhiều lớp, nhiều tầng.  + Nghệ thuật lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh trong câu thứ hai gợi hình ảnh *cần trúc* thanh mảnh khẽ đong đưa trước ngọn *gió hắt hiu* (gió nhẹ) càng tôn thêm vẻ mênh mông, tĩnh lặng của bầu trời mùa thu. Nhà thơ nói đến trời thu nhưng ta đã thấy cả hồn thu trong đó.  - Hai câu thực:  *Nước biếc trông như tầng khỏi phủ,*  *Song thưa để mặc bóng trăng vào.*  + Phép so sánh *Nước biếc trông như tầng khói phủ* gợi tả làn nước tĩnh lặng, xanh thẳm đặc trưng của mùa thu được bao phủ bởi một lớp sương mỏng như khói. Hình ảnh thơ gợi không khí se lạnh, mơ màng của mùa thu.  + Hình ảnh *song thưa* được nhân hóa *để mặc bóng trăng vào* khiến bức tranh thu như mang hồn người. Song thưa như để ngỏ, mặc cho ánh trăng lặng lẽ len qua ô cửa tràn vào phòng. Tâm hồn nhà thơ rộng mở để giao hòa với thiên nhiên nhưng cũng phảng phất nỗi buồn, chất chứa suy tư của một nhà thơ nặng tình với quê hương, đất nước.  - Hai câu luận:  *Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,*  *Một tiếng trên không ngỗng nước nào.*  + Nghệ thuật đảo ngữ làm nổi bật hình ảnh *mấy chùm* hoa và một tiếng *ngỗng.*  + Hoa năm nay mà màu sắc, dáng hình vẫn tựa như *hoa năm ngoái*. Thời gian dường như không chảy trôi mà ngưng đọng, không biến đổi.  + Hoa của năm cũ nhưng tiếng ngỗng đã trở thành *ngỗng nước nào*. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh miêu tả tiếng ngỗng vang vọng từ phương xa càng tô đậm cái thanh vắng, tĩnh lặng của cảnh thu. Câu thơ chất chứa nỗi bâng khuâng, suy tư của thi nhân khi thời thế đổi thay.  - Hai câu kết:  *Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*  + Đứng trước cảnh thu đẹp đẽ, cảm hứng của nhà thơ dạt dào nên *toan cất bút*.  + Nhưng say sưa trước vẻ đẹp của mùa thu mà lý trí vẫn thức tỉnh bởi cảm thấy *thẹn với ông Đào*. *Thẹn* ở đây có thể thẹn bởi thua kém tài thơ hay thẹn bởi chưa có nhân cách trong sáng, khí phách cứng cỏi như Đào Tiềm. Dù hiểu theo cách nào, ta cũng thấy được nỗi niềm u ẩn, nhân cách thanh cao, đáng trọng của cụ Tam Nguyên Yên Đổ.  - Như vậy, đọc bài bài thơ *Thu vịnh*, ta không chỉ thấy một bức tranh màu thu đẹp huyền ảo mà còn thấy được tấm lòng chân thực cũng như niệm u uẩn một nhà thơ, một nhân cách lớn Nguyễn Khuyến.  \* Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật. *(1,0 điểm)*  - *Thu vịnh* kết tinh những giá trị nghệ thuật đặc sắc của thơ Nôm Đường luật: kết cấu chặt chẽ, sự hòa phối thanh điệu, tính cô đọng, hàm súc,…  - Bài thơ còn in đậm dấu ấn sáng tạo của tác giả:  + Sử dụng những bút pháp lấy lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh, tả cảnh ngụ tình đã thổi cái hồn, cái tình vào cảnh vật.  + Cách miêu tả không gian từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa làm bức tranh thu được mở rộng đa chiều, đa sắc.  + Tác giả còn khéo léo sử dụng những từ láy gợi hình như *lơ phơ, hắt hiu*; các biện pháp tu từ như so sánh *Nước biếc trông như tầng khói phủ*, nhân hóa *Song thưa để mặc bóng trăng vào*, đảo ngữ làm nổi bật hình ảnh *mấy chùm* hoa và *một tiếng* ngỗng để gợi vẽ bức tranh thu sinh động, mang nét đặc trưng của làng quê Bắc Bộ, có cả hồn và có cả cái tình của thi nhân.  *3. Kết bài:* Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  *\* Cách cho điểm:*  *- Mức 2,25 – 3,0 điểm: Đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu; phân tích sâu sắc; không mắc hoặc mắc rất ít lỗi diễn đạt; luận điểm rõ ràng, có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.*  *- Mức 1,25 - 2,0 điểm: Đáp ứng được tương đối các yêu cầu, phân tích khá sâu sắc; mắc ít lỗi diễn đạt; luận điểm rõ ràng, có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.*  *- Mức 0,25 – 1,0 điểm: Đáp ứng được ½ yêu cầu; mắc nhiều lỗi diễn đạt; biết chia luận điểm, trích dẫn và phân tích thơ nhưng nội dung sơ sài, chỉ chạm được một vài ý.*  *- Mức 0 điểm: Không làm bài hoặc lạc đề.* | 3,0  0,25  2,5  0,25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Có những phát hiện mới mẻ về tác phẩm; lời văn sinh động, hấp dẫn, có giọng điệu riêng. | 0,25 |

**\* Lưu ý :**

*- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.*

*- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.*

*- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.*

ĐỀ SỐ 3

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi trả lời các câu hỏi bên dưới:**

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,

Vượn hót, chim kêu suốt cả ngày.

Khách đến thì mời ngô nếp nướng,

Săn về thường chén thịt rừng quay.

Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,

Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.

Kháng chiến thành công ta trở lại,

Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

Năm 1947

(HỒ CHÍ MINH, in trong *HỒ CHÍ MINH – Thơ,* NXB Văn học, Hà Nội, 1970)

*(Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc” được Bác Hồ viết vào mùa xuân năm 1947, sau một năm quân ta tạm rút khỏi thủ đô Hà Nội để lên núi rừng bạt ngàn Việt Bắc, lập căn cứ làm cuộc trường kỳ kháng chiến thần thánh chín năm chống thực dân Pháp. Đây là lần thứ hai, Bác Hồ và Trung ương Đảng sống, làm việc tại căn cứ địa Việt Bắc để lãnh đạo cách mạng.)*

**Câu 1. (0,5 điểm)** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** **(1,5 điểm)** Em hãy chỉ ra những hình ảnh miêu tả cảnh rừng Việt Bắc? Em nhận xét gì về những hình ảnh đó?

**Câu 3.** **(1,0 điểm)** Nghệ thuật đối được tác giả sử dụng rất tài tình trong hai câu thơ luận. Em hãy phân tích tác dụng của nghệ thuật đối trong hai câu thơ đó?

**Câu 4.** **(1,0 điểm)** Qua bài thơ, em hiểu gì về tâm hồn, cốt cách của nhà thơ Hồ Chí Minh?

**Câu 5.** **(2,0 điểm)** Với Bác, được sống hòa mình với thiên nhiên là một “thú lâm tuyền”. Theo em, lối sống hòa mình với thiên nhiên có cần thiết với cuộc sống của chúng ta ngày nay không? Vì sao? Hãy trình bày quan điểm của em dưới dạng một đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu văn?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Những chuyến đi tham quan trải nghiệm đều cho ta sự trưởng thành và nhiều bài học bổ ích. Em hãy kể lại một chuyến đi tham quan đến một di tích lịch sử, văn hóa của địa phương khiến em ấn tượng và nhớ mãi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1**  Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? | Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật  ***Hướng dẫn chấm***:  *+Trả lời: Thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật hoặc Thể thơ thất ngôn bát cú: 0.5 điểm*  *+Không trả lời hoặc trả lời sai: 0.0 điểm* | 0.5 |
| **2**  Em hãy chỉ ra những hình ảnh miêu tả cảnh rừng Việt Bắc? Em nhận xét gì về những hình ảnh đó? | ⃰ Những hình ảnh miêu tả cảnh rừng Việt Bắc:  "Vượn hót, chim kêu; non xanh, nước biếc; rượu ngọt, chè tươi; ngô nếp nướng, thịt rừng quay; trăng xưa, hạc cũ".  ***⃰*** Nhận xét:  Đó là những hình ảnh quen thuộc, giản dị, đặc trưng của núi rừng Việt Bắc.  Gợi lên một bức tranh thiên nhiên sống động và đầy chất thơ.  Gợi lên một cuộc sống phong phú, tươi sáng, đầy hấp dẫn.  ***Hướng dẫn chấm***:  **⃰ Những hình ảnh miêu tả cảnh rừng Việt Bắc (1.0 điểm):**  + *Trả lời chính xác như đáp án (10 hình ảnh): 1.0 điểm*  *+Trả lời được 8-9 hình ảnh đúng: 0.75 điểm*  + *Trả lời được từ 6 -7 hình ảnh đúng: 0.5 điểm*  *+Trả lời chính xác được từ 4-5 hình ảnh đúng: 0.25 điểm*  + *Trả lời dưới 4 hình ảnh, không trả lời hoặc trả lời sai: 0.0 điểm*  ***⃰* Nhận xét (0.5 điểm):**  *+Trả lời được 2 ý đúng: 0,5 điểm*  *+ Trả lời được 1 ý đúng: 0.25 điểm*  *+Không trả lời hoặc trả lời sai: 0.0 điểm* | 1.5 |
| **3**  Nghệ thuật đối được tác giả sử dụng rất tài tình trong hai câu thơ luận. Em hãy phân tích tác dụng của nghệ thuật đối trong hai câu thơ đó? | \* Nghệ thuật đối trong 2 câu thơ luận:  *- Non xanh, nước biếc >< Rượu ngọt, chè tươi*  *- Tha hồ dạo >< Mặc sức say*  \*Tác dụng của nghệ thuật đối trong 2 câu thơ:  - Tạo sự hài hòa, cân đối cho hai câu thơ.  - Làm nổi bật vẻ đẹp của thiên nhiên và con người núi rừng Việt Bắc: Thiên nhiên hiện lên đẹp đẽ, bao la, đầy chất thơ *(non xanh, nước biếc);* cuộc sống gần gũi, giản dị, thú vị *(rượu ngọt, chè tươi).* Con người lạc quan, ung dung,thư thái *(tha hồ dạo, mặc sức say).*  - Thể hiện tình yêu, sự gắn bó với thiên nhiên, cuộc sống của Bác và phong thái ung dung, lạc quan trong hoàn cảnh gian khổ của Người.  ***Hướng dẫn chấm***:  \***Học sinh chỉ ra được nghệ thuật đối trong 2 câu thơ luận (0.25 điểm):**  *- Chỉ ra đúng 2 vế đối như đáp án: 0.25 điểm*  *- Chỉ ra được 1 vế đối, không chỉ ra hoặc chỉ ra sai: 0.0 điểm*  \***Tác dụng của nghệ thuật đối trong 2 câu thơ (0.75 điểm):**  *- Trả lời được 2 tác dụng trở lên như đáp án: 0.75 điểm*  *- Trả lời được 1 tác dụng: 0.5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0.25 điểm*  *-Không trả lời hoặc trả lời sai: 0.0 điểm* | 1.0 |
| **4**  Qua bài thơ, em hiểu gì về tâm hồn, cốt cách của nhà thơ Hồ Chí Minh? | Qua bài thơ, em hiểu về tâm hồn, cốt cách của Bác:  - Bác có tình yêu thiên nhiên sâu sắc: Thể hiện qua bút pháp miêu tả cảnh vật vô cùng sinh động. Hồn thơ hoà hợp với thiên nhiên, lắng nghe âm thanh của núi rừng.  - Phong thái ung dung, thư thái: Dẫu bận trăm công nghìn việc trong lúc lãnh đạo cuộc kháng chiến, Bác vẫn giữ tư thế ung dung, thư thái dạo gót ngắm cảnh thiên nhiên.  - Tinh thần lạc quan, ý chí mạnh mẽ và niềm tin chiến thắng: Bác hẹn với lòng mình sẽ trở lại Việt Bắc để được thưởng thức cái hay, cái đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc.  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời chạm được 2 ý như đáp án: 1.0 điểm*  *- Trả lời chạm 1 ý : 0.5 điểm*  *- Không trả lời hoặc sai hoàn toàn: 0.0 điểm* | 1.0 |
| **5**  Với Bác, được sống hòa mình với thiên nhiên là một “thú lâm tuyền”. Theo em, lối sống hòa mình với thiên nhiên có cần thiết với cuộc sống của chúng ta ngày nay không? Vì sao? Hãy trình bày quan điểm của em dưới dạng một đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu văn. | ⃰ Yêu cầu hình thức đoạn văn:  Là một đoạn văn, đủ dung lượng từ 5 đến 7 câu, đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, diễn đạt rõ ràng.  ⃰ Yêu cầu về nội dung đoạn văn:   * Mở đoạn: Khẳng định quan điểm:   Lối sống hòa mình với thiên nhiên rất cần thiết cho cuộc sống của chúng ta ngày nay.   * Thân đoạn: Học sinh lần lượt lí giải quan điểm của mình sao cho hợp lí. Chẳng hạn:   + Sống hòa mình với thiên nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe thể chất, tăng cường hệ thống miễn dịch, hạn chế bệnh tật…  + Sống hòa mình với thiên nhiên mang lại nguồn năng lượng tích cực giúp ta vui vẻ hơn mỗi ngày, từ đó cải thiện sự tự tin và lạc quan trong cuộc sống.  + Sống hòa mình với thiên nhiên còn là cơ hội để ta kết nối, giao lưu, chia sẻ với nhiều người hơn, tạo ra các mối quan hệ tốt đẹp.  +………………………  - Kết đoạn: Khẳng định lại quan điểm/ Nêu bài học nhận thức.  ***Hướng dẫn chấm***:  ⃰ **Về hình thức (0.5 điểm):**   * *Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, số câu, diễn đạt rõ ràng, chuẩn chính tả, ngữ pháp: 0.5 điểm* * *Đảm bảo hình thức đoạn văn, số câu chưa đúng yêu cầu, còn sai chính tả, diễn đạt rõ ràng: 0.25 điểm* * *Chưa đảm bảo hình thức đoạn văn và số câu, sai nhiều lỗi chính tả: 0.0 điểm.*   ⃰ **Về nội dung (1.5 điểm):**   * Mở đoạn: Khẳng định quan điểm: 0.25 điểm   - Thân đoạn: Lí giải cho quan điểm của mình: 1.0 điểm  + *Học sinh lí giải được 3 ý hợp lí: 1.0 điểm*  *+Học sinh lí giải được 2 ý hợp lí: 0.5 điểm.*  *+Học sinh lí giải được 1 ý hợp lí: 0.25 điểm.*  *+Học sinh lí giải không liên quan đến nội dung câu hỏi: 0.0 điểm*  - Kết đoạn: Khẳng định lai quan điểm/ Nêu bài học nhận thức: 0.25 điểm | 2.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | Những chuyến đi tham quan trải nghiệm đều cho ta sự trưởng thành và nhiều bài học bổ ích. Em hãy kể lại một chuyến đi tham quan đến một di tích lịch sử, văn hóa của địa phương khiến em ấn tượng và nhớ mãi. | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:*  - Mở bài: Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  - Thân bài: Triển khai được chi tiết chuyến đi.  - Kết bài: Nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể lại chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa của địa phương mình (Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm có được qua chuyến đi, thu hút sự quan tâm của mọi người về một di tích lịch sử, văn hóa của địa phương, dân tộc).  *c. Triển khai vấn đề:*  HS triển khai sự việc theo trình tự hợp lí, sử dụng ngôi kể thứ nhất, thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả, biểu cảm và thuyết minh trong văn bản làm nổi bật được các ý cơ bản sau:  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa (ở đâu, ai tổ chức, mục đích của chuyến đi là gì?)  - Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  **2. Thân bài:**  **-** Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan:  + Trên đường đi…  + Lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm…  + Những hoạt động nổi bật trong chuyến đi…  - Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc, giá trị văn hóa tinh thần…)  - Ý nghĩa chuyến đi:  Những cảm xúc, bài học rút ra sau chuyến đi: tự hào, biết ơn, giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước….  **3. Kết bài:**  Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa của địa phương. | 0,25  **3.0**  0.25  1.0  1.0  0.5  0.25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Tiết 35,36: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

A.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1.Vềnăng lực:*

**-** Biết ôn tập tổng hợp, kiểm tra đánh giá kĩ năng Đọc – hiểu, Viết.

- Ôn tập, củng cố kiến thức đã học; đánh giá được năng lực đọc hiểu, năng lực viết đoạn văn, bài văn về các thể loại/ chủ đề đã học (truyện lịch sử, thơ Đường luật, văn bản nghị luận); nắm được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn.

- Nhận biết được tác dụng, biết cách sử dụng: từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; phép đảo ngữ, từ tượng hình, tượng thanh.

- Viết được viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ ĐL…;viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, nghị luận về một vấn đề đời sống xã hội..

*2. Về phẩm chất***:** Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực.

- Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.

B.MA TRẬN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phân tích một bài thơ Đường luật | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **0** | **3** | **0** | **3** | **0** | **2** | **0** | **1\*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử | **Nhận biết**:  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý.  **Vận dụng:**  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. | 0TN  2TL | 0TN  2TL | 0TN  1TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | | | 2TL  1TL\* | 2TL  1TL\* | 1TL  1TL\* | 1\* TL |
| **Tỉ lệ %** | | | | **30** | **30** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60** | | **40** | |

ĐỀ KIỂM TRA

**I. ĐỌC - HIỂU ( 6 điểm )**

**Đọc ngữ liệu sau:**

**CÂU CHUYỆN VỀ CHỊ VÕ THỊ SÁU**

Vào năm mười hai tuổi, Sáu đã theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng. Mỗi lần được các anh giao nhiệm vụ gì Sáu đều hoàn thành tốt. Một hôm, Sáu mang lựu đạn phục kích giết tên cai Tòng, một tên Việt gian bán nước ngay tại xã nhà. Lần đó, Sáu bị giặc bắt. Sau gần ba năm tra tấn, giam cầm, giặc Pháp đưa chị ra giam ở Côn Đảo. Trong ngục giam, chị vẫn hồn nhiên, vui tươi, tin tưởng vào ngày chiến thắng của đất nước. Bọn giặc Pháp đã lén lút đem chị đi thủ tiêu, vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối. Trên đường ra pháp trường, chị đã ngắt một bông hoa còn ướt đẫm sương đêm cài lên tóc. Bọn chúng kinh ngạc vì thấy một người trước lúc hi sinh lại bình tĩnh đến thế. Tới bãi đất, chị gỡ bông hoa từ mái tóc của mình tặng cho người lính Âu Phi. Chị đi tới cột trói: mỉm cười, chị nhìn trời xanh bao la và chị cất cao giọng.

Lúc một tên lính bảo chị quỳ xuống, chị đã quát vào mặt lũ đao phủ: “Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ”.

Một tiếng hô: “Bắn”.

Một tràng súng nổ, chị Sáu ngã xuống. Máu chị thấm ướt bãi cát.

(Hoài Lộc, Trích *Cẩm nang đội viên,* NXB Kim Đồng, 2022, tr.43).

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại truyện gì? Ngôi kể nào được sử dụng trong văn bản?

( 1 điểm )

**Câu 2.** Truyện kể về ai? Câu chuyện diễn ra trong bối cảnh nào?( 1 điểm )

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của từ tượng hình trong câu văn: ***“****Bọn giặc Pháp đã lén lút đem chị đi thủ tiêu, vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối.”* ( 1,5 điểm )

**Câu 4.** Qua “Câu chuyện về chị Võ Thị Sáu”, em thấy chị Võ Thị sáu là người như thế nào? ( 1 điểm )

**Câu 5.**Để tiếp nối truyền thống quý báu của cha anh, là học sinh em cần phải làm gì để xứng đáng với truyền thống ấy? ( 1,5 điểm )

**II. VIẾT ( 4 điểm )**

Viết bài văn phân tích bài thơ *“Thu vịnh”* của nhà thơ Nguyễn Khuyến:

Trời thu xanh ngắt từng cao.

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như tầng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái

Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

-

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | **PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  (6,0 điểm) | **1** | **Văn bản trên thuộc thể loại truyện gì? Ngôi kể nào được sử dụng trong văn bản?** | 1,0 | | - Thể loại: Truyện lịch sử | 0,5 | | - Ngôi kể: Ngôi thứ 3. | 0,5 | | **2** | Truyện kể về ai? Câu chuyện diễn ra trong bối cảnh nào? | 1,0 | | - Truyện kể vềnhân vật chị Võ Thị Sáu. | 0,5 | | - Bối cảnh: Câu chuyện diễn ra trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp, chị Sáu mới mười hai tuổi đã theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng. | 0,5 | | **3** | Chỉ ra và nêu tác dụng của từ tượng hình trong câu văn: *“Bọn giặc Pháp đã lén lút đem chị đi thủ tiêu, vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối.”* | 1,5 | | *HS chỉ ra**được và nêu tác dụng của từ tượng hình trong câu văn:* |  | | - Từ tượng hình: lén lút  - Tác dụng:  + Làm cho câu văn thêm sinh động, tăng sức gợi hình, gợi lên trong lòng người đọc về hành động giấu giếm, không minh bạch khi âm mưu giết hại chị Sáu của bọn giặc.  + Nhấn mạnh bản chất thâm hiểm, hèn nhát, xấu xa của kẻ thù.  + Qua đó thể hiện thái độ căm ghét, lên án của tác giả đối với hành động dã man của kẻ thù, đồng thời khơi gợi lòng căm thù giặc, tình yêu nước trong lòng người đọc  \* *Cách cho điểm: Học sinh nêu được 1 tác dụng, một phần của tác dụng cho 0,25đ; 2 tác dụng cho 0,75đ; 3 tác dụng cho 1,0đ;* | 0,5  1,0 | | **4** | Qua “Câu chuyện về chị Võ Thị Sáu”, em thấy chị Võ Thị Sáu là người như thế nào? | 1,0 | | Qua câu chuyện về chị Võ Thị Sáu, em thấy chị là một người **yêu nước, dũng cảm, lạc quan, kiên cường,**..... Hình ảnh của chị Võ Thị Sáu đã trở thành biểu tượng của thế hệ trẻ Việt Nam, là tấm gương sáng để chúng ta học tập và noi theo. | 1,0 | | \* Lưu ý:  - *Nêu được 3 phẩm chất đúng trở lên thì cho điểm tối đa.*  *- Học sinh có thể nêu được các phẩm chất khác chính xác ngoài đáp án.*  *- Có thể diễn đạt linh hoạt, sáng tạo.* |  | | **5** | Để tiếp nối truyền thống quý báu của cha anh, là học sinh em cần phải làm gì để xứng đáng với truyền thống ấy? | 1,5 | | **\*Để xứng đáng với truyền thống cha anh, là học sinh em cần:**  + Giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước và tự hào dân tộc.  + Chăm lo học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động có ích để góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp.  + Cần sáng suốt trước các âm mưu thế lực thù địch.  + Tuyên truyền cho mọi người nhận thức sâu sắc về tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc.  + Ra sức học tập, rèn luyện sức khoẻ và tu dưỡng đạo đức hơn nữa, để có thể cống hiến một phần nhỏ bé của mình trong công cuộc bảo vệ chủ quyền của dân tộc.  +.......  *Cách cho điểm: Học sinh chia sẻ được ít nhất 3 việc làm thể hiện tinh thần yêu nước và tiếp nối truyền thống cha anh đảm bảo theo gợi ý: 1,5 điểm; chỉ nêu được 1 việc làm, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.* | 1,5 | | **PHẦNII. VIẾT**(4,0đ) | | **Viết bài văn phân tích bài thơ *“Thu vịnh”* của nhà thơ Nguyễn Khuyến:**  Trời thu xanh ngắt mấy từng cao.  Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.  Nước biếc trông như tầng khói phủ,  Song thưa để mặc bóng trăng vào  Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái  Một tiếng trên không ngỗng nước nào?  Nhân hứng cũng vừa toan cất bút  Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. | 4,0 | | a. *Đảm bảo cấu trúc của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (Thơ thất ngôn bát cú Đường luật):* Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | 0,25 | | b. Xác định đúng nội dung yêu cầu: *Viết bài văn phân tích bài thơ “Thu vịnh” của nhà thơ Nguyễn Khuyến* | 0,25 | | c. HS có thể triển khai bài phân tích một tác phẩm thơ theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:**  ***- Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ****.*  + Nguyễn Khuyến có nhiều bài thơ viết về mùa thu. Chùm thơ thu nổi tiếng đã góp phần tôn vinh tên tuổi tác giả lên vị trí hàng đầu trong các nhà thơ viết về quê hương làng cảnh Việt Nam.  + Qua việc vịnh mùa thu với những nét đẹp tiêu biểu, Nguyễn Khuyến cho thấy một tâm sự u hoài, một tấm lòng xót xa trước cảnh, kín đáo bày tỏ một tình cảm yêu nước chân thành.  **\* Thân bài:**  ***-Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung***  “Thu vịnh” là một thi phẩm hay viết về mùa thu Bắc Bộ- bức tranh mùa thu hiện lên thật thanh đạm, uyển chuyển và cũng thật huyền ảo. Bên cạnh đó, bài thơ còn là nỗi lòng tha thiết của nhà thơ đối với quê hương đất nước.  *Hai câu đề:*  “Trời thu xanh ngắt mấy từng cao,  Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.”  + Mở đầu là hình ảnh bầu trời mùa thu xanh ngắt và cao vời vợi. “Xanh ngắt” là xanh thăm thẳm một màu; “mấy từng cao” là tưởng như bầu trời có nhiều lớp, nhiều tầng.  “Cần trúc” thanh mảnh khẽ đong đưa trước ngọn “gió hắt hiu” (gió nhẹ) càng tôn thêm vẻ mênh mông của bầu trời mùa thu. Sự lay động rất nhẹ của cần trúc càng làm tăng thêm cái lặng thinh, sâu thẳm của bầu trời. Bầu trời lại như dồn hết cái sâu lắng vào bên trong cần trúc, để cho nó vừa như đong đưa mà cũng vừa như đứng yên.  => Hai câu đề chấm phá hai nét phong cảnh đơn sợ, thanh thoát nhưng hoà điệu nhịp nhàng với tâm hồn tác giả. Trong đó, mọi chi tiết, sắc màu, đường nét, cử động đều rất hài hoà. Nhà thơ nói đến trời thu nhưng ta đã thấy cả hồn thu trong đó.  *Hai câu thực:*  “Nước biếc trông như tầng khỏi phủ,  Song thưa để mặc bóng trăng vào.”  + “Nước biếc” là màu nước đặc trưng của mùa thu khi khí trời bắt đầu se lạnh. Sáng sớm và chiều tối, trên mặt ao, mặt hồ có một lớp sương mỏng trông như khói phủ. Cảnh mặt nước khói sương bình thường ấy qua con mắt và tâm hồn thi sĩ đã trở thành một dáng thu ngâm vịnh.  + Hình ảnh “song thưa” gợi ý thanh thoát, cởi mở. Bóng trăng vào qua song thưa để ngỏ thì bóng trăng trở nên mênh mông hơn, lặng lẽ hơn. Nếu ở câu trên là một trạng thái có chiều cao, có độ sâu thì ở câu này lại là một trạng thái mở ra thành một bề rộng, mặc dù bị giới hạn bởi khung cửa sổ song thưa mà vẫn mênh mông ở ý nghĩa bên trong, ở tinh thần và âm điệu nhưng trạng thái nào thì cũng đều tĩnh mịch và chất chứa suy tư của một nhà thơ nặng tình với quê hương, đất nước.  *Hai câu luận:*  “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,  Một tiếng trên không ngỗng nước nào.”  Tâm trạng hoài cổ chi phối cách nhìn, cách nghĩ của nhà thơ. Hoa năm nay mà nghĩ là hoa năm ngoái. Tiếng ngồng trời kêu quen thuộc mỗi độ thu về khiến nhà thơ giật mình, băn khoăn tự hỏi ngỗng nước nào?  *Hai câu kết:* Cảm hứng và nỗi thẹn của nhà thơ  “Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,  Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.”  + “Nhân hứng” ở đây chính là hứng làm thơ trước cảnh mùa thu.  + “toan cất bút” định không viết nhưng trước cảnh đẹp thì lại tạo được hứng khởi để viết.  + “Nghĩ ra” tức là ý thức, là lý trí, là tỉnh.  -> Nguyễn Khuyến rất say mà rất tỉnh. Ông say trước cảnh đẹp của mùa thu, nhưng ông vẫn tỉnh trước lương tâm của mình. Cho nên, ông nói được là thẹn. Nhưng thẹn với ai? Có lẽ thẹn vì tài thơ thua kém hay thẹn vì mình chưa có được nhân cách trong sáng và khí phách cứng cỏi như Đào Tiềm?  Như vậy, đọc bài bài thơ “Thu vịnh”, ta không chỉ thấy một bức tranh màu thu đẹp huyền ảo mà còn thấy được tấm lòng chân thực cũng như niềm u uẩn một nhà thơ, một nhân cách lớn Nguyễn Khuyến.  -> Với hướng văn đi từ cảnh đến tình, từ tình đến người và rồi là cái kết có chút lửng lơ nhưng mà lại vô cùng kín đáo ẩn chứa rất nhiều suy tư của người đọc. Câu thơ cuối bỏ lửng khơi gợi suy ngẫm của người đọc.  ***- Ý 2: Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật.***  + Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, có kết cấu chặt chẽ.  + “Thu vịnh” thể hiện trình độ bậc thầy của nhà thơ Nguyễn Khuyến trong tả cảnh mùa thu. Với việc sử dụng bút pháp lấy động tả tĩnh ta thường thấy trong thơ cổ điển, nhà thơ đã thổi cái hồn, cái tình vào cảnh vật. Nhờ đó mà bức tranh thu ở đồng bằng Bắc Bộ hiện lên thật chân thực, sinh động.  + Ngoài ra, nhà thơ còn sử dụng các từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi, giúp người đọc có thể hình dung và cảm nhận sâu sắc hơn vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên mùa thu xứ Bắc và thấu hiểu được nỗi niềm tâm sự của nhà thơ.  + Ở hai câu luận, nhà thơ tài tình khi kết hợp biện pháp tu từ đảo ngữ kết hợp với bút pháp lấy cái động để diễn tả cái tĩnh làm nổi bật hình ảnh “mấy chùm” hoa và “một tiếng” ngỗng đồng thời bộc lộ nỗi niềm suy tư, sự xót xa của nhà thơ.  => Bài “Thu vịnh” tả tổng quát về mùa thu, chứ không nói một đặc cảnh “uống say” hay “câu cá”, nhưng ta vẫn thấy nét thu đặc biệt của Nguyễn Khuyến. Hơn nữa, trong cảnh sắc mùa thu này, ta thấy khá rõ được tâm hồn thanh cao và khí tiết của một người: “Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết/ Mảnh gương trình vằng vặc quyết không nhơ” (trích bài *Mẹ Mốc* của Nguyến Khuyến).  => Nhờ ngòi bút tà hoa của Nguyễn Khuyến mà thiên nhiên mùa thu của quê hương làng cảnh Việt Nam đẹp một cách thanh cao, gợi cảm, hồn hậu, khiến chúng ta càng thêm yêu, thêm quý quê hương đất nước của mình.  **\* Kết bài:**  ***- Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.***  + “Thu vịnh” là một bài thơ hay, góp phần khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước trong thơ Nguyễn Khuyến.  + Trình độ nghệ thuật của bài thơ đã đạt tới mức độ điêu luyện, khó ai sánh kịp.  + Đối với bài “Thu vịnh”, Xuân Diệu từng nhận xét rằng đây là bài thơ trong ba bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến mang cái hồn, cái chất của mùa thu hơn cả. Qua “Thu vịnh”, mùa thu xứ Bắc hiện lên rõ nét, tinh tế và cũng ẩn chứa những tâm sự sâu kín của người viết, từ đó, người đọc càng thêm yêu quý hơn thiên nhiên quê hương mình. | 0,25  1,5  1,0  0,25 | | *Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 | | *Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, có cảm xúc, sáng tạo. | 0,25 | |  |

HƯỚNG DẪN

Về nhà làm lại đề kiểm tra

TIẾT 37,38

**VĂN BẢN: NAM QUỐC SƠN HÀ**

*(Lý Thường Kiệt)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Học sinh nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Giúp HS cảm nhận được tinh thần độc lập, khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của DT.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật.

- Học sinh liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

*2. Năng lực*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ:

- Năng lực văn học

3. Phẩm chất

- Yêu nước

- Trách nhiệm

Lồng ghép nội dung GD QP&AN: Giới thiệu thêm về sự kiện BH đọc bản TNĐL

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

*1. Giáo viên*

- Sách giáo khoa Ngữ Văn 8 kết nối tri thức, tập 1

**-** Giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm video, hình ảnh về tác giả, tác phẩm.

- Phiếu học tập.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Mảnh ghép bí mật.**

**Câu 1:** Đất nước ta trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước? - Hơn 4000 năm.

**Câu 2**: Kể tên các thời kì, các anh hùng dân tộc dựng nước và giữ nước?

**Đáp án:** Thời Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Thường Kiệt…( thời Lí)

**Câu 3:** Theo tương truyền, Lí Thường Kiệt khi chỉ huy trận đánh quân Tống (1077) đã làm bài thơ nào? **Đáp án:** Nam Quốc Sơn Hà.

**Câu 4:** Kẻ thù đô hộ nước ta gần 1000 năm là? **Đáp án:** Phương Bắc (Trung Quốc).

Mảnh ghép bí mật là hình ảnh chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV giới thiệu bài học và cho hs xem đoạn video về chiến thắng quân tống trên sông Như Nguyệt. (link: https://youtu.be/oOSxg8NmHFg).

*Chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt là một trong những chiến thắng có bước ngoặt lịch sử, đánh dấu một giai đoạn độc lập của dân tộc ta khi đánh tan quân xâm lược phương Bắc. Sau chiến thắng, trong không khí hào hùng, có một bài thơ được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc chúng ta đã vang lên nhằm khẳng định chủ quyền lãnh thổ cũng như bày tỏ lòng quyết tâm đối với kẻ thù xâm lược rằng: dân tộc Việt Nam sẽ kiên quyết giữ vững nền độc lập này, bất cứ một kẻ thù nào có ý đồ xâm lược đều phải trả giá. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung của* ***Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ*** *nhất này.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I. Đọc - Khám phá chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đề tài

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án.

- HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS và câu trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ  Nhiệm vụ 1: *Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm.*  Nhiệm vụ 2: *GV hướng dẫn đọc.*  - Giọng chậm rãi, chắc, hào hùng, đanh thép, hứng khởi.  - Gv đọc phiên âm - dịch nghĩa - dịch thơ.  Nhiệm vụ 3: *nêu đề tài của văn bản*  (? Bài thơ được coi là bản tuyên ngôn độc lập, vậy em hiểu tuyên ngôn độc lập là gì?)  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Hs về nhà chuẩn bị theo nhóm đã được phân công.  Bước 3: Báo cáo kết quả  Hs báo cáo dựa trên sản phẩm đã chuẩn bị.  Bước 4: Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  Gv bổ sung:  - Bài thơ từng được coi là bài thơ thần (do thần sáng tác) - Thần linh hóa tác phẩm văn học nhằm nâng ý nghĩa thiêng liêng của nó. Nó được coi là *bản tuyên ngôn độc lập* đầu tiên của nước ta  - Thơ trung đại VN:  + Viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm.  + Có nhiều thể: Thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú.  - “ *Nam Quốc Sơn Hà* “ - nguyên văn bài thơ chữ Hán.  *- Xuất xứ:* Là bài thơ tương truyền Lí Thường Kiệt đã đọc để cổ vũ tướng sĩ khi chống Tống ở sông Như Nguyệt năm 1077.  - *Thể loại:* Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:  Toàn bài có 4 câu.  Mỗi câu có 7 chữ.  Vần “*ư* “ hiệp ở chữ cuối của câu 1-2- 4. | I. Tìm hiểu chung  **1. Tác giả**  - Chưa rõ ràng.  - Có tài liệu ghi là : Lý Thường Kiệt.  **2. Tác phẩm**  \* Xuất xứ: ra đời năm 1077 – đánh quân Tống xâm lược.  \* Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật với 4 câu mỗi câu 7 chữ. Các câu 1, 2 và 4 hoặc chỉ có câu 2 và 4 là hiệp vần với nhau ở chữ cuối.  \* Đề tài  Được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ. |

**II - Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB thơ viết bằng chữ Hán. Nắm được nội dung, nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

- HS nắm được tinh thần độc lập, khí thế hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc ta.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  NHIỆM VỤ 1:**Những lí lẽ để khẳng định chủ quyền dân tộc**  - Giáo viên yêu cầu HS trả lời CH:  1. Chủ quyền được tuyên bố trên những cơ sở nào? Có sức thuyết phục không? Tại sao?  2. Thực hiện hoàn thành phiếu học tập.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ trả lời và hoàn thành yêu cầu trên phiếu.  - Giáo viên nghe và nhận xét.  - Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | Hai câu thơ đầu: Lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước | | | Dựa vào chú thích 1 hãy làm rõ nghĩa chữ *đế* trong *Nam đế cư* ? | - *Đế* : vua; *Vươn*g: vua; nhưng *đế* được coi là lớn hơn *vương*. Vậy chữ *đế* trong lời thơ có ý tôn vinh vua nước Nam, sánh ngang với các hoàng đế Trung Hoa. | | Nội dung của câu thơ 1 là gì? | Nước Nam là của vua Nam  *→ Đất nước đã có chủ, phân biệt và ngang hàng với Bắc đế.* | | Câu thơ 2 có nghĩa như thế nào . | -*"Thiên thư" :* Tạo hoá - tự nhiên vĩnh hằng đã công nhận như vậy.  *→ Chân lý khách quan.*  Thuận thiên, hợp nhân là bất di bất dịch.  - Sự phân định địa phận, lãnh thổ nước nam trong sách trời | | ? Nhận xét về âm điệu của cả hai câu thơ.  ? Âm điệu đó có tác dụng gì trong việc diễn tả cảm xúc về chủ quyền? | - Âm điệu: 4 thanh trắc đều dùng dấu nặng trên cùng 1 dòng thơ  => Đanh thép, hùng hồn, diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí. | | ? Người viết đã bộc lộ tình cảm gì trong lời thơ này . | - Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.  - Tình cảm yêu vua, yêu nước, lòng tự hào dân tộc. |   **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trả lời miệng.  - Nhóm khác theo dõi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *→*  Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **GV khắc sâu kiến thức:**  **- CH:** Nếu câu thơ đầu nhấn mạnh chân lý do con người quy định thì câu thơ thứ mang tính chất thần linh chủ nghĩa.  **Gv mở rộng, liên hệ với** *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi - tuyên ngôn độc lập thứ hai và *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh để thấy “NQSH” là tác phẩm có vai trò khơi mạch nguồn ý thức độc lập tự chủ, tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc và ý chí sắt đá quyết giữ vững nền độc lập DT.  NHIỆM VỤ 2***: Ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI TẠI BÀN  - Giáo viên đặt câu hỏi  *1/ Nhận xét về cách diễn đạt ở câu 3 ?*  *2/ Câu thơ 4 khẳng định điều gì? Có mối liên hệ như thế nào với 3 câu trên?*  *3/ Nhận xét về nhịp điệu, giọng thơ trong 2 câu cuối?*  - Học sinh tiếp nhận nghe và trả lời.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ câu trả lời.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ.  - Dự kiến sản phẩm:  1/ Câu 3 là một câu hỏi tu từ để làm tiền đề cho khẳng định ở câu 4. Câu hỏi thể hiện sự ngạc nhiên và tức giận về sự ngang ngược, tàn bạo của giặc.  2/ Câu 4 khẳng định sự thất bại đau đớn, thảm hại của kẻ đi xâm lược.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** HS trả lời.  - HS khác lắng nghe để bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, gợi dẫn:  ***\*Ý 1 câu 3: Mang hình thức của một câu hỏi tu từ, từng lời đều chất chứa sự ngạc nhiên, căm phẫn, khinh bỉ đến tột độ. Vậy cảm xúc ấy được thể hiện cụ thể như thế nào trong câu thơ thứ 3?***  + “Như hà”- nghĩa là “cớ sao”- làm sao->biểu thị sự ngạc nhiên trước hành động ngông cuồng, đi ngược lại chân lý, ý trời.  + “Nghịch” là trái ngược, phản lại ý trời, không tuân theo sự sắp đặt của tạo hóa.  + “Lỗ” – bọn mọi rợ-> biểu thị sự khinh miệt, căm phẫn.  + Xâm phạm – xâm lược nước ta.  -> chỉ đích danh hành động tàn ác của chúng. | **II/ Khám phá văn bản**  **1. Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền dân tộc.**  **- Chủ quyền được tuyên bố dựa trên những cơ sở đầy thuyết phục:**  + ***Đất nước có biên giới, lãnh thổ:*** Sông núi nước Nam vua Nam ở. Đây là điều tất yếu, hiển nhiên, là bằng chứng thực tế không thể nào chối cãi. Vua Nam ở trên đất Nam, không xâm phạm bờ cõi của bất cứ quốc gia nào.  + ***Nước có vua trị vì, nước là của vua.*** Đây là căn nguyên, gốc rễ của tư tưởng « trung quân ái quốc » rất phổ biến thời trung đại.  ***+ Chủ quyền được ghi rõ trong sách trời.*** Đây là cơ sở cao nhất để khẳng định chủ quyền bởi Trời là đấng tối cao trong tín ngưỡng, tâm linh của người xưa.  => Chủ quyền được tác giả tuyên bố dựa trên những lí lẽ, cơ sở đầy sức thuyết phục.***Thuận thiên, hợp nhân là bất di bất dịch.*** Nó tồn tại như một chân lý khách quan không thể chối cãi, không thể không công nhận.  **- Cách tuyên bố chủ quyền:**  ***+ Cách sử dụng từ ngữ:***  ++ Cách xưng *Đế*. Đế là vua; *Vươn*g: vua; nhưng *đế* được coi là lớn hơn *vương*. Vậy chữ *đế* trong lời thơ có ý tôn vinh vua nước Nam, sánh ngang với các hoàng đế Trung Hoa.  =>Thể hiện niềm tự hào tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc.  ++ ***Tiệt nhiên:*** rõ rệt, rành rành  ++ ***Định phận:*** là định phần, phần nào ra phần đấy.  ++ ***Thiên thư:*** sách trời (ý nói tạo hóa)- niềm tin thiêng liêng, bất di bất dịch vào Trời- đấng tối cao.  => Từ ngữ chắc nịch, thể hiện thái độ đầy tự tin, chắc chắn của người nói khi đưa ra những chứng cớ đầy sức thuyết phục về chủ quyền dân tộc.  ***+******Âm hưởng, giọng điệu:***  **++** Câu 1: lặp hai lần chữ Nam – *Nam quốc, Nam đế* vừa có tác dụng nhấn mạnh, vừa thể hiện niềm tự hào của người nói.  ++ Câu 2: 4 thanh trắc đều dùng dấu nặng trên cùng 1 dòng thơ (câu 2), tạo sức nặng cho câu thơ, khẳng định chủ quyền dân tộc là bất di bất dịch, là tất yếu, hiển nhiên.  -> Giọng thơ mạnh mẽ, khỏe khoắn, chắc nịch, mang âm hưởng hào sảng, hùng hồn.  **\* Tóm lại: Hai câu thơ đầu với:**  - Lí lẽ, bằng chứng chắc chắn, đầy tự tin.  - Giọng điệu: Mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.  *⇒ Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.*  **2. Hai câu cuối: Ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc**  **\*Câu 3:** **Phơi bày tội ác của giặc**  ***- Mang hình thức của một câu hỏi tu từ, từng lời đều chất chứa sự ngạc nhiên, căm phẫn, khinh bỉ đến tột độ.***  ***- Sắc thái ý nghĩa của câu hỏi tu từ:***  + Thể hiện sự ngạc nhiên vì chúng tự xưng là thiên triều nhưng lại dám làm trái mệnh trời.  + Thể hiện sự khinh bỉ: vì chúng tự xưng là nước có nền văn hiến hàng đầu, là Trung Hoa, tinh hoa của mọi dân tộc lại có hành động như kẻ mọi rợ, ỷ mạnh hiếp yếu.  **=>** Giọng thơ hùng hồn, lời thơ dõng dạc vừa tố cáo dã tâm xâm lược của bọn giặc ngông cuồng vừa bày tỏ thái độ căm phẫn, khinh miệt bọn xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa.  **\*Câu 4 :** **Lời tuyên bố, cảnh cáo kẻ thù**  - Lời cảnh báo: khẳng định sự thất bại tất yếu của kẻ thù nếu chúng cố tình xâm lược nước ta. Qua đó:  + Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.  + Nêu ra chân lí thời đại: có áp bức – có đấu tranh.  - Cách cảnh báo:  + Lời lẽ, giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát, hùng hồn: cách ngắt nhịp 4/3; sử dụng động từ + tính từ mạnh: *thủ* - nhận lấy; *bại* - hỏng; *hư* - trống không, không còn gì.  + Gọi đích danh kẻ xâm lược và chỉ ra kết cục thê thảm mà chúng sẽ phải chuốc lấy.  => Không đưa ra câu trả lời trực tiếp cho câu hỏi được đặt ra ở câu thứ 3 mà báo trước cho chúng kết cục thê thảm, tất yếu của những kẻ cố tình đi ngược với ý trời, lòng người.  **3/ Thái độ, tình cảm của tác giả**  ***- Với non sông, đất nước:***  + Tự hào về độc lập chủ quyền của dân tộc.  + Lòng quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ chủ quyền.  ***- Với kẻ thù xâm lược:*** Sự căm phẫn, khinh bỉ và quyết chiến đấu đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. |

**3. Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về NT và ND VB.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - Giáo viên đặt câu hỏi  1. Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ.  2.Khi đọc một bài thơ thể Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường Luật, đồng thời là một văn bản chính luận - Tuyên ngôn độc lập, theo em cần chú ý điều gì?  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - Yêu cầu 1: Học sinh hoạt động cá nhân  - Yêu cầu 2: HS thảo luận cặp đôi, trao đổi, thống nhất ý kiến.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ.  Bước 3: Báo cáo kết quả  Đại diện HS trả lời.  Bước 4: Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  GV có thể yêu cầu HS rút ra bài học cho thế hệ sau:  Nền độc lập dân tộc của chúng ta không dễ gì có được, vì ta phải quyết tâm giữ vững chủ quyền lãnh thổ đó. | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Ngắt nhịp 4/3, giọng thơ dõng dạc, đanh thép.  - Lí lẽ sắc bén, đầy sức thuyết phục.  2. Nội dung  - Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên.  - Khẳng định chủ quyền của đất nước.  - Niềm tự hào dân tộc: Tự hào về truyền thống đấu tranh giữ nước của ông cha ta.  - Tin tưởng vào sự bền vững của độc lập dân tộc.  3. Cách đọc một bài thơ thể Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường Luật, đồng thời là một văn bản chính luận - Tuyên ngôn độc lập  *\* Bài thơ Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường Luật*  - Hiểu được nội dung cảm xúc trong bài thơ.  - Thấy được những nét đặc trưng thể thơ: niêm, luật, vần, ngắt nhịp.  - Bám sát nguyên bản khi muốn phân tích các yếu tố từ ngữ.  *\* Văn bản chính luận – Tuyên ngôn độc lập*  - Nhận ra được *mạch lập luận chặt chẽ*, lí sẽ sắc bén, chứng cứ thuyết phục:  + Câu 1,2: Khẳng định chân lí tất yếu, khách quan, hợp lòng người, ý trời.  + Câu 3: Hành động trái với lòng người, ý trời.  + Câu 4: Hậu quả tất yếu của việc đi ngược lại chân lí, lẽ phải.  -Giọng điệu: mạnh mẽ, đanh thép, hào hùng. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**:GiúpHS củng cố kiến thức bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Ong non học việc**

**Câu 1.** Bài *Sông núi nước Nam* thường được gọi là gì?

A. Hồi kèn xung trận.

B. Áng thiên cổ hùng văn.

C. Khúc ca khải hoàn.

D. Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên.

**Câu 2**. Bài *Sông núi nước Nam* được làm theo thể thơ

A. Thất ngôn bát cú.

B. Thất ngôn tứ tuyệt.

C. Ngũ ngôn.

D. Song thất lục bát.

**Câu 3.** Bài thơ được ra đời trong cuộc kháng chiến nào?

A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

B. Trần Quang Khải chống giặc Mông - Nguyên ở bến Chương Dương.

C. Lí Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt năm 1077

D. Quang Trung đại phá quân Thanh.

**Câu 4.** Bài thơ đã nêu bật nội dung gì*?*

A. Nước Nam là nước có chủ quyền và không một kẻ thù nào xâm phạm được.

B. Nước Nam là một đất nước văn hiến.

C. Nước Nam rộng lớn và hùng mạnh

D. Nước Nam có nhiều anh hùng sẽ đánh tan giặc ngoại xâm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh làm nhiệm vụ.

- Giáo viên quan sát, hỗ trợ HS.

- Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của HS

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2B | 3C | 4A |

**Bước 3: Báo cáo kết quả .** Câu trả lời củaHS.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên: *1/ Sống trong xã hội ngày nay em có suy nghĩ gì về những chiến công hiển hách của cha ông? Em thấy cần phải làm gì cho đất nước ?*

- Học sinh tiếp nhận.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Thực hiện theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và làm bài tập.

- Chuẩn bị bài mới: ***Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.***

-------------------------------------------------

TIẾT 39,40,41

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Học sinh biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Học sinh viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.

*2. Năng lực*

*a. Năng lực chung*

*-* Năng lực tự chủ và tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*b. Năng lực đặc thù*

- Năng lực văn học

- Năng lực ngôn ngữ

*3. Phẩm chất:*

- Có ý thức xây dựng mối quan hệ hòa thuận, thân thiện, hợp tác với mọi người trong cộng đồng; có tinh thần xây dựng và phát triển đất nước.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- SGK Ngữ văn 8 của bộ sách: *Kết nối tri thức và cuộc sống*, SGV.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, bài giảng điện tử.

- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học (hình ảnh, video...).

- Các phiếu học tập.

- Sơ đồ, biểu bảng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu**: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

**b. Nội dung**: GV nêu vấn đáp, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với ND của bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu hình ảnh cho HS quan sát và trả lời gợi mở suy nghĩ:

1) *Mỗi bức tranh sau đây gợi cho ta những vấn đề gì trong đời sống của chúng ta?*

*2) Ngoài những hoạt động được thể hiện ở trong bức tranh trên, em hãy kể thêm một số hoạt động của mọi người trong cuộc sống gắn liền với hoạt động của cộng đồng và đất nước?*

*3/ Theo ý kiến của em, chúng ta có thể sống tách biệt với cộng đồng và đất nước được hay không, vì sao?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chiến dịch bảo vệ môi trường 'Biển Việt Nam xanh' |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và chia sẻ.

*Gợi ý:*

1/ Ba bức tranh đều nói đến những hoạt động của con người đối với cộng đồng và đất nước như thanh niên tình nguyện dọn sạch môi trường bãi biển, hiến máu nhân đạo cứu người và thanh niên tham gia nghĩa vụ quân sự bảo vệ đất nước.

2/ Một số hoạt động khác gắn với cộng đồng và đất nước là thực hiện hoạt động thiện nguyện giúp đỡ người nghèo những vùng đất chịu thiên tai; tham gia đi vào tuyến đầu chống dịch; tham gia cổ động phong trào tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng; tham gia các hoạt động công ích…

3/ Mỗi con người cần phải sống trong tổng hòa các mối quan hệ với với cộng đồng, với đất nước, như thế cuộc sống mới thực sự có ý nghĩa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).

- GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: M*ỗi người chúng ta luôn có những mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng và đất nước. Qua những vấn đề cụ thể của đời sống xã hội, mối quan hệ này càng được thể hiện rõ ràng. Tuy nhiên, trước một vấn đề thì quan điểm và nhận thức của mọi người sẽ không giống nhau. Vì thế, bàn luận một cách thấu đáo về một vấn đề nào đó sẽ giúp cho người đọc thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng đất nước là điều rất cần thiết. Văn nghị luận sẽ giúp chúng ta thực hiện được mục tiêu trên. Tiết học hôm nay cô hướng dẫn các em viết một bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước. Mời các bạn mở sách giáo khoa trang 71 ra chúng ta cùng học bài mới.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài nghị luận; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS chia sẻ nhóm đôi, nhóm lớn, tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và Phiếu HT số 1 đã điền đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1(PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO)

Đọc bài viết: “*Hiểu biết về lịch sử* ” (SGK/tr.71, 72) và hoàn thành các thông tin sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| *Vấn đề nào được bàn trong bài nghị luận?* | ………………… |
| *Vấn đề ấy có tầm quan trọng như thế nào? Thể hiện qua những khía cạnh cơ bản nào?* | ………………… |
| *Lí lẽ và bằng chứng nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của vấn đề ?*  *+ Môn lịch sử cho ta biết những gì?*  *+ Hiểu biết về lịch sử có ý nghĩa gì?*  *+ Thực tế hiện nay có một số bạn trẻ có thái độ như thế nào đối với môn lịch sử ?*  *+ Nhiệm vụ của thể hệ trẻ hiện nay?* | …………………………………… |
| *Cần có hành động gì sau khi nhận thức vấn đề ?* | ………………… |
| *Kết thúc bài viết, người viết đã làm gì?* |  |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (PHIẾU TÌM Ý)

**Nhiệm vụ:** *Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).*

|  |  |
| --- | --- |
| \*Gợi ý: Đọc kĩ đề tài, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải | |
| Ý cần tìm | Trả lời |
| Vấn đề đời sống được bàn luận. | … |
| Tầm quan trọng của vấn đề được thể hiện như thế nào đối với cộng đồng, đất nước? | … |
| Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống chúng ta:  + Những lí lẽ nào cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống mọi người?  + Những dẫn chứng nào để chứng minh vấn đề đó?  + Thực tế vấn đề đó có ý kiến trái chiều không? | … |
| Nhận thức, hành động của chúng ta đối với vấn đề trên? |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV nêu một số câu hỏi cho HS giải đáp để làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận thể hiện ý kiến về một vấn đề đời sống:  *1) Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận? Vì sao nó được đề cập đến?*  *2)* *Ý kiến nào của người viết về vấn đề đời sống để thuyết phục người khác? Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ vấn đề đó là phù hợp?*  *3) Có sự phản hồi nào với các ý kiến khác?*  *4) Có cần nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận không?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào Sgk trang 71 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có).  Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang mục 2. | | | - **Tầm quan trọng của vấn đề:** Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lý lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nếu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động. |
| **2. Phân tích bài viết tham khảo** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV cho HS đọc thầm bài tham khảo dùng PP đàm thoại để hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo theo từng khía cạnh, sau đó hoàn thành vào **Phiếu HT số 1**  *1) Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận?*  *2)* *Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến: cần học kiến thức lịch sử - ý nghĩa của việc hiểu biết lịch sử?*  *3)* *Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ?*  *6) Kết thúc bài viết, người viết đã làm gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát những chi tiết trong SGK.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành. | **A. Mở bài:**  - Bài viết nêu vấn đề: *Tầm quan trọng của việc cần thiết phải hiểu biết về lịch sử.*  **B. Thân bài:**  Chứng minh vấn đề: *Ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử:* Bồi đắp lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm của HS đối với cộng đồng.  **- Bằng chứng:**  + Tìm hiểu lịch sử, lật mở từng lớp trầm tích lặng lẽ để quá khứ cất lên tiếng nói đưa ta về với cội nguồn...  +Học lịch sử ta biết buổi bình minh của dân tộc nhà nước Văn Lang, Âu Lạc ra đời như thế nào.  + Giúp ta hình dung không khí oai hùng từ thuở Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo...đánh đuổi giặc ngoại xâm...  + Lịch sử làm sống dậy những sự kiện lớn lao giữa thế kỷ 20: chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh...  + Nhờ lịch sử, ta mới biết dân tộc từng có thời điểm trải qua những giai đoạn tối tăm, đau thương.  **- Lí lẽ:**  **+** Khi có ý thức sâu xa về cội nguồn, hiểu biết về quá khứ, chúng ta sẽ biết cách hành động.  + Học lịch sử không chỉ cần nắm những trí thức mà còn rút ra bài học cho cuộc sống hôm nay.  + Học lịch sử để nhắc nhở chúng ta phát huy truyền thống oanh liệt của cha ông, tránh những sai lầm không đáng có.  - **Mặt trái hiện nay:** một số bạn trẻ không quan tâm đến lịch sử dân tộc, cụ thể:  + Cho rằng lịch sử là những gì thuộc về thời trước, không liên quan đến cuộc sống hiện nay.  + Không có nhu cầu về hiểu biết quá khứ đất nước.  + Nhầm lẫn các thời kỳ sự kiện nhân vật lịch sử.  + Lúng túng khi được hỏi về các nhân vật và sự kiện lịch sử nổi bật.  + **Hậu quả:** Thiếu hiểu biết về lịch sử, ảnh hưởng tiêu cực đến nhân cách của học sinh vì khi không hiểu biết thì sự mơ hồ, nhạt phai lòng yêu nước, thiếu trách nhiệm với cộng đồng với quốc gia.  - **Xác định nhiệm vụ của thế hệ trẻ:** phải hiểu biết lịch sử để bồi đắp lòng yêu nước.  **C. Kết bài:** Khẳng định nhận thức đúng đắn về vấn đề đưa ra và phương hướng hành động.  - Tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu..  - Gặp gỡ các nhân chứng… | | |
| C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP  **a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.  **c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Thực hành viết theo các bước** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.73 để xác định mục đích viết và lựa chọn đề tài:  *1) Trước khi viết,em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai?*  *2) Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào? Tham khảo gợi ý trong SGK hoặc tự mình lựa chọn đề tài thích hợp.*  ***Ví dụ trong sgk:***  - *Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện.*  *- Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  *- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em.*  *- Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống.*  ***Ví dụ ngoài sgk:***  - Vấn đề xếp hàng nơi công cộng của người Việt Nam.  - Học sinh với trang phục truyền thống của dân tộc mình.  - Văn hóa cảm ơn trong giao tiếp.  - Văn hóa xin lỗi trong giao tiếp.  - Hiện tượng hiệu ứng đám đông trong những vấn đề trên mạng xã hội.  \*GV hướng dẫn HS tìm ý. Trên cơ sở đề tài đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo Phiếu HT số 2.   |  |  | | --- | --- | | \*Gợi ý: Đọc kĩ đề tài, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải: | | | Ý cần tìm | Trả lời | | Vấn đề đời sống được bàn luận: | … | | Tầm quan trọng của vấn đề được thể hiện như thế nào đối với cộng đồng, đất nước? | … | | Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống chúng ta:  + Những lí lẽ nào cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống mọi người?  + Những dẫn chứng nào để chứng minh vấn đề đó?  + Thực tế vấn đề đó có ý kiến trái chiều không? | … | | Nhận thức, hành động của chúng ta đối với vấn đề trên? |  |   \*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:  *Em sẽ phân bổ các ý cho Mở bài, thân bài và kết bài như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. | | **1. Trước khi viết**  **\*Xác định mục đích viết:**  - Làm rõ quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước, từ đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với công việc chung.  **\*Người đọc:**  - Những người quan tâm đến vấn đề trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng, đất nước.  **a. Lựa chọn đề tài:**  - Đề tài được chọn phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết.  - Đề tài có ý nghĩa với con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước.  - VD: *Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  **b. Tìm ý:**  **- Vấn đề đời sống được bàn luận:** Trách nhiệm của h*ọc sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  **- Tầm quan trọng của vấn đề:**  + Tiếng việt là ngôn ngữ của một dân tộc nên cần được gìn giữ, trân trọng.  + Tiếng việt thể hiện bản sắc của dân tộc đó nên cần được gìn giữ, trân trọng.  **- Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy cần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**  **+ Lí lẽ:**  ++ Mỗi quốc gia đều có tiếng nói riêng để tạo nên nét văn hóa độc đáo riêng.  ++ Tiếng việt đã được tồn tại qua chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, vì thế cần trân trọng.  ++ Tiếng việt giúp chúng ta xác định được bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia.  ++ Cha ông ta đã hi sinh để bảo vệ sự tư do của ngôn ngữ Tiếng việt.  **+ Bằng chứng:**  ++ Mỗi khi được nói Tiếng việt, chúng ta đầy tự tin và tự hào.  ++ Bên cạnh sử dụng tiếng Anh quảng bá đất nước thì ta vẫn dùng Tiếng việt để tạo nét riêng.  ++ Nhiều tác phẩm văn học bằng Tiếng việt trở thành chuẩn mực văn chương như “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.  ++ Có những người đi xa, vẫn lưu giữ tiếng của dân tộc để hướng về nguồn cội.  - **Thực tế:** một số bạn trẻ vẫn chưa yêu quý Tiếng việt.  + Lạm dụng tiếng nước ngoài.  + Sử dụng Tiếng việt lệch chuẩn.  - **Nhận thức, hành động:**  + HS hãy có ý thức trân trọng tiếng nói đất nước mình.  + Có ý thức sử dụng Tiếng việt đúng, trong sáng.  + Vận dụng Tiếng việt để giao tiếp hiệu quả.  + Làm giàu Tiếng việt một cách phù hợp.  **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nêu vấn đề: Trách nhiệm của h*ọc sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  **- Thân bài:**  + Khẳng định: Tiếng việt là ngôn ngữ của một dân tộc nên cần được gìn giữ, trân trọng. Tiếng việt thể hiện bản sắc của dân tộc đó nên cần được gìn giữ, trân trọng.  \*Ý 1: Vì sao lại có ý kiến như thế - Lí lẽ  \*Ý 2: Bằng chứng  \*Ý 3: Liên hệ, mở rộng vấn đề (thực tế ngày nay).  **- Kết bài:** Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.20 và trả lời câu hỏi:  *?Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | | **2. Viết bài**  **\*Lưu ý:**  - Triển khai đầy đủ các ý trong dàn bài.  - Sử dụng lý lẽ, bằng chứng phù hợp, thuyết phục.  - Giữa các câu trong đoạn, giữa các đoạn trong bài cần có sự liên kết chặt chẽ. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trả bài và cho HS nhắc lại yêu cầu chung về thể thức của kiểu bài và những lưu ý để viết được bài văn theo kiểu này.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.  - Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu trong SGK tr.20,21.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát văn bản đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn thành (GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. | | **3. Trả bài và chỉnh sửa bài viết**   |  |  | | --- | --- | | Nội dung rà soát | Hướng dẫn chỉnh sửa | | Đã đúng cấu trúc và nội dung của dàn ý đưa ra hay chưa? | Nếu bài viết chưa đảm bảo thì điều chỉnh. | | Vấn đề đưa ra đã được bàn luận cụ thể, rõ ràng chưa? | Nếu chưa rõ ràng thì bổ sung cho đạt yêu cầu. | | Các luận điểm ở mỗi đoạn đã hợp lí chưa? Lí lẽ, bằng chứng đã thuyết phục chưa? | Nếu bài viết chưa đảm bảo thì bổ sung cho đầy đủ, thuyết phục. | | |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ:** *Xây dựng dàn ý cho đề bài: Trách nhiệm của HS đối với bảo vệ môi trường.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

+ Học bài, nắm chắc cách viết văn bản nghị luận xã hội.

+ Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: *Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức, trách nhiệm với cộng đồng của học sinh).*

----------------------------------------------

TIẾT 42: NÓI VÀ NGHE

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (Ý THỨC, TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG CỦA HỌC SINH)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức*

- Học sinh biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

**-** Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồ

*2. Về năng lực:*

*\* Năng lực chung:*- Năng lực tự chủ và tự học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

*\* Năng lực đặc thù:*- Năng lực ngôn ngữ

*3. Phẩm chất*

- Trách nhiệm

- Chăm chỉ

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện:**

Quan sát tranh và chia sẻ MỘT VẤN ĐỀ EM QUAN TÂM



**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS quan sát tranh và nêu câu hỏi:

1/ *Hãy nêu vấn đề mà bức tranh đề cập? Đó có phải là những vấn đề cần thiết, nổi cộm trong cộng đồng hiện nay hay không?*

*2/ Theo em, ngoài những vấn đề trên, có thể kể thêm một số vấn đề gì nữa trong lứa tuổi học sinh?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời ghi ra giấy.
* GV quan sát, động viên, gợi dẫn.

**Dự kiến sản phẩm**

**Câu 1**

- Tranh 1: Văn hóa đúng giờ.

- Tranh 2: HS với vấn đề an toàn giao thông.

- Tranh 3: Suy nghĩ, tự giác/áp lực trong học tập.

**Câu 2:** *Một số vấn đề : nghiền game, nghiện Facebook, hiện tượng sống ảo, ảnh hưởng từ các tệ nạn xã hội, thái độ đối với công trình công cộng…*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV khích lệ một số HS trình bày, chia sẻ nhanh bằng ngôn ngữ nói, HS khác lắng nghe.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét phần trình bày của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học: *Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội vì vậy mỗi vấn đề trong cuộc sống đều ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp lên mỗi người. Trước những vấn đề đó, mọi người sẽ có những nhận thức và quan điểm không giống nhau. Vì vậy việc chia sẻ quan điểm, lắng nghe ý kiến, tổ chức bàn luận trao đổi là một hoạt động cần thiết để chúng ta có thể thấu hiểu nhau hơn, có thể nhìn nhận những vấn đề theo chiều hướng phù hợp. Hôm nay, cô sẽ giúp các em có được những kinh nghiệm để trình bày những vấn đề trong cuộc sống, qua đó nâng cao khả năng giao tiếp cũng như nhìn nhận được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng đất nước.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được các yêu cầu trước khi nói; trình bày và trao đổi được về bài nói.

**b. Nội dung**: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

BẢNG KIỂM

(*Đọc kĩ dàn ý bài nói, đánh dấu (x) vào ý có xuất hiện hoặc không xuất hiện, sau đó điều chỉnh, hoàn thiện dàn ý trước khi nói*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các ý quan trọng | Có xuất hiện | Không xuất hiện |
| *1. Nêu được vấn đề trong đời sống có phù hợp lứa tuổi.* |  |  |
| *2. Chỉ ra được thực trạng của vấn đề.* |  |  |
| *3. Nêu nguyên nhân.* |  |  |
| *4. Tác động của vấn đề (lợi ích/tác hại; mặt tốt/ mặt xấu)* |  |  |
| *5. Rút ra bài học (nhận thức và hành động.)* |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ | | | |
| **Nhóm.....** | | | |
| TIÊU CHÍ | Mức độ | | |
| Chưa đạt (0 điểm) | Đạt (1 điểm) | Tốt (2 điểm) |
| 1. Thể hiện ý kiến của người nói về một vấn đề trong đời sống phù hợp lứa tuổi | *Chưa thể hiện* được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sốngphù hợp lứa tuổi. | *Thể hiện được* ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống phù hợp lứa tuổi. | *Thể hiện được* ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống phù hợp lứa tuổi một cách *rõ ràng, ấn tượng.* |
| 2. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng | *Chưa đưa* ra được các *lí lẽ và bằng chứng* phù hợp với vấn đề bàn luận. | *Đưa ra được* các *lí lẽ và bằng chứng* phù hợp với vấn đề bàn luận. | *Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, sâu sắc,* tiêu biểu, phù hợp với vấn đề bàn luận. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | *Nói nhỏ,* khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | *Nói rõ,* nhưng *đôi chỗ lặp lại* hoặc ngập ngừng một vài câu. | *Nói rõ, truyền cảm*; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | *Điệu bộ thiếu tự tin,* chưa có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,…) với người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp với nội dung. | *Điệu bộ tự tin, có sự tương tác* (ánh mắt, cử chỉ,…) với người nghe; nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung. | *Điệu bộ rất tự tin, có sự tương tác tích cực* (ánh mắt, cử chỉ,…) với người nghe; nét mặt biểu cảm rất phù hợp với nội dung. |
| 5.Trao đổi với người nghe | *Chưa trao đổi được với người nghe* về một vấn đề đời sốngphù hợp lứa tuổi. | *Trao đổi được với người nghe* một số nội dung cơ bản của về một vấn đề đời sốngphù hợp lứa tuổi.. | *Trao đổi thuyết phục* về các nội dung mà người nghe đặt ra. |
| **Tổng: ......./10 điểm** | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **1. Trước khi thảo luận** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Trước khi nói, GV cho HS trả lời các câu hỏi sau:  *1) Bài nói nhằm mục đích gì? Người nghe là ai?*  *2) Xác định đề tài/vấn đề em quan tâm trao đổi.*  *3) Em chọn không gian nào để thực hiện/trình bày bài nói? Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?*  *5) Để có tư liệu cho bài nói, em cần thu thập thông tin từ những nguồn nào?*  *7) Để ghi ngắn gọn một số ý quan trọng, em cần trả lời các câu hỏi nào?*  (Sử dụng Bảng kiểm để kiểm tra dàn ý cấu trúc của bài nói)  *8) Em cần dự kiến trao đổi các nội dung nào mà người nghe có thể thắc mắc, phản hồi.*  *9) Cuối cùng, em hãy lập dàn ý cho bài nói của mình. Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.*  **1.2.** **Luyện tập**  - GV yêu cầu HS tập trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1.1. Chuẩn bị**  **a. Xác định mục đích thảo luận và người nghe**  - **Mục đích thảo luận:** Để những người tham gia thảo luận cùng hiểu đúng bản chất của vấn đề, tạo được sự đồng thuận, từ đó có thái độ và hành động phù hợp.  - **Người nghe:** Các thành viên tham gia cuộc thảo luận và những người tham dự buổi thảo luận do muốn hiểu thêm về vấn đề.  **b. Chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận**  **Bước 1:** **Xác định đề tài/vấn đề,** người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.75-76).  **- Đề bài:** Từ thực tế cuộc sống, dưới góc nhìn của mình, hãy cùng nhau trao đổi, thống nhất chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp lứa tuổi, được nhiều người quan tâm.  Có thể lựa chọn một trong những vấn đề sau:  *- Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước?*  *- Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?*  *- Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc?*  **- Bước 2:** Thu thập tư liệu.  Mỗi cá nhân tự tìm hiểu tham khảo thêm những tài liệu liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận.  **\*Dàn ý cơ bản:** *Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?*  **Mở bài**  - Nêu vấn đề: ATGT là vấn đề đáng quan tâm hiện nay,đặc biệt lứa tuổi HS tham gia GT cũng rất đáng lo ngại.  **Thân bài**  **Ý 1: Luận điểm 1: Thực trạng giao thông**  **Lí lẽ:** Tình trạng giao thông hiện nay vô cùng đáng lo ngại. Tình trạng giao thông hiện nay thực sự khiến chúng ta bàng hoàng.  **Dẫn chứng**: Theo thống kê của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia cho biết : năm 2012 cả nước xảy ra 11.450 vụ tai nạn giao thông làm 6.384 người chết và 7.804 người bị thương  **Ý 2 – Luận điểm 2 - Nguyên nhân**  - Do ý thức HS chưa chấp hành tốt luật lệ giao thông.  - Do cơ sở hạ tầng giao thông còn nghèo nàn chưa đảm bảo an toàn  - Do tình trạng giới trẻ đua xe, lạng lách, đánh võng …  - Do trách nhiệm của gia đình, nhà trường quản lí con cái chưa tốt dẫn tới nhiều bạn trẻ có suy nghĩ lệch lạc, coi thường an toàn giao thông.  **Ý 3: Luận điểm 3 – Hậu quả mất ATGT**  - Thiệt hại về người và của  - Để lại nỗi đau tinh thần và thể xác  - Làm ảnh hưởng đến tâm lí số đông tham gia GT.  - Trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.  **Ý 4: Luận điểm 4 – Giải pháp**  - Mọi người đặc biệt là học sinh cần có ý thức chấp hành tốt quy định của nhà nước khi tham gia giao thông.  - Khắc phục các cơ sở hạ tầng giao thông kém chất lượng.  - Xử lý nghiêm khắc những người và học sinh vi phạm khi tham gia giao.  - Gia đình cần quản lý chặt chẽ việc con cái sử dụng phương tiện giao thông.  - Nhà trường cần tổ chức tuyên truyền về hiểu biết và nhận thức của học sinh khi tham gia giao thông.  *KB:* Chúng ta hãy tự mình chấp hành tốt luật lệ giao thông để không chỉ bảo vệ bản thân mà còn là bảo vệ an toàn chung cho tất cả mọi người.  **- Bước 3:** Lựa chọn người điều hành và thư kí ghi chép nội dung thảo luận.  *+ Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*  *+ Nguyên nhân;*  *+ Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*  *+ Bài học: Nhận thức và hành động.*  **- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.  **1.2.** **Luyện tập**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ: Tập trình bày, lắng nghe nhận xét góp ý và hoàn thiện bài nói. | |
| **2. Thảo luận** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tiến hành:  1) Chia lớp thành 04 nhóm, các nhóm theo dõi, chấm chéo nhau vào Phiếu đánh giá theo tiêu chí.  2) Mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Lưu ý: HS cần tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như: *sử dụng ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài nói*).  3) Yêu cầu HS khác tập trung lắng nghe để tóm tắt nội dung của bài trình bày và dự kiến một số vấn đề sẽ trao đổi, thảo luận với người nói.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp.  - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện HS trình bày bài nói; * HS khác nêu vấn đề cần trao đổi.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **Một số lưu ý**  - Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận.  - Lần lượt mời các thành viên trong lớp hoặc trong nhóm phát biểu ý kiến. Ý kiến thì cần tập trung vào trọng tâm vấn đề phân tích từng khía cạnh có lý lẽ và bằng chứng thuyết phục.  - Người phát biểu sau có thể bàn luận về vấn đề theo góc nhìn riêng tán thành hoặc phản đối ý kiến của người phát biểu trước, trên cơ sở đó khẳng định quan điểm của mình.  - Các thành viên tham gia thảo luận tập trung nắm rõ nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung ý kiến đó.  - Thư ký thực hiện ghi chép có ý kiến sau đó người điều hành tổng hợp kết luận vấn đề. |
| **3. Đánh giá** | | |
| - GV yêu cầu HS trao đổi về bài nói theo các gợi ý trong SGK, tr.32;  - GV cho các nhóm HS thảo luận và hoàn thiện PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ; BẢNG KIỂM  - HS nêu thắc mắc hoặc những điều cần trao đổi lại.  - GV tổng kết, nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | **- Người nghe:** Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng;  **- Người nói:** lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị.  **Một số vấn đề cần bàn luận, trao đổi bên cạnh bảng kiểm và phiếu đánh giá:**   |  |  | | --- | --- | | Vấn đề thảo luận có thực sự có ý nghĩa không? Có tác động gì đến nhận thức của bản thân? | **………..** | | Có ý kiến phát biểu đã tập trung vào trọng tâm của vấn đề chưa? Có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề như thế nào? | **………..** | | Các thành viên tương tác với nhau ở mức độ nào? Có thể hiện thái độ tôn trọng học hỏi nhau trong thảo luận không? | **………..** | | Người điều hành và thư ký đã thể hiện đúng vai trò của mình chưa? | **………..** | | |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học thông qua việc đánh giá bài nói theo bảng kiểm.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** Giáo viên giao bài tập cho HS: Căn cứ vào Bảng kiểm, tự hoàn thiện bài nói của em (nếu cần).

- HS hoàn thiện bài nói của mình.

- GV hướng dẫn HS hoàn thiện (nếu cần) và yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**-** HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**-** GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao bài tập về nhà

BÀI TẬP: *Mỗi cá nhân lập dàn ý chi tiết cho đề tài: Trách nhiệm của mọi người đối với công trình công cộng.*

\* CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (ở nhà)

**a. Mục tiêu:**

**-** Củng cố tri thức Ngữ văn về văn nghị luận

- Rèn luyện kĩ năng về các kiểu đoạn văn

- Mở rộng nội dung chủ đề

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VB nghị luận

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs trả lời các bài tập 1,2,3,4,5 (chuẩn bị trước ở nhà)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Củng cố, mở rộng** |
| Câu 1: Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền các thông tin phù hợp:     |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Thời điểm ra đời | Luận đề | Luận điểm | Lí lẽ | Bằng chứng | | Hịch tướng sĩ |  |  |  |  |  | | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Thời điểm ra đời | Luận đề | Luận điểm | Lí lẽ | Bằng chứng | | Hịch tướng sĩ | Cuối thế kỷ 13 trước cuộc chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 | Khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính | -  Tội ác của giặc và lòng căm thù giặc.  - Phê phán thói hưởng lạc cá nhân từ đó thức tỉnh tinh thần yêu nước của tướng sĩ  - Kêu gọi tướng sĩ | - Sự ngược ngạo, tàn ác, tham lam của quân giặc.  - Những thú vui tiêu khiển, sự giàu có cũng không thể chống lại quân giặc. Nếu để nước nhục thì chịu tiếng xấu muôn đời.  - Chỉ có luyện binh đánh giặc mới có thể chiến thắng, cửa nhà no ấm, tiếng thơm muôn đời.  - Dựa vào đạo thần chủ, trước sự xâm lược của quân Mông - Nguyên, Trần Quốc Tuấn coi giặc là kẻ thù không đội trời chung.  - Nếu không rửa nhục cho chủ, cho nước thì muôn đời để thẹn, không còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa. | - Những tấm gương trung thần nghĩa sĩ: Kỷ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Kính Đức, Cảo Khanh, Vương Công Kiên, Nguyễn Văn Lập, Cốt Đãi Ngột Lang, Xích Tu Tư. | | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Trong cuộc kháng chiến chống Pháp | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta | - Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. - Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. - Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. - Bổn phận của chúng ta phải làm cho tinh thần yêu nước được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến. | - Tinh thần yêu nước trong lịch sử (“ lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại”)  - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay (“đồng bào ta ngày nay...”) | - Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...  -  “Mọi người dân từ trẻ đến già, từ miền xuôi đến miền ngược cùng một lòng yêu nước giết giặc, nam nữ công nhân và nông dân hăng hái tham gia sản xuất ... ” |   Câu 2 : Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền thông tin phù hợp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Xác định luận điểm | Hịch tướng sĩ | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. | | Luận điểm 1 | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | | Luận điểm 2 | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | | Luận điểm n | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Xác định luận điểm** | **Hịch tướng sĩ** | **Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.** | | Luận điểm 1 | - Đoạn từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”.  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp | - Đoạn từ đầu đến “lũ cướp nước”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn diễn dịch | | Luận điểm 2 | - Đoạn từ “huống chi ta” đến “ta cũng vui lòng”.  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song | - Đoạn từ “lịch sử ta” đến “dân tộc anh hùng”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗ hợp | | Luận điểm 3 | - Đoạn từ “các ngươi ở cùng ta” đến “phỏng có được không”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp | - Đoạn từ “đồng bào ta” đến “lòng nồng nàn yêu nước”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp |   Câu 3: Từ các thông tin ở hai bảng trên, hãy rút ra những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận.  Những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận:  Một bài văn nghị luận có luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. Bài văn có luận điểm chính và luận điểm phụ:  + Luận điểm ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định, diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu  + Luận điểm cần đúng đắn, tiêu biểu mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục  + Lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm, luận cứ phải chân thật, đúng đắn thì mới khiến luận điểm có sức thuyết phục  Câu 4: Nêu những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  Những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:  - Giống nhau: Dẫn chứng đều là những nhân vật có thật trong lịch sử.  - Khác nhau:  + Hịch tướng sĩ dùng dẫn chứng để khích lệ binh lính chiến đấu.  + Tinh thần yêu nước của nhân dân ta dùng dẫn chứng để bày tỏ truyền thống yêu nước của dân tộc.  Câu 5: Tìm đọc một văn bản nghị luận bàn về vấn đề xã hội, ghi vào vở luận đề, các luận điểm, các kiểu đoạn văn được sử dụng ở văn bản đó.  Ví dụ văn bản: Phải chăng chỉ có ngọt nào mới làm nên hạnh phúc – Phạm Thị Ngọc Diễm.  - Luận đề: Phải chăng chỉ có ngọt ngào làm nên hạnh phúc?  - Luận điểm:  + Ngọt ngào là hạnh phúc  + Hạnh phúc không chỉ đến từ những điều ngọt ngào ấy, nó còn có thể được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, thậm chỉ là nỗi đau.  - Các kiểu đoạn văn:  + Đoạn 1: Đoạn văn diễn dịch  + Đoạn 2: Đoạn văn quy nạp  + Đoạn 3: Đoạn văn hỗn hợp  + Đoạn 4: Đoạn văn diễn dịch  + Đoạn 5: Đoạn văn quy nạp  + Đoạn 6: Đoạn văn hỗn hợp | |

**\* Thực hành đọc:**

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản **Chiếu dời đô** (Lí Công Uẩn) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến những đặc điểm của **một văn bản hành chính, nhưng vẫn đậm chất văn chương**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

-Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo bảng kiểm, bảng đánh giá và góp ý của thầy cô bạn bè;

-Chuẩn bị : *Đọc mở rộng*

- Tìm đọc các văn bản có cùng chủ đề và tìm hiểu nội dung, chủ đề, bài học...

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**

**BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**(**10 tiết +1 tiết trả bài kiểm tra giữa kì I)

TIẾT 43,44

**Văn bản 1: LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU**

*-Trần Tế Xương-*

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp để giải quyết vấn đề.

*b. Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*2. Về phẩm chất*

**-** Biết phê phán, lên án những điều xấu xa, tiêu cực trong xã hội.

- Bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần trách nhiệm của HS.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Các phương tiện: Máy vi tính, tivi

- Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoàng Kim ngân 0705965222 thcs đa phúc- hải phòng

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**Hoạt động 1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  GV yêu cầu HS đọc phần ***Giới thiệu bài học***(SGK/tr 80) và đọc lướt qua nội dung các phần của bài học 4, cho biết:  + *Chủ đề bài học 4 “Tiếng cười trào phúng trong thơ” gồm những văn bản đọc nào?*  *+ Các VB đọc chính thuộc thể loại gì?*  *+ VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\*Chủ đề bài học:** Tìm hiểu đối tượng, mục đích và ý nghĩa của tiếng cười trào phúng trong thơ.  **\*Thể loại:**  **- VB đọc chính:**  **+** VB1: *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* (Trần Tế Xương)  + VB 2: *Lai Tân* (Hồ Chí Minh)  => 02 VB đọc chính đều thuộc thể loại thơ Đường luật.  **- VB đọc kết nối chủ đề** thuộc thể loại văn bản nghị luận: *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng* (Trần Thị Hoa Lê) |

**Hoạt động 2. Khám phá Tri thức Ngữ văn về thơ trào phúng**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thơ trào phúng.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu một số đặc điểm của thơ trào phúng.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS đọc bài thơ sau và chỉ ra nội dung chính, đặc sắc nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ:  *"Có đất nào như đất ấy không?*  *Phố phường tiếp giáp với bờ sông.*  *Nhà kia lỗi phép con khinh bố,*  *Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.*  *Keo cú người đâu như cứt sắt,*  *Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng.*  *Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,*  *Có đất nào như đất ấy không?"*  (*Đất Vị Xuyên* - Trần Tế Xương)  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành PHT sau:   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập 01**. Tìm hiểu về thơ trào phúng. | | | Nội dung |  | | Nghệ thuật |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - HS thảo luận cặp đôi nội PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Dự kiến sản phẩm học tập:**  - Bài thơ *Đất Vị Xuyên* (Tú Xương):  + Nội dung: Phơi bày thực trạng xấu xa, đầy chua xót ở quê hương nhà thơ khi mà những giá trị truyền thống đã bị đảo lộn, suy đồi khi đồng tiền lên ngôi trong xã hội thực dân nửa phong kiến.  + Nghệ thuật: ngôn ngữ thơ bình dị mà sắc sảo, so sánh, đối, câu hỏi tu từ,..nhằm tạo nên tiếng cười phê phán, châm biếm sâu cay.  **-** HS tự điền PHT 01.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định** | **Tri thức Ngữ văn về thơ trào phúng**  **PHT số 01: Đặc điểm của thơ trào phúng**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | Dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,...nhằm hướng con ngườitới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp | | **Nghệ thuật** | Thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá, đối lập,...tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng, lúc đả kích mạnh mẽ sâu cay. | |

ĐỌC VĂN BẢN 1: **LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU**

*-Trần Tế Xương-*

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

**Câu hỏi:**

1. *Theo em, nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?*

*2. Bằng hiểu biết lịch sử, em hãy cho biết tình hình xã hội phong kiến Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX như thế nào? Xã hội đó tác động như thế nào đến tầng lớp kẻ sĩ, nhà Nho trí thức?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** GV gọi một số đại diện HS chia sẻ.

- Các HS khác bổ sung.

**Dự kiến sản phẩm:**

- Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm tìm ra người tài, phụng sự cho vua, giúp sức xây dựng đất nước.

- Tuy nhiên, cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là giai đoạn mà chế độ phong kiến đang lụi tàn, còn xã hội tư bản cũng chưa rõ dạng. Khi thực dân Pháp đặt ách cai trị toàn cõi Đông Dương thì triều đình nhà Nguyễn tại Huế chỉ còn là bù nhìn. Chế độ khoa cử chỉ còn thoi thóp khiến cho bao người tài chán ngán cảnh theo đuổi công danh, nhìn thấy rõ sự vô nghĩa của việc thi cử. Tâm trạng ngao ngán, chán chường, bế tắc là tâm trạng chung của rất nhiều trí thức giai đoạn này.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**=> GV dẫn vào bài:**

Sinh ra trong thời buổi mất nước, Tây Tàu nhố nhăng, tác giả Trần Tế Xương đã sớm hình thành cho mình một nhãn quan hiện thực sâu sắc. Ông nhìn thấy rõ sự thay đổi, đảo lộn, suy đồi của những giá trị tinh thần đã được xây đắp qua cả ngàn năm phong kiến. Bơ vơ, lạc lõng và hoang mang trước sự xuống cấp của những chuẩn mực đạo đức, ông Tú chỉ biết gửi gắm tâm sự vào thơ. Bài thơ “***Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu***” là một trong những bài thơ đầy mỉa mai, châm biếm, cũng đầy chua xót của ông.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I. Đọc – khám phá chung về tác giả, văn bản**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Trần Tế Xương và bài thơ *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* (hoàn cảnh sáng tác, đề tài, thể thơ, bố cục, cảm hứng chủ đạo,..).

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

**d.Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP 01**: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**

(Hoàn thành trước ở nhà)

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| 1**.Tác giả Trần Tế Xương**   * Cuộc đời * Sự nghiệp sáng tác:   *số lượng tác phẩm*  *phong cách nghệ thuật* | **2.Tác phẩm**   * Hoàn cảnh sáng tác * Đề tài * Thể thơ * Bố cục * Cảm hứng chủ đạo * Đặc điểm thi luật |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Tìm hiểu về tác giả Trần Tế Xương**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trao đổi về Phiếu học tập 01 (đã chuẩn bị ở nhà).  Thời gian thảo luận cặp: 03 phút  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh trả lời cá nhân hoặc theo từng cặp (2 HS luân phiên trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm).  - HS có thể trình bày theo hình thức phỏng vấn: MC – HS về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Khuyến.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi HS trả lời.   Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.  - GV có thể chiếu video giới thiệu về tác giả Trần Tế Xương.  TÚ XƯƠNG | TRÀO PHÚNG | BIÊN LUẬN | NHẬN ĐỊNH | PHÊ BÌNH | VIỆT VĂN MỚI |  TRUYỆN DÀI | TIỂU THUYẾT  Trần Tế Xương (1870 - 1907) | I. TÌM HIỂU CHUNG  **1. Tác giả Trần Tế Xương**  ***a. Cuộc đời***  - Trần Tế Xương (1870 - 1907) thường gọi là Tú Xương.  - Quê quán: làng Vị Xuyên - huyện Mĩ Lộc - tỉnh Nam Định ( nay thuộc phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định).  - Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân.  - Là một người có tài năng nhưng lận đận khoa cử (15 tuổi đi thi, thi 8 lần nhưng chỉ đậu tú tài có một lần).  ***b. Sự nghiệp***  - Sáng tác còn trên 100 bài, chủ yếu là thơ Nôm với nhiều thể loại như thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, lục bát, phú, đối.  - Thơ của ông đậm chất trữ tình và trào phúng, phản ánh rõ nét bức tranh hiện thực của xã hội thuộc địa.  - Một số tác phẩm như:*Than đạo học, Giễu người thi đỗ, Phường nhơ, Vị Hoàng hoài cổ, Thương vợ, Văn tế sống vợ,..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | bai-tho-than-than-303553 | 119727571404095934_small | e6a5e843a15f92a7643d99a1a27888eb | |
| **\*Tìm hiểu về bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu”**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: đọc với giọng chậm rãi, pha chút mỉa mai. Chú ý ngắt nhịp, ngữ điệu, tốc độ, âm lượng đọc phù hợp.  - Gọi 1 – 2 HS đọc.  - HS sử dụng chiến lược đọc được nêu ở các thẻ bên phải VB để ghi nhớ những chi tiết, hình ảnh quan trọng trong VB.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu, giải thích một số từ ngữ, nhất là những từ ngữ ngày nay ít dùng như “lọ”,”quan sứ”, “mụ đầm”,…  - HS trả lời phần tìm hiểu về tác phẩm ở PHT số 01.  - Phát biểu nhanh về các đặc điểm thi luật của bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu những từ khó hiểu trong văn bản.  - GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm. | **2. Bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu”**  **\* Đọc và giải thích từ khó**  **\* Hoàn cảnh sáng tác**: “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” (còn có bản ghi là “Vịnh khoa thi Hương”), được sáng tác năm 1897.  **\* Đề tài:** Thuộc đề tài thi cử - một đề tài khá đậm nét trong sáng tác của Tú Xương (13 bài vừa thơ vừa phú).  **\* Thể thơ**: thể thất ngôn bát cú Đường luật.  **\* Bố cục:**  **Cách 1:** 4 phần (đề - thực – luận – kết)  - Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi  - Hai câu thực: Hình ảnh các nhân vật trong kì thi  - Hai câu luận: Sự hiện diện của những ông to bà lớn nước ngoài  - Hai câu kết: Lời thức tỉnh và nỗi xót xa của nhà thơ trước cảnh nước mất  **Cách 2:** 2 phần:  - Bốn cầu đầu: Cảm xúc ngao ngán khi Nho học ở vào thời điểm mạt vận.  - Bốn câu sau: Nỗi niềm day dứt trước tình cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ.  **\* Cảm hứng chủ đạo:** Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ đối với chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông.  **\*Đặc điểm thi luật** (Sơ đồ bên dưới) |
| **Sơ đồ 1: Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu”** (luật trắc)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối | | 1 | B T B B T T B |  | B *(khoa)* |  | | 2 | B B B T T B B | Câu 2 và 3 | B (*hà*) |  | | 3 | B B T T B B T |  | Đối | | 4 | T T B B T T B | Câu 4 và 5 | B (loa) | | 5 | B T T B B T T |  | Đối | | 6 | T B T T T B B | Câu 6 và 7 | B (*ra*) | | 7 | B B T T B B T |  |  | | 8 | T T B B T T B |  | B (*nhà*) |  | | |

**2.2. Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục đích:**Giúp học sinh biết cách đọc hiểu một văn bản thơ Nôm Đường luật, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ  *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* (Trần Tế Xương).

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của bài thơ.

- Thấy được giá trị của tiếng cười trào phúng và thái độ của tác giả qua bài thơ.

- Biết phê phán những cái xấu, tiêu cực trong xã hội.

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP 02**: Khám phá chi tiết văn bản “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** | **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| **Nhóm 1** | **Hai câu đề** | *- Hai câu thơ đầu thông báo sự kiện gì? Có điều gì bất thường?*  *- Hai câu thơ cho em biết điều gì về chế độ thi cử nước ta cuối thế kỉ XIX?* |  |
| **Nhóm 2** | **Hai câu thực** | ***-*** *Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ thực.*  *- Nhận xét về hình ảnh các sĩ tử và quan viên người Việt được tái hiện trong hai câu thơ.* |  |
| **Nhóm 3** | **Hai câu luận** | *- Phân tích sức mạnh châm biếm, đả kích của biện pháp nghệ thuật đối ở hai câu thơ luận.*  *- Từ đó nhận xét về hai hình ảnh mang tính chất “ngoại lai” là quan sứ và mụ đầm trong hai câu thơ luận.* |  |
| **Nhóm 4** | **Hai câu kết** | *- Nhắc đến “nhân tài đất Bắc”, tác giả muốn nhắn nhủ đối tượng nào?*  *- Cảm nhận thái độ của tác giả qua lời nhắn nhủ ở hai câu cuối khi chứng kiến hiện thực nơi trường thi.* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  Hoàn thành **Phiếu học tập 02** theo kĩ thuật Khăn trải bàn.    - Nhóm 1: Tìm hiểu hai câu đề  - Nhóm 2: Tìm hiểu hai câu thực  - Nhóm 3: Tim hiểu hai câu luận  - Nhóm 4: Tìm hiểu hai câu kết  GV phát PHT riêng cho từng nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm.  - GV chuẩn hóa kiến thức.  **NV 1: Tìm hiểu 2 câu đề**  - Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập.  - Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung  **GV bổ sung thông tin:**  “Trường Nam”: trường thi ở Nam Định. “Trường Hà”: trường thi ở Hà Nội. Đó là hai trường thi Hương ở Bắc Kì thời xưa. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, trường thi Hà Nội bị bãi bỏ. Từ năm Bính Tuất (1886), các sĩ tử trường Hà Nội xuống thi chung ở trường Nam Định. | II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT  **1. Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi**  *“Nhà nước ba năm mở một khoa*  *Trường Nam thi lẫn với trường Hà”*  **-** Câu mở đầu:  + Nội dung: thông báo sự kiện:ba năm (mở một khoa)  + Nhịp thơ: 2/2/3 với âm điệu trang trọng  + Từ ngữ trang trọng: *nhà nước, mở một khoa*  🡪 Câu thơ mở đầu có tính chất thông báo một thông tin bình thường, tưởng như thành lệ, không có gì đặc biệt: triều Nguyễn cứ ba năm lại mở một khoa thi Hương.  - Câu 2: Cách tổ chức kì thi: Sử dụng từ “lẫn”🡪 gợi sự ô hợp, hỗn tạp của kì thi này.  🡪 Đây chính là điều bất thường của kì thi.  => Hai câu đề với kiểu câu tự sự có tính chất giới thiệu kì thi Hương năm 1987, dự báo một sự ô hợp, nhốn nháo, thiếu nghiêm túc trong buổi giao thời.  Canh_thi_1895 |
| **NV 2: Tìm hiểu 2 câu thực**  - Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập.  - Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  ket-qua | **2. Hai câu thực: Hình ảnh các nhân vật trong kì thi**  - Hình ảnh:  + Sĩ tử: *lôi thôi, vai đeo lọ* → gợi dáng vẻ luộm thuộm, khôi hài, bệ rạc.  + Quan trường: *ậm ọe, miệng thét loa* → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ.  - Nghệ thuật:  + Sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình: *ậm ọe, lôi thôi*  + Phép đối: *lôi thôi sĩ tử >< ậm ọe quan trường*  + Đảo ngữ: Đảo trật tự cú pháp “*lôi thôi sĩ tử”, “ậm ọe quan trường”*  => Hai câu thơ thực diễn tả sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, mặc dù đây là một kì thi Hương quan trọng của nhà nước.  → Cảnh trường thi phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho. |
| **NV 3: Tìm hiểu 2 câu luận**  Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.  Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện.  Các nhóm nhận xét, bổ sung  **nghe-ket-qua1** | **3. Hai câu luận: Sự hiện diện của những ông to bà lớn nước ngoài**  - Hình ảnh của những nhân vật người nước ngoài - những kẻ đại diện cho bọn thực dân đang nô dịch đất nước ta:  + *Quan sứ - cờ kéo rợp trời:* Chỉ sự tiếp đón trọng thể những tên đứng đầu bộ máy cai trị Đông Dương và ở Nam Định lúc bấy giờ.  + *Mụ đầm – váy lê quét đất*: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà.  → Sự phô trương, hình thức, tăng thêm sự lố bịch của kì thi với đầy cảnh chướng tai gai mắt.  - Phép đối đặc sắc: *quan sứ* (danh xưng của một chức vụ quan trọng, khả kính) >< mụ đầm (danh xưng thường được dùng với thái độ giễu cợt, khinh thị), quốc kì (cờ) >< cái váy  → Thái độ châm biếm sâu cay, hạ nhục bọn quan lại thực dân của nhà thơ.  => Hai câu luận báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân nửa phong kiến. |
| **Thao tác 4: Tìm hiểu 2 câu kết**  - Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập.  - Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung. | **4. Hai câu kết: Lời thức tỉnh và nỗi xót xa của nhà thơ trước cảnh nước mất**  - Lời nhắn nhủ của tác giả:  + Đối tượng hướng tới: “nhân tài đất Bắc”🡪 có thể tác giả hướng đến nhiều đối tượng: quan trường/ sĩ tử/ những người tài giỏi khác trong thời đại ấy/ mọi người Việt Nam có lương tri, biết trăn trở trước tình cảnh của dân tộc.  + Lời kêu gọi, nhắn nhủ: *Ngoảnh cổ…* 🡪Thức tỉnh mọi người Việt Nam có lương tri hãy trăn trở trước tình cảnh của dân tộc, ý thức được nỗi nhục mất nước.  - Thái độ của tác giả:  + Mỉa mai, giễu tài năng của “nhân tài đất Bắc” rởm, giễu những người đã quay lưng lại với tình cảnh của dần tộc.  + Nỗi xót xa cho vận mệnh nước nhà.  🡪 Lòng yêu nước thầm kín, sâu sắc của Tế Xương. |

**III. Hướng dẫn HS tổng kết**

**a) Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b) Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  **1. Nội dung**  **-** Tái hiện bức tranh hiện thực về tình trạng thi cử nhốn nháo trong buổi đầu chế độ thuộc địa nửa phong kiến.  - Đằng sau tiếng cười trào phúng là nỗi xót xa, tâm sự lo nước thương đời của tác giả trước hiện thực xã hội.  **2. Nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc.  - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm.  - Nghệ thuật đối, đảo ngữ được vận dụng tài tình. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Thực hiện các yêu cầu sau:

**(1) Chia sẻ cá nhân:** Nhân vật nào trong bài thơ để lại ấn tượng cho em nhiều nhất? Vì sao?

**(2) Viết kết nối với đọc:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ “*Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu”*.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá đoạn văn viết kết nối với đọc:

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

(1) HS chia sẻ về nhân vật mình ấn tượng nhất trong bài thơ, có thể là hình ảnh: các sĩ tử, các quan viên người Việt, quan sứ hay các mụ đầm.

Ví dụ: Ấn tượng với hình ảnh của các sĩ tử nơi trường thi bởi hình ảnh các sĩ tử vốn là biểu tượng cho “nhân tài” của đất nước, lẽ thường phải toát lên vẻ trí thức, phong thái đĩnh đạc, hào sảng. Nhưng các sĩ tử nơi trưởng thi “lẫn” ở đây lại hiện lên vô cùng nhếch nhác, kém cỏi, thảm hại.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b. Nội dung**: HS viết tích cực, bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ khác của tác giả.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Làm việc theo cặp đôi.

**Yêu cầu:** Sưu tầm một bài thơ trào phúng khác của Trần Tế Xương và phân tích tiếng cười trào phúng trong bài thơ đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi đại diện 1 số cặp trình bày.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung**.**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chuẩn kiến thức**.**

**Gợi ý: Bài thơ “Nhà nho giả danh” (Trần Tế Xương):**

*Hỏi thăm quê quán ở nơi mô?  
Không học mà sao cũng gọi “đồ” ?  
Ý hẳn người yêu mà gọi thế,  
Hay là mẹ đẻ đặt tên cho ?  
Áo quần đinh đáo trông ra “cậu”.  
Ăn nói nhề nhàng khác giọng ngô.  
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt,  
Mũi nó gồ gồ, trán nó giô.*

Đối tượng trào phúng: những kẻ giả danh thầy đồ, nhà Nho; rộng ra là cả xã hội đương thời khi mà chữ Nho đang đến ngày mạt vận, nên dễ dàng tìm thấy những thứ “hàng giả” ở khắp mọi nơi. Tiếng cười trào phúng của Tú Xương nhắm tới một đối tượng cụ thể trong xã hội, đó là “thằng bán sắt”, nhân khi thiên hạ nhốn nháo bèn nhảy ra sắm vai một anh có học thức. Thật giả cứ lẫn lộn lung tung, nền nếp nho phong loạn ẩu xô bồ. Đó là nguồn cớ cho cơn tai biến của suy đồi đạo đức xã hội.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: ***Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số từ, thành ngữ tiếng Việt.***

+ Xem phần lí thuyết

+ Làm các bài tập thực hành.

**Tiết 46:TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

*1. Về kiến thức*

- Kiến thức chung: Thông qua tiết trả bài, giúp học sinh nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của mình trong khâu phân tích đề, phương pháp làm bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết yêu cầu đề ra.

*-*  Qua giờ trả bài giáo viên giúp học sinh củng cố các kĩ năng làm bài, nhất là biết vận dụng các kiến thức tích hợp về văn, tiếng Việt và tập làm văn để làm bài kiểm tra tổng hợp.

- Kĩ năng bài học: Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp, sửa sai.

- Kĩ năng sống: Nhận thức, giải quyết vấn đề, ra quyết định.

*2. Về phẩm chất:* HS có ý thức nghiêm túc nhận lỗi và sửa lỗi trong bài viết.

B. CHUẨN BỊ

1.GV: soạn bài, chấm bài.

2.HS**:** vở ghi.

C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh.** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| **HĐ 1: Khởi động. (5’)**  **B 1**. GV nêu yêu cầu HS nhắc lại những đơn vị kiến thức đã sử dụng trong bài kiểm tra .  **B 2.3.** HS trao đổi đưa ra câu trả lời, bổ sung cho nhau.  **B 4.** GV gợi đẫn vào bài.  Trong bài kiểm tra giữa học kì I này, các em đã có những tiến bộ đáng kể về kiến thức. Hôm nay chúng ta sẽ cùng đánh giá kết quả đó và chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của từng bài viết để các em rút kinh nghiệm cho bài làm sau đạt kết quả tốt hơn nữa. |  |
| **HĐ 2,3: Nhận xét, chữa bài.**  - **GV nhận xét** ưu, nhược điểm bài làm của học sinh. GV đưa dẫn chứng cụ thể các bài làm còn mắc lỗi để HS nhận biết.  - **Chữa bài**  **B1. GV:** Nêu các câu hỏi và bài tập trong đề kiểm tra.  - Giao câu hỏi cho các nhóm  **B 2.** Các nhóm bàn luận trả lời câu hỏi.  **B 3**. HS trình bày kết quả hoạt động nhóm.  **B 4**. *GV chốt giảng, nâng cao.*  *GV đưa đáp án*  **GV trả bài** cho HS  - Học sinh đọc lại bài viết, đối chiếu với đáp án và sửa chữa, rút kinh nghiệm về bài làm của mình, trao đổi bài với nhau.  - GV gọi HS đọc bài làm tốt cho cả lớp nghe và tham khảo. | **I. Nhận xét chung**  - Ưu điểm:  + Đọc – hiểu văn bản:  + Tạo lập văn bản:  - Nhược điểm  + Hình thức: Trình bày, chữ viết.  + Nội dung: lỗi về diễn đạt, nội dung, bố cục ài viết, kiểu bài.  **II. Chữa bài theo đáp án**  **Đề, đáp án ở tiết 35,36**  I. Đọc – hiểu văn bản  II. Tạo lập văn bản  **III. Trả bài** |

**Hoạt động 4. Vận dụng. (3’)**

Về nhà làm lại bài kiểm tra

**TIẾT 46**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:NGHĨA CỦA MỘT SỐ TỪ, THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

***-*** Giúp HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó.

*1. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nhận diện và phân tích nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt.

+ Phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

*2. Phẩm chất*

- Chăm chỉ, chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**-** Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1:**  GV hướng dẫn HS xem clip “Đêm hội Long Trì” (phim “Đêm Hội Long Trì” – 1989 Full phút 16.00 -17.30 – youtube)  - GV chia lớp thành 4 nhóm, sau khi xem, thống kê từ Hán Việt tìm được trong đoạn video.  - Trong 03 phút, nhóm nào tìm được nhanh và nhiều hơn là đội giành chiến thắng.  **Cách 2: Cuộc thi Tiếp sức**  Giáo viên tổ chức trò chơi cho học sinh:  Hình thức:  + Chia lớp thành 2 đội A và B. Mỗi đội cử 01 HS đại diện lên bảng.  + Mỗi bạn đại diện sẽ bốc thăm 01 gói từ Hán Việt (khoảng 4 - 5 từ).  + Trong thời gian 3 phút, bạn đại diện phải dùng từ ngữ, cử chỉ diễn tả để các thành viên phía dưới của đội đoán ra các từ trong gói từ Hán Việt (**Lưu ý**: trong lời diễn tả không được phép nhắc tới các tiếng của từ Hán Việt. GV lưu ý HS nên dùng cách giải thích nghĩa của từ Hán Việt để các bạn phía dưới dễ đoán ra từ Hán Việt trong gói từ)  + Trong thời gian 3 phút, đội nào diễn tả và đoán đúng được nhiều từ hơn là đội chiến thắng.  (GV nên lấy gói từ Hán Việt từ các văn bản đã học.)  **Cách 3: Cuộc thi “Nhà ngôn ngữ tài ba”**  - Chia lớp thành 2 đội A và B  - GV đưa ra các yếu tố Hán Việt. Mỗi đội luân phiên đưa ra các từ Hán Việt chứa yếu tố Hán Việt đó mà có nghĩa. Nếu đến lượt mình mà đội nào không đưa ra được đáp án sau 10s sẽ thua.  - Cuộc thi diễn ra sau 03 hiệp để tìm ra đội thắng. GV lần lượt đưa ra 03 yếu tố Hán Việt sau để các đội tìm từ: ***Nhân – Hiếu - Gian***  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm và Báo cáo, thảo luận** bằng cách tham gia trò chơi.  **Bước 3:** **Đánh giá, kết luận**  GV kiểm tra câu trả lời của các nhóm, tính và cho điểm các nhóm. | **Gợi ý**  **Cách 1:**  **Dự kiến:** *Chúa thượng, thiên cổ kì tài, hạ thần, tung hoành, lỗi lạc, khí hùng, đài các, phiêu dật*  **Cách 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Gói từ Hán Việt**  **Đội A** | **Gói từ Hán Việt**  **Đội B** | | - Mục đồng  - Sĩ tử  - Quan sứ | * Bạch lộ * Quan trường * Nhân tài |   **Cách 3:**   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố Hán Việt | Từ có yếu tố HV tương ứng | | ***Nhân*** | Nhân đức, nhân nghĩa, nhân sinh, nhân gian, nhân tạo, nhân duyên, nhân danh, nhân tướng,… | | ***Hiếu*** | Hiếu học, hiếu sinh, hiếu thắng, bất hiếu, hòa hiếu,… | | ***Gian*** | Không gian, gian nan, gian truân, gian dối, gian trá, … | |

**=> GV dẫn vào bài*:*** Sau 1000 năm [Bắc thuộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c), văn hóa Hán xâm nhập và chi phối sinh hoạt [xã hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_h%E1%BB%99i) người Việt khá sâu đậm. Về mặt [ngôn ngữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF), tuy người Việt vẫn nói [tiếng Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t) nhưng [tiếng Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Trung_Qu%E1%BB%91c), nhất là trong những phạm vi [triết học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BA%BFt_h%E1%BB%8Dc), chính trị  và [kỹ thuật](https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt) được [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t) vay mượn rất nhiều. Do đó, từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của [tiếng Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t) có vai trò quan trọng và không thể tách rời hay xóa bỏ. Hiểu và dùng đúng từ và thành ngữ Hán Việt cũng là cách để chúng ta giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS tìm hiểu Tri thức Ngữ văn về từ Hán Việt; tìm hiểu về hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Qua việc tìm hiểu trước ở nhà:**   * *Em hiểu thế nào là từ Hán Việt?*   *- Nêu cấu tạo của từ Hán Việt và yếu tố Hán Việt*  *- Hiểu như thế nào là hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt? Lấy ví dụ.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận nhóm nhỏ * GV động viên, quan sát.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức. | I. LÝ THUYẾT  **1. Khái niệm:** Từ Hán Việt là từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, nhưng được sử dụng theo cách riêng của người Việt.  Ví dụ: *sơn hà, sơn lâm, sơn thủy,...*    **2. Cấu tạo từ Hán Việt và yếu tố Hán Việt**  - Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt, ví dụ: *tổ, đầu, phòng, cao, tuyết bang, thần, bút,*...  - Từ Hán Việt là từ phức gốc Hán (có chứa yếu tố thường không có khả năng sử dụng độc lập như từ đơn) ít nhiều còn gây khó hiểu như: *sĩ tử, nhân văn, nhân đạo, không phân, hải phận, địa cực, kí sinh,...*  - Mỗi tiếng của từ Hán Việt được gọi là yếu tố Hán Việt  **3. Hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt**  **-** Hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt: các yếu tố Hán Việt cùng âm, nhưng nghĩa khác xa nhau và không có liên quan với nhau.  - Ví dụ: SGK/ tr 84 |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức về từ từ Hán Việt để thực hiện các nhiệm vụ HT nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Trả lời các bài tập 1, 2, 3 (SGK/ tr. 84).

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Thực hành bài tập 1 (Tr.84/ SGK):**   Chỉ ra một số yếu tố Hán Việt được sử dụng trong văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*  a. Giải thích mỗi yếu tố.  b. Tìm một số từ Hán Việt có sử dụng những yếu tố đó (mỗi yếu tố tìm ít nhất hai từ).  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận cặp đôi trong 03 phút để hoàn thành yêu cầu bài tập 1 (SGK/ Tr 84).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV sử dụng **Vòng quay Wheel of names** để gọi HS phát biểu (tạo không khí hồi hộp).  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | II. THỰC HÀNH  **Bài tập 1 (Tr.84/ SGK )**  **\*** Các từ Hán Việt trong văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* (Trần Tế Xương)là: *sĩ tử, quan trường, quan sứ, nhân tài*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Yếu tố H V** | **Giải thích yếu tố** | **Từ có yếu tố HV** | | **1** | **sĩ** | học trò, người có học vấn | *sĩ diện, học sĩ, sĩ phu, danh sĩ,...* | | **2** | **tử** | một người nào đấy, thành phần cấu tạo nên một chỉnh thể nào đấy | *lãng tử, tài tử, nữ tử, nam tử, sĩ tử, phần tử,...* | | **3** | **quan** | * chức vụ trong bộ máy nhà nước phong kiến, thực dân, viên chức có quyển hành trong bộ máy nhà nước phong kiến, thực dân | *quan văn, quan võ, quan sứ, quan lại, quan trường,...* | | **4** | **trường** | khoảng đất trống rộng rãi - nơi tụ họp đông người - nơi, chỗ | *quảng trường, môi trường, hiện trường, cống trường, trường học, thị trường,...* | |  | **sứ** | người thực hiện mệnh lệnh của nhà nước làm việc ở nước ngoài | *sứ giả, sứ thần, công sứ, quan sứ, sứ quán,...* | | **5** | **nhân** | người | *nhân văn, nhân khẩu, nhân ỉực, yếu nhân, vĩ nhân, đại nhân,...* | | **6** | **tài** | có năng lực, giỏi | *tài năng, tài hoa, tài nghệ, tài đức, hiển tài, đại tài, thiền tài,...* | |
| **Thực hành bài tập 2 - 3 (Tr 84 /SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 04 nhóm, thảo luận trong 03 phút:  + **Nhóm 1, 2**: Bài tập 2  + **Nhóm 3, 4**: Bài tập 3  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **Bài tập 2 (Tr 84/SGK)**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng** | | **gian**1 (lừa dối, xảo trá) | *gian ác, gian giảo, gian hiểm, gian hùng, gian lận, gian manh, gian phi, gian phu, gian tà, gian tặc, gian tham, gian thần, gian thương, gian trá, gian xảo, tà gian,...* | | **gian**2 (giữa, khoảng giữa) | *trung gian, dân gian, dương gian, khống gian, nhân gian, thế gian, thời gian, trần gian,...* | | **gian**3 (khó khăn, vất vả) | *gian khổ, gian nan, gian nguy, gian truân,...* |   **Bài tập 3 (Tr84/SGK)**  Xếp nhóm các từ ngữ có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố HV** | **Giải thích yếu tố** | **Nhóm từ có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa** | | **nam**1 | chỉ hướng nam | *kim chỉ nam, nam phong, phương nam* | | **nam**2 | chỉ con trai, đàn ông | *nam quyền, nam sinh, nam tính* | | **thủy**1 | khởi đầu | *thuỷ tổ, khởi thuỷ, nguyên thuỷ* | | **thủy**2 | nước | *thuỷ triều, thuỷ lực, hổng thuỷ* | | **giai**1 | đẹp | *giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại* | | **giai**2 | ngôi, bậc | *giai cấp, giai đoạn* | | **giai**3 | đều, cùng | *bách niên giai lão* | |
| **Thực hành bài tập 4 (Tr 84/ SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  **Nhiệm vụ:** Giải nghĩa các thành ngữ có yếu tố Hán Việt sau và đặt câu với mỗi thành ngữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi, sau đó chia sẻ với cả lớp.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **Bài tập 4 (Tr 84/ SGK)**  a**.** *vô tiền khoáng hậu:* điểu chưa từng xảy ra trong quá khứ và cũng rất khó xảy ra trong tương lai.  **🡪Đặt câu**: Thành tích của anh ấy là *vô tiền khoáng hậu.*  b. *dĩ hoà vi quý:* lấy sự hài hoà, hoà khí làm mục đích cao nhất.  **🡪Đặt câu:** Anh em trong nhà cần biết cưu mang, đùm bọc nhau, *dĩ hòa vi quý* là hơn.  c. *đồng sàng dị mộng:* ngủ cùng giường nhưng mơ những giấc mơ khác nhau (cùng sống với nhau nhưng tâm tư, tình cảm không giống nhau hoặc cùng làm việc nhưng không cùng một chí hướng).  **🡪Đặt câu:** Cuộc hôn nhân của cô và anh không hề hạnh phúc, cả hai chỉ là *đồng sàng dị mộng.*  d. *chúng khẩu đồng từ:* nhiều người cùng nói một lời như nhau.  **🡪Đặt câu:** Bọn nó *chúng khẩu đổng từ* như vậy, ai mà cãi lại được.  e. *độc nhất vô nhị:* thứ độc đáo, duy nhất, chỉ có một mà không có hai.  **🡪Đặt câu:** Mỗi người hãy sống là chính mình, trở thành phiên bản độc nhất vô nhị trong cuộc đời này. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về từ tượng thanh, từ tượng hình để làm bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**1. Trò chơi “Em yêu ngôn ngữ”**

**Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Từ Hán Việt là những từ như thế nào?

A. Là những từ được mượn từ tiếng Hán.

**B. Là từ được mượn từ tiếng Hán, trong đó tiếng để cấu tạo từ Hán Việt được gọi là yếu tố HV.**

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 2.** Từ nào trong các câu dưới đây là từ Hán Việt?

*Xã tắc hai phen chồn ngựa đá*

*Non sông nghìn thuở vững âu vàng*

**A. Xã tắc** B. Ngựa đá

C. Âu vàng D. Cả A và C

**Câu 3**. Nghĩa của từ “tân binh” là gì?

**A. Người lính mới** B. Binh khí mới

C. Con người mới D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 4.** Từ Hán Việt nào sau đây không phải từ ghép đẳng lập?

A. Sơn hà **B. Quốc kỳ**

C. Sơn thủy D. Giang sơn

**Câu 6.** Chữ “thiên” trong từ nào sau đây **không** có nghĩa là “trời”?

A. Thiên lí **B. Thiên kiến**

C. Thiên hạ D. Thiên thanh

**Đáp án: B (***thiên* trong “thiên kiến” có nghĩa là sự thiên lệch, thiếu khách quan)

**Câu 7.** Từ nào dưới đây có yếu tố “gia” cùng nghĩa với từ “gia” trong gia đình?

A. Gia vị B. Gia tăng

**C. Gia sản** D. Tham gia

**Câu 8.** Hai câu thơ sau đây có mấy từ Hán Việt?

*"Ôi Tổ quốc giang sơn, hùng vĩ*

*Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi..."*

(Tố Hữu)

A. Bốn từ Hán Việt. **B. Năm từ Hán Việt.**

C. Sáu từ Hán Việt. D. Ba từ Hán Việt.

**2. Bài tập về nhà:** Sưu tầm một số thành ngữ có yếu tố Hán Việt khác. Giải thích nghĩa và tập đặt câu với mỗi thành ngữ Hán Việt tìm được. Ví dụ: *Ác giả ác báo, an cư lạc nghiệp, án binh bất động, bài binh bố trận, bất khả xâm phạm, đồng tâm hiệp lực,…*

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: *Văn bản 2: Lai Tân*

+ Đọc văn bản

+ Trả lời các câu hỏi sau khi đọc

+ Tìm hiểu về Hồ Chí Minh và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

-----------------------------------------------

**TIẾT 47**

**VĂN BẢN 2: LAI TÂN**

*-Hồ Chí Minh-*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ “Lai Tân” (Hồ Chí Minh) như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của tác phẩm.

- Liên hệ được nội dung ý nghĩa của tác phẩm với những vấn đề của xã hội đương đại.

*1. Năng lực*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp để giải quyết vấn đề.

*b. Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*2. Về phẩm chất*

- Trách nhiệm:HS có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực trong cuộc sống.

- Trung thực: Tôn trọng lẽ phải, lên án sự gian lận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**1. Cách 1: Xem video + Phát vấn**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho HS xem video ngắn: “**Cuộc đời của Bác”**

Link: <https://www.youtube.com/shorts/h2nhloiRGck>

HS xem video và trả lời các câu hỏi sau:

*- Bác Hồ (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) đã bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm con đường cứu nước. Hãy kể tên một số nơi Bác đã từng đặt chân đến.*

*- Hãy nêu tên một số bài thơ của Hồ Chí Minh mà em biết.*

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS xem video, suy nghĩ và trả lời các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS phát biểu.

**=> Dự kiến sản phẩm:**

- Một số nơi Bác đã từng đặt chân đến trên hành trình Bác tìm đường cứu nước: trong 30 năm Bác Hồ đã đến khoảng 30 quốc gia, 4 châu lục (chỉ chưa đến châu Úc), qua 3 đại dương. Một số nước Bác ghé đến nhiều nhất là: Pháp, Mĩ, Anh, Trung Quốc.



*Bàn chân của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã in dấu trên nhiều nước thuộc các đại lục Âu, Á, Phi, Mỹ.*

- Một số bài thơ của Hồ Chí Minh: *Ngắm trăng, Chiều tối (Mộ), Không ngủ được, Nghe tiếng chày giã gạo,…*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chiều tối**  *Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ Chòm mây nhè nhẹ giữa tầng không Cô em xóm núi xay ngô tối*  *Xay hết, lò than đã rực hồng* | **Không ngủ được**  *Một canh...hai canh...lại ba canh Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng lành Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt Sao vàng năm cánh mộng hồn bay.* |
| **Ngắm trăng**  *Trong tù không rượu cũng không hoa* *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ* *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ* *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.* | **Nghe tiếng chày giã gạo**  *Gạo đem vào giã bao đau đớn Gạo giã xong rồi trắng tựa bông Sống trên đời người cũng vậy Gian nan rèn luyện mới thành công.* |

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, đánh giá, rút ra kêt luận.

**2. Cách 2: Trò chơi “Nhìn tranh đoán sự kiện”**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu lần lượt các hình ảnh. HS cho biết: *Mỗi hình ảnh gợi nhắc em đến sự kiện nào trong hành trình giải phóng dân tộc của Bác Hồ?*

|  |  |
| --- | --- |
| Hành trình của con tàu Amiral Latouche Tréville đưa Nguyễn Tất Thành ra đi  tìm đường cứu nước | nh BH   -H tours |
| **Hình 1** | **Hình 2** |
| Nhớ mãi những bài thơ đường luật Bác Hồ viết tại Cao Bằng - Báo Cao Bằng  điện tử | NGỤC TRUNG NHẬT KÝ |
| **Hình 3** | **Hình 4** |
| Tuyên ngôn Độc lập - Những giá trị lịch sử trường tồn -  **Hình 5** | |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi.

- GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** .

**=> Dự kiến sản phẩm:**

**Hình 1:** Bác lên đường ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 trên con tàu Đô đốc Latútsơ Tơrêvin).

**Hình 2:** Bác tham gia Đại hội Tours năm 1920, bỏ phiếu tán thành việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

**Hình 3:** Bác Hồ ở hang Pác Bó (Cao Bằng). **S**au 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân, năm 1941, Bác đã trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**Hình 4**: Bác Hồ bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại nhà ngục Quảng Tây (Trung Quốc),1942-1943.

**Hình 5:** Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tại Quảng trường Ba Đinh ngày 2/9/1945.

=> **GV dẫn vào bài mới:**

Bác Hồ là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Cả cuộc đời của Người đã đấu tranh không biết mệt mỏi cho tự do của toàn thể dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức khác trên thế giới. Trên suốt chặng đường tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Người đã đặt chân đến bao mảnh đất, chứng kiến bao cảnh ngang trái tại nơi xứ người. Tất cả những điều đó đã tạo nên một cảm quan hiện thực sắc sảo của Hồ Chí Minh. Điều đó phần nào được thể hiện qua những bài thơ trong tập “Nhật kí trong tù”. Một trong những bài thơ tiêu biểu cho tập này là “Lai Tân”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I. Đọc – khám phá chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khám phá chung về tập thơ *Nhật kí trong tù* và bài thơ *Lai Tân*.

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1:Tìm hiểu tác giả Hồ Chí Minh**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả Hồ Chí Minh.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  - GV theo dõi.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển dẫn sang mục 2.  **NV 2: Tìm hiểu về tập thơ *Nhật kí trong tù***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu cho HS xem video thuyết minh về cuốn “Nhật kí trong tù” của HCM  (video từ 1p30 – 3p52)  https://www.youtube.com/watch?v=te9HhP6\_5h0  - Theo dõi video, kết hợp với sự chuẩn bị ở nhà, hãy nếu hiểu biết của em về tập thơ “Nhật kí trong tù” của HCM theo **PHT số 01** sau:   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu về tập thơ “Nhật kí trong tù” của HCM** | | | 1. Hoàn cảnh sáng tác | ….. | | 2. Số lượng bài thơ | ….. | | 3. Văn tự | ….. | | 4. Giá trị nội dung | ….. | | 5. Giá trị nghệ thuật | ….. |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ, trả lời cá nhân.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * - GV gọi một số HS phát biểu. * - Các HS khác lắng nghe, bổ sung.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide. | **I**. TÌM HIỂU CHUNG  **1. Tác giả Hồ Chí Minh** (1890-1969)  - Quê quán: Nam Đàn- Nghệ An  - Là nhà cách mạng, lãnh tụ của Việt Nam, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa lớn.- Người đã để lại một di sản văn học vô cùng phong phú, gồm văn chính luận, kí, thơ ca,…  - Sáng tác tiêu biểu (văn chính luận) phải kể đến một số áng văn nổi tiếng như *“Tuyên ngôn độc lập”  (1945), “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”  (1946), “Không có gì quý hơn độc lập tự do”* (1966),…  **2. Tập thơ “Nhật kí trong tù” (*Ngục trung nhật kí*)**   |  |  | | --- | --- | | **1. Hoàn cảnh sáng tác** | Viết khi Hồ Chí Minh bị chính quyền ưởng Giới Thạch bắt giam tại các nhà ngục ở Quảng Tây (Trung Quốc) suốt 13 tháng (từ 29/8/1942 đến 10/9/1943). | | **2. Sốlượng bài thơ** | Gồm *Lời đề từ* và 133 bài thơ | | **3. Văn tự** | Chữ Hán | | **4. Giá trị nội dung** | - Giá trị hiện thực: Ghi lại một cách chân thực bộ mặt đen tối của chế độ nhà tù nói riêng và của xã hội Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch.  - Giá trị tinh thần: Bức chân dung tự họa bằng thơ về con người tinh thần Hồ Chí Minh trong nhà lao. | | **5. Giá trị nghệ thuật** | - Đậm màu sắc cổ điển.  - Thể hiện tinh thần hiện đại. | |
| **NV 3: Tìm hiểu về bài thơ *Lai Tân***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản: Đây là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật chữ Hán.  - GV có thể dành 5-7 phút cho HS đọc diễn cảm và hỏi các từ ngữ khó.  - GV có thể hướng dẫn HS đối chiếu bản dịch thơ với bản dịch nghĩa để chỉ ra một vài điểm khác biệt giữa hai bản dịch (nếu có).  - GV hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược đọc thể hiện ở từng thẻ chỉ dẫn đặt bên phải VB. HS sử dụng chiến lược *theo dõi* để nhận biết vị trí xã hội và hành động của các nhân vật xuất hiện trong bài thơ.  - **HS suy nghĩ, thảo luận nhóm đôi** để hoàn thành **PHT số 02** và Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ *Lai Tân.*   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu về bài thơ *Lai Tâ*** | | | 1. Xuất xứ | *...* | | 2. Thể thơ | *...* | | 3. Bố cục | *..* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm. | **3. Bài thơ *Lai Tân***  **\* Đọc văn bản**  **\* Tìm hiểu từ khó, chú giải**  **\* Xuất xứ: “***Lai Tân*” là bài thứ 96 của tập thơ *Nhật kí trong tù.* Địa danh Lai Tân là nơi mà Bác đã trải qua trên con đường đi từ Thiên Giang đến Liễu Châu thuộc tỉnh Quảng Tây.  **\* Thể thơ:** thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  Đặc điểm thi luật của bài thơ (ở bảng bên dưới).  **\* Bố cục: 02 phần**  - Ba câu đầu: Bộ máy quan lại ở Lai Tân.  - Câu thơ cuối: Bình luận của tác giả. |
| * **Sơ đồ 1: Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ *Lai Tân –* bản phiên âm** * Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt - Luật bằng  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Ngắt nhịp | | 1 | B **B** B T B B T |  |  | 2/2/3 hoặc 4/3 | | 2 | T T B B T T B | Câu 2 và 3 | B (*tiền)* | | 3 | T T B B T B T |  | | 4 | B B B T T B B |  | B (*thiên)* | | |

**II. Đọc hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của bài thơ.

- Nhận xét được bức tranh hiện thực tại nhà giam *Lai Tân*.

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa của giọng điệu trào phúng trong bài thơ.

- HS có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực trong cuộc sống.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**PHT số 03: Bộ máy quan lại ở Lai Tân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Vị trí xã hội, chức trách** | **Công việc thường làm** | **Mục đích của**  **công việc** |
| **Ban trưởng** | **…** | **…** | **…** |
| **Cảnh trưởng** | **…** | **…** | **…** |
| **Huyện trưởng** | **…** | **…** | **…** |
| **Nhận xét chung** | - Bộ máy quan lại ở Lai Tân hiện lên như thế nào? Những người đứng đầu bộ máy quan lại ở Lai Tân có làm đúng chức năng của những người đại diện cho pháp luật không?  - Giọng điệu trào phúng ở câu thơ thứ 3 có gì khác biệt so với hai câu thơ đầu.  - Các nhân vật trong bài thơ “Lai Tân”thuộc thành phần nào trong xã hội? Hãy làm rõ dụng ý của tác giả khi nhắm vào đối tượng này. | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **NV 1: Tìm hiểu bộ máy quan lại ở Lai Tân trong 3 câu thơ đầu**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 04 nhóm.  - Các nhóm thảo luận để hoàn thành **PHT số 03** trong thời gian 05 phút theo kĩ thuật **Khăn trải bàn.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm phân công nhóm trưởng, thư kí.  - HS thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - GV khích lệ, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm phát biểu.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GVđánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm.  GV chuẩn hóa kiến thức. | II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT  **1. Ba câu đầu: Bộ máy quan lại ở Lai Tân**  Ba câu thơ tự sự (kể), ghi lại hình ảnh một cách tự nhiên, như chụp lại hiện thực, giúp ta thấy rõ cảnh tượng, hoạt động của bộ máy quan lại tại nhà giam Lai Tân:  - Ban trưởng nhà giam – người thực thi pháp luật nơi nhà tù, cai quản tù nhân lại chuyên đánh bạc 🡪Hành động vi phạm pháp luật  - Cảnh trưởng kiếm ăn quanh 🡪 Hành động của một kẻ trục lợi cá nhân, trấn lột tận xương tủy của tù nhân, dơ bẩn và tàn nhẫn.  - Huyện trưởng *chong đèn*làm công việc – ý thơ tưởng chừng bày tỏ sự khen ngợi vị quan phụ mẫu làm việc quên cả nghỉ ngơi. 🡪 Sự thực: giọng điệu châm biếm, mỉa mai:  + Huyện trưởng là một người có năng lực yếu kém nên dù có “chăm chỉ” thì vẫn không thể thay đổi bộ máy cai trị thối nát của địa phương.  + Hoặc “công việc” mà huyện trưởng làm tận khuya không phải là việc có ích cho người dân, cho xã hội, mà là một công việc mờ ám nào đó (chẳng hạn như chong đèn để hút thuốc phiện).  (GV trình chiếu sản phẩm PHT số 03 (bên dưới) | |
| **PHT số 03: Bộ máy quan lại ở Lai Tân**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Vị trí xã hội -Chức trách** | **Công việc thường làm** | **Mục đích của công việc** | | **Ban trưởng** | - Đứng đầu bộ máy cai trị chính quyền ở Lai Tân.  - Đại diện và thực thi công lí, pháp luật của nhà nước.  - Giữ trật tự, an ninh cho xã hội. | Chuyên đánh bạc 🡪 ngang nhiên phạm pháp. | Trục lợi cá nhân  🡪 Những việc làm lố bịch, làm lộ rõ bản chất xấu xa của ban trưởng, cảnh trưởng, từ đó tạo tiếng cười trào phúng. | | **Cảnh trưởng** | Ăn tiền của phạm nhân bị giải 🡪tìm mọi cách moi tiền của phạm nhân. | | **Huyện trưởng** | “chong đèn” làm việc công. | - Là kẻ đứng đầu địa phương nhưng không làm tròn trách nhiệm khiến bộ máy cai trị trở nên thối nát.  - Hành động “chong đèn” làm việc tới khuya là hành động mờ ám. | | **Nhận xét chung** | **- Sự thực của bộ máy chính quyền Lai Tân:** thối nát, vô trách nhiệm. Ở đó, những kẻ đứng đầu tuy đại diện và thực thi công lí, pháp luật nhưng hành vi lại phi pháp, không đúng với bổn phận, trái với pháp luật, đều hoàn toàn vô trách nhiệm.  **- Giọng điệu trào phúng:**  + Hai câu đầu: giọng điệu đả kích, sử dụng những từ ngữ thô mộc, suồng sã.  + Câu thứ 3: giọng mỉa mai – châm biếm(tạo ra yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gíc, đảo lộn trật tự thông thường: lời thơ tựa như khen ngợi huyện trưởng chăm chỉ làm công việc đến tận đêm khuya, ngược hẳn với hai “cán bộ nhà nước” trong hai câu thơ trước).  - Các nhân vật trong bài thơ *Lai Tân* gồm ban trưởng nhà giam, cảnh trưởng, huyện trưởng. Họ là những công chức, viên chức thuộc bộ máy chính quyền, những người thuộc giai tầng thống trị trong xã hội.  - **Dụng ý châm biếm của tác giả:** Tác giả hướng tiếng cười vào giai tầng thống trị trong xã hội để châm biếm, đả kích, tố cáo tình trạng mục nát, “nhà dột từ nóc” mà tác giả chứng kiến ở Lai Tân thời bấy giờ. | | | | | |
| **NV 2: Tìm hiểu lời bình luận của tác giả ở câu thơ cuối**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  **Kĩ thuật Think – pair – share:**  **Nhiệm vụ:**  - *Phân tích sắc thái châm biếm, mỉa mai ở câu thơ cuối* (chú ý: *Ba chữ “vẫn thái bình” có ý nghĩa gì?)*  *- Theo em, nội dung của câu thơ thơ cuối có mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước không? Vì sao?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi, sau đó chia sẻ với cả lớp.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **GV mở rộng:** Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường của bộ máy cai trị ở Lai Tân. Lẽ ra với những gì trình bày trong ba câu trên, tác giả phải kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội, nhưng ngược lại, tác giả lại kết luận “*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*”, cái bất thường bỗng chốc trở thành cái bình thường. Đó là thái bình của tham nhũng, sa đọa với bộ máy công quyền của những con mọt dân tham lam. Thái bình như thế thì dân bị oan khổ biết bao nhiêu! Sự thối nát, mục ruỗng đã thành bản chất, quy luật bao năm nay. | | **2. Câu thơ cuối: Bình luận của tác giả**  - Nghịch lí: Quan chức nhũng nhiễu >< Lai Tân vẫn thái bình  **-** “*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”:* “Thái bình” khi mà ban trưởng vi phạm pháp luật (đánh bạc), cảnh trưởng chỉ tìm cách tư lợi (kiếm ăn quanh) thì chỉ có thể là thái bình giả tạo.  => Mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài (thái bình) với thực chất bên trong (mục ruỗng, thối nát) của xã hội cũng là lúc tiếng cười trào phúng được thể hiện.  🡪Hai chữ “thái bình” cuối VB vừa miêu tả được vẻ bề ngoài yên bình, tốt đẹp giả tạo, vừa là cách nói ngược để tạo tiếng cười trào phúng, châm biếm nhẹ nhàng mà sâu cay.  **-** Giọng điệu có vẻ dửng dưng, nhưng hiệu quả châm biếm thật thâm thuý sâu sắc. |

III. Hướng dẫn HS tổng kết

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu HS trao đổi theo cặp trong bàn để  *rút ra những nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  **1. Nội dung**  - Bài thơ miêu tả, phơi bày thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch.  - Thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay của Hồ Chí Minh đối với giai tầng thống trị trong xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cô đọng hàm súc.  - Hình ảnh chân thực, chọn lọc  - Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực  - Lối viết mỉa mai sâu cay  - Bút pháp trào phúng đặc sắc |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Nhiệm vụ 1: HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm nhanh**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Hệ thống câu hỏi như sau:**

**Câu 1.** Bài thơ ***Lai Tân*** thuộc thể thơ nào?

1. Thất ngôn tứ tuyệt B.Thất ngôn bát cú

C.Ngũ ngôn tứ tuyệt D.Tự do

**Câu 2**. Bài thơ ***Lai Tân*** được viết bằng văn tự gì?

1. Chữ Quốc ngữ B.Chữ Trung Quốc

C.Chữ Nôm D.Chữ Hán

**Câu 3.** Từ “thiên thiên” ở câu thơ thứ nhất bản phiên âm được dịch là gì?

1. Ngày ngày B.Ngày nay

C.Hôm nay D.Ngày mai

**Câu 4.** Huyện trưởng là người như thế nào?

A. Lấy công việc để che khuất những việc làm sai trái của mình.

B. Lấy công việc làm đầu.

C. Là người ngay thẳng.

D. Là vị quan tốt.

**Câu 5.** Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng trong bài thơ đại diện cho ai?

1. Những người dân thấp cổ bé họng.
2. Những vị quan liêm khiết, thương dân.
3. Những kẻ nhũng nhiễu nhân dân.
4. Những kẻ bảo vệ nhân dân.

**Câu 6.** [Ý nghĩa của câu thơ "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình" là gì?](https://cunghocvui.com/de-thi-kiem-tra/cau-hoi/024ekej9-y-nghia-cua-cau-tho-troi-dat-lai-tan-van-thai-binh-la-gi.html)

A. Khen ngợi những việc làm của quan lại Lai Tân

B. Ca ngợi sự cần mẫn "làm công việc" của huyện trưởng

C. Thể hiện sự phê phán, mỉa mai của tác giả

D. Phản ánh hiện thực xã hội Lai Tân thái bình

**Câu 7**. Ý nào không đúng khi nói về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Lai Tân*?

A. Hình ảnh ước lệ, giàu tính biểu tượng

B. Giọng điệu trào phúng đặc sắc

C. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cô đọng hàm súc

D. Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**2**. **Nhiệm vụ 2: Viết kết nối với đọc**

**Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ *Lai Tân* qua lời nhận xét “Trời đất Lai Tân vẫn Thái Bình”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- HS dựa vào hướng dẫn của GV để thực hành viết kết nối.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá đoạn văn.

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS nêu lên bài học rút ra từ văn bản.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**1.** Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

**2.** Sưu tầm một bài thơ trào phúng khác của Hồ Chí Minh trong tập “Nhật kí trong tù”. Chỉ ra tiếng cười trào phúng trong bài thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ cá nhân. (nhiệm vụ 2 HS có thể làm tại nhà)

- GV động viên, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

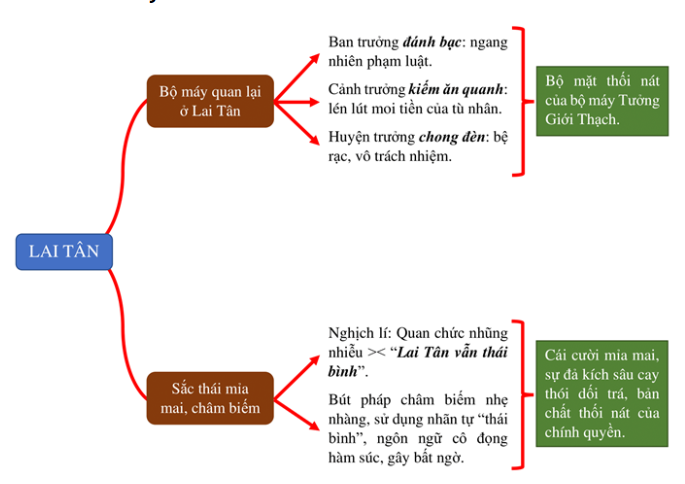
- GV gọi 1-2 HS bày tỏ quan điểm, suy nghĩ.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý trả lời**

**1.** Vẽ sơ đồ tư duy về bài học:



**2.** Sưu tầm một bài thơ trào phúng khác của Hồ Chí Minh trong tập “Nhật kí trong tù”:

Bài thơ: **Đánh bạc (*Đổ)***

**Phiên âm:**

*Dân gian đổ bác bị quan lạp,  
Ngục lý đổ bác khả công khai.  
Bị lạp đổ phạm thường ta hối,  
Hà bất tiên đáo giá lý lai!*

**Dịch nghĩa:**

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,  
Trong tù đánh bạc có thể công khai;  
Con bạc bị tù thường hối tiếc:  
Sao không sớm vào quách chốn này!

**Dịch thơ:**

*Đánh bạc ở ngoài, quan bắt tội,  
Trong tù đánh bạc được công khai;  
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:  
Sao trước không vô quách chốn này!*

(Nam Trân dịch)

* Tiếng cười trào phúng trong bài thơ: Tác giả khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên:

+ Đánh bạc bên ngoài bị quan bắt – nhưng ở chốn ngục tù nơi có các quan cai quản, nơi lẽ ra phạm nhân được quan ngục giáo huấn thì lại có thể công khai đánh bạc mà không có ai bắt bẻ.

+ Câu thơ cuối hạ một cách hài hước, đầy bất ngờ: con bạc hối hận vì không vào chốn ngục tù này sớm hơn (để được đánh bạc công khai mà không phải giấu giếm)

=> Hóa ra nhà tù không phải nơi để giáo dục tội phạm mà là nơi bao che, tiếp tay cho những hành vi phạm pháp, sai trái. Quan lại nhắm mắt làm ngơ hay tiếp tay để trục lợi cá nhân. Đó là bộ mặt hiện thực của nhà giam Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch mà Hồ Chí Minh đã phản ánh trong nhiều bài thơ khác của tập *Nhật kí trong tù.*

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: *Thực hành tiếng Việt: Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.*

+ Xem phần lí thuyết

+ Làm các bài tập thực hành.

----------------------------------------------------------

**TIẾT 48**

**THỰC HÀNH TV: SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- HS hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

*1. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ và lựa chọn từ ngữ phù hợp

+ Phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

*2. Phẩm chất*

- Chăm chỉ, chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**2. Học liệu:** Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Cho các từ sau: ***chết, hi sinh, bỏ mạng, từ trần.***  Đặt câu với các từ trên và nêu sắc thái nghĩa của các từ đó khác nhau như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, phát biểu.  - GV động viên, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\* Đặt câu:**  - Anh ta vừa **chết** đêm qua.  - Trong trận chiến đấu ác liệt vừa qua, nhiều đồng chí của ta đã **hi sinh.**  - Hơn 100 tên giặc đã **bỏ mạng** trong trận phản công quả quân ta tối qua.  - Cụ ấy **từ trần** vào sáng nay.  **\*Nhận xét sự khác nhau về sắc thái nghĩa của các từ:**  **-** *chết:* sắc thái trung tính  *- hi sinh*: sắc thái trang trọng, ngợi ca  - *bỏ mạng*: sắc thái khinh bỉ, coi thường  *- từ trần*: sắc thái kính trọng, lịch sự |

**=> GV dẫn vào bài:**

Các từ ngữ trong tiếng Việt có các sắc thái ý nghĩa khác nhau. Do đó người sử dụng cần lựa chọn những từ ngữ có sắc thái ý nghĩa phù hợp để phát huy hiệu quả giao tiếp. Tiết học này, cô và các em sẽ đi tìm hiểu cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được kiến thức về sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Theo dõi phần Tri thức Ngữ văn (Tr 81) và khung *Nhận biết* trong SGK (trang 8ố - 87), cho biết:  - *Sắc thái nghĩa của từ ngữ là gì?*  *- Có những sắc thái nghĩa cơ bản nào?*  *- Một số sắc thái nghĩa của nhóm từ ngữ Hán Việt thường thấy. Lấy ví dụ và phân tích.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận theo cặp. * GV động viên, quan sát.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện một số cặp trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức. | I. LÝ THUYẾT  **1. Khái niệm**  Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến.  **2. Những sắc thái nghĩa cơ bản:** trang trọng – thân mật – suồng sã; tích cực – tiêu cực, tốt – xấu,...  🡪Cần chú ý lựa chọn, sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy hiệu quả biểu đạt.  **3. Sắc thái nghĩa của từ Hán Việt**  - Sắc thái cổ kính  - Sắc thái trang trọng  - Sắc thái khái quát, trừu tượng |

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:**

**-** Vận dụng được kiến thức về sắc thái nghĩa của từ ngữ để thực hiện các nhiệm vụ HT.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi, nhóm.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr 86 - 87 ).

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Thực hành bài tập 1 (Tr.86/ SGK ):**   Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận cặp đôi trong 03 phút để hoàn thành yêu cầu bài tập 1 (SGK/ Tr 86).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV sử dụng **Vòng quay Wheel of names** để gọi HS phát biểu (tạo không khí hồi hộp).  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | 1. **Bài tập 1 (Tr.86/ SGK )**  *- Các* từ ngữ ***ngắn, cao, lên tiếng, chậm rãi*** *có* sắc thái trung tính.  - Các từ ngữ ***cụt lủn, lêu nghêu, cao giọng, chậm chạp*** mang sắc thái tiêu cực.   |  |  | | --- | --- | | **Sắc thái trung tính** | **Sắc thái tiêu cực** | | *ngắn* | *Cụt lủn* là ngắn đến mức đáng ngại. | | *cao* | *lêu nghêu* là cao quá cỡ | | *lên tiếng* | *cao giọng* thể hiện thái độ bễ trên và không đúng đắn. | | *chậm rãi* | *chậm chạp* chỉ tốc độ, nhịp độ dưới mức bình thờng rất nhiều (quá chậm) hoặc không được nhanh nhẹn, thiếu linh hoạt, thể hiện đánh giá tiêu cực của người khác về đối tượng. | |
| **Thực hành bài tập 2 (Tr 87 /SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  - HS nhận biết, tìm được các từ Hán Việt, giải thích nghĩa và đặt câu với các từ Hán Việt tìm được.  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo bàn hoặc nhóm nhỏ 4 – 6 HS.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2. Bài tập 2 (Tr 87/SGK)**  a. Các từ Hán Việt trong đoạn trích:   |  |  | | --- | --- | | **Từ Hán Việt** | **Giải thích nghĩa** | | *loạn lạc* | tình trạng xã hội lộn xộn, không có trật tự, an ninh do có loạn. | | *gian nan* | có nhiểu khó khăn, gian khổ phải vượt qua. | | *triều đình* | nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương của nhà nước quân chủ, do vua trực tiếp đứng đầu. | | *tể phụ* | chức quan hàng đầu triều đình giúp vua trị nước, thông thường chỉ Tể tướng. | | *thác mệnh* | mượn nhờ mệnh lệnh. |   b. Đặt câu với các từ Hán Việt tìm được:  - Trong thời buổi *loạn lạc,* những giây phút gặp gỡ bạn bè, đồng đội thật đáng quý biết bao!  - Để đạt được thành công ngày hôm nay, anh ấy đã phải tự mình vượt qua bao *gian nan*, thử thách.  - Khi thực dân Pháp sang xâm lược, *triều đình* nhà Nguyễn tỏ ra bạc nhược, hèn yếu.  - Các quan đều chăm chú lắng nghe khi quan *tể phụ* dâng tấu lên nhà vua.  - Hắn *thác mệnh* nhà vua để ra oai với bà con bách tính. |
| **Thực hành bài tập 3 (Tr 87/ SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm đôi.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Bài tập 3 (Tr 87/ SGK)**  - Các từ ngữ in đậm trong từng nhóm câu khác nhau về sắc thái ý nghĩa nên không thể thay thế cho nhau.  - Cụ thể:  + Nhóm a: Từ *vĩ đại* mang sắc thái trang trọng hơn so với từ *to lớn.*  + Nhóm b: Từ *chết* trung tính. Từ *hi sinh* mang sắc thái trang trọng, cho thấy đó là cái chết vì mục đích tốt đẹp, cao cả. Từ *mất* mang sắc thái giảm nhẹ so với *chết.* |
| **Thực hành bài tập 4 (Tr 87 /SGK):**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  - HS nhận biết, tìm được các từ đồng nghĩa với các từ in đậm trong đoạn văn. Rút ra tác dụng của các từ in đậm về mặt sắc thái ý nghĩa đem lại.  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo bàn hoặc nhóm nhỏ 4 – 6 HS.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **4. Bài tập 4 (Tr 87/ SGK)**  a. Các từ đồng nghĩa với các từ in đậm trong đoạn trích:   |  |  | | --- | --- | | **Từ Hán Việt** | **Từ đồng nghĩa** | | *phu nhân* | vợ | | *đế vương* | vua, bậc vua chúa | | *thiên hạ* | mọi người | | *nội thị* | người hầu trong cung |   b**.** Việc sử dụng các từ ngữ in đậm đã đem lại sắc thái cổ kính, trang trọng cho lời văn. |

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về sắc thái nghĩa của từ để làm bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**Bài tập:** Tìm một bài thơ có sử dụng nhiều từ Hán Việt. Chỉ ra các từ Hán Việt và sắc thái của các từ Hán Việt đó trong bài thơ/đoạn thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS về nhà hoàn thành yêu cầu của GV**.**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Gợi ý sản phẩm học tập**

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc,*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm.*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới,*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

*Rài rác biên cương mồ viễn xứ,*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh,*

*Áo bào thay chiếu anh về đất,*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

**(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng)**

**-** Các từ Hán Việt trong đoạn thơ:*đoàn binh, biên giới, biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành.*

*-* Việc sừ dụng những từ Hán Việt ở đây đã tạo ra sắc thái trang trọng, mang ý nghĩa khái quát, làm tôn thêm vẻ đẹp của người lính Tây Tiến, góp phần tạo ra vẻ đẹp hào hùng cho hình tượng.

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị bài mới: **Văn bản 3:** *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng*

+ Đọc văn bản

+ Trả lời các câu hỏi sau khi đọc

------------------------------------------------------------

TIẾT 49,50

**Văn bản 3:MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG**

*-Trần Thị Hoa Lê-*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

**-** HS kết nối với chủ điểm của bài học 4, giúp HS thấy được những giọng điệu khác nhau của tiếng cười trào phúng và cảm nhận rõ nét hơn ý nghĩa, giá trị tốt đẹp mà tiếng cười ấy đem lại cho cuộc đời.

*1. Năng lực*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ học tập trong văn bản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong khi tìm hiểu văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp để giải quyết vấn đề.

*b. Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực văn học: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

*2. Phẩm chất* - Trân trọng những giá trị sáng tạo văn học của các tác giả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:**

1. HS đọc thuộc một bài thơ trào phúng sưu tầm được (thơ Tú Xương, thơ Hồ Chí Minh,…). Sau đó, chỉ ra giọng điệu trào phúng trong bài thơ đó.

Mỗi HS chia sẻ trong tối đa 03 phút.

2. Điền cột K, W vào bảng KWL sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột K** | **Cột W** | **Cột L** |
| *Những điều gì em đã biết về thơ trào phúng?* | *Em muốn biết thêm gì về thơ trào phúng?* | *Những điều em đã biết thêm về thơ trào phúng sau tiết học.* |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**=> GV dẫn vào bài mới**:

Thơ trào phúng tạo ra tiếng cười nhằm chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rởm đời, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người. Mỗi một bài thơ trào phúng lại mang giọng điệu khác nhau. Để hiểu hơn về giọng điệu của tiếng cười trào phúng, tiết học hôm nay, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu văn bản đọc: *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng* của tác giả Trần Thị Hoa Lê.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả và văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về văn bản “*Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng*”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Đọc và khám phá chung về văn bản** “***Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng*”**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Đọc chậm rãi, rõ ràng, nhấn mạnh những từ ngữ in nghiêng.  - HS đọc VB.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các cước chú và giải thích từ khó  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập 01: Khám phá chung về VB** | | *1. Nêu tác giả và xuất xứ của văn bản*  *2. Xác định PTBĐ chính và thể loại của văn bản*  *3. Bố cục của văn bản* |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả -** Tác giả: Trần Thị Hoa Lê, giảng viên đại học, nhà nghiên cứu văn học.  2. Tác phẩm  \* Đọc  \* Xuất xứ: Trích trên tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số tháng 9/2022.  **\* Phương thức biểu đạt:** nghị luận  **\* Thể loại:** Văn nghị luận văn học  **\* Bố cục: 03 phần**  **-** Phần 1 (đoạn 1): Giới thiệu về thơ trào phúng và giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng.  - Phần 2: (Tiếp…*trong sự tiếp nhận của độc giả)*: Bàn luận về những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng  - Phần 3 (đoạn cuối): Khẳng định sự đa dạng và ý nghĩa của tiếng cười trong thơ trào phúng. |

**2. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**  Giúp HS:

- Nhận biết được những đối tượng cụ thể mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới được đề cập đến trong văn bản.

- Nhận diện được các giọng điệu phong phú của tiếng cười trào phúng, một số biện pháp nghệ thuật được các nhà thơ sử dụng để làm bật ra tiếng cười.

- Nhận xét cách lập luận của văn bản.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV 1: Tìm hiểu về đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - *Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là gì? Văn bản đã nêu những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới?*  *- Theo em, những gì trong đời sống thường ngày có thể trở thành đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng? Cho ví dụ minh họa.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện một số cặp trả lời.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng**  **-** Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn phong trào phúng: là sự bất toàn của con người, cuộc sống – đó là những cái không trọn vẹn, không hoàn hảo.  - Những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới như: những thói hư tật xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt, sự tha hóa đạo đức trong xã hội,…  => Bất kì một sự việc, hiện tượng, con người,… nào chứa những cái chưa hoàn hảo, chưa trọn vẹn đều có thể trở thành đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng. |
| **NV 2: Tìm hiểu những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **1.** Thảo luận theo cặp, hoàn thành **PHT số 01** sau:   |  |  | | --- | --- | | **Giọng điệu** | **Dấu hiệu nhận biết** | | *Hài hước* | … | | … | … | | … | … |   **2. Kĩ thuật Think – pair – share:**  **?** *Trong các giọng điệu của tiếng cười ở thơ trào phúng mà văn bản đề cập, em cảm thấy thích thú với giọng điệu nào? Vì sao?*  *? Trình bày cách hiểu về nhận định: “*[*Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn.*](https://vietjack.me/trinh-bay-cach-hieu-cua-em-ve-nhan-dinh-tieng-cuoi-trong-van-chuong-no-138643.html)”  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận cặp đôi để hoàn thành PHT số 02 và câu hỏi chia sẻ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi 1 số đại diện phát biểu.  + Các HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **2. Những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng**  \*Những giọng điệu khác nhau của tiếng cười trong thơ trào phúng và dấu hiệu nhận biết:   |  |  | | --- | --- | | **Giọng điệu** | **Dấu hiệu nhận biết** | | *Hài hước* | đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc | | *Mỉa mai - châm biếm* | tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô -gíc, đảo lộn trật tự thông thường | | *Đả kích* | thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, hình thức ngôn từ mang tính “mắng chửi” quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc |   - Nhận xét: “[T*iếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn*.](https://vietjack.me/trinh-bay-cach-hieu-cua-em-ve-nhan-dinh-tieng-cuoi-trong-van-chuong-no-138643.html)”  🡪 Nhận định của tác giả đã khẳng định sự đa dạng của giọng điệu và ý nghĩa xã hội của tiếng cười trong thơ trào phúng. |

**3. Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, thảo luận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  *? Nêu những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   - GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV rút ra cho HS cách đọc hiểu văn bản thông tin. | III. TỔNG KẾT  **1. Nghệ thuật**  - Bố cục bài viết chặt chẽ.  - Hệ thống luận điểm rõ ràng, dẫn chứng thuyết phục.  - Văn phong khoa học, dùng nhiều thuật ngữ văn học.  **2. Nội dung**  - Cung cấp những tri thức về những giọng điệu khác nhau của tiếng cười trong thơ trào phúng và dấu hiệu nhận biết.  - Khẳng định ý nghĩa, giá trị tốt đẹp mà tiếng cười trào phúng đem lại cho cuộc đời. |

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: HS hoàn thành bảng KWL.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** HS hoàn thành cột L trong bảng KWL (đã cung cấp trong hoạt động Khởi động).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực thực hiện nhiệm vụ.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết bài tập.

**b. Nội dung**: HS bày tỏ quan điểm bản thân.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Vận dụng tri thức từ văn bản *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng*, em hãy cho biết: Hai bài thơ *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* và *Lai Tân* sử dụng những giọng điệu nào của tiếng cười trào phúng?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực thực hiện nhiệm vụ.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ - Hoàn thiện các bài tập vào vở;

-------------------------------------------

TIẾT 51,52

**VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (THƠ TRÀO PHÚNG)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nhận diện được kiểu văn bản phân tích một tác phẩm văn học.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng): nêu được chủ để, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

*1. Về năng lực:*

*a. Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực tìm hiểu ngữ liệu, bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, lựa chọn giải pháp.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Năng lực ngôn ngữ: bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng; viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản;

- Năng lực văn học: Tạo lập văn bản

*2. Phẩm chất*

- Có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu**:  - *Đọc thuộc một bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc. Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.*  - *Nhắc lại các yêu cầu phân tích một bài thơ mà em đã rèn luyện trong bài học 2.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | \*HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân:  - HS đọc các bài thơ đã sưu tầm, lưu tập san.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác về một bài thơ trào phúng.  \*Nhắc lại các yêu cầu phân tích một bài thơ đã học ở bài học 2:  - **Giới thiệu khái quát** về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,..); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được **nội dung cơ bản** của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được **một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật** (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…)  - Khẳng định được **vị trí, ý nghĩa** của bài thơ. |

**GV dẫn vào bài học:** Ở bài học 2, các em đã học và thực hành viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật. Tiết học hôm nay cô trò ta tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn phân tích một bài thơ trào phúng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một bài thơ trào phúng.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn phân tích một bài thơ trào phúng**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Theo dõi mục SGK, trả lời các câu hỏi sau:**  *- Theo em, bài văn phân tích một bài thơ trào phúng cần đáp ứng những yêu cầu nào?*  *- Nêu bố cục chung của bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật bằng cách hoàn thành mẫu sau:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mở bài** | … | | | **Thân bài** | Luận điểm 1 | … | | Luận điểm 2 | … | | **Kết bài** | … | |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | I. LÝ THUYẾT  **1. Yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý các thẻ chỉ dẫn để xác định bố cục.  - HS thảo luận theo bàn, hoàn thành. **Phiếu học tập 01 sau:**   |  | | --- | | **Phiếu 01:** **Phân tích bài viết tham khảo** | | *- Chỉ ra bố cục của bài viết tham khảo.*  *- Phần Mở bài nêu những nội dung gì?*  - *Phần Thân bài triển khai như thế nào?*  - *Phần Kết bài khẳng định điểu gì?* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận trong bàn.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số bàn phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **\*Bài viết tham khảo: Phân tích bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống*:**  **\*Mở bài:** Đoạn văn mở đầu:  - Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương  - Giới thiệu bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống.*  \***Thân bài:** triển khai theo trật tự trước - sau của bố cục bài thơ.  - Phân tích nhan đề (chữ “đề”) và cảm hứng chủ đạo (ngụ ý giễu cợt).  - Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề:  + Thái độ giễu cợt, khinh thị, châm biếm của nhà thơ đối với ngôi đền ở hai câu đầu.  + Bộc lộ sự quật cường, không an phận; sự khinh thường của nữ sĩ khi so sánh mình với người được thờ, bộc lộ tiếng cười đả kích.  - Song song với việc phân tích nội dung trào phúng, người viết đã chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng.  Ví dụ: cách dùng từ ngữ độc đáo (*ghé mắt, trông ngang, thấy, kìa, cheo leo*), cách tự xưng tự tin (*Ví đây*…), câu cảm thán (*Thì sự anh hùng há bấy nhiêu*!),…  **\*Kết bài:** Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ. |

C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**:

- HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

- Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

- Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 02: PHIẾU TÌM Ý  Phân tích một bài thơ trào phúng | |
| **\*Thông tin cơ bản về tác giả** | **…** |
| **\*Tìm hiểu về bài thơ:** | **…** |
| 1. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ | **…** |
| 2. Bố cục của bài thơ, nội dung chính từng phần | **…** |
| 3. Nội dung chính của bài thơ:  *- Đối tượng trào phúng của bài thơ*  *- Những lí do khiến đối tượng đó bị phê phán* | **…** |
| 4. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: *Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì để tạo ra tiếng cười trào phúng?* | **…** |
| 5. *Giá trị, ý nghĩa của tiếng cười trào phúng trong bài thơ* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| NV 1: TRƯỚC KHI VIẾT  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn bài thơ sẽ phân tích:**  HS trả lời các câu hỏi sau:  *1. Bài viết của em nhằm mục đích gì và hướng tới người đọc là ai?*  *2. Kể tên một số bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc*.  *Em sẽ chọn bài thơ trào phúng nào để phân tích?*  \***GV hướng dẫn HS tìm ý:**  Trên cơ sở bài thơ đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo **Phiếu HT số 2.**  **\*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**  HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết theo hướng dẫn SGK/ Tr.95.  HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung. | II. LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC  **Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ trào phúng.**  1. TRƯỚC KHI VIẾT  **\*Xác định mục đích viết:** Làm rõ nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ trào phúng.  **\*Người đọc:** Những người quan tâm và có nhu cầu hiểu biết về thơ trào phúng.  **a. Lựa chọn đề tài**  - Liệt kê một số bài thơ trào phúng đã học hoặc đã đọc: *Ông phỗng đá* (Nguyễn Khuyến), Tiến sĩ giấy (Nguyễn Khuyến), *Năm mới chúc nhau* (Trần Tế Xương) …), *Giễu người thi đỗ* (Trần Tế Xương); *Đánh bạc* (Hồ Chí Minh),…  - Lựa chọn một bài thơ bản thân cảm nhận rõ nhất tiếng cười trào phúng để phân tích.  **b. Tìm ý**  **-** Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính từng phần.  - Xác định đối tượng của tiếng cười trào phúng trong tác phẩm.  - Tìm hiểu các phương tiện nhà thơ sử dụng để gây cười như từ ngữ (đặc biệt là các từ tượng hình, từ tượng thanh, thành ngữ…), biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp ngữ, đảo ngữ…)  - Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những thông tin khác có liên quan để liên hệ, mở rộng khi phân tích.  **c. Lập dàn ý**  Có thể triển khai theo bố cục bài thơ, hoặc theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật của bài như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mở bài** | Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có),… | | | **Thân bài** | \* Lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm: | | | Luận điểm 1 | Phân tích đặc điểm nội dung:   * *Chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ.* * *Phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán* | | Luận điểm 2 | Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ,…để tạo ra tiếng cười) | | **Kết bài** | Khẳng định giá trị và ý nghĩa của bài thơ. | | |
| NV 2: VIẾT BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK/ Tr.95-96 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  \*Trong thời gian ngắn trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS viết phần mở bài, 01 luận điểm của Thân bài để đọc và rút kinh nghiệm luôn trên lớp. Sau đó, GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | 2. VIẾT BÀI  **-** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  - Lưu ý từng phần:  + Phần *Mở bài* và phần *Kết bài:* mỗi phần viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.  + Phần *Thân bài:*  ++ Lựa chọn kiểu tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp) cho phù hợp với từng ý triển khai trong Thân bài.  ++ Khi viết, luôn chú ý liền kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong bài.  ++ Chú ý kết hợp nhuần nhuyễn giữa sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong khi triển khai các ý của phần *Thân bài* để đảm bảo tính thuyết phục của một bài văn nghị luận.  ++ Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung. |
| NV 3: TRẢ BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài phân tích một bài thơ trào phúng.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. HS căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn. (Bảng kiểm bên dưới)  - GV NX chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | 3. TRẢ BÀI  **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm: (Bố cục bài viết chặt chẽ, mạch lạc; các ý thông suốt, có tính hô ứng; những chỗ bài viết có chiều sâu, có tính phát hiện, có quan điểm cá nhân; những cầu văn hay, cách dùng từ sáng tạo,...)  ………….  - Hạn chế: (Lỗi thiếu ý, lặp ý, lỗi liên kết, chính tả, dùng từ,…)  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện**  Tập trung vào một số nội dung sau:  -  Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.  - Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nôi dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.  - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích một bài thơ trào phúng khác.

**b.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một bài thơ trào phúng khác.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích một bài thơ trào phúng khác.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Học bài, nắm chắc cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

- Lưu trữ lại bài viết, bảng kiểm đánh giá vào hồ sơ cá nhân.

- GV giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe:** Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).

**=> HS hoàn thành Phiếu chuẩn bị bài nói theo mẫu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói:Trình bày ý kiến về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống**  **(HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Phạm vi trình bày** (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể?) | **...** |
| **4. Tìm ý cho bài nói:** Trả lời các câu hỏi sau:  + *Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?*  *+ Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?*  *+ Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?*  *+ Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.* | **...** |
| **5. Dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

TIẾT 53

**NÓI VÀ NGHE:TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- HS trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống). Kết nối hoạt động nói nghe với chủ đề bài học.

- HS bày tỏ được ý kiến của mình về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống. Bài nói có luận đề và các luận điểm rõ ràng, có lí lẽ và bằng chứng xác đáng, giàu sức thuyết phục.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện sự hiểu biết của mình về ý nghĩa cùa tiếng cười trong đời sống được người nói trình bày, có quan điểm riêng, sẵn sàng trao đổi với người nói để có được sự đồng thuận.

*1. Năng lực:*

*a. Năng lực chung:* - Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác.

*b.Năng lực chuyên biệt:*

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

+ Dùng từ, đặt câu, diễn đạt hợp lí, thể hiện cảm xúc trước vấn đề được đặt ra.

*2. Phẩm chất:*

- Chăm chỉ: tích cực, tự giác trong học tập.

- Nhân ái: yêu quý mọi người trong gia đình.

- Trách nhiệm: sống có trách nhiệm với bản thân và gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Trò chơi: “Biến hình cảm xúc”**

- Có 4 miếng ghép, sau mỗi miếng ghép là một hình ảnh icon với biểu cảm khác nhau.

- HS chọn miếng ghép, GV lật mở ra hình ảnh icon. Yêu cầu HS phải có biểu cảm khuôn mặt giống hình icon được lật mở, sau đó giải thích ý nghĩa, hoàn cảnh sử dụng của hình ảnh icon đó.

|  |  |
| --- | --- |
| icon facebook | icon facebook |
| **Miếng ghép 1** | **Miếng ghép 2** |
| icon-facebook-33-2 | icon facebook |
| **Miếng ghép 3** | **Miếng ghép 4** |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tham gia trò chơi tích cực.
* GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Dự kiến sản phẩm:**

* HS làm biểu cảm khuôn mặt giống hình icon.
* Ý nghĩa, hoàn cảnh sử dụng của các icon mặt cười khác nhau:

+ Hình 1 (icon mặt cười đeo kính đen): Biểu tượng cảm xúc thể hiện sự bình tĩnh trước các vấn đề.

+ Hình 2 (icon cười hé răng chảy mồ hôi): Biểu tượng cảm xúc hơi lo lắng tuy nhiên không quá nghiêm trọng.

+ Hình 3 (icon cười lăn lộn): Biểu tượng cảm xúc trước chuyện vô cùng buồn cười.

+ Hình 4 ( icon mặt cười vì quá ngon): Biểu tượng cảm xúc trước đồ ăn ngon.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**=> GV dẫn vào bài mới:**

Cũng như biểu cảm trên gương mặt, tiếng cười là một phương tiện để biểu đạt những cảm xúc đa dạng của chúng ta dù là vui hay buồn, bộc lộ niềm vui hạnh phúc hay nối khổ đau, hài lòng hay bất mãn,…Vậy tiếng cười có ý nghĩa như thế nào trong đời sống? Cô và các em sẽ cùng trao đổi trong tiết học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với kĩ năng nói nghe về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Trình bày ý kiến về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống**  **(HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Phạm vi trình bày** (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể?) | **...** |
| **4. Tìm ý cho bài nói:** Trả lời các câu hỏi sau:  + *Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?*  *+ Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?*  *+ Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?*  *+ Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.* | **...** |
| **5. Dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS kiểm tra chéo phần chuẩn bị bài nói ở nhà của HS theo hướng dẫn ở **Phiếu chuẩn bị bài nói.**  *-* GV yêu cầu HS dành 5 phút để tự soát lại nội dung đã chuẩn bị của bài nói.  - GV lưu ý HS khi tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | 1. CHUẨN BỊ BÀI NÓI  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  **- Mục đích nói:** Trình bày ý kiến về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống để tìm sự chia sẻ, đồng tình của người nghe.  - **Người nghe:** Những người có nhu cầu tìm hiểu về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.  **b. Chuẩn bị nội dung cho bài nói**  -  Xác định phạm vi trình bày (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng…).  - Tìm những ý chính dự định sẽ trình bày trong bài nói:  + *Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?*  *+ Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?*  *+ Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?*  *+ Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.*  - Từ các ý tìm được, lập dàn ý cho bài nói theo các phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận.  - Có thể chuẩn bị thêm tranh, ảnh, đoạn phim ngắn,... để hỗ trợ cho phần nói.  **1.2.** **Tập luyện**  - HS tự soát lại phần đã chuẩn bị của bài nói.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kĩ năng nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe..

**c. Sản phẩm:** Phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU GHI CHÉP PHẦN NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG

**Người nói:……………………………………………**

**Người nghe:…………………………………………..**

**\*Nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình của bài nói:** Người nghe trả lời các câu hỏi sau:

- *Người nói trình bày ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể?*

*- Người nói có ý kiến nhận xét, đánh giá như thế nào về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống? Những ý kiến ấy có sức thuyết phục không? (có đầy đủ lí lẽ và dẫn chứng minh họa không?)*

*- Cách trình bày ý kiến vể ý nghĩa của tiếng cười có rõ ràng mạch lạc không? Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có được sử dụng hiệu quả không?*

**\*Câu hỏi về những điểm còn băn khoăn, muốn trao đổi để làm rõ thêm:**

…………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần trình bày của các HS.  - Mỗi HS sẽ trình bày bài nói trong thời gian nói (khoảng 5 phút) để có khoảng 3- 4 HS được trình bày bài nói trước lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** MC dẫn chương trình.  - Lần lượt các HS (đã đăng kí thuyết trình) lên trình bày bài nói của mình.  - Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào Phiếu ghi chép phần nghe (mẫu ở trên)  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  **-** HS trình bày bài nói trước lớp và trao đổi với người nghe; giải đáp những vấn đề người nghe còn băn khoăn, chưa hiểu rõ.  - Sau phần nói của mỗi HS, MC mời1 – 2 HS thực hiện phần trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến của người nói.  Các HS khác quan sát, nhận xét cách thức thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá của bạn mình theo các tiêu chí trong bảng kiểm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét phần trình bày bài nói và phần nghe của các HS.  GV khen ngợi HS về kĩ năng thuyết trình tốt; khen ngợi những câu hỏi, góp ý hay, cách góp ý nhẹ nhàng, lịch sự của người nghe đối với người thuyết trình. | II. TRÌNH BÀY - TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI  **Bài tập: Hãy trình bày ý kiến về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống**  **\*Yêu cầu chung:**  **Người nói:**   * Dựa vào phần tóm tắt dàn ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.   - Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần:  **+ Mở đầu:**  Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể).  + **Triển khai:** Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằn chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,…)  + **Kết luận**: Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.  **\* Chú ý:**  + Sử dụng các từ ngữ, các câu chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi.  + Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,…  + Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí.  + Các phương tiện phi ngôn ngữ cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.  **Người nghe:**  + Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.  + Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.  + Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn băn khoăn chưa rõ.  + Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình. |

**Rubrics đánh giá bài nói trình bày ý kiến về tiếng cười trong cuộc sống**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Chưa tốt** | **Tốt** | **Xuất sắc** |
| ***Mở đầu*** | *Có lời chào ban đầu và giới thiệu* |  |  |  |
| *Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói* |  |  |  |
| *Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)* |  |  |  |
| ***Triển khai*** | *Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?* |  |  |  |
| *Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?* |  |  |  |
| *Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe… của người nói có thuyết phục không?* |  |  |  |
| ***Kết thúc*** | *Khẳng định được ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống* |  |  |  |
| *Rút ra được bài học nhận thức, hành động* |  |  |  |
| ***Kĩ năng trình bày*** | *Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói* |  |  |  |
| *Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói* |  |  |  |
| *Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe* |  |  |  |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Đọc, góp ý dàn ý bài nói cho các bạn khác trong nhóm.

- Dựa vào những góp ý của bạn, phần rút kinh nghiệm qua tiết nói nghe, hãy tự chỉnh sửa dàn ý bài nói của mình.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý và tự luyện tập để nâng cao kĩ năng nói của bản thân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**\*GV hướng dẫn HS phần Củng cố, mở rộng bài học 4.**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng được các *Tri thức ngữ văn* và kết quả của phần *Đọc* để hoàn thành bài tập bảng thống kê so sánh thể loại đã học; củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các cột trong bảng và các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập 1 (SHS/ Tr 97):** HS kẻ bảng vào vở theo mẫu (SHS, trang 97) để củng cố kiến thức vể hai bài thơ trào phúng được đọc hiểu trong bài học 4.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Thể thơ** | **Các phần trong bố cục bài thơ** | **Câu thơ tương ứng** |
| *Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu*  (Trần Tế Xương) | Thất ngôn bát cú | - Giới thiệu về kỳ thi  - H/a các nhân vật trong kỳ thi  - Sự hiện diện của những ông to bà lớn nước ngoài  - Lời thức tỉnh và nỗi xót xa của nhà thơ | - Hai câu đề  - Hai câu thực  - Hai câu luận  - Hai câu kết |
| *Lai Tân*  (Hồ Chí Minh) | Thất ngôn tứ tuyệt | - Phần 1: Bộ máy quan lại ở Lai Tân.  - Phần 2: Bình luận của tác giả. | - Ba câu đầu  - Câu thơ cuối |

**(SHS/ Tr 97):** HS kẻ bảng vào vở theo mẫu (SHS, trang 97)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Đối tượng bị châm biếm, đả kích** | **Những cái xấu bị châm biếm, đả kích** |
| *Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu*  (Trần Tế Xương) | - Sĩ tử đi thi, quan viên người Việt   * những kẻ đại diện cho bọn thực dân đang nô dịch đất nước ta (quan sứ, mụ đầm) | - Chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn.  - Sự phô trương đến kệch cỡm của những kẻ đại diện cho bọn thực dân đang nô dịch đất nước ta. |
| *Lai Tân*  (Hồ Chí Minh) | Bộ máy quan lại ở Lai Tân với những kẻ đứng đầu: huyện trưởng, ban trưởng, cảnh trưởng  --> Chúng là những công chức, viên chức thuộc bộ máy chính quyền, những người thuộc giai tầng thống trị trong xã hội. | Tình trạng thối nát, vô trách nhiệm của bọn quan lại ở Lai Tân. |

**Bài tập 3 (SHS/ Tr 97):** Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin tương ứng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giọng điệu trào phúng** | **Đặc điểm của giọng điệu** | **Ví dụ minh họa**  **(tên bài thơ, tác giả)** |
| Hài hước | đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc. | *Tự trào* (Phạm Thái), *Hàn nho phong vị phú* (Nguyễn Công Trứ), *Bài ca ngất ngưởng* (Nguyễn Công Trứ),…  *Vịnh chuông* (Hồ Xuân Hương),… |
| Mỉa mai – châm biếm | tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô -gíc, đảo lộn trật tự thông thường. | *Giễu người thi đỗ; Năm mới chúc nhau* (Trần Tế Xương)  *Đề đền Sầm Nghi Đống* (Hồ Xuân Hương),… |
| Đả kích | thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, hình thức ngôn từ mang tính “mắng chửi” quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc. | *Đất Vị Hoàng* (Trần Tế Xương);  *Tiến sĩ giấy* (Nguyễn Khuyến),… |

**\*Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *Vịnh cây vông* (Nguyễn Công Trứ)**

- Một số đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật thể hiện qua bài thơ *Vịnh cây vông (Nguyễn Công Trứ):*

- Khám phá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Vịnh cây vông*

(Nguyễn Công Trứ)

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Về nhà tập nói trước người thân.

**TÊN BÀI DẠY:**

**BÀI 5 – NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI**

*(Thời gian thực hiện:14 tiết + 5 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1.Về năng lực*

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

- Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

*2. Về phẩm chất*

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

*1. Chuẩn bị của giáo viên*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các mạch trong chủ đề** | | **Thiết bị dạy học, học liệu** | **Chuẩn bị của HS** |
| **Đọc** | **Nội dung 1**: Giới thiệu tri thức ngữ văn, tìm hiểu văn bản: Trưởng giả học làm sang. | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.  -Tranh ảnh về tác giả Mô-li-e và văn bản “Trưởng giả học làm sang”.  - Ti vi, máy tính (bảng phụ) | - Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên. |
| **Nội dung 2:** Thực hành tiếng Việt | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác | Thực hiện trước các yêu cầu trong SGK |
| **Nội dung 3:** Văn bản: Chùm truyện cười dân gian VN | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, ti vi, bảng, dụng cụ khác.  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến văn bản. | - Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.  -Sưu tầm, đọc truyện về Quang Trung |
| **Nội dung 4:** Văn bản:  Chùm ca dao trào phúng. | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.  - Ti vi, máy tính | -Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên. |
| **Nội dung 5:** Thực hành tiếng Việt | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác | Thực hiện trước các yêu cầu trong SGK |
| **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong XH) | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, Ti vi, bảng phụ, dụng cụ khác | Chuẩn bị theo câu hỏi yêu cầu của GV |
| **Nói và nghe** | Trình bày ý kiến về 1 vấn đề XH ( một thói xấu của con người trong XH hiện đại) | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, Ti vi, bảng phụ, dụng cụ khác | Chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV |

*2. Chuẩn bị của học sinh:*SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Tiết:54**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN TRONG CÂU**

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV** tổ chức cho học sinh chơi trò chơi Ai thông minh hơn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**HS** chú ý vào từ in đậm và trả lời các câu hỏi.

**GV** kết nối với nội dung của phần thực hành Tiếng Việt

Gv chiếu câu “ Ngày mai tôi đi Hà Nội” và hỏi hs:

*Câu trên gợi cho em những nghĩa nào?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Chốt đáp án và công bố người giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung Tiếng Việt.

B. HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a. Mục tiêu**: HS nắm được đặc điểm của nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn trong tác phẩm văn học

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần  Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát hình ảnh và lựa chọn bông hoa để trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** chỉ định đội trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt đáp án.  - Chốt nội dung Tiếng Việt.  Ví dụ:*Chuột chù chê khỉ răng hồi*  *Khỉ mới trả lời: Cả họ may thơm.*  *(Ca dao)*  Chuột chù và khi đầu là các loài có mùi hôi. Nhưng chuột chù lại cho khi trong khi chính mình cùng hôi. Nghĩa tường minh trong câu trả lời của khỉ là lời khen, nghĩa hàm ẩm thể hiện sự mỉa mai chuột chù. Câu ca dao có hàm ý phê phán những người không tự biết cái xấu của mình mà còn đi chê bai người khác.- Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có nhứng ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn). | **I. Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  *1/ Khái niệm*  - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu.  *2. Ví dụ*  - Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn).  \* Có những nghĩa hàm ẩn tuỳ thuộc ngữ cảnh.  Ví dụ:  Ngày mai tôi đi Hà Nội.  Có thể hiểu là: “*Ngày mai tôi không gặp mặt với nhóm được*", nhưng cũng có thể hiểu: “*Anh có cần gửi gì cho người thân ở Hà Nội thì tôi sẽ mang giúp cho* .... Những nghĩa này tuỳ thuộc vào nội dung trao đổi trước đó giữa người nói (người viết) và người nghe (người đọc).  \*Có những nghĩa hàm ẩn không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.  Ví dụ:- Nó lại đi Đà Lạt.  Câu này cho biết một người nào đó đi Đà Lạt, và nhớ từ lại mà ta có thể suy ra trước đó người này đã từng đi Đà Lạt. Nghĩa hàm ẩn này được suy ra từ nghĩa của từ ngữ ở trong câu, chủ không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.  \* Nghĩa hàm ẩn giúp chuyền tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa....; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn. |

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Gv chia bài tập thành 3 trạm**  **Trạm 1:** Đặt trong ngữ cảnh cuộc đối thoại được thể hiện *ở* bài ca dao số 2, nghĩa hàm ẩn của câu *“Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo"* là gì?  Theo em, qua câu ca dao *“Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đấy..",* anh học trò thực sự muốn nói điều gì?  **Trạm 2:** Cho biết nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm trong các trường hợp sau:   1. *Chập chập rồi lại Cheng Cheng*   ***Con gà sống lớn để riêng cho thầy.***   1. Ồng Giuốc-đanh: - *Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi.*   Phó may: - *Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu.*  Ông Giuốc-đanh: - *Lại còn phải bảo cái đó à?*  Phó may: *- Vâng, phai bảo chứ.* ***Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.***  **Trạm 3:** Xác định nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ dưới đây:   1. *Có tật giật mình.* 2. *Đời người có một gang tay*   *Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.*   1. *Cười người chớ vội cười lâu*   *Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*   1. *Lời nói gói vàng.* 2. *Lưỡi sắc hơn gươm.*   - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập.  - Mỗi nhóm lần lượt thực hiện nhiệm vụ của từng trạm.  Xong trạm 1 thì thực hiện trạm 2  Xong trạm 2 thì thực hiện nhiệm vụ của trạm 3.  Nhóm nào xong sớm và đúng sẽ được cộng điểm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc nhóm ở phần bài tập theo kĩ thuật Trạm.  **GV** theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm  **HS** chữa bài tập, nhóm khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS.  - Chốt đáp án của bài tập lên bảng/ màn hình | **Bài tập 1:**   1. **Bài ca dao số 2:**   Mèo là kẻ thù của chuột; Cha của mèo chết chuột lại lo làm đám giỗ. việc kẻ bị ức hiếp làm giỗ cha kẻ thù là một cách nói phi lí, vì làm giỗ là việc trong nội bộ gia đình. **->** Vậy có thể hiểu đây là lời nguyên rủa, tiếng chửi, sự vạch mặt của dân gian đối với những kẻ đạo đức giả.  **\*** Ở bài ca dao số 3, cầu *‘‘Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đẫy...”* là lời đáp của anh. học trò nghèo trước việc thách cưới của bên nhà gái.  Vể lễ vật, ngoài thứ khó nhưng vẫn có thể kiếm được như mật ong, quýt thì mỡ muỗi là thứ không thể có được. Vì vậy, đây có thể coi là sự vô vọng, là sự đẩu hàng của anh học trò.  **Bài tập 2: Nghĩa hàm ẩn của câu**  a. Nghĩa hàm ẩn của cầu này là ông thầy cúng tham ăn.  b**.** Câu này cùa anh thợ may ám chỉ việc ông Giuốc-đanh muốn làm quý tộc. Đồng thời, người nói cũng có ý giễu cợt một cách kín đáo: ông không thể thành quý tộc được khi một quy cách thông thường vẽ lễ phục quý tộc như vậy mà cũng không biết  **Bài tập 3:**  **a.** Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngũ là những người có khiếm khuyết, hoặc mắc lỗi lầm khi nghe người khác nhắc đến nhũng khiếm khuyết hoặc lỗi lầm đó (dù không phải nhằm đến mình) cũng chột dạ, sợ hãi nghĩ là họ nói mình.  **b.** Câu tục ngữ so sánh chiểu dài của đời người với chiểu dài của gang tay. Những người ngủ dậy muộn hoặc ngủ nhiễu vào ban ngày, không dành thời gian cho công việc và các hoạt động sống khác thì coi như chỉ sống nửa cuộc đời (nửa gang). Cầu tục ngữ chê trách những người lười biếng, lãng phí thời gian.  **c.** Trong cuộc sống, không phải lúc nào mọi thứ cũng thuận lợi, tốt đẹp. Có khi, con người phải mang những khiếm khuyết, hoặc có lúc gặp bất trắc, thất bại, xui xẻo. Đừng cười nhạo người khác khi họ rơi vào những hoàn cảnh như vậy, vì rất có thể chính mình trong tương lai cũng sẽ lầm vào tình cảnh tương tự.  **d.** Lời nói của con người rất quý giá, cần trau chuốt để lời nói của mình có tác dụng tốt đối với người khác (lời khuyên tốt, lời động viên kịp thời, lời chia sẻ chân tình, lời răn dạy quý báu,...).  **e.**So sánh *lưỡi sắc hơn gươm* có tác dụng khẳng định sức mạnh của lời nói: lời nói có thể làm thương tổn còn hơn gươm giáo. Những lời độc địa có thể làm hại người khác. Đôi khi, trong những tình huống nhất định (ví dụ như đấu tranh xã hội), lời nói có tác dụng hơn vũ khí thông thường. |

D. HĐ 4: VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

Đặt câu có sử dụng nghĩa hàm ẩn và chỉ ra nghĩa hàm ẩn trong câu vừa đặt.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, đặt câu rồi đăng lên Padlet.)

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

**-------------------------------------------------------**

**Tiết 55**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CÂU HỎI TU TỪ**

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết có một loại câu hỏi không dùng với mục đích hỏi, đó là câu hỏi tu từ thông qua câu hỏi phần khởi động

b) Tổ chức thực hiện

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv giao bài tập tình huống cho HS: Bạn Nam băn khoăn không biết câu hỏi ở đoạn thơ sau để làm gì, các em hãy trả lời giúp bạn.

*“ Em là ai cô gái hay nàng tiên?*

*Em có tuổi hay không có tuổi?*

*Mái tóc em là mây hay là suối?*

*Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm đông ?”*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Gv giao nhiệm vụ, HS trả lời

**Bước 3: Báo cáo thảo luận hoạt động**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

- Gv nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới

**a. Mục tiêu: Giúp HS**

- Nắm vững tri thức về câu hỏi tu từ, tác dụng của câu hỏi tu từ, phân biệt câu hỏi tu từ và câu hỏi thông thường.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***-****Nêu tác dụng của những câu hỏi trong các ví dụ sau?*  **VD1.**  **A:** Cậu có đi chơi với tớ không?  **B:**- Cậu không thấy mình đang phải nấu cơm giúp mẹ à ?  **VD2.** Than ôi thời oanh liệt nay còn đâu?  (Nhớ rừng-Thế Lữ)  **VD3.**Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?  (Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?- Chế Lan Viên)  ***-*** *Em rút ra nhận xét gì về tác dụng của câu hỏi tu từ?*  (Tác dụng trong giao tiếp và trong văn học)  *- Dựa vào phiếu học tập 1, hãy phân biệt câu hỏi thông thường và câu hỏi tu từ?*  (Hoàn thành phiếu học tập số 2)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV cho HS hoàn thành phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **Câu hỏi thông thường**  **(Cần có câu trả lời)** | **Câu hỏi dùng**  **với**  **mục đích khác**  **(Không cần**  **câu**  **trả lời)** | | VD1 |  |  | | VD2 |  |  | | VD3 |  |  |   -HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **I. Nhận biết câu hỏi tu từ và tác dụng**  **1. Nhận biết câu hỏi tu từ**  **a/ Phân tích ví dụ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **VD** | Câu hỏi thông thường  (Cần có câu trả lời) | Câu hỏi dùng với  mục đích khác  (Ko cần câu trả lời) | | VD1 | Câu hỏi của A | Câu hỏi của B-Dùng  để từ chối –phủ định  (Mình không thể  đi vì bận nấu cơm  giúp mẹ) | | VD2 |  | Bộc lộ cảm xúc  nuối tiếc. | | VD3 |  | Khẳng định vẻ đẹp  của Tổ quốc và bộc  lộ cảm xúc tự hào |   **Nhận xét:**  -VD 1 câu hỏi thông thường (Câu hỏi của A  - Câu hỏi tu từ: Câu trả lời của B, VD2, VD3  **\*Tác dụng:**  **- Trong giao tiếp:** Câu hỏi tu từ thu hút sự chú ý của người nghe, giúp lời nói uyển chuyển, giàu sắc thái biểu cảm.  **- Trong văn học:** Câu hỏi tu từ làm tăng sắc thái biêu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ cho văn bản.  **\*Phân biệt câu hỏi tu từ và câu hỏi thông thường.**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi thông thường** | **Câu hỏi tu từ** | | -Dùng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày | -Dùng phổ biến trong  văn chương | | -Nêu điều chưa biết hay còn băn khoăn cần có câu trả lời | -Không cần câu trả lời, dùng để khẳng định  hoặc phủ định,bộc lộ cảm xúc… | |

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp làm 3 nhóm  - GV yêu cầu hoạt động nhóm trong thời gian 3p tìm các câu hỏi tu từ trong văn bản “Trưởng giả học làm sang” và giải thích vì sao là câu hỏi tu từ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS sinh hoạt động nhóm viết câu trả lời ra phiếu học tâp số 3   |  |  | | --- | --- | | Các câu hỏi tu từ | Giải thích | |  |  |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp làm 2 đội, mỗi đội 3 HS  - GV chuẩn bị 2 phiếu học tập A0ghi rõ cột các câu hỏi tu từ cho HS thi chuyển các câu hỏi tu từ trong bài tập 1 thành các câu kể  -Thời gian hoạt động 5p  -Cách thức trò chơi tiếp sức  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thi và thực hiện chuyển đổi câu.   |  |  | | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Chuyển sang câu kể** | | -Lại còn phải bảo cái đó nữa à? |  | | -Đâu có là thế nào? |  | | -Con ranh con, lạ chưa kìa? |  | | Mày trêu tao đấy hẳn? |  | | -Mày không thôi đi phỏng? |  | | -Chưa thôi phỏng? |  |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các đội thi lên bảng thực hiện trò choi  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   |  |  | | --- | --- | | **Các câu kể** | **Chuyển sang câu hỏi tu từ** | | -Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy. |  | | -Hãy thong thả, chú mình |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thi và thực hiện chuyển đổi câu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS lên bảng chuyển đổi  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS thảo luận cặp đôi. Nhiệm vụ xác định các câu hỏi trong đoạn văn có phải là câu hỏi tu từ không và vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện trao đổi cặp đôi .  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trình bày kết quả thảo luận  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS làm việc cá nhân, đặt câu theo tình huống: ***Đặt câu hỏi tu từ cho các tình huống sau?***  a.Bày tỏ cảm xúc khi nhận được món quà của người thân.  b. Bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật trong tác phẩm văn học đã học hoặc được đọc  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lên bảng thực hiện đặt câu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trình bày kết quả thảo luận  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án. | 1. **Luyện tập**   **Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Giải thích** | | | -Lại còn phải bảo cái đó nữa à? | - câu này không để hỏi mà bộc lộ thái độ ngạc nhiên,trách cứ viêc phó may đã may hoa ngược. | | | -Đâu có là thế nào? | | - Khẳng dịnh đôi giày làm ông Giuốc Đanh đau chân. | | -Con ranh con, lạ chưa kìa?  Mày trêu tao đấy hẳn? | | - Bày tỏ thái độ tức giận khi Ni-Con cười mình của ông Giuốc Đanh. | | -Mày không thôi đi phỏng?  -Chưa thôi phỏng? | | - Bộc lộ thái độ tức giận và yêu cầu Ni-con không được cười nữa. |   **Bài tập 2**   |  |  | | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Chuyển sang câu kể** | | -Lại còn phải bảo cái đó nữa à? | -Điều này không phải bảo. | | -Đâu có là thế nào? | - Bác nói thế là sai vì tôi thấy đau chân. | | -Con ranh con, lạ chưa kìa? | - Con ranh con, mày không được cười . | | -Mày trêu tao đấy hẳn? | - ông rất bực khi thấy thái độ trêu chọc của mày . | | -Mày không thôi đi phỏng? | -Nói thế mà mày lì lợm vẫn cười. | | -Chưa thôi phỏng? | - Ông rất tức khi mày vẫn còn trêu chọc ông đấy. |   **Bài tập 3.**   |  |  | | --- | --- | | **Các câu kể** | **Chuyển sang câu hỏi tu từ** | | -Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy. | - Tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài, làm sao mà tôi có thể đến sớm hơn được ? | | -Hãy thong thả, chú mình | -Hãy thong thả, sao chú mình vội thế ? |   **Bài tập 4**  -Tất cả các câu hỏi trong đoạn văn đều là câu hỏi tu từ  -Lí do: Mặc dù có hình thức của câu hỏi( Có các từ để hỏi : có phải, phải chăng) nhưng mục đích không phải để hỏi mà để khẳng định những nội dung trong câu  +Câu hỏi thứ nhất khẳng định lí do yêu mùa xuân của cô gái.  +Câu hỏi thứ hai khẳng định lí do yêu mùa xuân của chàng trai.  +Câu hỏi thứ ba khẳng định lí do yêu mùa xuân của người thiếu phụ.  **Bài tập 5.**  a.  -Mẹ có biết rằng đây chính là món quà mà con rất thích không ?  **b.**  **-** Trần Quốc Toản phải chăng là một anh hùng trẻ tuổi mà bao lớp trẻ cảm cảm phục ? |

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng kiến thức về câu hỏi tu từ, thực hành giao tiếp

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho Hs

- Đặt ít nhất 2 câu hỏi tu từ sử dụng trong cuộc sống hàng ngày?

- Tìm thêm 2 ví dụ câu hỏi tu từ sử dụng trong văn học và chỉ rõ tác dụng ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-HS nhận nhiệm vụ và thực hiện cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-HS báo cáo sản phẩm qua zalo hoặc các ứng dụng palet mà GV yêu cầu

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

-GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

**\* Chuẩn bị:**

+ Hoàn thành các bài tập được giao.

+Soạn bài “Chùm truyện cười dân gian Việt Nam”

**\* Phụ lục:**

Phiếu học tập số 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ví dụ | Câu hỏi thông thường  (Cần có câu trả lời) | Câu hỏi dùng với mục đích khác  (Không cần câu trả lời) |
| VD1 |  |  |
| VD2 |  |  |
| VD3 |  |  |

Phiếu học tập số 2

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi thông thường | Câu hỏi tu từ |
|  |  |
|  |  |

Phiếu học tập số 3

|  |  |
| --- | --- |
| Các câu hỏi tu từ | Giải thích |
|  |  |

Phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| Các câu hỏi tu từ | Chuyển sang câu kể |
| -Lại còn phải bảo cái đó nữa à? |  |
| -Đâu có là thế nào? |  |
| -Con ranh con, lạ chưa kìa? |  |
| Mày trêu tao đấy hẳn? |  |
| -Mày không thôi đi phỏng? |  |
| -Chưa thôi phỏng? |  |

**Tiết:56,57,58**

**VĂN BẢN 2: CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM**

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu video về một câu chuyện cười (link <https://youtu.be/yoMQieBJVb8>)

GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy nêu tên những câu chuyện cười khác mà em biết.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Truyện cười là những truyện gây cười hàm chứa một ý nghĩa nào đó. Có loại hài hước, có loại châm biếm sâu cay. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu chùm truyện cười dân gian Việt Nam để thấy được nghệ thuật trào lộng dân gian, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.*

B. HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**I: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

b**. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu về truyện cười:  *+ Nêu cách hiểu của em về truyện cười?*  *+ Hiểu biết của em về đặc điểm của truyện cười?*  *+ Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I/ Đọc văn bản**  \* Khái niệm truyện cười  - Truyện cườilà những truyện dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc, hành vi trái tự nhiên của con người, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí và phê phán xã hội.  - Đặc điểm:  + Truyện cười thường khai thác những mâu thuẫn trái tự nhiên những hành động kệch cỡm, rởm đời hay dốt nát trong cuộc sống.  + Truyện thường ngắn nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ.  + Truyện cười mang ý nghĩa giải trí và giáo dục.  + Ngoài tiếng cười, nó tập trung phê phán những thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân, vì thế mới có ý kiến cho rằng, truyện cười không chỉ là sản phẩm của óc khôi hài mà còn là một thứ vũ khí đấu tranh đắc dụng của nhân dân ta.  - Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý về đối tượng, nguyên nhân, ý nghĩa của tiếng cười và nghệ thuật gây cười của truyện. |

**II. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống truyện

- HS nhận biết và phân tích được tính cách nhân vật trong truyện

- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tìm hiểu văn bản *Lợn cưới áo mới***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Anh thứ nhất có gì để khoe? Theo em, một cái áo mới may có đáng để khoe thiên hạ không?*  *+ Anh thứ hai có gì để khoe? Có đáng khoe thiên hạ một con lợn làm cỗ cưới không?*  *+ Hai anh kia đã đem những cái rất bình thường để khoe mình có của. Điều đó có đáng cười không? Vì sao?*  *+ Qua sự việc này, nhân dân muốn cười giễu tính xấu gì của người đời?*  *+ Tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gây cười ở chỗ nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2: Tìm hiểu văn bản *Treo biển***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Nội dung tấm biển có mấy yếu tố? Vai trò của từng yếu tố?+ Theo em, biển ghi như vậy hợp lý chưa? vì sao?*  *+ Có mấy người góp ý? Góp ý như thế nào? Theo em các ý kiến trên chỗ nào hợp lí, chỗ nào không? Vì sao?*  *+ Sự tiếp thu của nhà hàng khi nghe những lời góp ý? Em có nhận xét gì về những lời góp ý đó?*  *+ Ý nghĩa cái cười trong truyện?*  *+ Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ làm như thế nào?*  *+ Qua câu truyện, em rút ra bài học gì về cách dùng từ? (Lặp từ để nhấn mạnh hành động, có tác dụng gây cười).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hi.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3: Tìm hiểu văn bản *Nói dóc gặp nhau***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV giao nhiệm vụ:  *+ Lời nói của hai nhân vật trong truyện có điều gì đặc biệt?*  *+ Chi tiết nào trong truyện tạo ra sự bất ngờ cho chuyện?*  *+ Nhân vật nào mới là nhân vật nói dóc?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhậ định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Khám phá chi tiết văn bản**  **1. Lợn cưới áo mới**  **\* Những của được đem khoe**  **+** Một cái áo mới may  + Một con lợn để cưới  → Những cái rất bình thường  → Đáng cười, lố bịch. Chế giễu tính khoe khoang, nhất là khoe của.  **\* Cách khoe của**  - Anh lợn cưới:  + Đang tìm lợn xổng  + Hỏi to, nhấn mạnh từ “cưới”.  → Lẽ ra phải hỏi “anh có thấy con lợn đen (hoặc trắng, lang) của tôi chạy qua đây không?  + Mục đích: Khoe lợn, khoe của.  - Anh áo mới:  + Đứng hóng ở của để đợi người ta khen.  + Kiên trì đứng đợi từ sáng đến chiều.  + Giơ vạt áo, bảo: “Từ lúc tôi...”.  → Điệu bộ lố bịch, tức cười; thừa hẳn một vế.  → Chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.  **2. Treo biển**  **a. Treo biển quảng cáo**  - Ở đây có bán cá tươi  - Biển có 4 yếu tố, thông báo 4 nội dung:  + ở đây: thông báo địa điểm cửa hàng.  + có bán: thông báo hoạt động.  + cá: thông báo mặt hàng bán.  + tươi: thông báo chất lượng hàng.  → Biển ghi hợp lí, các thông tin đầy đủ, chính xác, không cần thêm bớt chữ nào.  **b. Những góp ý về cái biển**  - Có 4 người góp ý về cái biển  + Lần 1: người qua đường: thừa chữ tươi.  + Lần 2: khách góp ý: bỏ “ở đây”.  + Lần 3: khách góp ý: bỏ “có bán”.  + Lần 4: người láng giềng: bỏ “cá”.  → Các ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và ngụy biện.  → Tình huống cực đoan, vô lí và cách giải quyết một chiều.  → Gây cười ở sự thống nhất giữa các ý kiến với nhau là cùng chê bai sự dài dòng của tấm biển, gây cười ở chỗ sự chiều khách, lắng nghe và nhất nhất làm theo mọi lời khuyên, không cần suy nghĩ của nhà hàng.  **c. Sự tiếp thu của nhà hàng**  - Mỗi lần nghe góp ý nhà hàng làm theo ngay không cần suy nghĩ.  - Cái biển được cất đi.  → Cái ngược đời phi lí, trái tự nhiên làm tiếng cười bật ra.  **3. Nói dóc gặp nhau**  - Người thứ nhất miêu tả chiếc ghe: dài không lấy gì đo cho xiết. Một người tuổi hai mươi đứng ở đầu mũi bắt đầu đi ra đằng lái; đi đến giữa cột buồm thì đã già, râu tóc bạc phơ, cứ thế đi, đến chết vẫn chưa tới lái.  → Lời nói của anh đầu tiên thể hiện tính cách nói khoác lác, ba hoa.  - Người thứ hai miêu tả cái cây:  + Cao ghê gớm. Có một con chim đậu trên cành cây ấy, đánh rơi một hột đa. Hột đa rơi xuống lưng chừng gặp mưa, gặp bụi rồi nảy mầm, đâm rễ thành cây đa. Cây đa lớn lên, sinh hoa, kết quả, hột đa ở cây đa đó lại rơi vãi ra, đâm chồi nảy lộc thành nhiều cây đa con. Đa con lớn lên, sinh hoa kết quả, lại nảy ra đàn cây đa cháu, cứ thế mãi cho đến khi rơi tới đất thì đã bảy đời tất cả.  **+** Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh? 🡪 Chi tiết gây cười.  → Lời nói của anh thứ hai tuy khoác lác nhưng ngụ ý nhằm chê bai, phê phán thói nói dóc của anh thứ nhất.  **III.Tổng kết**  **1. Nội dung**  Những mẩu truyện cười nhằm phê phán các kiểu người trong xã hội, dùng tiếng cười để chế giễu những thói hư tật xấu của con người.  **2. Nghệ thuật**  Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật. |

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chùm truyện cười dân gian Việt Nam*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện cười trên.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS theo dõi, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

**- GV nhận xét, đánh giá**

***Đoạn văn mẫu:***

*Truyện cười Lợn cưới, áo mới nói về hai anh chàng có tính thích khoe khoang(1). Tính khoe khoang (khoe của, khoe danh, khoe tài, khoe chức tước,...) là thói thích tỏ ra, trưng ra cho người khác biết là mình giàu, mình tài giỏi, mình danh giá(2). Đó là một thói xấu, nó thường lộ ra ở cách ăn mặc, trang sức, bài trí nhà cửa, nói năng, giao tiếp... (4). Truyện Lợn cưới, áo mới kể về hai anh chàng thích trưng diện, khoe khoang, ra điều mình có... của (5). Đọc, nghe truyện Lợn cưới, áo mới, chúng ta được cười nhiều lần xoay quanh con lợn cưới và chiếc áo mới(6). Của chẳng đáng là bao, mà hai anh chàng kia cứ thích khoe khoang(7). Thái độ và ngôn ngữ của cả hai đều quá mức, lố bịch(8). Điều thú vị là tác giả dân gian đã xây dựng được tình huống vừa song song vừa đối lập: hai nhân vật giống nhau cái tính thích khoe, cũng đua nhau khoe để được người khác chú ý, khen ngợi(9).*

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Chùm truyện cười dân gian Việt Nam, lựa chọn một câu chuyện, phân vai đóng kịch

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá

**Tiết:59,60**

**VĂN BẢN 3. CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG**

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chùm ca dao trào phúng*

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Nhanh như chớp”, chủ đề: EM AM HIỂU CA DAO VIỆT NAM để học sinh thể hiện sự hiểu biết của mình về ca dao Việt Nam

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi:

+ Chia lớp thành 4 đội

+ Luật chơi: Mỗi đội chơi sẽ bắt đầu đọc một câu ca dao Việt Nam (chủ đề tự do)

Đến lượt đội nào không có câu trả lời sẽ bị mất điểm

+ Tổng kết trò chơi: đội nào đọc được nhiều câu ca dao nhất giành chiến thắng

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV để từng đội chơi đọc ca dao

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

Tiếng cười trào phúng với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau là một phần của đời sống. Tiếng cười đó được bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta. Nó góp phần thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế và hướng chúng ta đến chân, thiện, mĩ. Vậy đến với bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu thêm về bài ca dao trào phúng tiếp

B. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đọc ca dao trào phúng

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn cách đọc văn bản .  Chú ý cách đọc đối với thể loại ca dao trào phúng ta đọc với giọng dí dỏm , hài hước .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt câu hỏi  -  *GV yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết về ca dao ? thể loại , phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  Dự kiến trả lời câu hỏi :  - Thể loại : thơ 6 /8  - PTBĐ: Biểu cảm  - Bố cục : chia làm 3 phần  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **I, Đọc văn bản.**   1. **Đọc**   **2, Tìm hiểu chung về văn bản**  **-** Ca dao là một thể thơ dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới dạng lời thoại không theo một nhịp điệu cụ thể nào, thường được viết theo thể thơ lục bát để dễ nhớ. Ca dao bộc lộ tâm tình, tình cảm của người nói, người viết về đủ mọi đề tài trong cuộc sống.  - Thể loại : Thơ lục bát 6/ 8  - PTBĐ: Biểu cảm  - Bố cục : 3 phần  + P1 : Bài ca dao số 1 : Buổi lễ của ông thầy cúng  + P2 : Bài ca dao số 2 : Cuộc thăm viếng của mèo đến nhà chuột  + P3 : Bài ca dao số 3 : Việc thách cưới của nhà gái với anh học trò nghèo |

**II: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:** - HS xác định được một số yếu tố trong ca dao trào phúng (đối tượng, chủ đề, thông điệp,…)

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật đặc sắc

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV 1 : Bài ca dao số 1 :**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi .  **Nhóm 1 :** Bài ca dao dựng ngữ cảnh có âm thanh gì ? trong dịp nào gia đình chuẩn bị xôi gà mời thầy cúng . Qua đó em hình dung buổi lễ đó ra sao ?  **Nhóm 2** :  Bài ca dao số 1 nói về hoạt động nào của con người? Em căn cứ vào đâu để nhận biết điều đó?  **Nhóm 3 :**  Bài ca dao số 1 phê phán đối tượng nào? Tại sao đối tượng đó lại bị phê phán?  **Nhóm 4 :** Qua đó em có nhận xét gì về bài ca dao trên ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời :**  **Nhóm 1**: Bài ca dao dựng với ngữ cảnh của buổi lễ có âm thanh của chiêng , mõ , và các đồ lễ cúng như gà xôi và người thầy cúng . có thể hình dung một ông thầy cúng đang gõ chiêng , gõ mõ cúng thì ngoảnh mặt ra dặn gia chủ để dành đồ lễ cho mình  **Nhóm 2** : Bài ca dao số 1 nói về hoạt động của những người thầy bói rởm, hành nghề mê tín.  - Căn cứ vào: mở đầu câu ca dao, tác giả đã nói lên những chi tiết mê tín và hư ảo qua những từ láy của tiếng trống, tiếng chiêng " chập chập ", " cheng cheng ".  **Nhóm 3 :** Bài ca dao nói về người thầy bói . Vì người này khi lễ ko nhất tâm vào việc lễ mà chỉ để ý đến đồ ănlà xôi và gà . Mà gà là gà phải “ Con gà sống lớn ”, xôi “phải đơm cho đầy ” đĩa , lễ vật phải nhiều mới vừa lòng thầy cúng , và thầy mà “không ưa ” thì xem ra buổi lễ không linh ứng . Qua đó ta thấy thầy là người tham lam lừa bịp  **- Nhóm 4 :** Bài ca dao số 1 là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán, hành nghề mê tín dởm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người khác và chuộc lợi về bản thân của người được gọi là thầy bói. Qua đó, ta thấy rõ được sự mỉa mai, khinh bỉ và chế giễu của người xưa đối với những người hành nghề mê tín này. Không chỉ vậy, đây còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ một số người tin vào những thứ mê tín như bài ca dao trên. Những đối tượng ấy đáng bị phê phán, lên án vì đây là một nghề lợi dụng vào tâm linh, tín ngưỡng để lừa tiền của một số đối tượng nhẹ dạ, cả tin. **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV 2 : Bài ca dao số 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chiếu bài ca dao số 2 lên và yêu cầu hs đọc bài ca dao và suy nghĩ trả lời câu hỏi ? Trong bài ca dao nhắc đến 2 con vật đó là con vật nào ?  ? Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản , đối nghịch dựa trên yếu tố nào ?  ? Bài ca dao thể hiện tính cách gì của mèo và mối quan hệ như thế nào giữa mèo và chuột ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **-** 2 con vật được nhắc đến trong bài ca dao số 2 đó là mèo và chuột  **-**Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản, đối nghịch dựa trên yếu tố: mèo và chuột.  - Mối quan hệ giữa mèo với chuột: Mèo là kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung với chuột, có tập tính bắt chuột để ăn thịt. Quan hệ giữa chúng là mối quan hệ loại trừ.  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV3: Bài ca dao số 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt câu hỏi ? Trong bài ca dao số 3 đó là cuộc trò chuyện của ai ? cuộc trò chuyện nói về nội dung gì ?  ? Bài ca dao số 3, anh học trò đem bán những thứ gì để có tiền dẫn cưới? Hãy nhận xét về đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo. Có thể có những điều này trong thực tế không?  ? Bài ca dao số 3 lên án hủ tục gì? Cách lên án có tạo ra sự căng thẳng không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **1, -** Cuộc trò chuyện của chàng trai và cô gái  Nói về việc thách cưới  2, - Ở bài ca dao số 3, anh học trò đem bán bể, bán sông để có tiền dẫn cưới.  - Đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo: trăm tám ông sao, trăm tấm lụa đào, một trăm con trâu, một nghìn con lợn, bồ câu tám nghìn, tám vạn quan tiền, một chĩnh vàng hoa, mười chum vàng cốm bạc, ba chum mật ong, mười thúng mỡ muỗi.  = > Những điều này phi thực tế, là cách anh học trò nghèo chế giễu cô gái khi thách cưới.  3, Bài ca dao số 3 lên án hủ tục thách cưới trong xã hội xưa. Cách lên án này có phần hài hước, dí dỏm. Anh học trò này thật lém lỉnh và táo bạo, anh không thương lượng giảm bớt mà lại tỏ ra bình thản đến lạ lùng. Và thậm chí lễ vật của anh còn có vẻ vượt mấy lần yêu cầu của cô gái đề ra. Nếu như cô gái thách "hai mươi tám", "chín mươi chín" ông sao thì anh lại dẫn tới "trăm tám ông sao trên trời". Vì tình yêu, anh không sợ, không để những lễ vật đó trở thành rào cản anh đến với cô gái và có lẽ cũng hiểu tâm lí của cô gái mà chàng trai cũng đáp lại như thế cho thỏa tấm lòng của cô. Việc dẫn hơn số lễ vật mà cô gái yêu cầu cũng thể hiện sự trân trọng của chàng trai đối với phẩm giá của cô gái và sự đồng cảm của anh đối với người yêu như thế nào.  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ-**  **GV đặt câu hỏi:***?**Nêu những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II, Khám phá chi tiết văn bản**  **1, Bài ca dao số 1 :**  Bài ca dao trên là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán dởm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân của tên thầy bói. Không chỉ thế, đó còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ những người tin vào những thứ mê tín như trong bài ca dao.  **2. Bài ca dao số 2:**  - Sự tương phản, đối nghịch dựa trên hai sự vật: mèo - chuột.  - Bài ca dao phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh thường nguỵ trang tinh vi bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa.  **3, Bài ca dao số 3**  - Lên án hủ tục thách cưới trong xã hôi xưa . Nhiêu người không lấy được vợ , nhiếu đôi lứa không thành vợ thành chồng do bi ngăn cản bởi hủ tục này .  - Mục đích phê phán hủ tục nhưng không gây căng thẳng mà lai đem đến tiếng cười cho người thưởng thức do sử dụng - Thủ pháp phóng đại nói quá. Phóng đại cả khả năng múc do , số lượng . Tiếng cười còn toát lên sự liệt kê tưởng như không đủ số lễ vật.  - Dấu ba chấm kết thúc bài ca dao để ngộ khả năng diễn tiếp các lễ vật khác  **III, Tổng kết**  **1, Nội dung :**  **-** Bài học trong cuộc sống lên án thói mê tín dị đoan , sự đối nghịch giả tạo , thủ tục thách cưới được thể hiện trong bài ca dao kết hợp với giọng điệu ngôn ngữ tạo nên tiếng cười trong ca dao  **2, Nghệ thuật :**  -Sử dụng biện pháp phóng đại nói quá phóng đại khả năng , mức độ , số lượng liệt kê , đối lập tương phản , giọng điệu ngôn từ hài hước |

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chùm ca dao trào phúng*

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ-**  *- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*  ***Câu 1 : Bài ca dao số 1 lên án thủ tục gì ?***   1. *Thách cưới* 2. *Mê tín dị đoan*   ***Câu 2 : Biện pháp chủ yếu trong ca dao số 3 là gì ?***   1. ***Ẩn dụ và kịch tính*** 2. *Gắn với hiện thực* 3. *Phóng đại nói quá* 4. *Tưởn tượng kì ảo*   ***Câu 3 : Điền vào chỗ trống những câu ca dao sau :***   1. *Chồng người bể Sở sông Ngô*   *Chồng em ............, rang ngô ...............*   1. *Làm trai cho đáng nên trai*   *Vót đũa cho dài ,................ cơm con*   1. *Ăn no rồi lại ...........................*   *Nghe giục trống chèo , ................. đi xem .*   1. *Lỗ mũi mười tám .........*   *Chồng yêu chồng bảo ...............*  *Đêm nằm thì gáy o o*  *Chồng yêu chồng bảo .............vui nhà*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  *Đáp án : Câu 1 : B*  *Câu 2 : C*  *Câu 3 :*  *1. ngồi bếp , cháy quần*  *2.ăn vụng*  *3. nằm khèo , bế bụng*  *4. gánh lông, râu rồng trời cho , gáy cho .*  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.* |

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ-**

*- GV yêu cầu HS:* Nêu ngắn gọn cảm nhận về lời thách cưới của cô gái : “ Nhà em thách cưới một nhà khoai lang ”

**Hướng dẫn** :

- Cảm nhận về người cô gái không mặc cảm mà còn bằng lòng với cảnh nghèo , vui mà thích thú trong lời thách cưới ( dù chỉ là những lời đùa cợt trong chặng hát cưới của lối đối đáp nam nữ trong dân ca )

- Lời thách cưới thật khác thường ( chỉ là khoai lang ) mà vô tư hồn nhiên , thanh thản nói lên tâm hồn lạc quan yêu đời của người lao động .

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

*-----------------------------------------------*

**Tiết:61,62,63**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG ( MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)**

PHT SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

Họ và tên HS: ………………………….

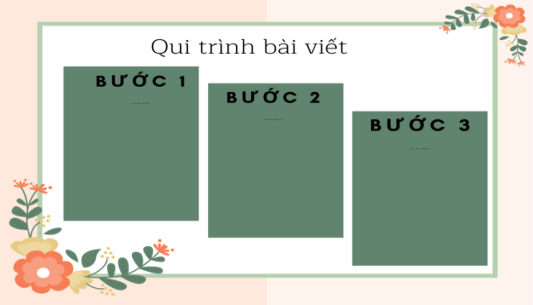
**Nhiệm vụ**: Đọc Bài viết Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay (SGK/ 114, 115) và hoàn thành các thông tin sau

Gợi ý: Tham khảo các chỉ dẫn bên lề phải của sách.

|  |  |
| --- | --- |
| Vấn đề được đưa ra để nghị luận là gì? | ……………………………………… |
| Vấn đề đó được người viết hiểu như thế nào? Theo người viết vì sao vấn đề đó đáng phê phán? | ……………………………………… |
| Để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục, người viết đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng nào? | ……………………………………… |
| Để tránh nhìn nhận vấn đề một chiều, chủ quan, áp đặt, người viết đã làm gì? | ……………………………………… |
| Người viết kết thúc vấn đề như thế nào? | ………………………………………  ……………………………………… |

\\\

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu qui trình bài viết

****

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (bài văn) nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu hình ảnh một số tệ nạn trong xã hội ngày nay

- GV đặt câu hỏi: *Sau khi quan sát những hình ảnh trên, em có suy nghĩ gì về ảnh hưởng của những tệ nạn đó đối với xã hội hiện nay?*

? Với những thói xấu của con người thì chúng ta cần thể hiện thái độ của minh như thế nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**I.Yêu cầu đối với bài văn NL** **về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

- Biết cách thể hiện suy nghĩ của bản thân

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của Gv và Hs** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yc HS nêu những yêu cầu cần đạt của kiểu bài NL về 1 vấn đề trong đs?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2’.  - HS dựa vào SGK trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS chia sẻ.  **HS:**  - Trình bày YCCĐ.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | **I. Yêu cầu đối với bài văn NL** **về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại**  **(SGK/114)** |

**II. Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay”.

- Biết được tác dụng của ngôi thứ nhất

- Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). Hiểu được cách đưa lý lẽ, dẫn chứng của người viết

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** yêu cầu HS đọc bài viết.  **GV** hỏi gợi ý và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định ngôi kể trong bài văn.  2. Xác định Phần MB, TB, KB  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  Hoàn thành PHT số 1 (ở trên) trong thời gian 5 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 1’  - Làm việc nhóm 4’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:- Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  Nhận xét | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **1. MB** Nêu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay  **2. TB**  - Làm rõ vấn đề nghị luận: học đòi là thế nào? Học đòi khác học hỏi như thế nào?  - Trình bày ý kiến phê phán: *Tuy không phải là điều gì quá tai hại, nhưng học đòi cũng mang đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng không tốt đến lối sống của thanh thiếu niên*  - Nêu rõ lí lẽ, bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở:  + Lý lẽ:  ++ Học đòi “*chạy theo bề ngoài của người khác cho dù là đẹp đối với họ thì cũng không phù hợp với mình, nó không làm tăng giá trị của mình lên trong mắt bạn bè*”  ++ Học đòi, bắt chước người khác để cho bằng bạn bằng bè khiến “*chúng ta sai lầm trong cách xác lập giá trị con người*”, không định hình được “*điều làm cho một con người được coi trọng là khả năng, trí tuệ, tâm hồn, nhân cách chứ không phải cái bề ngoài màu mè, phô trương*”  + Bằng chứng:  ++ Trong thực tế  ++ Trong sách báo  ++ Trải nghiệm của bản thân  - Đối thoại với ý kiến không đồng tình (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết: “*Có thể bạn cho rằng bắt chước người khác không phải là điều xấu. Bắt chước, làm theo người khác vốn là bản tính tự nhiên của con người. Từ khi là đứa trẻ cho đến khi trưởng thành, con người luôn* *có xu hướng bắt chước người khác. Học hỏi người khác cũng là một cách bắt chước. Tuy nhiên, khi bắt chước mà không suy nghĩ đến việc bản thân có phù hợp không, việc bắt chước có gây trò cười cho mọi người không, có gây hậu quả gì không, … thì sự bắt chước đó trở thành học đòi*”  **3. KB**  Khẳng định lại ý kiến phê phán và rút ra bài học |

**III: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.- Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hoạt động cặp đôi** Hoàn thành PHT xác định các bước làm bài văn NL (Chỉ ghi nội dung chính)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các bước làm bài trong SGK và hoàn thiện phiếu HT.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục thực hành, luyện tập. | III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  Em hãy suy ngẫm về chính mình và quan sát hành vi, lối sống của những người xung quanh hoặc tìm hiểu trên sách báo, phương tiện truyền thông để nhận ra những thói xấu của con người, từ đó chọn được vấn đề để bàn luận.  Sau đây là một số đề tài gợi ý để em lựa chọn:  - Sự tuỳ tiện khi tham gia giao thông của  một số người dân.  - Thói kiêu ngạo, thích chơi trội của một bộ phận thanh thiếu niên.  - Thôi lười nhác, hay than vãn  - Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm  - Thái độ ích kỉ.  - Lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi  **b) Tìm ý**    **c) Lập dàn ý**    **2. Viết bài**  - Triển khai đầy đủ các ý trong dàn bài  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng lý lẽ sáng rõ, chặt chẽ  - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực, nêu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có)  - Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), chỉnh sửa những chỗ cần thiết sao cho:  - Vấn đề nghị luận được nếu một cách rõ ràng, được giải thích đầy đủ, toàn diện. |

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn mà HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

- Bài làm tham khảo

Ích là lợi ích. Kỉ là bản thân. Ích kỉ suy cho cùng là thói sống không đẹp, khi mà con người ta đặt mọi quyền lợi cá nhân lên hàng đầu, không quan tâm đến hoàn cảnh của người khác, chỉ biết so sánh thiệt hơn để rồi thậm chí nảy sinh ra sự đố kị và tàn ác. Người ích kỉ thường suy tính và chỉ thật sự quan tâm đến những thứ đem lại những giá trị họ cần. Ngược lại, sự ích kỉ khiến họ có thái độ thờ ơ vô cảm với cuộc sống, với mọi người xung quanh, sống hẹp hòi, sống đa đoan, sống không có vị tha và đặc biệt họ coi lợi ích của mình là cốt lõi của mọi giá trị.

Đứng trước dòng chảy không ngừng của cuộc sống, xã hội phát triển và luôn đổi mới kéo theo một hiện thực ngầm ẩn sâu trong vỏ bọc đẹp đẽ của những con người yếu đuối, thiếu bản lĩnh không loại bỏ được cám dỗ của bản thân, đó là sự nảy sinh mạnh mẽ của con vi rút kí sinh mang tên “ích kỉ”.́ Con vi rút độc hại ấy hiện hình khi người ta lột tẩy được thứ “thuốc độc chết người” trong thực phẩm ăn uống hàng ngày mà những kẻ vô nhân tính vì chút lợi lộc tầm thường mà không màng đến sức khỏe người mua. Con vi rút độc hại ấy hiện hình khi bạn nhìn thấy chính bản thân mình đang ghen tỵ, coi thường trước sự thành công của người khác. Rốt cục, sự ích kỉ có ở khắp mọi nơi và đang trở thành mối nguy hại lớn đẩy lùi sự văn minh của xã hội.

Ích kỉ là nguyên nhân của mọi tệ nạn, của sự hao mòn bản chất, tác động và làm tha hóa con người. Mỗi chúng ta ai cũng đã, đang và sẽ đối mặt với một cuộc đấu tranh tâm lý khi phải lựa chọn giữa một bên là lợi ích cá nhân, một bên là lợi ích tập thể. Và khi bạn quyết định bước vào con đường, nơi bạn thấy quyền lợi của mình được ưu tiên hàng đầu về vật chất lẫn tinh thần, phần “con” trong tâm thức sẽ trỗi dậy điều khiển con người ta sa đọa vào hố sâu của cái ác, cái bất chính, cái bất lương. Ta sẽ đánh mất chính mình, có thể vì bản thân mà chà đạp lên thành quả chân chính của người khác, có thể bị con rắn “ghen tị” làm cho mờ con mắt, có thể trở thành kẻ trốn tránh trách nghiệm đẩy khó khăn cho người ngoài.

Hơn thế, sự ích kỉ còn giết chết tình thương. Chúng ta không thể sống mà chỉ nhận giống như tình cảm, sự quan tâm mà người khác dành cho ta là lẽ đương nhiên. Cũng giống như một mối quan hệ không thể bền lâu nếu không có sự cố gắng của cả hai bên. Liệu rằng người ta có sẵn lòng giúp đỡ một kẻ không để tâm đến người khác bao giờ? Liệu rằng một kẻ ích kỉ, chỉ nghĩ cho bản thân có xứng đáng với những tấm lòng chân thành kia không? Suy cho cùng, đằng sau tất cả những cố gắng đẩy quyền lợi của bản thân lên trên hết chính là sự trả giá đau đớn nhất, ta sẽ mất đi những người mà chúng ta yêu thương, ta mất đi sự tin tưởng, sự tín nhiệm của tất cả mọi người, trở thành kẻ cô độc trước những tập thể đoàn kết và đau đớn hơn là đánh mất chính bản thân mình.

Ích kỉ không phải là một bản tính có sẵn. Nó là căn bệnh dễ dàng xâm nhập trong môi trường mà con người không có bản lĩnh, không có ý chí và sự lương thiện, nhanh chóng ăn sâu và bào mòn tinh thần con người. Vì vậy trước khi bước vào xã hội, mỗi chúng ta cần phải trang bị những kĩ năng, biết đâu là tốt, đâu là xấu để rồi có thể thực sự tự tin không bị lung lay bởi những lợi ích tầm thường của bản thân, thúc đẩy xã hội tốt đẹp hơn. Chúng ta đang sống trong một xã hội với đầy những hy vọng, nơi cô bé Hải An, không quan tâm đến sự lành lặn thân xác mà sẵn lòng cho đi cặp giác mạc, trao đi ánh sáng cho người khác. Chúng ta đang sống trên mảnh đất mà những người anh hùng Việt Nam đã không màng đến mạng sống của bản thân mà đổ biết bao mồ hôi xương máu bảo vệ tổ quốc. Vậy mà hiện nay vẫn đang tồn tại những con người chưa thực sự thức tỉnh, những kẻ yếu đuối mang trong mình căn bệnh ích kỉ làm mất đi những giá trị cao đẹp. Tuy nhiên, mỗi chúng ta phải biết cân bằng, giữ cho mình một chút ích kỉ, đừng cho đi mù quáng nếu không sẽ bị lợi dụng bởi kẻ khác.

Hãy sống như mặt trời, ngày ngày chiếu rọi ánh sáng và hơi ấm cho muôn loài. Hãy sống như đóa hoa, sống hết mình trao hương sắc cho cuộc đời. Có như vậy con người ta mới có thể rũ bỏ được chất “con” trong tâm thức để tiến gần hơn tới con người.

*--------------------------------------*

**TIẾT 64,65,66: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo

- Hệ thống được các kiến thức về loại, thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học trong học kì I.

- Vận dụng được các kiến thức đã học, kĩ năng đã rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

*2. Phẩm chất*

- Trân trọng những giá trị văn học.

- Ý thức ôn tập nghiêm túc.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

*1. Giáo viên*

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức.

*2. Học sinh.*

Trả lời các câu hỏi phần Nội dung ôn tập học kì I (Tr 124-129/SGK) vào vở soạn bài.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoàng mai hương trường thcs xuân hoà, phúc yên, vĩnh phúc. 0989025258

A.HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Khơi kiến thức nền để học sinh bước vào giờ ôn tập hiệu quả.

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi “Ai nhanh hơn”**

- GV đọc câu hỏi. Mỗi câu hỏi sẽ có 15s suy nghĩ và trả lời.

- HS được gọi phải đưa ra câu trả lời nhanh. Nếu quá 15s mà HS không đưa ra được câu trả lời đúng sẽ phải dừng cuộc chơi, GV chọn tiếp một HS khác tiếp tục trả lời các câu hỏi còn lại.

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**Hệ thống câu hỏi**

**Câu 1**. *Hoàng Lê nhất thống chí* là cuốn tiểu thuyết lịch sử ghi chép và phản ánh những biến động của lịch sử nước nhà giai đoạn nào?

A. Đầu thế kỉ X đến hết thế kỉ XV

B. Đầu thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII

C. Cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kỉ XIX

D. Nửa cuối thế kỉ XIX

**Câu 2**. Đâu **không** phải tên một bài thơ trào phúng?

A. *Giễu người thi đỗ* (Trần Tế Xương*)*

B*. Đề đền Sầm Nghi Đống* (Hồ Xuân Hương),

C*. Tiến sĩ giấy* (Nguyễn Khuyến)

D. *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan)

**Câu 3**. Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” (Trần Nhân Tông) được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

D. Thất ngôn Đường luật xen lục ngôn

**Câu 4**. Thế nào là biệt ngữ xã hội?

A. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.

B. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp xã hội.

C. Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp nhất định.

D. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp nhân dân.

**Câu 5**. Từ nào sau đây khác với 3 từ còn lại?

A. Líu lo C. Lóng lánh

B. Lập lòe D. Lơ lửng

**Câu 6**. Điền vào chỗ trống trong câu sau:

“…” là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận.

1. Luận đề C. Luận cứ
2. Luận điểm D. Bằng chứng

**Câu 7**. Văn bản nào sau đây không phải văn bản nghị luận?

A. *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn)

B. *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn)

C. *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

D. *Ca Huế trên sông Hương* (Hà Ánh Minh)

**Câu 8.** Yếu tố Hán Việt “thủy” được sử dụng trong từ nào sau đây **không** có nghĩa chỉ sự khởi đầu?

A. *thuỷ tổ* C. *nguyên thuỷ*

B. *hồng thủy* D. *khởi thuỷ*

**Câu 9**. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

*Không thể thống kê chính xác số người (…) trong nạn đói năm 1945.*

A. Bỏ mạng C. Chết

B. Hi sinh D. Từ trần

**Câu 10**. Đặc điểm sau đây là của thể loại văn học nào?

“*Là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí”*.

A. Truyện lịch sử C. Truyện cười

B. Hài kịch D. Thơ trào phúng

**Câu 11**. Ý nào **không** phải đặc điểm của các truyện cười dân gian trong SGK bộ KNTT8 tập 1?

A. Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, điệp ngữ làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

B. Hình thức ngắn ngọn, ngôn ngữ dân dã, ý nhị đầy hàm ý.

C. Kín đáo phê phán một số thói xấu của con người.

D. Xây dựng cốt truyện đơn giản, bất ngờ, gây cười.

**Câu 12**. Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ “Cái nết đánh chết cái đẹp”?

A. Sự mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài và tâm hồn bên trong.

B. Có danh tiếng tốt quan trọng hơn có nhiều của cải, tiền bạc.

###### C. Cái đẹp về đạo đức có giá trị cao hơn hẳn cái đẹp bề ngoài.

D. Vẻ đẹp ngoại hình quan trọng hơn vẻ đẹp tính cách.

B. HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC HỌC KÌ I

**a) Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì I: Hệ thống kiến thức về văn bản, viết, nói và nghe, về tiếng Việt đã học.

**b) Nội dung hoạt động:** Thực hiện hoạt động nhóm.

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**- Với các câu hỏi 1 (SGK/tr 124):** Đây là những câu hỏi khái quát nội dung kiến thức của nhiều bài học. GV cho HS trao đổi theo cặp để xem lại kết quả đã chuẩn bị trước và gọi một số HS báo cáo sản phẩm.

**- Với các câu hỏi 2,3,4,5,6 (SGK/tr 124): :** GV chia lớp thành 05 nhóm: Thảo luận và báo cáo các nội dung của từng bài học. Cụ thể:

**+ Nhóm 1:** Câu hỏi 2 – So sánh đặc điểm các thể loại: hài kịch, truyện cười, thơ trào phúng.

**+ Nhóm 2**: Câu hỏi 3 – So sánh thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật.

+ **Nhóm 3:** Câu hỏi 4 – Hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt.

+ **Nhóm 4**: Câu hỏi 5 – Hệ thống hóa các kiểu bài viết

+ **Nhóm 5**: Câu hỏi 6 – Nêu những đặc điểm chung trong thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe ở các bài học trong học kì I.

**- Lưu ý**: HS đã làm cá nhân trước tất cả các câu hỏi ôn tập ở nhà, do đó GV yêu cầu HS dành chủ yếu thời gian để trao đổi, thảo luận nhanh trong nhóm, hoàn thành các **Phiếu học tập** và báo cáo sản phẩm.

**Phiếu học tập 01-** **Câu hỏi 1 (Trang 124/SGK):**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |

**Phiếu học tập 02 -** **Câu hỏi 2 (Trang 124/SGK):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Những điểm giống nhau** | **Những điểm khác nhau** |
| Hài kịch |  |  |
| Truyện cười |  |
| Thơ trào phúng |  |

**Phiếu học tập 03 -** **Câu hỏi 3 (Trang 124/SGK):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể thơ** | **Điểm giống nhau về thi luật** | **Điểm khác nhau về thi luật** |
| Thơ thất ngôn bát cú ĐL |  |  |
| Thơ tứ tuyệt Đường luật |  |

**Phiếu học tập 04 –** **Câu hỏi 4 (Trang 124/SGK):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiếng Việt** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
|  |  |  |  |

**Phiếu học tập 05 -** **Câu hỏi 5 (Trang 124/SGK):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu bài viết** | **Yêu cầu của kiểu bài** | **Đề tài đã thực hành viết**  **(HS tự điền)** |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm tiến hành thảo luận, hoàn thành sản phẩm học tập ra (các) phiếu học tập của nhóm.

- GV quan sát, giúp đỡ (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

- HS trả lời cá nhân câu hỏi 1.

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm đã thảo luận các câu hỏi 2, 3, 4, 5,6.

- Các HS hoặc các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM HỌC TẬP

**Câu 1 (Trang 124/ SGK):** Lập bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc.

**Gợi ý**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 01-** **Câu hỏi 1 (Trang 124/SGK): Ôn tập các văn bản đọc** | | | | | |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| **1** | *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* | Nguyễn Huy Tưởng | Truyện lịch sử | Thể hiện tinh thần yêu nước, căm thù giặc của người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản. | Thành công trong việc miêu tả bối cảnh, sự kiện lịch sử và tái hiện nhân vật lịch sử với những suy nghĩ, tâm trạng, ngôn ngữ,... |
| *Quang Trung đại phá quân Thanh* | Ngô gia văn phái. | Tiểu thuyết chương hồi | Tái hiện hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh; sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, miêu tả hành động lời nói của nhân vật rõ nét, ngôn ngữ gần gũi, mang đậm nét lịch sử. |
| *Ta đi tới* | Tố Hữu | Thơ tự do | Vừa ngợi ca chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới bằng niềm tin yâu và tự hào. | Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ; ngôn ngữ giản dị, sâu sắc; giọng thơ ấm áp, vui tươi, hào hứng đầy tự hào. |
| **2** | *Thu điếu* | Nguyễn Khuyến | Thất ngôn bát cú Đường luật, thơ Nôm. | Bức tranh thu điển hình của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ; tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến. | Cách gieo vần độc đáo vần độc đáo; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại. |
| *Thiên trường vãn vọng* | Trần Nhân Tông | Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | Bức tranh cảnh vật làng quê đẹp đẽ, bình dị, nên thơ; tấm lòng của vị vua trẻ gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước. | Bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa: bút pháp tả ít gợi nhiều; ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa; hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc;... |
| *Ca Huế trên sông Hương* | Hà Ánh Minh | Bút kí | Vẻ đẹp của ca Huế - một hình thức sinh hoạt văn hóa - âm nhạc độc đáo; tấm lòng yêu mến, tự hào đối với ca Huế - một di sản văn hóa dân tộc. | Thủ pháp liệt kê; ngôn ngữ biểu cảm, giàu chất thơ; kết hợp hiệu quả phương thức biểu đạt thuyết minh, miêu tả và biểu cảm,… |
|  | *Hịch tướng sĩ* | Trần Quốc Tuấn | Hịch  (Nghị luận trung đại) | Phản ánh tinh thần yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược của nhân dân ta. | Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, kết hợp giữa lý và tình.; các biện pháp điệp tăng tiến, điệp cấu trúc câu, hình ảnh phóng đại, câu hỏi tu từ; lời văn giàu cảm xúc,… |
| **3** | *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* | Hồ Chí Minh | Văn nghị luận | Ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước của nhân dân ta, từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc. | Xây dựng luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật |
| *Nam quốc sơn hà* | ? | Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. | Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích; giọng thơ mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn. |
| **4** | *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* | Trần Tế Xương | Thơ thất ngôn bát cú Đường luật | Tái hiện bức tranh hiện thực về tình trạng thi cử nhốn nháo trong buổi đầu chế độ thuộc địa nửa phong kiến; nỗi xót xa, tâm sự lo nước thương đời của tác giả trước hiện thực xã hội. | Hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc; ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm; nghệ thuật đối, đảo ngữ được vận dụng tài tình. |
| *Lai Tân* | Hồ Chí Minh | Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | Phơi bày thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch; thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay của tác giả đối với giai tầng thống trị trong xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ. | Bài thơ có kết cấu đặc biệt, bút pháp trào phúng đặc sắc của Hồ Chí Minh |
| *Một số giọng điệu của thơ trào phúng* | Trần Thị Hoa Lê | Văn nghị luận | Cung cấp những tri thức về những giọng điệu khác nhau của tiếng cười trong thơ trào phúng và dấu hiệu nhận biết. Khẳng định ý nghĩa, giá trị tốt đẹp mà tiếng cười trào phúng đem lại cho cuộc đời. | Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác thực. |
| **5** | *Trưởng giả học làm sang* | Mô-li-ê | Hài kịch | Thể hiện sự dốt nát, kệch cỡm, đáng cười của một kẻ tầm thường muốn học đòi làm người sang trọng. | Xây dựng nhân vật với sự đối nghịch giữa thực chất bên trong với bộ dạng bên ngoài, phóng đại sự việc, ngôn ngữ của nhân vật luôn bất bình thường và buồn cười. |
| *Chùm truyện cười dân gian Việt Nam* | Tác giả dân gian | Truyện cười dân gian | Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | Hình thức ngắn ngọn, ngôn ngữ dân dã, ý nhị đầy hàm ý; sử dụng nghệ thuật trào phúng, châm biếm. |
| *Chùm ca dao trào phúng* | Tác giả dân gian | Ca dao | Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | Hình thức ngắn ngọn, ngôn ngữ dân dã, ý nhị đầy hàm ý; sử dụng nghệ thuật trào phúng, châm biếm. |

**Câu 2: (Trang 124/ SGK):** Lập bảng so sánh đặc điểm các thể loại theo mẫu.

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 02 -** **Câu 2 (Trang 124/SGK):**  **So sánh hài kịch, truyện cười, thơ trào phúng** | | |
| **Thể loại** | **Những điểm giống nhau** | **Những điểm khác nhau** |
| Hài kịch | Nội dung thể hiện: Cả ba thể loại này đều miêu tả, tái hiện cái hài hước, cái đáng cười. | Hài kịch thuộc loại hình kịch (kịch bản văn học chỉ là một thành tố của nghệ thuật kịch), tổ chức ngôn ngữ theo hình thức đối thoại. |
| Truyện cười | Truyện cười thuộc thể loại truyện, có cốt truyện, có nhân vật, tình huống. |
| Thơ trào phúng | Thơ trào phúng thuộc thể loại thơ (thơ Đường luật) có đặc trưng của ngôn ngữ thi ca (cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh,...) và tuân thủ các quy định của luật thơ. |

**Câu 3: (Trang 124/ SGK):** Nêu những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật.

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 03 -** **Câu 3 (Trang 124/SGK): So sánh thi luật của hai thể thơ Đường luật** | | |
| **Thể thơ** | **Điểm giống nhau về thi luật** | **Điểm khác nhau về thi luật** |
| Thơ thất ngôn bát cú Đường luật | - Cả hai thể thơ đều có nguồn gốc từ Trung Quốc, được du nhập vào Việt Nam.  - Cả hai thể thơ đều được gọi là thơ Đường luật, có quy tắc chặt chẽ. | - Bài thơ thất ngôn bát cú có 8 câu; mỗi câu có 7 chữ.  - Bài thơ thất ngôn bát cú có bố cục phổ biến: *đề* (câu 1 và 2); *thực* (câu 3 và 4); *luận* (câu 5 và câu 6); *kết* (câu 7 và 8).  - Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận. |
| Thơ tứ tuyệt Đường luật | - Bài thơ tứ tuyệt có 4 câu. (Mỗi câu có 5 chữ hoặc 7 chữ).  - Bố cục của bài thơ tứ tuyệt: *khởi* (câu 1); *thừa* (câu 2); *chuyển* (câu 3); *hợp* (câu 4).  - Bài thơ tứ tuyệt không bắt buộc phải đối. |

**Câu 4: (Trang 124/ SGK):** Lập bảng vào vở theo mẫu sau để hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt đã được học trong học kì I.

**Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 04 -** **Câu 4 (Trang 124/SGK): Hệ thống hóa kiến thức tiếng Việt** | | | |
| **STT** | **Nội dung tiếng Việt** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
| **1** | Biệt ngữ xã hội | Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. | Chỉ ra biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng. |
| **2** | Từ ngữ địa phương | *Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.* | Chỉ ra từ ngữ địa phương và nêu tác dụng. |
| **3** | Từ tượng hình và từ tượng thanh | - Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. | Chỉ ra từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng. |
| **4** | Biện pháp tu từ đảo ngữ | Đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng. |
| **5** | Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp | - Đoạn văn diễn dịch: đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. | - Tìm câu chủ đề, xác định kiểu đoạn văn và phân tích tác dụng cách thức tổ chức đoạn văn.  - Sắp xếp các câu thành đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp.  - Viết đoạn văn theo kiểu tổ chức cho sẵn. |
| **6** | Nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt | Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt và một bộ phận các từ phức ít nhiều gây khó hiểu. Nhóm các từ phức gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt. | - Chỉ ra các yếu tố Hán Việt và giải nghĩa.  - Giải nghĩa và đặt câu với các thành ngữ có yếu tố Hán Việt. |
| **7** | Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ | Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nhắc đến. | Phân biệt sắc thái nghĩa của từ. |
| **8** | Câu hỏi tu từ | Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,… | - Chỉ ra câu hỏi tu từ.  - Chuyển câu  sang câu hỏi tu từ. |
| **9** | Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu | - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ trong câu và từ ngữ cảnh sử dụng câu. | Xác định nghĩa hàm ẩn của câu. |

**Câu 5: (Trang 124/ SGK):** Nêu các kiểu bài viết, yêu cầu của từng kiểu bài và đề tài đã thực hành trong học kì I theo bảng gợi ý.

**Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 05 -** **Câu 5 (Trang 124/SGK): Hệ thống các kiểu bài viết** | | | |
| **STT** | **Kiểu bài viết** | **Yêu cầu của kiểu bài** | **Đề tài đã thực hành viết**  **(HS tự điền)** |
| 1 | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) | - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết. | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) đáng nhớ nhất: đền Hùng/ lăng Bác/ quê Bác ở Nghệ An,… |
| 2 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) | - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,…); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…).  - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. | - Phân tích bài thơ “Thu ẩm” Nguyễn Khuyến.  **-** Phân tích bài thơ **"Tự tình” (bài 2) của Hồ Xuân Hương.** |
| 3 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước) | - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động. | - Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống trong thời kì hội nhập.  - Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của HS trong việc việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. |
| 4 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) | - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. | Phân tích bài thơ *Tiến sĩ giấy* (Nguyễn Khuyến) |
| 5 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) | - Nêu được vấn đề nghị luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận).  - Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. | Viết bài văn nghị luận về lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi. |

**Câu 6: (Trang 124/ SGK):** Nêu những điểm chung trong việc thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe ở năm bài học trong học kì I.

**Gợi ý**

Phần *Nói và nghe* của mỗi bài trong học kì I có yêu cầu khác nhau. Tuy nhiên, việc thực hành nói và nghe ở cả năm bài có những điểm chung, thể hiện qua các bước:

* Xác định mục đích nói và người nghe
* Xác định nội dung nói và nghe của bài
* Chuẩn bị nói và nghe (chọn để tài, lập dàn ý)
* Trình bày bài nói
* Trao đổi, rút kinh nghiệm vể nói và nghe

### C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã hình thành từ các hoạt động đọc, viết, nói và nghe để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

**b. Nội dung**: Luyện đề tổng hợp

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**\*Trước tiết ôn tập:**

**-** GV chia lớp thành 04 nhóm

- YC:HS phải giải quyết các nhiệm vụ trong hai phiếu học tập 01, 02 (SGK) ở nhà theo nhóm.

+ **Nhóm 1, 2**: Thực hành Phiếu học tập số 01

+ **Nhóm 3, 4:** Thực hành Phiếu học tập số 02

**\* Trong tiết ôn tập tại lớp**: GV yêu cầu HS đại diện các nhóm trình bày. Tổ chức cho các nhóm thảo luận, đi đến thống nhất phương án giải quyết các câu hỏi trong phiếu học tập.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm, hoàn thành các PHT trước tiết học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại diện các nhóm trình bày trước lớp.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

GỢI Ý SẢN PHẨM PHIẾU HỌC TẬP Ở SGK

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

**1. ĐỌC**

**Trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 |
| **A** | **C** | **C** | **B** | **C** | **B** |

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1:** Có thể khẳng định *Chiều hôm nhớ nhà* là một bài thơ trữ tình dựa vào những dấu hiệu sau:

- Nhan đề bài thơ đã gợi mở nỗi nhớ quê hương của nhân vật trữ tình.

- Cảnh vật in đậm dấu ấn tâm trạng của con người.

- Lời thổ lộ tâm tình của nhân vật trữ tình ở hai câu kết của bài thơ.

**Câu 2:** Những hình ảnh trong bài thơ có tác dụng lầm nổi bật nhan đề *Chiều hôm nhớ nhà:*

- Bóng hoàng hôn trên nền trời chiều.

- Những âm thanh báo hiệu một ngày tàn (tiếng tù và, tiếng trống đồn).

- Sinh hoạt của con người vào thời điểm cuối ngày (người đánh cá và trẻ chăn trâu đều đang trên đường về nhà sau một ngày làm việc).

- Người đi trên đường xa đang nhớ về quê nhà, mong có người để chia sẻ nỗi niềm.

**Câu 3:** Cảm nhận về phong cảnh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt của con người được khắc họa trong bài thơ:

- Cảnh thiên nhiên được miêu tả vào thời điểm cuối ngày (buổi chiều tà). Cảnh vật hiện lên với không gian khoáng đạt nhưng đượm vẻ tiêu sơ, hoang vắng.

- Mọi sinh hoạt của con người cũng diễn ra vào thời điểm cuối ngày, con người trở về nơi bến xa, thôn vắng. Đặc biệt, chủ thể trữ tình - hình ảnh trung tâm của bài thơ (người khách) - đang bơ vơ trên đường xa vắng, trông về quê nhà với bao nhớ nhung.

**Câu 4**:

- Tâm trạng của tác giả trong bài thơ: tâm trạng buồn lê thê, nỗi niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

- Tâm trạng của chủ thể trữ tình (tác giả) được biểu hiện gián tiếp qua ngoại cảnh và giãi bày trực tiếp qua lời thơ trữ tình. Hai cách biểu hiện đó đều tập trung làm rõ nỗi niềm cô quạnh, nhớ nhung của một “lữ khách” đang “bước dồn” trên những “dặm liễu” dưới “sương sa”.

**Câu 5:** Nhận xét về cách dùng từ ngữ của tác giả: Tác giả dùng nhiều từ ngữ Hán Việt. Đây là một đặc điểm nổi bật trong cách sử dụng từ ngữ của Bà Huyện Thanh Quan.

2. VIẾT

**Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) phân tích cảnh và tình trong bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan.

**Gợi ý**

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **CĐ** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 10 - 15 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề:  - Cảnh và tình được gợi qua nhan đề bài thơ.  - Những hình ảnh nổi bật thể hiện cảnh thiên nhiên và cảnh sinh hoạt của con người trong 6 câu đầu của bài thơ; qua đó nhà thơ thể hiện tình cảm một cách kín đáo.  - Tình cảm được nhà thơ giãi bày trực tiếp trong hai câu thơ cuối.  - Nhận xét về trạng thái tình cảm của tác giả trong bài thơ. |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn . |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

**Đoạn văn tham khảo:**

Bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà” của Bà Huyện Thanh Quan đã thành công khi miêu tả khung cảnh hoàng hôn và nỗi buồn của kẻ tha hương. Ngay từ nhan đề, bài thơ đã gợi mở cho người đọc biết về thời điểm và tâm trạng của nhân vật trữ tình. Cảnh vật được miêu tả vào thời điểm cuối ngày (buổi chiều tà) hiện lên với hình ảnh bóng hoàng hôn trên nền trời chiều, với âm thanh của tiếng tù và, tiếng trống đồn báo hiệu ngày tàn, giục con người nhanh chóng thu xếp công việc để trở về nhà sau một ngày làm việc. Cảnh vật hiện lên với không gian khoáng đạt nhưng đượm vẻ tiêu sơ, hoang vắng. Phép đối ở hai câu thực miêu tả sinh hoạt của con người. Cả n*gư ông* và *mục tử* gác lại công việc để trở về *nơi bến xa, thôn vắng*. Đặc biệt, trong khung cảnh ngày sắp tàn đó, chủ thể trữ tình - hình ảnh trung tâm của bài thơ (người khách) – đang “bước dồn” trên những “dặm liễu” dưới “sương sa”. Ở hai câu thơ cuối, tâm trạng của nhà thơ được bộc lộ trực tiếp: Không có ai để tâm sự, trời đất thì bao la, vắng lặng, trống trải, khiến tác giả quay về với nội tâm, với lòng buồn sẵn có của mình. Câu thơ cuối, vừa như một câu cảm, vừa như một câu hỏi, bộc lộ sâu sắc nỗi niềm nhớ quê hương, nhớ nhà của nhà thơ. Bằng sự trải nghiệm của cuộc đời, đã sống những khoảnh khắc hoàng hôn ở nơi đất khách quê người, sống trong lòng xã hội phong kiến đang kì suy thoái, nữ sĩ mới viết được những câu thơ rất thực miêu tả cảnh ngộ lẻ loi của kẻ tha hương hay đến thế!

3. NÓI VÀ NGHE

**Đề bài**: Giữ gìn tiếng nói của cha ông phải chăng cũng là một cách thể hiện lòng yêu nước?

a. Chuẩn bị nội dung để thảo luận về đề tài trên.

b. Tập luyện thảo luận trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị.

**Gợi ý**

\*GV là người điều hành thảo luận. Các HS nhóm 1, 2 lần lượt đưa ra các ý kiến phát biểu của mình về vấn đề. HS của hai nhóm 3, 4 cũng có thể đóng góp thêm ý kiến.

\*Các ý kiến phát biểu cần tập trung làm rõ vấn đề thảo luận, cần thể hiện thái độ tôn trọng của các thành viên khác.

\*Gợi ý một số ý kiến thảo luận:

- Tiếng nói của cha ông có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống cộng đồng, là phương diện thể hiện niềm tự hào dân tộc.

- Tiếng Việt hiện nay đang đứng trước nguy cơ mất đi sự trong sáng, mất đi vẻ đẹp vốn có bởi tình trạng sử dụng lạm dụng ngoại ngữ khi giao tiếp, sự lai căng, pha trộn tiếng nước ngoài, cách sử dụng tiếng Việt lệch chuẩn về ngữ âm, chữ viết.

- Do đó, việc giữ gìn tiếng nói của cha ông cũng là một cách thể hiện lòng yêu nước:

+ Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là góp phần giữ gìn, bảo vệ ngôn ngữ mẹ đẻ nhằm tạo ra bản sắc riêng của dân tộc để phân biệt giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới.

+ Giữ gìn tiếng mẹ đẻ sẽ góp phần thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân đối với chữ viết dân tộc, tiếng nói của dân tộc cũng như góp thể hiện lòng tự tôn dân tộc, góp phần giữ gìn tài sản quý giá nhất của dân tộc ta.

+ Gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt là yếu tố góp phần bảo vệ tiếng Việt, bảo vệ ngôn ngữ của quốc gia chính là bảo vệ tiếng nói của dân tộc, bảo vệ đất nước; là điều kiện tiên quyết để giúp nước nhà phát triển.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**

**1. ĐỌC**

**Trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 |
| **B** | **B** | **B** | **C** | **C** | **B** |

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1:** Các sự việc được kể tuần tự trong đoạn trích là:

- Một bô lão vào bẩm báo với Trần Quốc Tuấn và Trần Ích Tắc vể việc có một người trẻ tuổi đến xin đấu vật với đô Trâu để tranh giải nhất. Trần Quốc Tuấn bảo cho cậu ta tranh giải nào đó cũng được.

- Bô lão vào bẩm báo tiếp việc người trẻ tuổi kia cứ nằng nặc xin tranh giải nhất, nghĩa là chỉ muốn đấu với đô Trâu.

- Trần Quốc Tuấn bảo với vị bô lão kia cứ cho cậu ta đấu. Cả Trần Quốc Tuấn và Trần Ích Tắc cùng ra xem.

- Sau nhiểu keo gay cấn, đô Trâu vẫn không hạ được cậu bé, ngược lại, cuối cùng hắn đã bị cậu quật ngã bằng một miếng đánh bất ngờ. Cậu bé đó chính là Yết Kiêu.

**Câu 2:**

- Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba, kiểu người kể chuyện ẩn danh.

- Qua lời kể, có thể nhận thấy người kể chuyện không có thiện cảm với nhân vật Trần Ích Tắc và đô Trâu.

**Câu 3:**

- Đoạn trích miêu tả sự đối lập giữa hai cặp nhân vật: Trần Quốc Tuấn với Trần Ích Tắc; Yết Kiêu với đô Trâu.

- Sự đối lập của cặp thứ nhất có tác dụng làm nổi bật sự bao dung, nhân ái của Trần Quốc Tuấn và sự hẹp hòi, thâm độc của Trần Ích Tắc.

- Sự đối lập của cặp thứ hai (Yết Kiêu với đô Trâu) tôn lên vẻ quả cảm, nhanh nhẹn, cao tay của Yết Kiêu và tính hợm hĩnh, kiêu ngạo, độc ác, nôn nóng của đô Trâu.

**Câu 4**:

Trong đoạn trích, từ *thằng bé* (chỉ Yết Kiêu) đầu tiên xuất hiện trong lời nói của vị bô lão - người có vai trò trong việc tổ chức giải vật của làng, sau đó được dùng trong lời người kể chuyện. Ở những lần đó, từ *thằng bé* được dùng với sắc thái thân mật, gần gũi, gợi nét ương ngạnh, đáng yêu. *Thằng bé* mà lại quật ngã đô Trâu - một đô vật khét tiếng và chưa từng để tuột giải nhất - thì thật sự đáng nể phục.

Nếu thay bằng từ đồng nghĩa khác, *ví* dụ *cậu bé,* sẽ không có được những sắc thái nghĩa như vừa nêu.

**Câu 5:**

- Chi tiết Trần Quốc Tuấn đã thu nhận Yết Kiêu vào đội quân gia nô của mình:

+ Ngay từ đầu, khi nghe vị bô lão bẩm báo, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện sự độ lượng (bảo ông cụ khuyên “thằng bé” tranh giải sáu, giải bảy gì đó cũng được);

+ Về sau nghe nói chàng trẻ tuổi “cứ nằng nặc xin cái giải nhất”, ngài đã quyết định cho cậu ta vào đấu. Điều đó không phải buột miệng nói ra, mà ngài đã ngẫm nghĩ.

+ Khi ra xem vật, vừa nhìn thấy “thằng bé”, Trần Quốc Tuấn đã thích ngay, cho nên, sau khi Yết Kiêu (chính là “thằng bé” ấy) quật ngã đô Trâu, Trần Quốc Tuấn đã thu nhận Yết Kiêu vào đội quân gia nô của mình

- Chi tiết Trần Quốc Tuấn đã thu nhận Yết Kiêu vào đội quân gia nô của mình cho thấy Trần Quốc Tuấn không chỉ biết nhìn người, mà còn thực lòng trọng dụng người tài để chuẩn bị cho những việc lớn.

2. VIẾT

**Đề bài:**

Thực hiện việc tìm ý, lập dàn ý và viết phần Mở bài cho đề tài: Một chuyến tham quan thú vị.

**Gợi ý**

**\* Tìm ý:**

- Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?

- Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,…).

- Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,…).

- Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…).

**\* Lập dàn ý:** Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý:

- Mở bài:

+ Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

+ Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.

- Thân bài:

+ Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).

+ Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,…).

- Kết bài:

Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

**\* Viết Mở bài:**

MB1: Tục ngữ có câu “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”. Sau mỗi chuyến đi trải nghiệm, mỗi chúng ta lại đón nhận thêm được bao nhiêu điều thú vị, mới mẻ. Một trong những chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc là chuyến đi tham quan đền Hùng (Phú Thọ) cùng các bạn trong lớp. Chuyến đi giúp em và các bạn thêm biết ơn và tự hào về công lao của các vua Hùng.

MB2: Ai đã từng một lần nghe qua truyền thuyết *An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* hẳn đều có những hình dung cho riêng mình về tòa thành Cổ Loa - kinh đô của Âu Lạc trong buổi đầu dựng nước. Em may mắn khi được đến tham quan khu di tích lịch sử Cổ Loa cùng với các ban trong lớp và cô giáo chủ nhiệm trong dịp hè vừa qua.

3. NÓI VÀ NGHE

**Đề bài**: Thực hiện việc chuẩn bị cho bài nói với đề tài: *Kiêu căng và hiếu thắng – những thói xấu cần tránh.*

**Gợi ý**

\*Xác định vấn đề trình bày:  *Kiêu căng và hiếu thắng – những thói xấu cần tránh*.

\* Xác định mục đích nói: Phê phán thói kiêu căng và hiếu thắng, từ đó giúp người nghe có nhận thức đúng đắn và thái độ sống phù hợp.

\* Xác định đối tượng người nghe

\* Xác định không gian và thời gian nói

\*Tìm ý:

*+ Thế nào là thói kiêu căng? Thế nào là sự hiếu thắng?*

*+ Thói kiêu căng và sự hiếu thắng có quan hệ với nhau như thế nào?*

*+ Vì sao thói kiêu căng và sự hiếu thắng bị xem là những tính xấu? Hậu quả mà thói kiêu căng và sự hiếu thắng để lại là gì?*

*+ Làm thế nào để dẹp bỏ thói kiêu căng và sự hiếu thắng?*

\* Lập dàn ý bài nói:

a. Mở đầu: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: thói kiêu căng và hiếu thắng.

b. Triển khai:

- Giải thích:

+ Thói kiêu căng: là tự cho mình hơn người nên xem thường người khác một cách lộ liễu, khiến người ta khó chịu.

+ Sự hiếu thắng: là sự phản ứng mạnh mẽ, có phần thái quá, không kiểm soát được hành động của con người gây ra những sự tiêu cực, sai lầm đứng trước sự việc mà họ cho là sai trái và ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân.

- Mối quan hệ giữa thói kiêu căng và sự hiếu thắng:

- Tác hại của thói kiêu căng và sự hiếu thắng:

+ Khi có thói kiêu căng, con người thường cho mình hơn hết mọi người, sẽ tự đánh mất đi cơ hội học hỏi thêm những điều hay từ những người xung quanh.

+ Sự hiếu thắng khiến con người dễ nóng giận trong mọi sự tranh luận, dễ bất chấp mọi thủ đoạn để đạt được phần hơn, từ đó dễ sa vào những hành vi xấu.

+ Thói kiêu căng và hiếu thắng gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc: rạn nứt mối quan hệ, bị người khác xa lánh, né tránh, gây cho người khác sự sợ hãi,…

- Nguyên nhân của thói kiêu căng và sự hiếu thắng:

+ Thói kiêu căng và hiếu thắng xuất phát từ bản chất của con người muốn dành phần thắng về mình, muốn thể hiện bản thân mình quá đà, xuất phát từ sự háo danh.

+ Cũng có khi thói kiêu căng, sự háo thắng còn xuất phát từ nhận thức chưa đúng về bản thân, có những ảo tưởng, nhận thức sai lầm về người khác.

- Làm thế nào để dẹp bỏ thói kiêu căng và sự hiếu thắng?

Để kiềm chế tính kiêu căng và hiếu thắng mỗi chúng ta trước hết cần nhận biết đúng giá trị của bản thân mình, bên cạnh đó, những việc không khả năng của mình có thể làm được thì nên im lặng làm, khi thành quả tốt nhất định người khác sẽ tán dương bạn, không nên khoa trương...

Chú ý: Chuẩn bị một số lí lẽ, bằng chứng có thể sử dụng trong bài nói.

- Bàn luận:

+ Trong cuộc sống, ta cần biết khiêm tốn, suy nghĩ thấu đáo và biết kiềm chế bản thân.

+ Hãy học cách sống hòa đồng, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với mọi người xung quanh mình.

**c. Kết luận**

Khẳng định lại tác hại của tính kiêu căng và hiếu thắng; đồng thời liên hệ bản thân, rút ra bài học.

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS luyện đề tổng hợp tại nhà.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giao đề bài về nhà để HS tự đánh giá.

- HS làm bài đánh giá nghiêm túc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**--------------------------------------------------**

**Tiết 67,68: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*1. Năng lực:*

Nhận biết được bài kiểm tra cuối kỳ I có hai phần:

\* *Phần đọc hiểu* :

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

\* *Phần Viết*:

**-** Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.

*2. Phẩm chất*: Trung thực, trách nhiệm

- Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.

II. MA TRẬN

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| I | Đọc hiểu | Văn bản nghị luận | 2 | 1 | 1 |  | **40%** |
| II | Viết | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng |  |  |  | 1 | 60% |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***10*** | 10 | ***60*** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | **10%** | **10%** | **60%** |

III.BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được các biện pháp tu từ, nêu tác dụng  **Thông hiểu**:  - Hiểu được thông điệp văn bản muốn gửi gắm  **Vận dụng:**  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với bản thân | 2 | 1 | 1 |  |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng** | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài văn nghị luận văn học – phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được vấn đề nghị luận: Giá trị nội dung/nghệ thuật của tác phẩm văn học  - Sắp xếp đúng bố cục của bài văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  **-**Hiểu, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. Đặc biệt chú ý các yếu tố tiếng cười trào phúng trong thơ  **Vận dụng:**  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận văn học thuộc thể loại thơ trào phúng  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng ngôn từ linh hoạt, sáng tạo khi lập luận.  - Có sáng tạo riêng trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |

IV. ĐỀ KIỂM TRA

Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu sau:

“ Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực.

Vấn đề không phải là vịt hay thiên nga. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

(*Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn* - Phạm Lữ Ân)

**Câu 1.** Xác định luận đề trong văn bản trên ?

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:

***“****Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon.”*

**Câu 3**. Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản ?

**Câu 4**. Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em?

**Phần II: Viết (4 điểm).**

Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng mà em thích nhất.

V. ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | Mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó | 1,0 |
|  | **2** | -BPTT điệp cấu trúc  +Bạn có thể không …….nhưng…  +Bạn không …..nhưng…..  -Tác dụng:  +Làm cho câu văn thêm sinh động hấp dẫn.  + Nhằm nhấn mạnh dù bạn không được cái này nhưng bạn sẽ có cái khác bù đắp cho sự thiếu sót của mình. Chính vì vậy hãy trân trọng những giá trị của bản thân. | 1,0 |
|  | **3** | - Nêu đúng thông điệp mà văn bản muốn gửi:  *Mỗi con người đều có những giá trị tốt đẹp riêng, hãy biết trân trọng giá trị đó* | 1,0 |
|  | **4** | HS nêu được  Em nhận ra giá trị có sẵn tốt đẹp của em là gì?Em đã thể hiện giá trị đó như thế nào? Em cần làm gì để hoàn thiện bản thân mình hơn?  -Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như một bài học giúp em nhận biết được giá trị của bản thân so với những người khác, không vì thấy mình không giống người ta thì lại có những suy nghĩ tiêu cực, bắt chước họ để trở thành một phiên bản “Copy”. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **6,0** |
|  |  | *a*.*Đảm bảo cấu trúc bài phân tích tác phẩm VH*  **-**Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học.  - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận văn học.  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: | 0,25 |
|  |  | *c.*- Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.  - Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết về giá trị đặc sắc của TPVH. | 0,5 |
|  |  | **1. Mở bài**  Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có).  **2. Thân bài**  Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.  - Phương án 1:  · Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)  · Ý 2: Câu thơ thứ… (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)  · Ý…  - Phương án 2:  · Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán…)  · Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng…)  **3. Kết bài**  Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm. | 4,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng*tạo:  - Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |

C.HƯỚNG DẪN

HS về nhà làm lại bài kiểm tra.

**Tiết 69,70**

**VĂN BẢN 1. TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

*(Mô – li - e)*

A. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Trưởng giả học làm sang*

**b. Tổ chức thực hiện:**

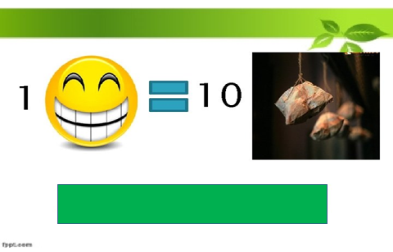
**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi lên màn hình

- GV chiếu hình ảnh cho HS chơi trò chơi Đuổi hình bắt chữ và nêu vấn đề:

+ Quan sát hình ảnh sau và cho biết hình ảnh này gợi em nghĩ đến câu thành ngữ nào?

+ Em hiểu câu thành ngữ này như thế nào?



- HS nhìn hình, đoán câu thành ngữ và chia sẻ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình khi xem hình

- HS đoán được câu thành ngữ *"một nụ cười bằng 10 thang thuốc bổ"* và chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

- GV giới thiệu bài học: “Cái cười là một trong những vũ khí công phá mạnh mẽ nhất [...], có sức huỷ diệt và thiêu đốt như một tia sét. Những thẩn tượng sụp đổ vì cái cười, vòng hoa và sơn son thếp vàng trên thần tượng cũng rơi rụng”(1). Khi cười nhạo các thói tật xã hội, cái hài đã tạo điểu kiện để khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Có rất nhiều cách thức, loại hình nghệ thuật để tạo nên tiếng cười trong cuộc sống, nếu như ở bài 4, chúng ta đã được biết đến tiếng cười trào phúng trong thơ thì trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng khám phá một trong những cách thức tạo ra tiếng cười đầy thú vị đó là qua những câu chuyện hài - bài 5.



Các em cùng quan sát lên màn hình

+ GV nhận xét và giới thiệu bài học: Đây là những nhân vật hài trong xã hội**.**

Trong xã hội thường có những kẻ học đòi khiến cho bản thân trở nên lố bịch và trơ trẽn. Bất bình trước thói học đòi của một số kẻ thích làm sang theo lối thượng lưu nhưng lại thiếu hiểu biết đã gây cười cho thiên hạ, nhà viết kịch Mô- li-e đã thể hiện điều đó qua nhân vật ông Giuốc - đanh mà chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**2.1 *Tri thức Ngữ văn***

**a. Mục tiêu**: Xác định được chủ đề bài học, thể loại văn bản. Khám phá Tri thức Ngữ văn về thể loại Hài kịch và Truyện cười.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 2 HS lên trình bày phiếu học tập số 1 (đã giao về nhà)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trình bày phiếu học tập số 1, NX, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận, nhấn mạnh những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại như xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại trong hài kịch; cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ trong truyện cười; và cần nhận ra các thủ pháp trào phúng ở mỗi thể loại.  - GV cho HS bổ sung phiếu (nếu cần) và dán vào vở. | **I. Tri thức Ngữ văn** |

**2.2: Đọc văn bản *"Trưởng giả học làm sang"***

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố cơ bản của thể loại Hài kịch như xung đột, hành động kịch, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong hài kịch. Cụ thể là nhận biết, phân tích được xung đột (mầu thuẫn, tương phản) giữa ý muốn học đòi thành quý tộc (hám danh) và sự thiếu hiểu biết, ngớ ngẩn đến mức trở thành trò cười của một nhà buôn (người thuộc tầng lớp bình dân) là ông Giuốc-đanh. Từ đó, đánh giá về tính cách lố lăng, trưởng giả học làm sang của nhân vật.

- HS nhận biết được chủ để, thông điệp cùa văn bản: làm nổi bật sự kì cục, lố lăng của một trưởng giả học đòi làm quý tộc.

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu tìm hiểu về tác giả, tác phẩm, yêu cầu:  Em hãy tìm và ghi lại 3 thông tin về tác giả Mo-li-e và hoàn thành các nội dung trong phần tác phẩm Trưởng giả học làm sang Hồi thứ hai  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV gọi 2 HS trình bày phiếu học tập số 2 (đã giao về nhà), 1 HS trình bày về tác giả, 1 HS trình bày về văn bản.    - HS trình bày, nhận xét, bổ sung  - Gv nhận xét, đánh giá và kết luận  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản và hoàn thành phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - HS tham gia phân vai đọc bài  **Bước 4: Đánh giá, nhận định** | **I.Đọc văn bản**  **1.Tác giả:**  - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin  - Quê quán: Nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp  - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác  + Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu  + Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”  + Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”  **2.Tác phẩm**  a. Xuất xứ  - Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm có 5 hồi (1670).  – Đoạn trích là toàn bộ lớp 5 kết thúc hồi 2  b. Thể loại: Kịch  c. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  d. Bố cục  - Phần 1 (Từ đầu đến ***...theo cách thức mặc cho các nhà quý phái***): Ông Giuốc-đanh và phó may  - Còn lại: Ông Giuốc-đanh và 4 chú thợ phụ. |

**2.2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Học sinh phân tích được nét tương phản trong hành động của ông Giuoc đanh và các nhân vật

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **Hoạt động 1.1 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với bác phó may khi nhân lễ phục.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp V Hồi thứ hai và trả lời các câu hỏi sau:  + Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may xoay quanh những chuyện gì? Hành động và thái độ mỗi người trong cuộc đối thoại này ra sao?  + Trong cuộc đối thoại này, lời thoại của các nhân vật theo hình thức nào?  + Theo em xung đột kịch trong cuộc đối thoại này là mâu thuân giữa cái gì và cái gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**;  - Hs trao đổi, thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân, nhân xét, bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét. đánh giá và kết luận  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6HS hoàn thiện phiếu học tập sau trong thời gian 5 phút.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhân xét, bổ sung.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thảo thực hiện nhiệm vụ  ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá***  - GV nhận xét. đánh giá và kết luận.  (GV nhấn mạnh: Phó may đã biến lỗi của mình thành chiến công, từ tư thế bị động (bị chê trách) sang thế chủ động tấn công lại bằng 2 đề nghị liên tiếp: *Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại, Xin ngài cứ việc bảo*. Hắn rất khôn khéo, ranh mãnh, vụng chèo khéo chống, lợi dụng thói học đòi làm sang, đưa ông Giuốc đanh vào bẫy; ông Giuốc đanh thì học đòi làm sang nhưng ngu dốt, bị lợi dụng, bị lừa.)  **Hoạt động 1.2 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với tên thợ bạn khi mặc lễ phục.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp V Hồi thứ hai và trả lời các câu hỏi sau:  + Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và đám thợ bạn diễn ra xung quanh việc gì?  + Địa vị của ông Giuốc-đanh được đám thợ bạn tâng bốc như thế nào? Mức độ tâng bốc? Lí do có sự tâng bốc đó?  + Thái độ của ông Giuốc-đanh trước những lời tâng bốc của đám thợ bạn?  + So sánh hình thức lời thoại của cảnh này so với cảnh trước có gì khác biệt?  **\**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs trao đổi, thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhân xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét. đánh giá và kết luận.  (GV nhấn mạnh: **Ông Giuốc-đanh**là ngưòi háo danh và ưa nịnh hót, thích học đòi làm sang, sẵn sàng làm sang bằng bất cứ giá nào để được sang trọng. **Đám thợ phụ**là người ranh mãnh, đã dùng mánh khoé để nịnh hót moi tiền của ông Giuốc-đanh. Ở cảnh này gây cười nhiều hơn cảnh trước, có sự tham gia đông nhân vật hơn, kết hợp dàn nhạc, điệu bộ cử chỉ đi lại khoe bộ lễ phục như tên hề của ông Giuốc-đanh.)  **Hoạt động 1.3 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với người hầu Ni-côn chuẩn bị đi phố để chưng diện bộ lễ phục.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp I, Lớp II Hồi thứ ba và trả lời các câu hỏi sau:  **+** Trong Lớp I, Lớp II ông Giuốc - đanh đã có hành động và thái độ như thế nào?  + Hành động cười của Ni-côn cho biết điều gì về bộ trang phục của ông Giuốc-đanh? Nếu em là Ni-côn, em có thấy bộ trang phục của ông Giuốc -đanh là đáng cười không? Vì sao?(Gợi ý: Hành động cười của nhân vật Ni-côn cho thấy trang phục của ông Giuốc- đanh rất lố lăng, bị thợ may lừa bịt một cách trắng trợn. Điều sơ đẳng nhất là lễ phục phải màu đen, hoa may xuôi, một người hầu còn nhận ra nhưng vì quá háo danh học làm sang ,mà ông Giuốc đanh bị lừa gạt, trở thành trò cười cho chính người hầu của mình)  + Ngôn ngữ, lời thoại của các nhân vật trong cảnh này có gì dặc biệt?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs trao đổi, thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời cá nhân, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét và kết luận.  - GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập sau:    - HS thảo luận nhóm, đại diện cặp đôi trình bày, nhân xét, bổ sung.  - GV nhận xét. đánh giá và kết luận.  **Hoạt động 2. Tìm hiểu về ý nghĩa của văn bản**  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6HS hoàn thiện phiếu học tập sau:    - HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhân xét, bổ sung.  - GV nhận xét. đánh giá và kết luận.  **Nhiệm vụ 4: Tổng kết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện bài viết  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhậ định**  - GV nhận xét, đánh giá | **III. Khám phá chi tiết văn bản**  **1. Nhân vật ông Giuốc - đanh**  **a. Ông Giuốc - đanh và bác Phó may khi nhận lễ phục**  - Hành động, thái độ:  + Khi nhận các đồ vật đặt từ phó may: lúc đầu, ông Giuốc - đanh tỉnh táo nhận ra và than phiền về đôi tất lụa bị chật quá, đôi giày cũng chật gây đau chân nhưng bác phó may đã lảng sang khen bộ lễ phục để đánh lạc hướng ông Giuốc- đanh.  + Khi nhận bộ lễ phục, ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược nhưng phó may đã rất khôn khéo vụng chèo khéo chống khẳng định với ông là quý tộc đều mặc như thế và còn đề nghị là sẽ may lại hoa xuôi để lừa ông Giuốc - đanh khiến ông thuận ý và tin ngay.  **b. Ông Giuốc - đanh và thợ bạn khi mặc lễ phục**  - Hành động, thái độ:  + Những tên thợ bạn xúm lại mặc lễ phục cho ông Giuốc - đanh; ông đi đi lại lại phô cái áo mới, đều bước theo điệu nhạc như chú hề.  + Tên thợ bạn: gọi ông là “ông lớn”, “cụ lớn” rồi “đức ông” để moi tiền (tăng cấp).  + Thái độ của ông Giuốc-đanh: sung sướng, hãnh diện, vô cùng thích thú tưởng rằng cứ mặc lễ phục vào là nghiễm nhiên trở thành quý phái, thích thú và liên tục thưởng tiền cho đám thợ phụ.  - Lời thoại: lời kể chuyện của tác giả, lời thoại trực tiếp của nhân vật và lời độc thoại của ông Giuốc - đanh *(nói riêng).*  - Xung đột kịch: mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và bên trong, giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn và cái thói học đòi sang trọng ở nhân vật ông Giuốc-đanh, mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu: thói học đời, háo danh sang trọng của lão Giuốc - đanh với những lời nịnh nọt thực dụng của tên thợ phụ.  *-* Thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch tính, nghệ thuật tăng cấp kết hợp dùng điệu bộ gây cười, mỉa mai, châm biếm.  ⇒ Nhân vật ông Giuốc- đanh mê muội, ngu dốt, ngờ nghệch, chỉ vì thói đòi học làm sang nên đã bị lợi dụng.  **c. Ông Giuốc - đanh, Ni-côn và những tên hầu (chuẩn bị đi phố để chưng diện bộ lễ phục)**  **- Hành động:**  **+ Ông Giuốc- đanh sai 2 tên hầu đi bám gót để khoe với thiên hạ bộ lễ phục và sự sang trọng của mình, gọi người hầu Ni-côn lên để sai bảo -> thể hiện cung cách của nhà quý tộc.**  **+ Người hầu Ni- côn: liên tục cười không nhịn được khi nhìn thấy bộ dạng của ông Giuốc-đanh trong bộ lễ phục may hoa ngược.**  **+ Thái độ của ông Giuốc-đanh: tỏ ra oai phong với những tên hầu, khó chịu, tức giận, bực mình với thái độ giễu cợt, cười của Ni-côn.**  - Lời thoại: lời đối thoại trực tiếp giữa hai nhân vật, mang tính chất khẩu ngữ, ngôn ngữ thông dụng, bình dần, hô ngữ, câu hỏi, câu trả lời, thoại bỏ lửng,...  .  - Xung đột kịch: sự mâu thuẫn giữa điệu bộ gây cười, sự dốt nát của ông Giuốc -đanh với thái độ thật thà, không dấu được cảm xúc của người hầu Ni-côn.  - Thủ pháp trào phúng: dùng tiếng cười, lời thoại chân thật của người hầu kết hợp dùng điệu bộ gây cười, mỉa mai, châm biếm.  \* Nhận xét về tính cách của nhân vật ông Giuốc-đanh: chỉ vì quá ham muốn học làm sang nên ông Giuốc - đanh mất khôn, ngờ nghệch, bị lừa gạt trở nên mê muội, ngu dốt, lố bịch, bị lợi dụng, trở nên nực cười.  **2. Ý nghĩa của văn bản**  – Tạo tiếng cười sảng khoái cho mọi người, góp phần tẩy rửa, đả phá cái xấu.  - Phê phán thói học đòi làm sang của những người giàu có nhưng ít hiểu biết, ham danh vọng hão huyền, trở thành kẻ lố bịch, gây cười vẫn thường thấy trong xã hội.  - Thông điệp đến mọi người: hãy tránh những việc làm lố bịch, kệch cỡm; hướng đến cách ứng xử phù hợp, sự thống nhất giữa cái bên trong và bên ngoài.  **III/ Tổng kết**  1.**Nghệ thuật**  - Khắc họa tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói, hành động  - Dựng lên lớp mâu thuẫn hài kịch sinh động, hấp dẫn  **2. Nội dung**  Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả. |

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:**

- HS tổng hợp những kiến thức trong văn bản để phân tích, lí giải được thói học làm sang của nhân vật ông Giuốc-đanh.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lớn trong 5 phút trả lời câu hỏi sau:  + Có ý kiến cho rằng ông Giuốc -đanh lại là nhân vật hài kịch bất hủ? Em có đồng ý không, vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện bài viết  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời, các nhóm cùng nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. | **IV. Luyện tập**  Tác giả Mô-li-e đã xây dựng lên một nhân vật hài kịch bất hủ:  Tính cách gây cười:  + Ngu dốt không biết gì về lễ phục nhưng lại thích học đòi làm sang.  + Ngớ ngẩn vì bị lợi dụng mà vẫn không làm gì để đòi lại.  + Thích danh hão. |

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

- HS tổng hợp những kiến thức trong văn bản để liên hệ, vận dụng được thói học làm sang trong cuộc sống hằng ngày.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu vấn đề và tổ chức cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:

+ Trong thực tế cuộc sống hiện nay, em đã từng gặp những kiểu ăn mặc học đòi chưa? Nêu biểu hiện?

+ Nếu thấy người thân của mình học đòi làm sang, háo danh thì em sẽ làm gì?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện bài viết

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- HS chia sẻ quan điểm, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, định hướng, liên hệ về hiện tượng 1 số HS ăn mặc đua đòi, lố lăng theo các thần tượng không đúng đắn.

**\* Bài làm tham khảo:**

Chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên là đoạn có kịch tính cao. Bác phó may đang ở thế bị động (bị Giuốc- đanh phát hiện là may ngược hoa), đột ngột chuyển sang thế chủ động, tấn công đối phương bằng hai đề nghị liên tiếp: Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà và Xin ngài cứ việc bảo. Thế là Giuốc-đanh sợ, cứ lùi mãi. Lão ta sợ là phải vì nếu bác phó nổi cơn tự ái may hoa lại cho đúng hướng thì còn gì là quý tộc nữa? Cho nên lão vội hỏi bác phó may rằng liệu bộ lễ phục lão mặc có vừa vặn không. Điều đáng buồn cười thứ nhất là lễ phục của giai cấp quý tộc châu Âu trước kia thường được may bằng loại vải tốt, đắt tiền, màu đen. Còn bác phó lại may lễ phục cho Giuốc-đanh bằng vải hoa, thứ vải chỉ để dùng may váy áo cho phụ nữ hoặc trẻ con. Điều đáng buồn cười thứ hai là vải hoa thì đương nhiên phải may bông hoa hướng lên trên, nhưng bác phó chẳng biết là do vụng hay do cố tình biến Giuốc-đanh thành trò cười cho thiên hạ nên đã may hoa chúc xuống phía dưới. Giuốc-đanh phát hiện ra điều đó nhưng chỉ cần bác phó may bịa ra chuyện những người quý phải đều mặc như thế này cả là lão chấp nhận ngay. Sau đó, Giuốc-đanh tiếp tục phát hiện ra bác phó may ăn bớt vải của mình khi may bộ lễ phục trước nên lấy lại thế chủ động và trách bác ta. Bác phó may chống đỡ khéo léo: Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc và gỡ  thế bí bằng cách hỏi Giuốc-đanh có muốn mặc thử bộ lễ phục mới không. Bác phó may tinh quái láu lỉnh đã đánh trúng tâm lí Giuốc-đanh đang nôn nóng muốn thành “quý tộc”để phớt lờ chuyện ăn bớt vải của mình.

**--------------------------------------------------------------**

**Tiết: 71**

**NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)**

**A. Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Học sinh kết nối kiến thức từ cuộc sống vào bài học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Các em ạ! Từ xa xưa, cha ông ta luôn đề cao vai trò của lời ăn tiếng nói trong đời sống hàng ngày.

Em có thể chia sẻ một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về chủ đề trên mà em biết?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS hoạt động cá nhân tiếp nhận nhiệm vụ và suy nghĩ trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** HS đọc câu tục ngữ, ca dao về cách nói năng mình biết

**Bước 4:** **Đánh giá nhận xét**

GV nhận xét câu trả lời HS và dẫn chuyển vào bài học : Nói và nghe :***...*(GV chiếu + Ghi bảng)**

*- Lời nói chẳng mất tiền mua*

*Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

*- Lời nói, gói vàng*

*- Học ăn, học nói, học gói, học mở*

....................................

**B. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh hệ thống lại cách thức, các yêu cầu cần thiết của giờ luyện kĩ năng nói và nghe.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Trước khi nói**  **Nhiệm vụ 1: Xác định yêu cầu của đề bài**  (HĐ cá nhân)  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1**  **GV:** Ở tiết thực hành viết, các em đã viết bài.  ? Em đã viết bài đề cập đến thói xấu nào của con người trong xã hội hiện đại?  ? Với đề bài: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (cụ thể là: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) trước khi nói, em cần chuẩn bị những gì?  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**:  HS hoạt động cá nhân:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS - Giới thiệu trải nghiệm đáng nhớ đã viết  - Nêu các hoạt động đã làm: xác định rõ mục đích, nội dung nói, lập dàn ý cho bài nói  **Bước 4**: **GV đánh giá nhận xét**  **Nhiệm vụ 2: Kiểm tra sự chuẩn bị bài nói của bạn- tập nói trong nhóm**  (HĐ cặp đôi)  **Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ: Trong thời gian 3 phút, các em làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ học tập sau vào phiếu học tập.  **GV: Chiếu** **yêu cầu**  ***Nhiệm vụ 1****: Kiểm tra chéo phần chuẩn bị nội dung bài nói.*  ***Nhiệm vụ 2****: Luyện nói cho bạn nghe 1đoạn, nhận xét, bổ sung (nếu cần).*  **Bước 2**: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả: nhận xét về sự chuẩn bị bài nói của bạn cùng cặp  - Luyện nói của bạn.  **? Để bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội hấp dẫn, thuyết phục người nghe, khi trình bày các em cần chú ý những gì?**  **Dự kiến:** chọn vấn đề đúng, nổi cộm, hấp dẫn; lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, hợp lí; giọng nói truyền cảm; phong thái tự tin.  **Bước 4**: Đánh giá nhận xét  GV đánh giá, nhận xét sự chuẩn bị cho bài nói của HS  **GV:** Để dễ dàng hơn cho việc đánh giá hoạt động nói của bạn, trong tiết học nói và nghe ở bài 1, các em đã xây dựng phiếu đánh giá tiêu chí như sau:  **(GV chiếu + phát phiếu đánh giá cho HS).**  Yêu cầu HS : khi các bạn trình bày bài nói, các em hãy quan sát, lắng nghe, dựa vào các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, cho điểm nói của bạn.  Cuối giờ cô sẽ thu phiếu đánh giá tiêu chí của các em  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Nói và nghe**  3- 4HS trình bày bài nói trước lớp.Các HS khác lắng nghe quan sát nhận xét vào phiếu đánh giá  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS 1:** Trình bày bài nói  **HS 2**: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS1  **HS 3**: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS1  **HS 1**: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích làm rõ hơn.../  **HS 4**: Trình bày bài nói  **HS 5**: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS4  **HS 6**: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS4  **HS 4**: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích.../  .........  **Bước 4: GV nhận xét, đánh giá**  **- *Ý thức thái độ*** tham gia hoạt động nói và nghe của HS  - ***Nội dung*** các bài nói của HS: đã đúng chủ đề, đã chọn một thói xấu của con người, đã rút ra bài học, đã đảm bảo các ý cần có?  **- *Ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ*** nói như thế nào?  - ***Góp ý*** để bài nói hấp dẫn hơn, sâu sắc hơn, em cần phát huy... cải thiện....?  ***Tuyên dương khen ngợi***: HS nói tốt, HS nghe đánh giá bài nói của bạn khách quan, sát tiêu chí đánh giá. | **1. Trước khi nói**  ***\* Chuẩn bị nội dung nói:***  - Xác định:  + Thể loại: nghị luận  + Nội dung: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại  - Dàn ý bài nói:  + lời chào  + giới thiệu vấn đề  + Trình bày lí lẽ và dẫn chứng  + Bài học rút ra  + Lời cảm ơn  ***\* Tập luyện***.  **2. Trình bày bài nói**  - Người nói:  Đảm bảo nội dung nói, giọng nói, phong thái,..  - Người nghe: quan sát, lắng nghe,...  **3. Sau khi nói:** nhận xét, trao đổi |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ | | | |
| TIÊU CHÍ | MỨC ĐỘ | | |
| Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
| *1. Chọn được vấn đề đích đáng để trình bày.* | Chưa nêu được vấn đề theo yêu cầu. | Có nêu được vấn đề nhưng chưa trọng tâm. | Vấn đề tiêu biểu, nổi cộm. |
| *2. Bài nói làm sáng tỏ được nhiều khía cạnh của vấn đề, đảm bảo mạch lạc, lí lẽ và dẫn chứng xác đáng.* | Nội dung sơ sài, các lí lẽ và dẫn chứng còn ít, không tiêu biểu. | Có đủ các lí lẽ và dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu, sắc bén. | Sáng tỏ nhiều khía cạnh, lí lẽ và dẫn chứng hợp lí. |
| *3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.* | Nói nhỏ, khó nghe, nói lắp, ngập ngừng.. | Nói to, nhưng chưa lưu loát. | Nói to, truyền cảm, lưu loát. |
| *4. Phong thái tự tin, sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt...)* | - Thiếu tự tin.  - Chưa dám nhìn vào người nghe  - Nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | - Tự tin.  - Nhìn vào người nghe.  - Biểu cảm đôi khi chưa phù hợp với nội dung câu chuyện. | - Rất tự tin.  - Ánh mắt giao lưu, nhìn vào người nghe.  - Biểu cảm phù hợp với diễn biến câu chuyện. |
| *5. Mở đầu và kết thúc hợp lý.* | Không có chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |
| TỔNG ĐIỂM: *.......................*/ 10 ĐIỂM | | | |

**C.Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói hư, tật xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trình bày bài nói của mình trước lớp

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời HS trình bày bài làm của mình.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D.** **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: Rút ra được một số bài học cho bản thân, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV giao nhiệm vụ:**

**?** Qua việc lắng nghe các trải nghiệm của bạn, em rút ra cho mình bài học gì bổ ích?

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại các bài nói của bạn, suy nghĩ ghi lại bài học bổ ích cho bản thân

-Bài học về cách ứng xử

- Bài học về cách nói năng

**Bước 3. Báo cáo kết quả**

HS trình bày các bài học rút ra từ câu chuyện của bạn

**Bước 4. Đánh giá:**

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HS

GV chốt nội dung bài học: HĐ nói và nghe là HĐ thường ngày rất quan trọng của con người. Tuy nhiên để nói và nghe tốt không phải là điều dễ dàng có được. Về nhà các em tiếp tục luyện nói và nghe trước người thân, bạn bè để nâng cao kĩ năng nói của mình hơn nữa.

- GV có thể cho HS tham khảo đoạn video của 1 HS Ninh Bình giới thiệu về chùa Bái Đính để HS tham khảo, học tập kĩ năng thuyết trình.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài học sau.

------------------------------------------------------------------------------

**Tiết 72:TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

*1. Về kiến thức*

- Kiến thức chung: Thông qua tiết trả bài, giúp học sinh nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của mình trong khâu phân tích đề, phương pháp làm bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết yêu cầu đề ra.

*-*  Qua giờ trả bài giáo viên giúp học sinh củng cố các kĩ năng làm bài, nhất là biết vận dụng các kiến thức tích hợp về văn, tiếng Việt và tập làm văn để làm bài kiểm tra tổng hợp.

- Kĩ năng bài học: Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp, sửa sai.

- Kĩ năng sống: Nhận thức, giải quyết vấn đề, ra quyết định.

*2. Về phẩm chất:* HS có ý thức nghiêm túc nhận lỗi và sửa lỗi trong bài viết.

B. CHUẨN BỊ

1.GV: soạn bài, chấm bài.

2.HS**:** vở ghi.

C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh.** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| **HĐ 1: Khởi động. (5’)**  **B 1**. GV nêu yêu cầu HS nhắc lại những đơn vị kiến thức đã sử dụng trong bài kiểm tra .  **B 2.3.** HS trao đổi đưa ra câu trả lời, bổ sung cho nhau.  **B 4.** GV gợi đẫn vào bài.  Trong bài kiểm tra giữa học kì I này, các em đã có những tiến bộ đáng kể về kiến thức. Hôm nay chúng ta sẽ cùng đánh giá kết quả đó và chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của từng bài viết để các em rút kinh nghiệm cho bài làm sau đạt kết quả tốt hơn nữa. |  |
| **HĐ 2,3: Nhận xét, chữa bài.**  - **GV nhận xét** ưu, nhược điểm bài làm của học sinh. GV đưa dẫn chứng cụ thể các bài làm còn mắc lỗi để HS nhận biết.  - **Chữa bài**  **B1. GV:** Nêu các câu hỏi và bài tập trong đề kiểm tra.  - Giao câu hỏi cho các nhóm  **B 2.** Các nhóm bàn luận trả lời câu hỏi.  **B 3**. HS trình bày kết quả hoạt động nhóm.  **B 4**. *GV chốt giảng, nâng cao.*  *GV đưa đáp án*  **GV trả bài** cho HS  - Học sinh đọc lại bài viết, đối chiếu với đáp án và sửa chữa, rút kinh nghiệm về bài làm của mình, trao đổi bài với nhau.  - GV gọi HS đọc bài làm tốt cho cả lớp nghe và tham khảo. | **I. Nhận xét chung**  - Ưu điểm:  + Đọc – hiểu văn bản:  + Tạo lập văn bản:  - Nhược điểm  + Hình thức: Trình bày, chữ viết.  + Nội dung: lỗi về diễn đạt, nội dung, bố cục ài viết, kiểu bài.  **II. Chữa bài theo đáp án**  **Đề, đáp án ở tiết 67,68**  **Đề đáp án của PGD**  I. Đọc – hiểu văn bản  II. Tạo lập văn bản  **III. Trả bài** |

**Hoạt động 4. Vận dụng. (3’)**

Về nhà làm lại bài kiểm tra

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**